

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Dần (I)

Tiểu sử

Tên thật là Trần Văn Dần, sinh ngày 23.8.1926 tại Nam Định.

Tác phẩm

Ngoài một số tác phẩm xuất bản trước 1956 (*Người người lớp lớp*, tiểu thuyết; "Tiếng trống tương lai", thơ, "Nhất định thắng", thơ) và tác phẩm in sau này (*Công tình*, tiểu thuyết thơ, 1995 và *Mùa sạch*, tập thơ, 1998), phần lớn di sản văn học của ông chưa được chính thức xuất bản.



Chân dung nhà thơ Trần Dần với vết sẹo trên cổ,
Nguyễn Sáng vẽ năm 1956 và đăng trên Nhân Văn số 1.
(tư liệu G. Boudarel)

Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2
Nhất định thắng – 15
“Cái chuông” hay “ái uông”...- Thanh Nam – 22
Công tình – 26
Xổ bụi – Nam Dao – 28
Sổ bụi 1981 – 41
Cha tôi, nhà thơ Trần Dần - Trần Trọng Vũ - 42
Chú bé làm văn - 49
Đề hình dung Trần Dần (1926 - 1997) – Phạm Xuân Nguyên - 52

Phụ đính I :

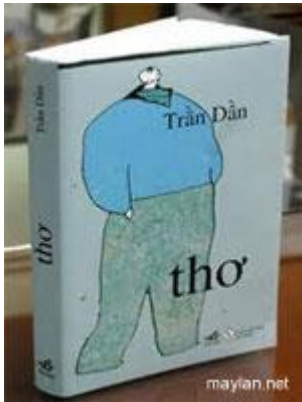
Trần Dần, từ những trang nhật ký – Trần Dần và Tô Hữu
Trần Dần, mỹ học khổ đau - Trần Dần, đôi nét - Con người Trần Dần
Thủ lĩnh trong bóng tối - Trần Dần, nhà cách tân thơ Việt
Hai lá thư quanh vụ “Trần Dần – Thơ” – Trần Dần và Tô Hữu

Phụ đính II :

Nhà ta ở phố Sinh Từ - Ngô Không Phí Ngọc Hùng - 113

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Về việc Trần Dần cửa cổ, cho đến nay, chỉ có Hoàng Cầm kể lại ít nhiều chi tiết trong buổi nói chuyện trên đài RFI. Đặc biệt trong hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh, đoạn ghi lời kể của Hoàng Cầm về việc này có nhiều chi tiết rõ ràng với chuyện Tố Hữu ra lệnh bắt Trần Dần:

Hỏi Hoàng Cầm cho in tập Giai phẩm mùa xuân, có đăng bài của Trần Dần, Tử Phác. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp: Hoàng Cầm, Văn Phác, Chế Lan Viên ...

Tố Hữu cầm cuốn Giai phẩm mùa xuân, hỏi mọi người:

"Các anh thấy tập sách này thế nào?"

Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế Lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Anh nói: "Cuốn sách đại phản động!"

Tố Hữu hỏi Văn Phác:

"Hiện nay chúng nó đang ở đâu?"

Văn Phác: "Thưa, các anh ấy đang đi thực tế ở Yên viên".

Tố Hữu ra lệnh - Hoàng Cầm nhớ đúng sáu tiếng:

"Gọi nó về, bắt lấy nó!"

Thế là Văn Phác làm giấy tờ để bắt Trần Dần, Tử Phác.

Và đây là lời kể của Trần Dần, Hoàng Cầm thuật lại:

Chiều hôm ấy, có một cái xe ô tô nhà binh đến Yên viên. Họ gọi Trần Dần, Tử Phác ra và lập tức bịt mắt. Trần Dần kịp thấy trên xe có lính mang súng, lưỡi lê tuốt trần.

Hoàng Cầm nói, Trần Dần là tay thần kinh rất vững. Anh ta bình tĩnh lắng nghe để đoán xem xe đi đâu. Qua một cái cầu dài. Thế là vào Hà nội. Nhưng xe lại chạy tiếp khá lâu. Thế là đi quá Hà nội. Đến một chỗ nào đấy, xe đỗ lại. Người ta dắt Trần Dần, Tử Phác, đi xuống một địa điểm ở sâu dưới đất - vì cứ thấy xuống nhiều bậc, mãi xuống. Đến một độ sâu nào đấy, họ dừng lại và đẩy Trần Dần vào một căn hầm, đóng cửa lại. Trần Dần nghĩ bụng, chắc bị thủ tiêu. Thủ tiêu ở đây thì ai biết được? Coi như mất tích. Anh nghĩ phải tìm cách lên được mặt đất.

Sáng ra, thấy đây là một cái hầm đào sâu dưới đất. Ánh sáng rất nhiều xuống từ nóc hầm qua một ô cửa có chấn song, ở trên có thoáng thấy bóng một anh lính gác.

Trần Dần thấy trong hầm có một cái phản gỗ và một bình nước. Anh kéo cái phản ra chỗ ánh sáng từ trên nóc hầm rọi xuống, cởi áo ngoài, để phơi áo sơ mi trắng bên trong ra, lấy một cái mince lame trong túi, phản nằm ngửa lên, dùng lưỡi dao vào cổ của cho máu phun ra ngực áo, rồi giầy đập tôi, cốt cho anh lính gác nghe thấy. Anh lính gác nhìn xuống thấy thế hoảng quá:

Nó tự tử, phải đưa cấp cứu ngay! Một lát sau, mở cửa hầm, người ta đưa Trần Dân đi cấp cứu ở một bệnh viện gần đó. Té ra là bệnh viện Hà Đông. Ở đây, Trần Dân có thể vớ được một người quen bên viết mẫu giấy nhờ đưa đến Tổng cục chính trị nơi anh công tác. Nguyễn Chí Thanh lập tức đến bệnh viện và lệnh tha ngay cả Trần Dân và Tử Phác. Hoàng Cầm rất phục Trần Dân. Thành cha thần kinh rất vững. Hoàng Cầm cũng từng bị bắt giam. (Ông nghe Hoàng Hưng, định đưa tập thơ Về Kinh Bắc sang Pháp tại). Ông nói: "Tôi nhát lắm, mọi tội tôi xin nhận hết" (Hết hạn tù, người ta cho ra, còn xin ở lại viết kiểm thảo Tô Hoài cho tôi biết thế.). Sợ nhất là trong tù cứ thấy tiếng phát ra đều đều biết không từ đâu: Khai thật đi! Khai thật đi! Khai thật rồi về với vợ con! Chuyện nghe khá sợ. Một hình thức khủng bố tâm lý về. Chẳng biết Hoàng Cầm có thêm thắt gì vào sự thật không. Nhưng quả là đáng sợ. Hoàng Cầm cũng thêm hay tưởng tượng theo dẹt ra nữa " (trích Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh).

Trần Dân: Cuộc đời, tác phẩm, thời đại

1926

- Trần Dân sinh ngày 23/8 (tức 16/7 năm Bính Dần) trong một gia đình khá giả tại phố Năng Tĩnh, thành phố Nam Định.
- Học tiểu học, cao đẳng tiểu học và đậu bằng Thành Chung tại Nam Định.
- Học trung học tại Hà Nội, đậu Tú Tài Pháp. Bắt đầu làm thơ. Yêu thích thơ Baudelaire, Verlaine và phái Tượng Trưng.

1939

- *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, *Tinh huyết* của Bích Khê xuất bản. Tản Đà qua đời.

1940

- *Thơ say* của Vũ Hoàng Chương, *Lửa thiêng* của Huy Cận. Hàn Mặc Tử qua đời.

1941

- *Nhật thực* của Arthur Koestler xuất bản.

1942

- *Thi nhân Việt Nam 1932-1941* của Hoài Thanh và Hoài Chân xuất bản.
- Mao Trạch Đông nói chuyện tại hội nghị Diên An với các nhà văn Trung Quốc về đường lối văn nghệ phục vụ chính trị. Đinh Linh bị kiểm điểm vì bài viết nhân Ngày Phụ Nữ 8/3/1942.

1943

- Trần Dân bắt đầu quan hệ với nhóm văn nghệ cánh tả xung quanh nhà xuất bản *Hàn Thuyên*: Trương Tửu (tức Nguyễn Bách Khoa), Lương Đức Thiệp...

- Viết *Chiều mưa trước cửa* (thơ).

Trường Chinh công bố bản *Đề cương văn hoá Việt Nam*.

1944

- Tháng 9, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc (Quảng Tây), trở về Việt Nam (Cao Bằng).

- Tô Hoài, Nam Cao v.v...gia nhập Hội Văn Hoá Cứu Quốc do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

- Trần Dần viết *Hồn xanh dị kỳ* (thơ).

1945

- Chiến tranh thế giới II kết thúc.

- Ngày 19/8, khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội.

- Ngày 2/9, Cách Mạng Tháng Tám thành công, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập, khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

1946

- Ngày 18/4, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), bộ trưởng bộ ngoại giao Chính Phủ Liên Hiệp dẫn đầu phái đoàn Việt Nam đến Hội Nghị Đà Lạt. Cùng tham dự có Huy Cận với tư cách «chuyên viên canh nông».

- Tháng 8, BCH TƯ ĐCS Liên Xô ra nghị quyết phê phán Soshtshenko, Achmatova, Eisenstein, Pudovkin, Shostakovitsh, Prokofiev...

- *Trại thú* của G. Orwell xuất bản.

- *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuân xuất bản.

- Trần Dần lập nhóm thi sĩ tượng trưng cùng Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch, Vũ Hoàng Chương... Viết *Về nẻo thanh tuyến* (thơ, in lại trong tập *Thơ Mới 1932-1945*, NXB Hội Nhà Văn, 1999).

- Tạp chí *Dạ Đài* ra số 1 ngày 16/11/1946, đăng bản tuyên ngôn của phái *Tượng Trưng* do Trần Dần viết. Số 2 chưa kịp ra mắt thì kháng chiến bùng nổ.

- Ngày 19/12, Hà Nội mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Ngày 20/12, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

- 1947 Xuân Diệu, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan v.v... gia nhập Đảng CSĐD.

- Khai Hưng mất tích. Nguyễn Tường Tam sang Trung Hoa.
- Trần Dần về Nam Định tham gia kháng chiến, đảm nhận công tác tuyên truyền. Nam Định thất thủ.
- John Steinbeck sang thăm Liên Xô.

1948

- Trần Dần gia nhập Vệ Quốc Đoàn, lúc đầu tham gia chiến đấu ở Thượng Lào và biên giới Tây Bắc, sau làm công tác tuyên truyền, dịch vận cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch.
- Trường Chinh đọc bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* ở Hội Nghị Văn Hoá toàn quốc lần thứ 2 tại Việt Bắc.
- Đại Hội Văn Nghệ lần thứ nhất tại Việt Bắc.
- Tito ly khai với Stalin.
- *Những bàn tay bẩn thỉu* của J-P.Sartre xuất bản.
- Đại Hội văn hóa vô sản thế giới tại Breslau với sự tham dự của A. Nexö, I. Ehrenburg, M. Frisch, F. Léger, P. Picasso..., tổng thư ký hội nhà văn Liên Xô A. Fadejev công kích trí thức phương Tây (Sartre).

1949

- Trần Dần được phân công phụ trách văn công ở trung đoàn Sơn La và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (Ngày 3/3/1951 đổi thành Đảng Lao động Việt Nam).
- Vẽ và viết cho các báo *Sông Đà*, *Giải Phóng*...
- Tháng 9, Tố Hữu đọc tham luận *Xây dựng nền văn nghệ nhân dân*, Nguyễn Đình Thi đọc tham luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa tại hội nghị tranh luận văn nghệ tại Việt Bắc.
- Ngày 1/10, nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa ra đời.
- Trong bức thư nổi tiếng gửi Fadejev, nhà văn Mỹ U. Sinclair viết: „Ở Liên Xô, ai dám phê phán những khuyết điểm của chế độ hiện hành, giống như tôi đã công kích những mặt bất cập tại chính đất nước tôi, là lập tức bị xử bắn như hàng ngàn người khác.“
- *1984* của G. Orwell xuất bản.

1950

- Trần Dần tham gia sáng lập nhóm *Văn Nghệ Quân Đội* đầu tiên: nhóm *Sông Đà*, với Trần Thư, Hoài Niệm... Tranh vẽ bộ đội theo lối lập thể và thơ bậc thang của Trần Dần bị chê là khó hiểu. Do bất đồng ngày càng rõ ràng với các cán bộ chính trị ở trung đoàn, ông xin chuyển công tác về Phòng Văn Nghệ Quân Đội thuộc Tổng Cục Chính Trị.

- Thành lập chính phủ Bảo Đại.
- Trung Quốc thôn tính Tây Tạng, tiến hành chỉnh phong và cải cách ruộng đất.

1951-1953

- Trần Dần tham dự các khoá *tuyên huấn* toàn quân và *chỉnh huấn* chính trị. Về nhận công tác mới tại cục Quân Huấn và Ủy Ban Trung Ương Hội Văn Nghệ Quân Đội, phụ trách các lớp đào tạo và tập huấn chính trị cho văn công trong quân đội.

1951

- Nam Cao chết trên đường công tác.

1952

- Đinh Linh đoạt giải thưởng Stalin loại nhì với tác phẩm *Mặt trời chiếu trên sông Tang Cà*.
- Stalin ra lệnh xử bắn 26 văn nghệ sĩ Do Thái.

1953

- Luật cải cách ruộng đất được ban hành.
- Stalin qua đời.
- Ngày 17/6, nổi dậy tại CHDC Đức, B. Brecht và J.R. Becher phê phán chính sách văn nghệ chuyên chính của Đảng và nhà nước.
- Trần Dần bị phê bình là giảng sai chính sách văn nghệ của Đảng trong các khoá đào tạo cán bộ văn công do ông phụ trách.

1954

- Ngày 13/3, chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu.
- Trần Dần tình nguyện tham gia chiến dịch cùng với nhạc sĩ Đỗ Nhuận và họa sĩ Tô Ngọc Vân, thủ trưởng đơn vị là tướng Trần Độ.
- Cái chết của Tô Ngọc Vân trong chiến dịch tác động mạnh mẽ đến Trần Dần. Ông viết một hồi tiểu thuyết *Người người lớp lớp*, cuốn tiểu thuyết duy nhất của văn học Việt Nam thời kỳ đó về Điện Biên Phủ (xuất bản cùng năm, NXB Quân Đội Nhân Dân).
- Ngày 7/5, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.
- Cải cách ruộng đất đợt I.
- Ngày 20/7, Hiệp Định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết tại hội nghị Genève.
- Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ Việt Nam Cộng Hoà tại Sài Gòn.

- Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bằng Bá Lân,... di cư vào miền Nam. Trong 700000 người miền Bắc di cư có các nhà văn miền Nam sau này: Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Duyên Anh, Doãn Quốc Sỹ, Dương Nghiễm Mậu, ...
- Tháng 7, Hồ Phong công bố bức thư ngỏ gửi BCH TƯ ĐCS Trung Quốc phê phán "năm lưỡi dao" đâm vào óc các nhà văn cách mạng.
- J-P. Sartre và S. de Beauvoir sang thăm Liên Xô.
- Ngày 10/10, chính phủ kháng chiến tiếp quản Hà Nội.
- Gia đình bà Bùi Thị Ngọc Khuê (vợ Trần Dần) di cư vào miền Nam.
- Trần Dần được cử sang Trung Quốc viết truyện phim Điện Biên Phủ, cùng đi có Đỗ Nhuận. Ngày 10/10 khởi hành. Ngày 14/10 đến Nam Ninh. Sau đó đi Bắc Kinh.
- Viết *Anh đã thấy* (thơ), *Tiếng trống tương lai* (thơ, đã trích đăng trong *Văn Nghệ Quân Đội* số... 1954).
- Ngày 12/12, Trần Dần trở về Hà Nội.

1955

- Tháng 1, Hồ Phong công khai tự phê bình. Tháng 5/1955, Hồ Phong bị bắt và bị kết án lao cải.
- Sartre và Beauvoir sang thăm Trung Quốc.
- 63 nhà văn Hung-ga-ri lên tiếng phản đối chế độ độc quyền.
- Tháng 3, Trần Dần tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.
- Tháng 4, Trần Dần cùng Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Tử Phác đề trình *Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ, thủ tiêu hệ thống chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, sửa đổi chính sách văn nghệ trong quân đội.*
- Trần Dần viết đơn giải ngũ và đơn xin ra khỏi Đảng, đồng thời quyết định kết hôn với bà Bùi Thị Ngọc Khuê bất chấp sự phản đối của các cấp lãnh đạo.
- Từ 13/6 đến 14/9, Trần Dần bị giam theo quân kỷ để kiểm thảo.
- Viết *Cách mạng tháng Tám* (thơ), *Nhất định thắng* (thơ).
- Từ 2/11 đến giữa tháng 2/1956, đi tham quan cải cách ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh.

1956

- Cuối tháng 1, trong lúc Trần Dần ở Bắc Ninh, Hoàng Cầm cho đăng bài thơ *Nhất định thắng* trong *Giai Phẩm Mùa Xuân*. Tờ tạp chí bị tịch thu.

- Giữa tháng 2, Trần Dần trở về Hà Nội. Hội Văn Nghệ tổ chức hội nghị phê bình bài thơ *Nhất định thắng* với 150 văn nghệ sĩ tham dự. Trần Dần bị kết án là đồ đệ của Hồ Phong, mất lập trường giai cấp và đi ngược lại đường lối của Đảng và bị giam 3 tháng tại Hoả Lò, Hà Nội.
- Ngày 24/2, Đại Hội 20 ĐCS Liên Xô chống Stalin. Fadejev tự tử. Phục hồi danh dự cho các văn nghệ sĩ bị giết và kết án dưới thời Stalin.
- Ngày 7/3, báo *Văn Nghệ* số 110 đăng bài *Vạch trần tính chất phản động trong bài thơ „Nhất định thắng“ của Trần Dần* của Hoài Thanh.
- Trần Dần dùng dao cạo cửa cổ định tự tử trong tù.
- Trần Thị Băng Kha, con gái đầu lòng của Trần Dần ra đời.
- Tháng 4, dư luận Hà Nội bất bình về việc trao giải thưởng văn nghệ 1954-1955. Ngày 26/5, Mao Trạch Đông phát động chiến dịch *Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng*.
- Ngày 28/6, nổi dậy tại Poznan (Ba Lan).
- Tháng 7, hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc.
- Tháng 8, lớp học 18 ngày của Hội Văn Nghệ Việt Nam về đường lối cải cách chống tệ sùng bái cá nhân Stalin tại Liên Xô.
- Ngày 29/8, *Giai Phẩm Mùa Thu tập I* xuất bản, có đăng bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi.
- Tháng 9, hội nghị lần thứ 10 BCH TƯ Đ về sửa chữa sai lầm trong CCRĐ.
- Ngày 15/9, báo *Nhân Văn* ra số 1, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký toà soạn, Minh Đức xuất bản, ban biên tập gồm Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm, có đăng bài *Con người Trần Dần - Tiến đến việc xét lại một vụ án văn học: Trần Dần* của Hoàng Cầm.
- Ngày 30/9, báo *Nhân Văn* ra số 2.
- Ngày 2/10, ban thường vụ Hội Văn Nghệ Việt Nam ra thông cáo thừa nhận sai lầm trong việc phê bình bài thơ *Nhất định thắng*.
- Ngày 8/10, tái bản *Giai Phẩm Mùa Xuân* với bài thơ *Nhất định thắng*. Ngày 15/10, báo *Nhân Văn* ra số 3.
- *Giai Phẩm Mùa Thu tập II* xuất bản.
- *Đất Mới* số 1 (số duy nhất) xuất bản.
- Tướng Nguyễn Sơn („ông tướng văn nghệ Khu IV“) qua đời.

- Tháng 10, 11, nổi dậy tại Hung-ga-ri, chính phủ dân chủ Nagy tuyên bố Hung-ga-ri trung lập. Liên Xô can thiệp vũ trang vào Hung-ga-ri. Laxness, Sartre, Beauvoir, Vercors... phản đối.
- Tháng 10, nhóm văn học *Sáng Tạo* ra đời tại Sài Gòn với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ...
- Ngày 5/11, báo *Nhân Văn* số 4 xuất bản.
- Ngày 20/11, báo *Nhân Văn* số 5 xuất bản.
- Tháng 12, *Giai Phẩm Mùa Đông* xuất bản
- Ngày 9/12, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh về chế độ báo chí*.
- Ngày 15/12, ủy ban hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo *Nhân Văn*. Số 6 (số cuối cùng) của *Nhân Văn* không được in.
- Boris Pasternak hoàn thành *Bác sĩ Shvago*.

1957

- Ngày 20-28/2, Đại Hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 2 tại Hà Nội với gần 500 đại biểu. Trường Chinh nói chuyện, kêu gọi đấu tranh đập nát luận điệu phản động *Nhân Văn-Giai Phẩm*. Thành lập Hội Liên Hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.
- Ngày 1-5/4, Hội nghị thành lập Hội Nhà Văn Việt Nam, Tô Hoài làm tổng thư ký, cơ quan ngôn luận là báo *Văn*, do Nguyễn Công Hoan làm chủ bút, Nguyễn Tuân phó chủ bút, Nguyễn Hồng tổng thư ký toà soạn.
- Ngày 10/5, báo *Văn* ra số 1.
- Tháng 7/8, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài tranh luận nhân việc báo *Học Tập* (cơ quan lý luận của BCH TƯ ĐCSVN) phê phán báo *Văn*.
- Ngày 27/9, báo *Văn* số 21 đăng bài thơ *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán.
- Ngày 15/11, báo *Văn* số 28 đăng bài thơ *Hãy đi mãi* của Trần Dần.
- Trần Dần viết *Bài thơ Việt Bắc* (trường ca, xuất bản năm 1991)
- Đinh Linh bị khai trừ khỏi ĐCS Trung Quốc sau 25 năm là đảng viên. (Bà còn được phép làm lao công một thời gian trong trụ sở Hội Nhà Văn Trung Quốc, trước khi bị đày đi lao cải và ngồi tù cho đến năm 1975.)
- Chính huấn văn nghệ tại Liên Xô, Ba Lan, CHDC Đức.
- Tạp chí *Bách Khoa* ra đời tại Sài Gòn.

1958

- Ngày 6/1, Bộ Chính Trị BCH TƯ ĐL ĐVN ra nghị quyết số 30 NQ/TU về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ.
- Ngày 10/1, báo *Văn* số 36 (số cuối cùng) đăng truyện ngắn *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi.
- Tháng 2, lớp học „đấu tranh tư tưởng“ với 272 văn nghệ sĩ đảng viên tham dự.
- Từ 3/3 đến 14/4, Trần Dần tham dự lớp học „đấu tranh tư tưởng“ tại Thái Hà Ấp với 304 cán bộ văn hoá văn nghệ tham dự.
- Ngày 4/6, hội nghị ban chấp hành Hội Liên Hiệp VHNTVN họp tổng kết cuộc đấu tranh chống *Nhân Văn-Giai Phẩm*.
- Ngày 5/6, nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ hoan nghênh kết quả thắng lợi của cuộc đấu tranh chống *Nhân Văn-Giai Phẩm*.
- Ngày 30/6, Trần Trọng Văn, con trai Trần Dần ra đời.
- Ngày 2/7, bầu ban chấp hành mới của Hội Nhà Văn, tổng thư ký là Nguyễn Đình Thi.
- Ngày 7/7, thông báo kỷ luật các văn nghệ sĩ đã tham gia *Nhân Văn-Giai Phẩm*. Trần Dần bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn và đình chỉ xuất bản trong thời hạn 3 năm.
- Từ 22/8 đến 2/1959, Trần Dần đi lao động cải tạo tại nông trường Chí Linh cùng với Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Tử Phác.
- Nhất Linh ra tờ *Văn Hoá Ngày Nay* tại Sài Gòn.
- Mao Trạch Đông phát động chiến dịch *Đại nhảy vọt*.
- Pasternak, nhà văn xô viết đầu tiên được trao giải Nobel, song không được sang Thụy Điển nhận giải thưởng.

1959

- Trần Dần viết *Sắc lệnh 59* (thơ), *Con tàu xã hội* (thơ), *17 tình ca* (thơ).
- Bắt đầu viết *Cổng tỉnh* (thơ-tiểu thuyết).
- Tháng 11, Trần Dần được phân công dịch tại ga-ra Hội Nhà Văn cùng với Lê Đạt, Phùng Cung, Nguyễn Khắc Dực.
- Ngày 10/12, khai mạc phiên toà xử Thụy An và Nguyễn hữu Đang (cả hai bị kết án 15 năm tù).
- Phan Khôi qua đời.
- Cách mạng Cu Ba với Fidel Castro và Ché Guevara thắng lợi. Hemingway, G.García Márquez chào mừng cách mạng Cu Ba.

1960

- Từ 19/3 đến 11/5, Trần Dần đi lao động cải tạo tại khu gang thép Thái Nguyên cùng với Lê Đạt. Sau đó về Hà Nội nghỉ phép.
- Từ 13/6 đến 18/8, Trần Dần lại đi lao động cải tạo tại Thái Nguyên. Sau đó ốm nặng.
- Hoàn thành *Công tinh* (xuất bản lần đầu năm 1994).
- Từ đó sống âm thầm tại Hà Nội bằng nghề dịch sách, đứng ngoài mọi sinh hoạt văn nghệ chính thống.
- Miền Bắc hoàn thành kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế văn hoá (1958-1960).
- Xung đột Trung-Xô bắt đầu.

1961

- Miền Bắc bắt đầu kế hoạch xây dựng XHCN 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).
- Ngày 13/8, CHDC Đức xây bức tường Berlin.
- Trần Dần viết *Đêm núp sen* (tiểu thuyết).

1962

- A. Solshenizyn xuất bản *Một ngày trong đời Ivan Denissovitch*.

1963

- Ngày 7/7, Nhất Linh tự tử tại Sài Gòn.
- Đảo chính tại Sài Gòn. Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu bị giết.
- Trần Dần viết *Jờ Joacx* (thơ).

1964

- Mỹ chính thức tiến hành chiến tranh quân sự tại Việt Nam.
- Mỹ ném bom miền Bắc lần thứ nhất.
- Nhà thơ Josip Brodski bị kết án về tội ăn bám, tức hoạt động văn học ngoài phạm vi của Hội Nhà Văn Liên Xô.
- Trần Trọng Vũ, con trai út của Trần Dần ra đời.
- Trần Dần viết *Mùa Sạch* (thơ, xuất bản lần đầu năm 1998), *Những ngã tư và những cột đèn* (tiểu thuyết).

1965

- Sholokhov được trao giải Nobel.
- Trần Dần viết *Một ngày Cầm Phá* (tiểu thuyết).

1966

- Mao Trạch Đông phát động cuộc Đại Cách Mạng Văn Hoá.
- Ché Guevara ly khai với Fidel Castro.

1967

- Đại Hội các nhà văn Tiệp Khắc công bố thư ngỏ của Solshenizyn gửi Đại Hội các nhà văn xô viết.
- B. Russel, J-P. Sartre, Peter Weiss tham dự Diễn Đàn Việt Nam tại Stockholm.
- Trần Dần viết *Con trắng* (thơ-hồi ký).

1968

- Mùa xuân Praha. Ngày 21-8, Liên Xô can thiệp quân sự vào Tiệp Khắc. Hàng loạt văn nghệ sĩ Tiệp Khắc rời khỏi đất nước, phần lớn giới trí thức bị treo ghế.
- Phong trào sinh viên và trí thức cánh tả phương Tây phản đối Mỹ và ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam.
- Hồi ký *Về tiến bộ, chung sống hoà bình và tự do tư tưởng* của A. Sacharov xuất bản.
- Tổng tiến công quân sự Tết Mậu Thân tại các thành phố lớn miền Nam.
- Trần Dần viết *177 cảnh* (hùng ca lụ).

1970

- A. Solshenizyn được trao giải Nobel.

1973

- Hiệp định Paris về việc chấm dứt can thiệp quân sự của Mỹ tại Việt Nam.

1974

- A. Solshenizyn bị bắt và trục xuất khỏi Liên Xô.
- Trần Dần viết *Động đất tâm thần* (nhật ký-thơ).

1975

- A. Sacharov được trao giải Nobel.

- Ngày 30/4, chính phủ Dương văn Minh đầu hàng. Hàng loạt văn nghệ sĩ miền Nam di tản. Văn học Việt Nam hải ngoại ra đời.

1976

- Mao Trạch Đông qua đời.

- Ngày 2/7, nước Việt Nam thống nhất, đổi tên thành Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

1977

- Đặng Tiểu Bình được phục hồi, phát động chiến dịch *Bốn hiện đại hoá* tại Trung Quốc.

- Chiến dịch bài trừ người Hoa tại Việt Nam.

1978

- Trần Dần viết *Thơ không lời - Mây không lời* (thơ-hoạ).

1979

- Trần Dần viết bộ tam *Thiên Thanh - 77 - Ngày ngày*.

- Chiến tranh biên giới Việt-Trung.

1980

- Nhà văn Tiệp lưu vong C. Milosz được trao giải Nobel.

- Trần Dần viết bộ tam *36 - Thở dài - Tư Mã zâng sao*.

1983

- Trần Dần bị xuất huyết não lần thứ nhất.

1985

- Gorbachev được bầu làm tổng bí thư ĐCS Liên Xô.

1986

- Tháng 12, Đại Hội VI ĐCSVN ra nghị quyết về chính sách „Đổi Mới“.

- Dương Thu Hương viết *Những thiên đường mù*.

1987

- Ngày 6/7/12, tổng bí thư ĐCSVN Nguyễn văn Linh họp với gần 100 các nhà hoạt động văn hoá Việt Nam tại Hà Nội.

- Nguyễn Tuân qua đời.
- Nguyễn Huy Thiệp viết *Tướng về hưu*.
- Trần Dần viết *Thơ mini*.

1988

- Hồ Phong được phục hồi danh dự.
- Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm,... được mời tham gia sinh hoạt văn học trở lại. Tháng 5, Trần Dần vào Huế gặp gỡ đồng nghiệp và bạn đọc.
- Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh tử nạn.

1989

- Tháng 6, thăm sát tại quảng trường Thiên An Môn, phong trào dân chủ tại Trung Quốc bị đàn áp đẫm máu.
- Bức tường Berlin sụp đổ.

1990

- Dương Thu Hương bị bắt giam 6 tháng.
- Bảo Ninh viết *Nỗi buồn chiến tranh*.

1991

- Trường ca *Bài thơ Việt Bắc* được xuất bản tại Hà Nội, NXB Tác Phẩm Mới.
- Bùi Ngọc Tấn hoàn thành bộ hồi ký *Chuyện kể năm 2000*.

1994

- Tiểu thuyết-thơ *Cổng tỉnh* (1960) được xuất bản tại Hà Nội, NXB Hội Nhà Văn.
- Lê Đạt xuất bản *Bóng chữ*.

1995

- *Cổng tỉnh* được trao giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam.

1997

- Trần Dần từ trần hồi 10 giờ 30 sáng ngày 17-1 tại Hà Nội.

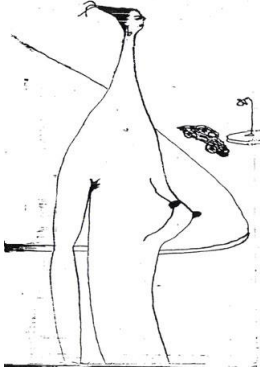
1998

- Tập thơ *Mùa sạch* được xuất bản tại Hà Nội, NXB Văn Học.

(Trích từ cuốn *Trần Dần – Ghi, 1954-1960*, Phạm Thị Hoài biên tập, nxb td memoire, Paris, 2001, với một ít sửa chữa)

Tiền Vệ

Nhất định thắng



Trần Dần vẽ

Tôi ở phố Sinh Từ
Hai người
Một gian nhà chật,
Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui ?
Tổ quốc hôm nay
 tuy gọi sống hòa bình
Nhưng mới chỉ là trang thứ nhất
Chúng ta còn muôn việc rối tinh...
Chúng ta
Ngày làm việc, đêm thì lo đẩy giá
Vợ con đau thì rôi ruột thuốc men
Khi mảng vui - khi chợt nhớ chợt quên
Trăm cái bận hàng ngày nhay nhất.
Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt.
Ta biết đâu bên Mỹ miếc tí mù
Chúng còn đương bày kế hại đời ta ?
Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Đất hôm nay tằm tã mưa phùn
Bống nhói ngang lưng
 máu rỏ xuống bùn
Lưng tôi có tên nào chém trộm ?
A ! Cái lưỡi dao cùn !

Không đứt được mà đau !
Chúng định chém tôi làm hai mảnh
Ôi cả nước ! Nếu mà lưng tê lạnh
Hãy nhìn xem: có phi vết dao ?
Không đứt được mà đau !
Lưng Tổ Quốc hôm nay rớm máu
Tôi đã sống rồi rời cân não
Quãng thời gian nhưng nhức chuyện đi Nam
Những cơn mưa rơi mãi tối xảm
Họ lếch thếch ôm nhau đi từng mảng
Tôi đã trở nên người ôm giận
Tôi đem thân làm ụ cản đường đi
- Dừng lại !
 Đi đâu ?
 Làm gì ?
Họ kêu những thiếu tiền, thiếu gạo
Thiếu cha, thiếu Chúa, thiếu vân vân
Có cả anh nam chị nữ kêu buồn
- Ở đây
 Khát gió, thèm mây...
 Ô hay !
Trời của chúng ta gặp ngày mây rủ ?
Nhưng trời ta sao bỏ nó mà đi ?
Sau đám mây kia
 Là cả miền Nam
Sao nở tương non bồng của Mỹ !
Tôi muốn khóc giữ từng em bé
- Bỏ tôi ư ? - Từng vạt áo - gót chân
Tôi muốn kêu lên - những tiếng cọc cằn...
- Không ! Hãy ở lại !
Mảnh đất ta hôm nay dù tối
Cũng còn hơn
 Non bồng Mỹ
 Triệu lần...
Mảnh đất dễ mà quên ?
 Hỡi bạn đi Nam
Thiếu gì ư sao chẳng nói thật thà ?
Chỉ là:
 - Thiếu quâ tìm bộ óc !
Những lời nói sắp thành nói cục
Nhưng bỗng dừng tôi chỉ khóc mà thôi
Tôi nức nở giữa trời mưa bão.
Họ vẫn ra đi.

- Nhưng sao bước rã rời ?
Sao họ khóc ?
Họ có gì thất vọng ?
Đất níu chân đi,
Gió cầm áo quay về
Xa đất Bắc tường như rời cõi sống.
Tường như đây là phút cuối cùng
Trăng trôi lại : - Mỗi lùm cây - Hốc đá
- Mỗi căn vườn - gốc vả - cây sung
Không nói được, chỉ còn nước nở
Trắng con người nhìn lại đất trời
Nhìn cơn nắng lụi, nhìn hạt mưa sa
Nhìn con đường cũ, nhìn ngôi sao mờ
Ôi đất ấy - quên làm sao được ?
Quên sao nơi ấm lạnh ngọt bùi
Hôm nay đây mưa gió dập vùi
- Mưa đổ mãi lên người xa đất Bắc...
Ai dẫn họ đi ?
Ai ?
Dẫn đi đâu ? - Mà họ khóc mãi thôi
Trời vẫn quật muôn vàn tầng gió
Bắc Nam ơi, đứt ruột chia đôi
Tôi cúi xuống - Quý xin mưa bão
Chớ đổ thêm lên đầu họ
- Khổ nhiều rồi !
Họ xấu số - chớ hành thêm họ nữa
Vườn tược hoang sơ - cửa nhà vắng chủ
Miền Nam muôn dặm, non nước buồn thương
Họ đã đi nhưng trút lại tâm hồn
Ơi đất Bắc ! Hãy giữ gìn cho họ !
Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ
Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
- Anh ạ !
Họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gặng hỏi, nói gì ư ?

Trời mưa, trời mưa
Ba tháng rồi
Em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã
Em đi
 trong mưa
 cúi đầu
 nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi
Khổ thân em mưa nắng đi về lủi thủi
Bóng chúng
 đề lên
 số phận
 từng người
Em cúi đầu đi mưa rơi
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
 không thấy phố
 không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
 trên màu cờ đỏ.
Đất nước khó khăn này
 sao không thấm được vào thơ ?
Những tử kính tôi dùng chân dấn mũi
Các thứ hàng ế ẩm đợi người mua
Nhưng mà sách - hình như khá chạy
À quyển kia của bạn này - bạn ấy
Quyển của tôi tự lự nét dăm dăm
Nó đang mơ : - Nếu thêm cả miền Nam
Số độc giả sẽ tăng dăm bảy triệu
Tôi đã biến thành người định kiến
Tôi ước ao tất cả mọi người ta
Đòi thống nhất phải đòi từ việc nhỏ
- Từ cái ăn
 cái ngủ
 chuyện riêng tư
- Từ suy nghĩ
 nặng con
 và tán vợ.
Trời mưa mãi lay rây đường phố
Về Bắc Nam tôi chưa viết chút nào

Tôi vẫn quyết Thơ phải khua bão gió
Nhưng hôm nay
tôi bỗng cúi đầu
Thơ nó đi đâu ?
Sao những vần thơ
Chúng không chuyển, không xoay trời đất ?
Sao chúng không chấp được cõi bờ ?
Non nước sứt sùi mưa
Tôi muốn bỏ thơ
làm việc khác
Nhưng hôm nay tôi mê mãi giữa trời mưa
Chút tài mọn
tôi làm thơ chính trị.
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ.
Em ơi ! - Ta ở phố Sinh Từ
Em đừng có chuyện gì vui hử ?
À cái tin trên báo - ừ em ạ
Chúng đang phải dậm chân đầm ngực !
Vượt qua đầu chúng nó,
mọi thứ hàng
Những tấn gạo vẫn vượt đi
Những tấn thư, tài liệu
Vẫn xéo qua đầu chúng, giới danh gì ?
Ý muốn dân ta
là lực sĩ khổng lồ
Đè cổ chúng mà xóa nhòa giới tuyến
Dân ta muốn trời kia cũng chuyển
Nhưng
Trời mưa to lụt cả gian nhà :
Em tắt tả che mưa cản gió
Con chó mực nghe mưa là rú
Tiếng nó lâu nay như khăn em à
Thương nó nhĩ - Nó gầy - Lông xấu quá
Nó thiếu ăn - Hay là giết đi ư ?
Nó đỡ khổ - Cả em đỡ khổ.
Em thương nó - Ừ thôi chuyện đó
Nhưng hôm nay em mới nghĩ ra
Anh đã biến thành người định kiến
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót

Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên màu cờ đỏ.

Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc

Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm

Tiếng người nói xen tiếng đời âm ỉ

- Chúng phá hiệp thương

- Liệu có hiệp thương

- Liệu có tuyển cử

- Liệu tổng hay chẳng tổng ?

- Liệu đúng kì hay chậm vài năm ?

Những câu hỏi đi giữa đời lồng chóng.

Ôi xưa nay Người vẫn thiếu tin Người

Người vẫn thường kinh hoàng trước Tương lai

Người quên mất Mỹ là sư tử giáy.

Người vẫn vội - Người chưa kiên nhẫn mấy

Gan người ta chưa phải đúng công nông

Người chưa có dạ lim trí sắt

Người mở to đôi mắt mà trông !

A tiếng kèn vang

quân đội anh hùng

Biển súng

rừng lê

bạt ngàn con mắt

Quân ta đi tập trận về qua

Bóng cờ bay đỏ phấp phới nhà...

Lá cờ ấy lá cờ bách thắng

Đoàn quân kia muôn trận chẳng sờn gan

Bao tháng năm đôi rét nhọc nhằn

Từ đất dấy lên

là quân vô sản

Mỗi bước đi lại một bước trưởng thành

Thắng được chiến tranh

giữ được hòa bình

Giặc cũ chết - Lại lo giặc mới

Đoàn quân ấy kẻ thù sợ hãi

Chưa bao giờ làm mất bụng dân yêu

Dân ta ơi ! chiêm nghiệm đã nhiều

Ai có Lý ? Và ai có Lực ?

Tôi biết rõ đoàn quân sung sức ấy

Biết nhân dân

Biết Tổ Quốc Việt Nam này
Những con người từ ức triệu năm nay
Không biết nhục
Không biết thua
Không biết sợ !

Hôm nay

Cả nước chỉ có một lời hô

THỐNG NHẤT

Chúng ta tin khẩu hiệu ta đòi

- Giã miền Nam !

Tôi ngửa mặt lên trời

Kêu một tiếng - Bỗng máu trời rơi xuống

Vài ba tia máu đỏ rớt vào tôi

Dân ta ơi !

Những tiếng ta hô

Có sức đâm trời chảy máu.

Không địch nào cưỡng nổi ý ta

Chúng ta đi - Như quả đất khổng lồ

Hiền hậu lắm - Nhưng mà đi quả quyết...

Hôm nay

Những vần thơ tôi viết

Đã giống lưỡi lê : Đâm

Giống viên đạn : Xé

Giống bão mưa : Gào

Giống tình yêu : Thắm

Tôi thường tin ở cuộc đấu tranh đây

Cả nước đã bầu tôi toàn phiếu

Tôi là người vô địch của lòng tin

Sao bỗng hôm nay,

tôi cúi mặt trước đèn ?

Gian nhà vắng chuột đêm nó rúc.

Biết bao nhiêu lo lắng hiện hình ra.

Hừ ! Chúng đã biến thành tảng đá

chặn đường ta !

Em ơi thế ra

Người tin tưởng nhất như anh

vẫn có phút giây ngờ vực

Ai có lý ? Và ai có lực ?

Ai người tin ? Ai kẻ ngã lòng tin ?

Em ơi

Cuộc đấu tranh đây

Cả nước

Cả hoàn cầu

Cả mỗi người đêm ngủ vẫn lo âu
Có lẫn máu, có xót thương lao lực
Anh gạch xóa trang thơ hẳn nét mực
Bỗng mặt anh nhìn thấy ! lạ lùng thay !
Tảng đá chặn đường này !
Muôn triệu con người
 Muôn triệu bàn tay
Bật cả máu ấy đá lăn xuống vực !
Anh đã nghĩ: Không có đường nào khác
Đem ngã lòng ra
 Mà thống nhất Bắc Nam ư ?
Không không !
Đem sức gân ra !
Em ơi em !
Cái này đồ lắm, gọi là TIM
Anh dành cho cuộc đấu tranh giành Thống Nhất

"Cái chuông" hay "ái uông"? chuyên đề Trần Dần Thanh Nam

*Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông,
Chúng bảo nhau rằng: «áy ái uông».
Hồ Xuân Hương*

Văn học Việt Nam quả là chưa có nhiều người viết chuyên nghiệp và bản thân những người viết chuyên nghiệp cũng chưa có nhiều bài viết chuyên nghiệp, rồi ngay cả những sự chỉ trích sự không chuyên này cũng mang tính không chuyên. Nguyễn Ly trong bài viết đăng trên Tiền Vệ về chủ đề Trần Dần, Nguyễn Ly viết:

- "Những tác phẩm “nằm” nay được dựng dậy đã không gây ra một chấn động thẩm mỹ nào như lẽ ra phải có".

- "Ông không đóng vai trò nào trong những giày vò trần trụi của chúng tôi, ông cũng chưa bao giờ là tấm biển chỉ đường cho lớp hậu sinh trong bóng hồn mang của đời sống tinh thần xứ sở, ngay cả khi chúng tôi có thể đọc ông trọn vẹn".

- "Dứt khoát thơ ông không phải là thứ thực phẩm mà nền văn học của chúng ta đói khát, không phải là thứ ánh sáng cuối đường hầm của hành trình khám phá và nhận diện".

1. Tôi không biết dựa trên cơ sở nào Nguyễn Ly định nghĩa một "chấn động thẩm mỹ", một "tấm biển chỉ đường", một "thứ thực phẩm mà nền văn học của chúng ta đang đói khát", một "thứ ánh sáng cuối đường hầm". Tôi cũng không biết trong lịch sử văn học, có nhà văn nào thoả mãn tất cả những yêu cầu (vừa thẩm mỹ vừa tinh thần) trên của Nguyễn Ly hay không. Riêng

về Trần Dần, chỉ đọc một số bài viết về ông đủ thấy tác phẩm của ông – dù chỉ được công bố rất gần đây và còn chưa trọn vẹn – đã đánh thức những phản ứng mạnh mẽ trong giới cầm bút. Cũng xin thêm là tiểu thuyết thơ *Công tinh* đã được giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 1995, tức là một năm sau khi nó được công bố chính thức.

Theo tôi, nếu Nguyễn Ly "không hiểu" Trần Dần, có lẽ Nguyễn Ly nên tự hỏi "khả năng đọc" của mình, chứ đừng nên đổ lỗi cho Trần Dần. Cũng có thể Nguyễn Ly nên tìm đọc các tác giả khác hợp với "khẩu vị" hơn?

2. Đề nghị Nguyễn Ly chứng minh các tác phẩm sau này của Trần Dần «*tuy hình thức có tân kỳ hơn*» nhưng cũng là sự lặp lại của *Nhất định thắng* và *Người người lớp lớp*. Cũng xin Nguyễn Ly chứng minh nhận định: thơ Trần Dần «*đễ bắt chước*». Thế nào là *đễ bắt chước* và *khó bắt chước*? Theo tôi, đây không thể coi là tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm nghệ thuật. Nguyễn Ly dạo thử một vòng Hà Nội sẽ thấy tranh Phái «*rởm*» treo đầy vỉa hè.

3. Trên cơ sở nào Nguyễn Ly lại yêu cầu các tác giả của Nhân văn - Giai phẩm phải là «*tám gương về tinh thần sáng tạo mạnh mẽ, khoáng đạt và tự do*»? Những tác giả ngoài phong trào này không cần có tinh thần sáng tạo đó? Trần Dần, ba mươi năm bị «*nằm chờ*», không được quyền xuất bản, không được tiếp xúc với độc giả, mà vẫn sáng tác được một chục tập thơ, năm tiểu thuyết, mấy chục «*sổ bụi*»... Dù không "cảm" hay không đủ trình độ hiểu được những cách tân của ông, thì cũng không thể phủ nhận tinh thần sáng tạo của ông.

4. Nguyễn Ly có thể đưa ra một vài ví dụ về một tác phẩm «*gây chấn động thẩm mỹ*»? Trần Dần từng phát biểu trước các đồng nghiệp ở Huế rằng ông chỉ sáng tác cho «*những người bằng vai*», cũng như ông không làm «*văn vần*» hay «*thơ quảng trường*». Thế nên, Nguyễn Ly và những ai hy vọng đọc Trần Dần để bị «*chấn động*» hay ngất xỉu, choáng váng hoặc bỏ ăn bỏ ngủ dĩ nhiên phải thất vọng. Xe cứu thương chỉ đậu trước cửa rạp chiếu phim kinh sợ hay hình sự gây chấn, chứ không cần có mặt ở những nơi trưng bày nghệ thuật. Trần Dần không bao giờ muốn làm «*tám bảng chỉ đường cho lớp hậu sinh*» như Nguyễn Ly mong muốn, ông nói: «*Tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến*».

Một trong những cách tân của Trần Dần là đặt sự vật, sự việc bên ngoài những ngữ nghĩa thông thường để cuối cùng, cực đoan đến độ không cho chúng một ý nghĩa nào nữa. Như câu thơ bất hủ của ông: *Mưa rơi không cần phiên dịch*. Thơ ông trần trụi con chữ. Chỉ có chữ trong cuộc phiêu lưu bất tận.

Không có cuộc cách tân nào dễ hiểu. Càng táo bạo càng khó hiểu. Không chỉ tại Việt Nam mà trên toàn thế giới, ít khi công chúng mang hoa ra đón tiếp các nhà cách tân. Nhưng cách tân là "điều kiện sống còn" của mọi nền nghệ thuật: «*mỗi thử nghiệm, nếu không làm xuất hiện những đỉnh cao, thật cao trong sáng tạo thì ít nhất nó cũng làm cánh đồng văn học nghệ thuật đa dạng hơn...*» Tôi tin rằng các tác phẩm của Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng^[4] đang được khám phá, sẽ được khám phá.

Chưa hề đề nghị độc giả đọc một câu thơ của Trần Dần, Nguyễn Ly đã tự động kết luận «*thất vọng*» lắm, «*hẫng hụt*» lắm, «*hẫng hụt là bởi kỳ vọng*» lắm. Với các tác phẩm đầu tay của ông thì Nguyễn Ly lập tức giẫy nẩy: «*tôi thiết nghĩ không cần trở lại với những Nhất định thắng, Người người lớp lớp... vì những giá trị nghệ thuật ít ỏi của những tác phẩm này là điều khỏi cần chứng minh*».

Tôi cũng không dám chắc bản thân Nguyễn Ly đã đọc *Công tinh* của Trần Dần. Tác phẩm được gọi là *trường thiên tiểu thuyết* này tràn ngập những dần vật tâm lý của nhà thơ, khi ông «*kiểm điểm bản thân cùng một thời đại buồn rầu*», khi ông bị chia xẻ giữa thơ và cuộc đời, giữa bản

thân và tập thể, giữa cái đẹp và thất vọng, giữa ký ức và dự vọng, giữa một địa điểm mà ông thổ lộ: «*còn xa kia là phố tôi sinh / có sương sớm mọc trên đèn muôn*» và «*một đầu ô tím*» mà ở đó ông «*vẫn rong chơi bên mấy cột đèn mù*», giữa tiếng gọi của Cách mạng và những cuộc phiêu lưu còn xa hơn cả Cách mạng. Thế là mười chín tuổi, ông «*xách va li tìm đi thui thui địa cầu*». Không bình luận một từ nào của *Cổng tinh*, Nguyễn Ly gán ngay cho nó cái nhãn hiệu tác phẩm «*không xuất sắc*» của «*dòng hiện thực xã hội chủ nghĩa*» mà người đọc nào cũng chán ngấy đến mức chỉ mới nghe thoáng từ xa đã vội vàng bỏ chạy. Chớp nhoáng, Nguyễn Ly giành cho *Cổng tinh* ba dòng kết tội: «*Đây là một tác phẩm không có gì phức tạp... Chúng ta còn điều gì để bàn thêm về «Cổng Tinh» nữa không?*»

Vâng, «*khỏi cần chứng minh*», «*chúng ta còn điều gì để bàn thêm... nữa không?*» chính là phương pháp đánh trống lảng của Nguyễn Ly: đừng nói nữa, để cho người ta quên đi Trần Dần, bởi vì «*nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng nào hết!*» Bằng cách này hay cách khác, Nguyễn Ly đều vội vàng đưa ngay kết luận: ở chỗ này Trần Dần là con số không, ở chỗ khác Trần Dần cũng là con số không. Nguyễn Ly đã chọn *Mùa sạch* và *Jờ Joax* làm hai nạn nhân mà Nguyễn Ly tin rằng trình độ non nớt, yếu kém của đa phần người đọc Việt Nam sẽ nhanh gọn gạt chúng qua một bên. Nguyễn Ly cũng cố tình quên không giới thiệu với người đọc rằng hai tác phẩm này được viết cách đây 40 năm, sát niên đại với nhau, nhưng bằng hai bút pháp rất xa nhau. Rõ ràng đây là hai cuộc tìm kiếm nghệ thuật nghiêm túc mà Nguyễn Ly đã phủ nhận vô căn cứ. Tôi xin nêu ra đây cụ thể:

- *Mùa sạch* là bản biến tấu vô tận của những từ *Trong, Sạch, Sáng, Mùa*, mà trong đó chữ được tập hợp theo những trật tự kỳ lạ để tạo thành những câu thơ chưa bao giờ tồn tại trong văn học cũng như trong khẩu ngữ. Nguyễn Ly đánh trống lảng không hề phân tích văn bản *Mùa sạch*, dù chỉ một chữ, và chỉ tấn công những bài viết về tác phẩm này. Đọc xong bài của Nguyễn Ly, người đọc không hề hiểu thêm một chút nào về chính bản thân tập thơ. Vấn đề phương pháp quen thuộc của Nguyễn Ly: cố tình giấu đi bản gốc, để chẳng ai có thể lấy được gì từ nó, bởi vì «*nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng nào hết!*»

Nguyễn Ly phê phán những cách so sánh văn học trong các bài viết khác, nhưng bản thân lại đưa ra một dẫn chứng nực cười: cách lập từ của *Mùa sạch* đến từ P.Soupault với những lặp lại «*Georgia*» ở cuối mỗi câu. Tôi xin hỏi Nguyễn Ly, chữ «*amen*» được nhắc lại sau mỗi câu thánh kinh, vậy P.Soupault đã chẳng cách tân chút nào khi học cách lập từ này từ đạo Thiên Chúa?

Cũng ở phần viết này, Nguyễn Ly cố tình tạo bằng chứng giả. Trong số những bài viết đã công bố về *Mùa sạch* (trước khi Nguyễn Ly viết *Lại chuyện giai thoại và văn bản*), tôi là người duy nhất nhắc đến Nouveau roman, nhưng chưa bao giờ tôi kể tên A.Robbe-Grillet hay G.Perec để so sánh với *Mùa sạch*. Người đọc xem lại bài «*Cái chuông hay ái uông?*» của tôi sẽ rõ. Nguyễn Ly tự động bịa ra sự so sánh trên, rồi từ đó nhận định rằng nó «*què quặt*» và «*vô lý*». Tại sao Nguyễn Ly lại xuyên tạc bài viết của tôi? Có phải vì «*bí*» chứng cứ không?

- *Jờ Joax* là tiểu thuyết một nhân vật - *nhân vật chính vừa bất chính* -, với những thèm khát duy nhất: thèm khát nhục dục. Những thèm khát không dấu diếm như chính cái tên riêng «*thằng trưởng*». Những thèm khát vượt mọi qui tắc đạo đức và lý trí như bản thân hẳn tự định nghĩa: «*toàn thân tôi là một chiếc sinh thực khí jút thánh bố trí của tất cả nam nữ*». Tác giả Tôn Nữ Quỳnh Hương cho rằng chữ *sejo* được kết hợp với rất nhiều chữ khác để mất đi cái nghĩa *sejo* thông thường. Tôi không phản đối lập luận của chị, nhưng e rằng nó khó có thể áp dụng được vào trường hợp các điệp từ khác. Ví dụ: *NỮ* được ghép với rất nhiều chữ, nó có thể mang nghĩa *nữ* vẫn có (*nữ đồng hồ đeo tay, nữ xe đạp, nữ máy ô, khuy iếm nữ, nữ áo đi mưa, nữ găng tay, capót nữ, jung cụ nữ buồng jờ, gót nữ, váy nữ, nách áo nữ, màn mùng chăn nữ, lược nữ, bẻ tấm nữ, ngón chân nữ, nữ tiếng khóc...*), nhưng cũng có thể gọi nghĩa mới hoặc chẳng có một nghĩa nào cả (*nữ điện thoại, nữ hành lang, li jọu nữ, nữ địa chỉ, jờ nữ, nữ ô tô, nữ*

garajò, nữ hợp đồng, nữ biệt thự...). Theo tôi, chữ *NỮ* được sử dụng nhiều lần trong những cụm từ khác nhau, khi một nghĩa, khi nhiều nghĩa, hay có lúc vô nghĩa nhưng mọi sự lặp lại của *NỮ* đều phản ánh một ám ảnh của nhân vật chính: ám ảnh nhục dục.

Tương tự, những phép biến hình của Trần Dần nơi câu nơi chữ đều có lý do riêng và không bao giờ là những “*biến dạng kí tự*” giản lược, dễ dãi mà Nguyễn Ly đã suy diễn: «*giờ xoạ*» hay «*sờ xoạc*», rồi «*những giờ xoạc*» hay «*rờ rầm- rách xoạc*».

Tôi xin gợi ý một chút. Ta có thể thấy rằng, người Hà Nội phát âm tiếng Việt có những chỗ không chính xác. Tất cả những từ bắt đầu bằng các phụ âm R, D, Gi (ví dụ: Rờ, Dờ, Giờ) đều được phát âm giống nhau trong một từ «*Jờ*» nhẹ nhàng. Trần Dần ghi lại cách phát âm ấy, một cách trung thành nhưng không ít hài hước, vào tác phẩm của ông. Ví dụ, «*rút ra*» đã được Trần Dần phát âm theo lối Hà Nội: «*jút ja*», «*đọc*» trở thành «*jọc*»...

Những năm 60, 70, trí thức Hà Nội bắt đầu sinh nói tiếng Nga. Để chế riễu họ, người Hà Nội bậy giờ hay thêm chữ X, chữ S vào cuối mỗi từ khi phát âm. «*Jờ Joạcx*» là một cách nhạo báng lại hàng ngũ trí thức mới thời Nga hoá. Nhân vật «*thằng trưởng*» do vậy phải bỏ trốn vào «*vòng tròn*», phải «*từ chức tiến sĩ. phó bác sĩ. sử ký. chân lí. thẩm mỹ. thi sĩ*», những nhãn hiệu mới đem từ liên bang Xô Viết về.

Nguyễn Ly đã tốn nhiều giấy mực để lý giải nào «*cái diễn đạt*» nào «*cái được diễn đạt*», cái nào thuộc cái nào, cái nào không dính được vào cái nào, cái nào đã được cách tân, cái nào còn đang nằm chờ. Tôi cứ hình dung thấy một Nguyễn Ly mồ hôi chảy «*jòng jã*», ngồi chép lại lý luận mỹ học Mác Lê-nin, ghép vào các «*thuật ngữ của Kant*» một cách vô tội vạ, để kết tội *Jờ Joạcx* đã không cách tân! Nguyễn Ly, sau khi đưa ra các lý lẽ mà bản thân cũng chỉ hiểu một cách rất mơ hồ, vẫn thấy thiếu tự tin đến nỗi phải “*nép*” sau lưng số đông “*quần chúng*”: “*Tôi không đánh giá cao những nỗ lực cách tân hình thức thơ của Trần Dần vì những tìm tòi khai phá ấy một phần là không đến nơi đến chốn, không tạo được những ảnh hưởng trong thi pháp của những người cầm bút đương thời*”. Các tác phẩm của Trần Dần chỉ được công bố rất gần đây, lại chưa đầy đủ (*Jờ Joạcx* và nhiều tập thơ khác chỉ được công chúng biết đến qua *Tiền Vệ* từ 5/2003). Làm sao có thể kết luận ông không tạo được ảnh hưởng? Và lại “*ảnh hưởng*” cũng chỉ là một tiêu chí hết sức tương đối: rất nhiều thế hệ thành viên hội nhà văn Việt Nam thuộc lòng thơ Tố Hữu, lấy ông làm tấm gương của sáng tạo. Vậy theo Nguyễn Ly, Tố Hữu có “*cách tân*” không, “*có chạm đến cốt tủy của thơ*” không?

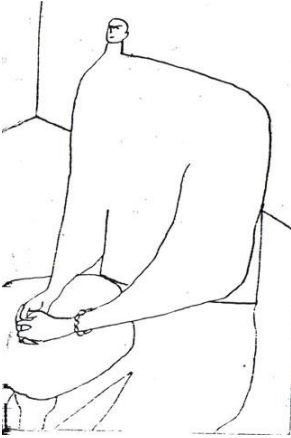
Hãy xem lại cách Trần Dần gọi tên *Jờ Joạcx*, chúng ta sẽ thấy nó không có gì chung với những nhan đề thông thường của thơ ca chính thống Việt Nam những năm 1960-1970 cùng thời. Dưới đây là những tác phẩm được coi là hàng đầu, được quần chúng đông đúc nhiều thế hệ làm bảo hiểm: *Đêm sao sáng, Người gác cầu, Vào mặt trận lúc mùa ve đang kêu, Chiếc đàn tỳn và tiếng hát người nghệ sĩ mù, Tôi muốn đến thăm khắp cả miền Nam, Hơi ấm ổ rơm, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Anh về thăm quê em, Bài ca quê hương, Bé Nguyệt làm thơ, Quê hương, Bài ca vỡ đất, Quê hương Việt Nam, Tiếng hát thi thầm, Tình ca ban mai...* Xin đọc giả nhận diện họ đâu là Nguyễn Bình, đâu là Xuân Diệu, đâu là Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Huy Cận, Vũ Cao...? Trong khung cảnh chung của nền *thơ ca quốc doanh* ở đó tính cá nhân bị thui chột hoàn toàn, tác giả của *Jờ Joạcx* phải tự tin đến như thế nào mới dám tạo ra cho mình một chữ ký riêng, một dòng thơ riêng, những nhân vật không giống ai như *thằng trưởng* - khiêu khích bằng cả cái tên riêng trở đi. Đó không phải là kết quả của «*mặc cảm*» như Nguyễn Ly tuyên bố! Nó càng không «*âm u, tăm tối, bệnh hoạn*» như Nguyễn Ly suy diễn! Câu thơ mini của Trần Dần «*mưa rơi không cần phiên dịch*» chính là để cười nhạo những bản «*phiên dịch*» kiểu Nguyễn Ly: hãy để các văn bản được sống yên ổn cuộc sống của nó, đừng suy diễn lung tung theo kiểu «*công nông binh*», đừng bóp méo hiện thực bằng những lý thuyết rơm, hãy học thiên nhiên thật kỹ trước khi muốn sáng tạo. Chưa hiểu *Mưa* là gì đã đòi

làm ngay những *con mưa khác*! Chưa biết *Fountain* của Marcel Duchamp như thế nào đã vội vã cho ra đời *chiếc đĩa CD* của anh xích lô!

Để kết thúc bài này tôi đề nghị Nguyễn Ly trả lời câu hỏi: Tại sao Nguyễn Ly áp dụng nguyên tắc «Nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng gì hết» khi nhận định các tác phẩm của Trần Dần?

Phải chăng Nguyễn Ly muốn chôn thêm lần nữa nhân vật đã từng bị chôn sống một lần?

Cổng tình



Trần Dần vẽ

Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ
Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu !
Đừng ngại mở trong lòng từng cây số nhớ thương !
Tôi đã sống đã lỡ lắm chẳng nhỏ
Trong đời tôi đã có thơ ngây
Tôi đã có đôi ngày nhỏ dại
Hãy chiêm man mác các dạng đèn
từ kí ức vùi sâu !
Đây có phải bụi Cửa Trường ?
Một cuống nhau chôn trạnh lòng phố mẹ ! ...
Đây có phải đường Hàng Song xanh lấm tẩm sao chiều ?
Một chút sương lên... lên vừa đủ lạnh
Thôi thế là đành : tôi chẳng có ai yêu !
16 tuổi !!!
Đây là đêm
Ngoài cổng đề lao tim ... sao mọc hững hờ ...
Đây là ngày
Thời gian lặp đi lặp lại những chiều vàng vọt như nhau
17 !

Tôi nổi máu điên
Tôi chồm về ngã Bảy
Tôi đứng lằm lằm như một cái chòi đêm

18 !

Tôi cần chết nhiều ngày mưa
Tôi đứng xù xụ bên tàu bùn
Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khổ
Hơn là môi răng nhai ràu rạu vĩa hè.

19 !

Khổ to rồi! Không có công ăn việc làm trên trái đất
Tôi nhẩy chồm mỗi lúc gió lên
Mau mau ! Lấy tình yêu xích tên rồ kia lại !
Kéo nó nhẩy từ gác mười tầng
Vỏ một phở đèn lên
Dĩ vãng ! ối ối ! Sống !
Cái nghề này ai ai cũng thạo
Chỉ mỗi mình tôi không thạo mà thôi !
Tôi đã bơ vợ
Bơ vợ phải đâu là tội nhỏ
Ai ?
Ai kẻ vá may khi đứt chỉ đường tà ?
Những ngày trở trời - ai cháo lã cho tôi ?
Thế là xách va li tìm đi thui thui địa cầu

Các bạn ạ !

Tôi đã không thể thoát bơ vợ nếu không
nhờ các bạn...
Nếu không Thi-mệnh bọc đùm...
Ôi ! phở mẹ ! Để tôi về phở mẹ
Tôi về tảo mộ xó què tôi...
Tôi tảo mộ từ một dút ruột đã qua
Từ một đại khờ chưa hết đại...

Phải !

Tôi kiểm thảo bản thân cùng một thời đại buồn rầu

Đêm xuống ướt mũi rồi
Sông khuya tí tùm vỗ
Đi thôi ! kỷ niệm !
Có lẽ xa kia là phở tôi sinh
Có sương sớm đọng trên đèn muện

Xổ bụi Nam Dao

Tôi sinh ra dưới một ngôi sao trái nét nên đời có đôi phần vất vả. Nhưng chị Liên, bà chị kết nghĩa của tôi, còn vất vả ít là gấp năm gấp bảy lần. Trái nét nên khó dậy, riết thành trác nét lều lổng, mẹ tôi gửi tôi nhà "hai bác" năm tôi mười hai tuổi. Thuở đó, cha tôi đi làm xa, mẹ tôi một mình than khổ ơi là khổ, nhà không có đàn ông! Phần tôi, thật là thú vị. Trên "hai bác" có mấy đứa loai choai cùng tuổi. Rồi mỗi nơi một chốc, mẹ hỏi ở đâu, tôi đáp con ở trên nhà hai bác, bác hỏi đi đâu, tôi thưa con về dưới nhà cha mẹ con. Cứ như thế, cuộc lều lổng dẫu danh bất chính nhưng ngôn lại thuận.

Hai năm sau ngày tôi làm con nuôi hai bác tôi gặp chị lần đầu. Chị mang đứa con trai bé tí về nhà. Khi ấy tôi mới biết chị cũng là con nuôi và mù mờ nghe chị vào Nam vài ba năm trước cuộc di cư năm 54. Nhà bố mẹ nuôi lúc nào cũng tấp nập khách ra khách vào. Bố nuôi tôi lúc đó là Chủ tịch Hội Đồng Kiểm Duyệt thời Trần Chánh Thành còn làm Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Thông Tin trong nền đệ nhất Cộng Hòa của miền Nam. Khách có hai loại. Loại nòi tinh chữ nghĩa, làm văn làm báo, nhớ không xuể. Có Đái đức Tuấn, Lê văn Trương. Có Nguyễn mạnh Côn, đang hoàn thành Đêm tâm tình viết Lịch Sử. Có Vũ hoàng Chương, Đỗ bằng Đoàn, Bùi khánh Đản. Đám trẻ, Thanh Tâm Tuyên, thỉnh thoảng đến thăm bác Kha, cha anh gần như trú ngụ thường xuyên trong nhà. Rồi Dương hùng Cường, Mai Thảo, Doãn quốc Sĩ, Nguyễn sĩ Tế, Trần thanh Hiệp. Nhà báo, có Phạm việt Tuyên, Lý Thắng, Văn Giang. Ký giả, nào Lô Răng, Anh Tám Xạc Ne. Loại chính trị, không ít. Phan huy Quát, "bác" Quỳnh, Vũ quốc Thông, thậm chí Trần kim Tuyên.

Họ đến thế giới "trên gác" nơi bố tôi tiếp khách, xì xào to nhỏ, và thường là im bật khi bọn trẻ con chúng tôi, thế giới "dưới nhà", bưng nước, rót trà. Họ giả tảng lơ đãng, rít thuốc lào, nhìn như giục như đuổi, và chúng tôi chỉ quay lưng là họ lại tùm đầu vào, lại nghiêm trọng hạ giọng, khi chép miệng, lúc thở dài. Khách về, tôi để ý bố tôi xếp lại giấy tờ hồ sơ vào một cái tủ gỗ, cửa kéo dọc xuống như một bức màn, và khóa lại, tiếng nghe một cái cách, đến là kích thích. Ngày nọ qua ngày kia, sự tò mò khổ còn hơn là cơn ngứa mà không được gãi. Tôi về kẹo cao-su, nhét vào lỗ khóa, và đi đánh chìa. Đợi cả nhà đi vắng, tôi mở tủ, ôm chồng hồ sơ ngoài có chữ Mật, leo lên trần nhà tìm một nơi có ánh sáng hắt vào. Năm 58, tôi đã đọc trên những tờ pơ-luya mỏng tanh Con ngựa già của chúa Trịnh, vừa uất ức vừa ngậm ngùi. Tôi đã rưng rưng nước mắt lắm lắm Tôi vẫn đi, không thấy phố, không thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ. Tôi đã hít cho căng lồng ngực lập đi nhắc lại bút giấy tôi ai cướp giật đi, tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

Vắng, tôi đã tiếp cận Nhân Văn-Giai Phẩm như thế, trên trần nhà tranh tối tranh sáng, trong cái nóng hừng hực của mùa hè Sài Gòn. Vài tháng sau, cụ Hoàng văn Chí đem xuất bản Trăm Hoa Đua Nở trên đất Bắc. Lúc ấy, tôi mới biết rằng tôi đã đọc văn Phùng Cung, thơ Trần Dần và Phùng Quán. Chuyện đánh chìa khóa đọc hồ sơ Mật rồi cũng lộ. Bố nuôi tôi không đánh không mắng, chỉ bảo, giọng buồn buồn ".có những cái tao cho là ở tuổi con, con chưa cần biết" rồi dặn, cứ giữ cái chìa, muốn thì đảng hoàng mở tủ, và đừng bao giờ hành xử như quân bất lương trộm cắp.

Trưa hôm ấy, tôi mang cái chìa khóa ra cầu Bông. Nhìn dòng nước lờ lờ triền sông Thị Nghè, tôi lắng nó xuống, một lần, và mãi mãi.

■ Chị Liên là một nhân vật tiểu thuyết. Từ Cao Bằng về ở với bố mẹ nuôi tôi lúc đầu cũng mười hai, mười ba tuổi, chị đột nhiên một mình bỏ vào Nam. Vài năm sau, chị lấy anh, giòng dõi đích tôn Phan Thanh Giản, nay là một gia đình đại điền chủ. Thời gặp chị, phải nói, chị là người đàn bà có nhan sắc. Về bản lãnh, vớt ra đường đời từ thơ ấu, chị không cấp sách đến trường, cứ than, chị thất học, cậu ạ! Nhưng những điều chị học, không có trường dạy. Cực kỳ thông minh, chị cảm nhận một cách lạ lùng những mảnh đời oan trái. Năm tôi mười lăm, tôi nghe chị hỏi "Tại sao sinh ra? Tại sao rồi chết đi. Phi lý!" Đó là câu hỏi rất "hiện sinh" đầu những năm 60. Rồi chị quậy cuộc hiện sinh không thương tiếc, không giới hạn, ràng buộc. Chữ Tây chỉ bonjour bonsoir giắt bụng, chị leo máy bay đi Thụy Sĩ. Không có Visa, chị vẫn trốn sang Pháp, đến bằng được kinh kỳ nơi có cà phê Les Deux Margot ở St-Germain, xem cái bàn Jean P Sartre vẫn ngồi nó hình dáng ra làm sao? Mà lỡ gặp người ta ở đấy? Có thể làm chứ! Cuộc hàn huyên của triết gia Tây phương đắt giá với cô công chúa dị thường Giao Chỉ. Không thể phi lý hơn thế được sao?

Dĩ nhiên, chị yêu tiểu thuyết. Chị ái mộ văn nhân. Trên hai mươi năm qua, chị sống ở Cali, nhưng cứ gần đây một hai năm chị lại về Sài Gòn, về Hà Nội. Mỗi lần chị gọi điện thoại, và tôi lại xin chị, chị về đến 47 Lý Quốc sư, thăm anh Hoàng Cầm hộ em. Lần nào chị cũng vui vẻ nhận lời. Mỗi lần chị qua lại Mỹ, chị chịu khó mang theo từng chai rượu làng Vân anh Cầm gửi cho tôi, lắm khi giữ cả năm mới có dịp trao tận tay, tươi cười bảo, quà của ông anh cậu. Cứ mỗi lần như vậy, tôi rưng rưng ngậm ngùi. Một phần là vì anh Cầm, một phần vì tấm lòng chị đã cư mang thêm một tình bạn giữa hai người đàn ông, một già tuổi đã hôn hoàng, một trẻ thì cũng đang chập choạng lớp xế trưa. Cư mang, bất cứ cái gì đi thì cũng nặng!

Thế nhưng lần cuối, tôi cũng nhắc lại bằng ấy lời. Chị ngập ngừng, rồi nhỏ nhẹ, lần này chị chẳng chiều cậu được. Tôi ngạc nhiên, gặng hỏi. Chị nói quanh, rồi lát sau, bảo chị gửi cho cậu quyển sách. Đọc rồi cậu sẽ hiểu.

Đó là quyển Ghi 1954 - 1960, của Trần Dần[1].

■ Tôi gặp Trần Dần khoảng tháng 11 năm 81. Đó là thuở tôi gồng mình chống lại tan vỡ của những huyền tưởng. Bắt đầu, từ giải phóng đất nước, đến xây dựng một xã hội công bằng. Rồi từng bước một nhích vào thế giới hiện đại, đỡ nghèo, đỡ khổ, và nhất là băng bó cho lành vết thương nội chiến. Nhưng phía dưới những con nằng là bọt xà phòng cả. Bọt xà phòng phản chiếu hình ảnh những trại cải tạo. Học tập một tuần, một rồi ba tháng, và nay đã sáu năm. Những đứa em gái tôi tuổi hai mươi lăm lét ửng thuốc ngừa thai sẵn sàng vượt biển. Các em ơi, sao vậy? Bảy phần chết, ba phần sống, không sợ à? Cướp biển hãm hiếp, giết chóc. Trời nổi cơn, sóng cuộn, nước nhận người vào đáy đại dương. Vả lại, cứ như nhà thơ kia hát, "(nếu em?) có vết bần trong hồn, vết như trên má. Thì tình yêu Tổ Quốc chữa cho lành" (thơ Chế Lan Viên). Nhưng ai có cái quyền phán xét bảo vết này bần, vết kia là như, hả Trời! Tình yêu Tổ Quốc không nhốt ai để chữa cho lành, kẻ đi nhốt nhỡn nhỡ hô mình nhân đạo chỉ mong cải tạo đám lầy lổn lạc đường, người ở tù ảm ức khẩu hiệu hòa hợp hòa giải dân tộc nghe như tiếng gọi hồn oan.

Ghê rợn hơn, chính quyền non trẻ (từ 1945, hay 55, sao cứ vẫn non trẻ?), "vừa học vừa làm, sai thì sửa.", mà có sai thì, chẳng phải "cấp trên" mà do "cấp dưới" không (hoặc chưa) thông nghị quyết (thường rất chung chung). Đảng dẫm lên chân nhà nước, cơ quan nào cũng có một vị đảng ủy, từ cấp Bộ trở xuống. Tôi có "làm việc" với một vị Trưởng ban Ngoại Giao của Đảng, nghĩa là ngang cơ và lắm khi còn quan trọng hơn Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch thời bấy giờ. Đó là Đảng, mà Đảng thì phải vận động quần chúng, nhất là quần chúng như tôi, nhân sĩ ngơ nghếch sống xa quê hương. Ôm vai tôi (để gài quần chúng), vị ấy bảo, "Chú là tiến sĩ kinh tế thật đấy, lại chuyên môn về tài nguyên, nhưng chú chưa biết cái này đâu!" Ghé vào tai tôi, ông thì thào "Chú biết không, dầu lửa của ta ở thêm lục địa ấy mà. Này nhé, trữ lượng ở Trung Đông ai cũng bảo là lớn nhất thế giới, phải không?" Tôi gật đầu, ông xiết tay, mắt tóe lửa, say sưa ".thế mà nó chỉ như con tem! So với trữ lượng của ta thì là lấy tem dán lên đít con voi!"

Ông phá lên cười, nước bọt bắn vào mặt tôi, răng vàng xịt khói thuốc lò Vinh Bảo. Một tay vẫn xiết vai tôi, tay kia ông quơ cái điều cày (rất quần chúng), hồn nhiên phán, thế thì còn sợ cái "đếch" gì! Vâng thưa anh, mừng thật. Chúng nó (bọn đế quốc, dĩ nhiên) mù cả, đi sờ voi mà chẳng biết đâu vào đâu. Chỉ có ta mới biết chỗ nào là đít con voi, dán tem lên mông, và đợi voi ỉa ra dầu. Dầu thô, màu đỏ đỏ, công nông ra phết. Lỡ có mùi, ừ thì "cũng tốt thôi"!

Đít voi trên bong bóng bọt xà phòng cho phép tiến mạnh, tiến nhanh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa mà không qua giai đoạn tư bản, chỉ hai mươi, ba mươi năm ta sẽ kịp, và tất nhiên là vượt bọn Mỹ. Người người hồ hởi, nhắc đi nhắc lại, vẽ vờ ra viễn tượng một tương lai rực rỡ. Nhưng tôi không thể nói như thế khi gặp anh Dần. Tôi không nói gì cả. Buổi trưa hôm ấy, nắng hanh và trời lên cao đến không còn đó. Anh dựa lưng vào tường nơi quán nước cửa nhà Dương Tường, nâng chiếc điều cày rít sòng sọc, miệng chiêu ngậm nước chè, mắt nhắm, đầu khểng ra đằng sau. Khò khè ho khan, anh mở mắt ra rồi lại nhắm lại. Tường vỗ vai tôi, nhón nhén bảo, cậu này cũng là bạn của Nguyễn Hữu Hiệu đấy. Lúc ấy anh mới mở mắt nhìn tôi tròng trọc. Cặp mắt anh sáng, sáng lạ lùng. Và long lanh rưng rưng đăm mê, ánh đỏ lè, như mắt cọp. Từ đấy, nghĩ đến anh, tôi cứ liên tưởng đến một con cọp. Một con cọp ngủ ngày, thỉnh linh thức dậy, quắc mắt. Kỷ niệm leo lên trần nhà trên hai mươi năm về trước bỗng ủa về. "Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc. Đất hôm nay tầm tã mưa phùn. Bỗng nhói ngang lưng máu nhỏ xuống bùn. Lưng tôi có tên nào chém trộm? A, cái lưỡi dao cùn. Không đứt được mà đau!"

Anh lửng lơ, "Có tin gì của Hiệu không?". "Dạ, Hiệu đã đi Mỹ! Nghe đâu gặp cả Henry Miller, tác giả sách Hiệu đã dịch.". Anh mỉm cười, cái cười méo mó vui buồn, lại nhắm mắt lại. Con cọp nhắm mắt nhưng không ngủ, chòm râu bạc thỉnh thoảng lại nhếch lên như từ phản xạ. Khuôn mặt anh tạc đá, thứ nham thạch lạnh mặt trên, bốc lửa phía dưới. Gò má u lên nhô thành một khối hoạn nạn, liệu dưới sâu còn một hỏa sơn nào âm ỉ chực phun ra chất bỏng cuộc đời? Anh xua tay, quán nước không phải là chỗ nói. Người ta thuở đó có thói quen thăm thì với nhau, ghé vào tai, và thường là cứ ngoái lại, nhìn ra sau, miệng rì rầm như khăn vái những điều làm như ma quỷ đang rình mò đợi lỡ lời nói to là xẻo lưỡi.

Vào độ cuối đông, Hà Nội thu mình khép gió. Những tàn cây trụ lá co ro trợ xương chống đỡ cơn may hiu hắt lạnh, mệnh mang nhớ, rưng rức đau nỗi niềm không tên gọi, có đây rồi lại vụt mất, chập chờn kéo hiện tại nhập vào một tiền kiếp không thể ngày một tiêu ma dấu vết. Trần Dần chống gậy, lao chao bực, vút lại một "thôi nhé", đi không quay đầu lại. Tấm áo cánh trắng xóa ngõ Phan Huy Chú, chiếc mũ len sùm sụp, anh một mình lê cho về đến phố Vũ Lợi, chẳng gàn, cũng chẳng xa, để vào lòng tôi một nỗi man mác.

A, cái lưỡi dao cùn, không đứt được mà đau!

Tôi chạnh nghĩ đến đợt anh bị "quân kỷ". Ba tháng tù. Chị Khuê đang có mang cháu đầu lòng. "Tổ chức" không vun vào việc "xây dựng". Chị công giáo, gia đình lại di cư vào Nam hết. Anh viết đơn xin giải ngũ. Và đơn xin ra khỏi Đảng. Trong lao lung, anh ngẫm, tại sao? Tại sao dám quan lại văn nghệ hò nhau đánh bài "Nhất định thắng". Có phải ta đầu hàng giai cấp? Hay là năm trước, ta đã cùng Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Tử Phác. đệ trình "Đề nghị cho một chính sách văn hoá"? yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về văn nghệ sĩ. Hay là trước đấy, ta quá nặng lời phê bình "Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu". Ta bảo, một, thơ Tố Hữu không có cách nhìn mới nào rõ rệt. Hòa với Lê Đạt, ta cũng nhận xét rằng Tố Hữu nói những chuyện mới mà không hiện tại, lại đẩy lùi vào quá khứ. Hai, là thơ lười biếng, chính trị công thức, kiểu "cụ Hồ sáng soi", hoặc "Chúng bay chỉ một đường ra. Một là tiêu diệt hai là tù binh", chỗ nào có hay thì lập lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao. Ba, cách nhìn Tố Hữu thật nhỏ bé quá. Nhìn vấn đề gì, vấn đề ấy thu hẹp lại. Yêu ai, người ấy nhỏ đi. Nhìn lãnh tụ, hình thức gương gạo "Chòm râu mát rượi hòa bình", sau lại biến ra đạo sĩ nhàn tản "ung dung yên ngựa bên đường nói reo". Sau cùng, cách nhìn Tố Hữu bao phủ lên vấn đề một cái buồn yếu đuối, và "chất tiểu tư sản là cái chính của tập thơ Việt Bắc". Trời ơi, Tố Hữu là ủy viên Trung Ương phụ trách Văn Hóa Văn Nghệ! Thế thì.

Thế thì, thế thì phải thế, cái kiếp phải lột quần đánh trên sân Văn Miếu, có khác gì Ngô thời

Nhậm xưa. Đêm thăm thăm. Tôi thui thui mơ màng. Ván cò, tốt chúng qua sông, lơ lác nhập cung, lách ca lách cách những chân lý mới, như tính tổ chức, tính giai cấp, quần chúng. rồi lũng củng nào những chính sách, những quan hệ. tí mù quay như chiếc đèn cù. Tôi, con pháo tịt ngòi, ngừng đầu tìm lửa, sờ soạng một ván chiêm bao, tay lại quơ vào lưỡi dao cạo.

Trần Dần cựa cổ.

Ôi, không đứt được mà đau! A, cái lưỡi dao cùn.

■ Lưỡi dao cùn để lại một vết sẹo. Vết thương trông tưởng lành, nhưng ba mươi năm máu nhiều vào trong, giọt rơi tí tách đánh nhịp thảng năm một trái tim bị chấn thương đời. Trần Dần thờ phào, "Không có gì chống lại được với cái kim đồng hồ". Tôi nghe, im lặng. Những buổi đến với anh, thật khác khi thăm Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, Văn Cao. Có "rượu", anh chỉ nhấp. Không ham vui, ăn ít nói ít, mắt trũng trũng, anh thỉnh thoảng câu đợc câu cái, đôi khi đúng một chữ. Thường, tôi dựa xe đạp cạnh cái cửa sổ có chấn song, ngòì đối diện anh, nơi có chút ánh sáng hắt vào, trước cái khay có để ấm chè, cái điếu cày và một ngọn đèn hoa kỳ le lói cháy. Tôi kể, đêm qua tôi chiêm bao. Nhìn đồng hồ, chiếc kim dạ quang quay ngược chiều đợc mọi sự về phía đằng sau. Hoảng hốt, tôi chồm dậy, nhìn lên tường. Chiếc đồng hồ treo cũng vậy. Nó cậm, không cứ tích ta tích tấc, nhưng kim cũng quay ngược, mỗi lúc mỗi nhanh. Tôi tung cửa lao ra đường. Hà nội giữa trưa không một bóng người. Ven theo hồ, tôi cậm cổ chạy về phía Bưu Điện. Nhìn lên cái đồng hồ lừng lững ngát ngưỡng, tôi nhướng mắt, ô hay, hai cái kim đồng hồ quay, cũng ngược, và quay mỗi lúc một nhanh, như chong chóng. Cứ thế này, tôi thăm nhủ, chắc trở lại thời nhà Tiền Lê trong một khắc. Đúng thế thật, mặt đất chao nghiêng, tiếng người ời ới thứ thổ ngữ tôi không thật hiểu. Thêm dăm phút, tôi chắc mẫm, chắc là đến thời Hồng Bàng mất. Nhưng hai chiếc kim bỗng tuột ra, bay lên, mỗi lúc một cao, tít tắp cuối trời. Mặt đồng hồ trơ ra. Mấy giờ rồi? Tôi nhìn xuống cườm tay. Hai chiếc kim dạ quang trên chiếc đồng hồ tay của tôi cũng biến đâu mất. Ghé nó cạnh tai, tôi lắng nghe. Tích tấc, tích tấc. Nó vẫn sống. Nhưng chiều quay đợc thời gian về đằng sau hay kéo ta lên phía trước? Tôi réo lên hỏi. Tiếng tôi kêu lạc lõng. Mặt hồ Hoàn Kiếm lăn tăn bọt. Tôi chắc là Rùa thần sắp lên. Tôi đợi. Thịnh linh một bọn người áo vàng ập đến túm lấy lưng, hò nhau, nó đây, bắt đợc nó rồi. Tôi vùng vẫy. Tại sao? Tôi làm gì mà bắt. Tôi sợ. Phía dưới cơ thể bỗng nóng lên, rồi ướt nhờn nhớp. Tôi hét cho đến khi tỉnh dậy.

Anh Dần nghe, nhếch mép, đợc, viết nó ra. Tôi không đợc. Kim quay ngược, lúc này là đến kỷ Hồng Bàng rồi. Anh thì thảo, thời "vỡ kỷ", mảnh văng tứ phía. Anh nhắm mắt. Cọp ngủ ngày, chiêm bao cái chiêm bao của cọp. Tôi khế kháng đứng lên. Anh mở mắt. Thì ra cọp giả ngủ, đang rình. Rình một tứ thơ chẳng? Anh đợc hai câu thơ anh tặng tôi :

Tôi đã hát những lạc quan không hát Bây giờ tôi hát lạc quan đen (thơ Trần Dần).

■ Năm 82, Hoàng Cầm viết trên tập "Về Kinh Bắc" anh tặng tôi ".là một năm đầy hạnh phúc và cũng đầy oan nghiệt".

Hạnh phúc? Tôi muốn hát lạc quan xanh. Nhưng hiện thực màu tro nghiệt ngã. Phản chiến, bị chính quyền Thiệu cậm về miền Nam, rồi Canada trục xuất. nhưng tôi chưa hề bị quan, tôi vẫn giữ trong tôi một ngọn lửa. Phải chấm dứt chiến tranh đã. Rồi về để xây dựng, bắt đầu lại, tất cả. Nghĩa là từ từng người, với từng người. Hàn gắn cho nhau những vết thương chưa đóng miệng, cùng nhau xua những cơn ác mộng vẫn rình đêm về để đánh úp, và chân thành nói với nhau bằng lẽ phải, với con tim. Nhưng về, tôi chỉ thấy sự sợ, sự nghi một đảng nói một nẻo, sự có hai ba nhân cách trong một con người. Và con người tự riêng hình như bị cấ khỏi con người xã hội, cái thẳng lúc nào cũng phải đối phó, phải tranh thủ, phải ngụy trang bằng nụ cười và ém dao dưới áo để phòng mọi kẻ khác, già cho đến trẻ, từ hàng xóm đến cán bộ cùng cơ quan. Hồng Đăng, nhạc sĩ nghèo, xoay thế nào mời tôi đợc bữa cơm có một phần tư con gà luộc. Gọi bọn cháu, con Ly và thẳng Phương, chúng đợc ".chúng cháu ăn cả rồi!" Cuối bữa, dọn bát

đĩa đi rửa. Tôi thấy Phương lúi húi ra bươi đất gốc cây cuối vườn. Làm gì vậy cháu? Nó lấm lét "...cháu chôn xương gà! Không thì hàng xóm họ biết."

Hạnh phúc cũng có, nhưng phải may. Tôi gặp và kết bạn được với những người đáng yêu và đáng tin. Đầu tiên là Hồng Đăng, rồi từ Hồng Đăng, tôi gặp các anh Nhân Văn-Giai Phẩm. Thuở ấy, Tạ Trọng Hiệp ở Paris tiễn tôi ra phi trường Charles de Gaulle đi chuyến bay Air France về Sài Gòn. Anh dặn dò giao tiếp phải cẩn thận. Anh kể kinh nghiệm của anh. Đinh Trọng Hiếu, cũng đã từng về nước, cười khuyên phải "khép lại mà đi" (marcher les fesses serrées), dạng háng ra là phiền. Thì tôi cũng biết vậy. Nhưng làm sao đây? Nếu không đánh cho tan cái sự sợ, người đâm thành ngọm cả, thì tiền đồ một xã hội đa phần hóa ngọm sẽ ra sao? Mới vừa giao tiếp với Nhân Văn-Giai Phẩm, đã có người đến "nhấn", quan hệ không được tốt. Tôi đáp, dạ, xin cứ cho tôi một danh sách những người không nên quan hệ, tôi sẽ tuân thủ. Thách thức như vậy, quả là tôi là một người không biết điều. Không biết điều, nhưng tôi biết sợ. Như đứa bé sợ ma trong bóng đêm giữa nghĩa địa hoang vu, chống lại cái sự sợ không có cách gì khác là vừa đá, vừa hát, hát càng to càng đỡ sợ. Cứ thế, tôi đã hát những lạc quan không hát.

Tôi đã hát, với Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuấn, Văn Cao. Và rồi với các anh. Có "Gấu chợ", giữa bệ bộn khăn, màn, giấy vệ sinh, xà phòng. Ở một căn nhà phía dưới là tạp hóa trên phố Hải Thượng Lãn ông, Lê Đạt gấu (với các vị chức trách), nhưng miễn cảm và trí tuệ. Anh đùa bảo, cậu cứ về chơi, mang cho chúng tớ một ít không khí để thở, thế là "đóng góp" rồi. Tôi đọc những bài thơ gom lại trong Bóng Chữ xưa làm tôi ngỡ ngàng. Có "Phương bật hơi", nhà khu Trung Tự, thuở ấy vừa mới có tin con trai "sắp" được giải Chopin. Đặng Đình Hưng dán trên tường một Bến Lạ những thơ. Bến lạ và đẹp, lạ như phong cách hào hoa của anh, và đẹp nghiêng ngả xa vắng những giấc mơ nửa chừng, cũng của anh, mang mang day dứt. Có "Hạc nội", lằng lằng một nỗi mây ngàn, rượu Đình Bảng mang ngậm mơ, ngậm hận. Phần anh, anh cũng ngậm, ngậm thơ. Giọng ngậm của anh nửa như hát cung vắn, nửa như than van khóc lóc, tức tưởi nghẹn ngào. Còn thơ, là thơ Hoàng Cầm của Về Kinh Bắc, của Men Đá Vàng, với những Cây tam cúc, Quả vườn ổi, Lá diêu bông. Có "Ăn trái mùa", mang chút hơi xuân ngơ ngác xót lại buổi đầu đông, se sẽ buồn, se sẽ hát, se sẽ nhớ. Dương Tường dịu dàng, quý bạn, hấp háy nhìn làm vẻ vô tư qua cặp kính cận dày bằng nửa gang tay. Và các chị, Thúy của Đạt, Khuê của Dân, Yến của Cầm. Lầy nhau, họ đều có vấn đề với tổ chức vì "quan hệ xã hội phức tạp" cả. Trường hợp Trinh và Tường, chắc không. Còn Đặng Đình Hưng, anh ở một mình, chuyện riêng tư với vợ là bà Thái thị Liên, anh không nhắc. Có nhắc, anh nhắc Đặng Thái Sơn, ôm vai tôi, dặn ra ngoài nhớ tìm cháu, chú cháu gặp nhau cho tôi vui.

Thuở ấy, Cọp ngày đang loay hoay với Lễ Zàng Sao, với các Tư mã, Tư mã gãy, Tư mã ổi. và nỗi buồn "vỡ kỷ" cùng những hạt bụi anh xô vào bao la. Xô bụi, đó là cách trốn trần với đồng loại. Bóng anh hắt hiu khắp khiêng cuối ngõ, khiến gió cũng chẳng nở lòng thổi, nắng chẳng nở lòng lên. Nỗi ấy, có tên bơ vơ. Tôi đọc Cổng Tỉnh những ngày cuối năm 81 :

...Có phố nào xanh Hoa lay hàng đậu tím?

Có phố mờ chờ tha thiết tự ngày xưa Để tôi phải bơ vơ Bơ vơ? Tôi?

...Tôi cô đơn trời xanh cô đơn trời tím Cô đơn nắng đào cô đơn mưa tái nhợt đầu ô ...Cô đơn lòng ngỡ rỗng trắng chênh Cô đơn sân ga tàu chạy tốc hành Không để lại các cuộc đời xé lẻ.

Tôi thắm câu anh hỏi "Tôi có thời cay đắng, nào kịp cay đắng đâu? Sao đã cho tôi những phố xào xạc? Sao đã ghi tôi vào mép sổ buồn rầu?" Anh hỏi, nhưng hỏi ai? Ai đáp? Mà dẫu có đáp, tin được gì. Khi thế kỷ còn rung chuông lừa bịp Những canh gà báo trượt rặng đông Con rắn lười cắn người như cắn ngoé Khi xe tăng chữa đi cây đi cày Như một lũ tội nhân cần cải tạo Khi con thò lò ngày đêm hai mặt đôi meo Còn quay tít trên kiếp người hạ giá.

(Hãy đi mãi, Văn, 1957) Bài thơ này anh viết, hai mươi bốn năm sau tôi mới được đọc. A, thì ra hai mươi bốn năm chẳng thay đổi được gì à? Phạm thị Hoài ghi đây là chương kết của Trường ca Đi! Đây Việt Bắc. Năm 90, Trường ca được xuất bản ở Hà Nội với tên Bài thơ Việt Bắc, song toàn bộ chương Hãy đi mãi bị cắt bỏ. Trên tập thơ tác giả đem tặng người "biên tập"

cho mình, anh Dần viết :

Gửi Vân Long, Người biên tập lại Đi! Đây Việt Bắc!

Thông minh và công phu!

Song tôi vẫn phản đối mọi kiểm duyệt. (Ghi, trang 451)

■ Hai tuần sau khi nhận được Ghi chị Liên gửi, tôi đọc kỹ, và rất kỹ những trang, những đoạn chị đánh dấu, khi thì bằng bút bi đỏ, khi thì bút "phốt" vàng. Tôi điện thoại cho chị.

- A, cậu đấy à (giọng chị làm ra vui).

- Cám ơn chị, em đã nhận được tập sách chị gửi!

- Cậu đọc chơi cho vui thôi.

- Không em đọc thật, chứ không đọc chơi. Nhất là những chỗ chị có đánh dấu.

Chị nói quấy quá :

- Ừ, chị có cái tật gạch xanh, gạch đỏ vào sách. Lẽ ra phải mua gửi cậu quyển sách mới.

Tôi ngắt :

- Thế mới quí! Em vừa đọc được sách, vừa đọc được cả tâm tình người đã đọc sách trước em, mà lại là chị.

- Thế cậu thấy thế nào?

- Buồn.

- Chị cũng buồn!

- Nhưng em tin rằng một phần nào, em buồn như chị buồn. Còn một phần em buồn, chắc khác với nỗi buồn của chị.

Chị Liên ngạc nhiên, hỏi giống là giống thế nào, khác thì khác thế nào? Tôi nhẩn nha, gọi cho chị nói. Dĩ nhiên, chị lập lại, bằng lời, những nét gạch đỏ, gạch vàng trên những trang Ghi của Trần Dần. Thì ra, chị ám ức, những người chị coi là thần tượng, đã "đầu hàng".

Ngày 8 - 01-1958, Trần Dần ghi "Một ngón tay, Nhân Văn cũng không có! Non năm nay, họ đã nắm ẹp cả xuống, vát tay lên trán, suy nghĩ như các nhà hiền triết cả rồi. Họ đang tranh nhau đi vào con đường cầu an. Tôi biết họ chỉ duy nhất một điều, là mong "Thánh Đế hồi tâm". Nhưng hình như thánh đế bị bọn quan hoạn lừa phỉnh. Bơm to, vu cáo, ton hót lừa trên, dối dưới, các thứ thủ đoạn, tinh vi thì không tinh vi gì đâu. Song không hiểu sao con mắt Đảng, con mắt to thế mà chưa nhìn thấy chuyện?" (Ghi, trang 187 - 88).

Đó là thời Hội Nhà Văn bị đánh. Hội thành lập tháng 4 - 57 sau Đại Hội lần II, trong đó Tổng bí thư Trường Chinh công khai đập Nhân Văn-Giai Phẩm, sau khi Nhân Văn ra được năm số và Giai Phẩm ba số. Tô Hoài làm tổng thư ký Hội, xuất bản báo Văn do Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân và Nguyễn Hồng phụ trách. Khi đó, guồng máy quyền lực đã thành lập Hội Liên Hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, chỉ đạo bởi Nguyễn Đình Thi (và đằng sau là Tố Hữu, phụ trách công tác Văn hóa- Văn nghệ của Trung Ương đảng). Bối cảnh chính trị là thời hậu Cải cách ruộng đất. Chân rết "Xứ ủy Bắc bộ", đứng đầu là Trường Chinh, đang từng bước mất chân đứng với Lê Duẩn, "Xứ ủy Trung bộ" (và ảnh hưởng không ít đến Nam bộ), đang xông vào hất cẳng, lợi dụng những sai lầm "tả khuynh" của Cải cách ruộng đất. Hội Nhà Văn (đang sau là Xứ ủy Bắc bộ?) bị Hội Liên Hiệp tấn công, gán cho là cánh tay nối dài của Nhân Văn-Giai Phẩm. Văn, có Lời mẹ dặn của Phùng Quán, Hãy đi mãi của Trần Dần, sống được bảy tháng, cho đến đầu năm 1958 khi đang trong số 36 Ông năm chuỗi của Phan Khôi thì bị đình bản. Không khí thời gian đó là không khí khủng bố. Một số nhà văn thấp thỏm sẽ phải ra "biên chế", tham dự những lớp "đấu tranh tự tưởng" và cuối cùng Hội Liên Hiệp tổng kết cuộc đấu tranh thắng lợi với Nhân Văn-Giai Phẩm vào tháng 6 - 58. Tháng 7, Nguyễn Đình Thi thành Tổng thư ký Hội Nhà Văn, thông báo kỷ luật các văn nghệ sĩ đã tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm. Trần Dần bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn, sau phải đi lao động cải tạo tại công trường Chí Linh cùng Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, vv.

Hai tháng trước đó, con người nói chung, và nhà văn "phản cách mạng" nói riêng, hoàn toàn

"mất giá" dưới tất cả những thứ áp lực, từ miếng ăn đến tư tưởng. Thậm chí, tội kết có cả tội làm gián điệp, tội âm mưu lật đổ Trung ương bằng phương pháp hòa bình (thì ra diễn biến hòa bình thời nay cũng chỉ là lập lại một "truyền thống"!)

Đó là trường hợp của Nguyễn Hữu Đang và Thụy An (Ghi, trang 254). Phùng Cung có những phản ứng không khoan nhượng, khi học tập "hỗn" đến bị đuổi khỏi lớp (Ghi, trang 253), chữ "mẹ nó, nhục lắm. Mình xin về nhà có được không nhỉ?" Trần Dần khuyên, rằng nên "đầu hàng", "họ" là "chân lý", không nên xin ra khỏi biên chế, lúc này việc cũng có thể bị coi là một sự tiến công của "tư tưởng thù địch". Tháng 5 - 58, Hội Nhà Văn "đề cho" nhà văn tự kiểm thảo sáng tác. Ai cũng phải tự phê. Về mình, Trần Dần tự kết tội là ".giặc - bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đòi truy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản, v.v.", và rồi anh dí dỏm ".tôi sáng tác thêm vài chữ để miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể". (Ghi, trang 257).

Trong không khí khủng khoảng tâm thần tập thể, cá nhân thành một con kiến, không có tư thế chống đỡ gì khi bị "đưa" lên mũi nhọn, và đàn áp tinh vi là làm thế nào "chia để trị", tìm ra những mâu thuẫn, buộc nhau vào cái thế anh nọ "đổ vấy", "tổ điều" anh kia. Hoàng Cầm làm tội, nghiện thuốc phiện, lại bị ra tòa về việc chung sống với chị Yến, thú với Văn Cao "mình dạt, bị đánh quá, mù đi như "con đồng", họ hỏi đâu thì cứ phun ra tuồn tuột, không nghĩ gì cả nữa" (Ghi, trang 265). Văn Cao, chắc có Tiến Quân Ca là cái lá chắn, bảo "Tao chỉ có tội chống Tổ Hữu, chứ tao có chống Đảng đâu?". Trần Dần tổng kết ". tình hình nay là một thứ hỗn tạp mới : - chủ nghĩa xét lại, khuynh hướng bôi đen đang bị đánh tan tác, - bên sự đầu hàng thực sự đó đây có kẻ trá hàng, - chủ nghĩa giáo điều, khuynh hướng bôi hồng đang nhăm nhe góc dẫy. Đó đây có ló mặt chủ nghĩa cơ hội, thính mũi và vô tài.

Văn học đang có cái nguy cơ hạ giá trị, nguy cơ ca ngợi một chiều, chạy theo sự cần thiết trước mắt, nguy cơ bôi bác và nhất là nguy cơ tràn ngập tác phẩm xoàng, phỉnh nịnh đảng. Còn cái nguy cơ xét lại đã bị đẩy lùi tới cái mức không thể nào phản công lại dù dưới hình thức tinh vi nào. Có chăng, chỉ là lẩn lút nở bằng mồm dăm quả mìn muối còn vương sót lại trên chiến trường, không tài nào thu dọn hết! Có vậy thôi!". Vì thế, Trần Dần nghĩ, thì thôi, cải tạo chân thực, nhưng không chủ nghĩa cơ hội, lập công giả dối, hay buông tay thả mặc. Anh vẫn tin "chủ nghĩa nhân đạo không cho phép đè nén, lăng nhục ai, dù người đó có tội nặng. Dùng sự sỉ nhục để cải tạo người ta, không thể là một phương pháp cách mạng : vì nó hết sức phản khoa học, phản trí thức." (Ghi, trang 268-269).

Hai mươi năm sau khi viết những dòng chữ trên, anh đúng một nửa, sai một nửa. Văn học (miền Bắc) hạ giá không phải là nguy cơ mà là một hiện thực, rất nảo lòng. Còn xã hội. Con người. Điều anh tin là một huyền hão : chủ nghĩa nhân đạo để thiếu thảng trên những văn kiện và nghị quyết, tã lót máu me, và tiếng khóc đưa bé đẻ non lịm đi chẳng khác gì một tiếng mèo văng vẳng trong đêm vô vọng.

■ - Chị ạ, quyền lực dọa dẫm bằng cắt cái miếng ăn, cấm không được lấy người mình yêu, bắt phê, tự phê, kiểm thảo tư tưởng, rồi chiêu dụ, lấy người nọ đánh kẻ kia. Hóa ra, ở đằng sau, có thể nào vẫn hai thế lực "đàng trong" và "đàng ngoài" húc nhau, Nhân Văn-Giai Phẩm chỉ là con muỗi té thần? Thành thử, khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ biết mới sống.

Chị Liên ngắt :

- Sống! Sống thế nào, mới quan trọng!

- Một mặt lý tưởng, mặt khác lại có phần ngây thơ nên khi vạch cái mặt trái của Cải cách ruộng đất, bêu cái tính cơ hội của bọn quan lại bàn giấy, phải chăng phe Lê Duẩn "đàng trong" ngầm ủng hộ Nhân Văn-Giai Phẩm để phá phe Trường Chinh "đàng ngoài"? Nhưng đến khi một thế lực đã chiếm được tiên cơ, họ phải giữ quyền lực, và họ co lại hết như "đàng ngoài", quay đánh vào tính "vô chính phủ" của những kẻ đã phản kháng. Lịch sử lập lại tấn tuồng nhảm chán nhiều lần. Hết như sau này, Mao dùng Hồng vệ binh nắm được quyền lực, rồi cũng chính Mao ra tay diệt Hồng vệ binh. Dưới lớp sơn khẩu hiệu, quyền lực thời tàn dư phong kiến chỉ có thể mang thuộc tính của những ông Thành Hoàng giơ roi cầm vọt, và dùng hàng đàn chó, hàng đàn cừu, loại sai đi cắn và loại để bảo. Cọp ngày, Gấu chợ, Hạc nội, Phượng bật hơi là . hàng

mỹ thuật xa xỉ trong một xã hội phải "cào bằng", ngôn ngữ quá độ phải đậm đà tính cày sâu cuốc bẫm tiêu biểu nền nông nghiệp mang truyền thống cha ông. Truyền thống, nghĩa là cứ con trâu đi trước cái cày theo sau, trên những thửa ruộng bón bằng phân tự măn chèn vào là hò hét vinh quang đến độ bệnh hoạn.

Chị Liên xen vào, giọng cao lên :

- Nhưng cậu nói thế nào thì nói. Ai cũng phải biết chết. Chị thì chị chết chứ không chịu nhục! Tôi khựng lại. Quả bà chị tôi đủ cái gan chết chứ không chịu nhục. Chị bỏ nhà đi giang hồ từ tuổi ấu thơ, lận lội, đấu tranh và thành người bằng ý chí nghị lực, giữa những lựa chọn trắng - đen, sai - đúng, thật - giả lúc nào cũng rình rập thách đố. Tôi thờ dài, tay sờ lên cổ :

- Vâng. anh Dần đã cứa cổ bằng dao cạo một lần, khi chị Khuê có mang cháu đầu lòng. Nếu anh ấy chết được lần ấy, bỏ vợ bỏ con, thế có gọi là "biết" chết không? Chết như vậy, cứu vớt được ai và thay đổi được gì?

Chị Liên im lặng. Đầu dây, tựa hồ một tiếng nấc. A, cái lưỡi dao cùn, không đứt được mà đau.

- Cứ giả dụ cái lưỡi dao ấy không cùn. Nó rạch toang cùn cổ, máu nhiều xuống có vôi, anh dấy lên, hét, kiêu Nguyễn văn Trỗi, chính chúng bay là giặc, chẳng hạn! Miền Nam sẽ tung hô anh, kẻ chết vì tự do và chính nghĩa, đặt anh lên hàng thánh tử vì đạo! Còn Miền Bắc, chắc giới văn nghệ sĩ lặng đi, và sợ, trở nên dễ "cái tạo" đến độ không hô vắn theo, không dạy vắn ngoan, đánh đĩ "thoải mái"! Đấy, chết thì như thế! Còn sống thế nào? Trời sinh làm giặc bút, thì viết. Muốn mỗi con chữ là một tiếng gào thát thanh, không thể viết gì ngoài cái thống khổ, sự ruồng bỏ, phản bội. O ép vật chất may còn qua được, nhưng tinh thần thì, ôi thôi! Đầu những năm 60, Hoàng Cầm viết được Về Kinh Bắc. Trần Dần hoàn thành Cổng Tỉnh, rồi Đêm núp sen. Những Bóng Chữ của Lê Đạt và Bến Lạ của Đặng Đình Hưng không biết có phải cũng từ những ngày ấy không?

Chị Liên vẫn im lặng. Tiếng điện thoại viễn liên vo ve như muỗi ngày.

Tôi tiếp:

- Vậy giả dụ tất cả những lưỡi dao không cùn, nó cắt, xoẹt một cái, đứt cổ và chúng ta có thêm dăm vị á thánh, anh hùng, chết vì cái nọ cái kia. Nhưng đổi lại chúng ta mất đi những tác phẩm đã cứu vớt phần nào được ba mươi năm văn nghệ bị trói khuỷu, tay ê buốt mãi đâm mang cái hình dạng tê liệt thương tật của cả một tập thể "những nhà văn" chỉ giỏi ê a "chống Mỹ cứu nước", hát bài hát hy sinh, anh dũng. để tiếp tay gây ra một cuộc hủy diệt, số tử vong lên đến số triệu đếm đủ ngón một bàn tay. Không, trăm phần không. Không ai có cái quyền bắt người khác làm anh hùng! Và cái chết, dẫu chết thế nào, vì cái gì cao đẹp đến đâu chẳng nữa, cũng không thể đánh đổi lấy sự sống. Nhất là sống để tiếp tục nhà thơ nuôi đời.

Như anh Dần, 1961, nhà tiểu thuyết Đêm Núp Sen. Năm 1963, Zờ Zoạc (thơ). Năm 1964, Mùa Sạch (thơ). 1965 là thời gian sung sức, hai tác phẩm Một Ngày Cẩm Phá (tiểu thuyết) và Những ngã tư và những cột đèn (tiểu thuyết). Năm 1967, Con Trắng (thơ hồi ký). Năm của Tết Mậu Thân 1968, 177 Cảnh (hùng ca lựa). Không biết sao anh đợi 6 năm sau, đến 1974 mới ra Động đất tâm thần (nhật ký thơ). Rồi 1978, Thơ không lời - Mây không lời (thơ, họa). Liền sau đó là 1979 với Bộ tam Thiên Thanh - 77 - Ngày Ngày, 1980 với Bộ tam 36 - Thở dài - Tư Mã dâng sao. Ba năm sau, anh bệnh. Nhưng đến 1987, anh viết Thơ Mini. Anh viết, cứ viết. Biết bao giờ in? Há chi! Không cần, viết là nghiệp. Cứ thế, anh viết gần ba mươi năm. Một mình. Không độc giả! Rồi năm 88, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm. được phục hồi hội tịch Hội Nhà Văn. Tác Phẩm Mới xuất bản Bài thơ Việt Bắc (bỏ chương Hãy Đi Mãi, đã nói trên). Sau là Cổng Tỉnh năm 94, được trao giải thưởng năm 95. Anh mất năm 97. Đến 98, tập Mùa Sạch được nhà xuất bản Văn Học cho ra mắt. Trả lời Nguyễn Quang Lập, hỏi qua thời Nhân Văn, anh tự thấy anh được cái gì nhiều nhất? Trần Dần đáp, được cái hoạn nạn. Do được cái hoạn nạn nên được không dưới ba chục tác phẩm trong ba mươi năm.

Đó là thời anh đi Huế gặp anh em làm báo Sông Hương. Hoàng Phủ Ngọc Tường hỏi, sau khi anh nhận "hội tịch" :

- Thừa anh, con người sống ai cũng cần có nhân cách, nhà văn lại càng phải có nhân cách. Theo anh, nhân cách nhà văn quan trọng nhất ở chỗ nào?

Trần Dần đáp :

- Nhân cách nhà văn chính là văn cách của anh ta. (Ghi, trang 439) Sau đó, Trần Dần vào Sài Gòn. Và đó là dịp tôi gặp anh lần cuối.

■ Gặp những người tôi gắn bó, lần nào tôi cũng tự nhủ, ai biết đâu những bắt trặc và tình cờ, với thời gian thì không chừng lần nào cũng có thể là lần cuối. Đó là cách tôi sửa soạn tâm thế sẵn sàng nhếch mép cười trước mọi được - thua, mất - còn, đời người ai cũng có. Lần gặp các anh sau dịp Tết Dương Lịch năm 82 cũng vậy.

Chúng tôi "hội sao" ở nhà Dương Tường một buổi xế chiều. Gió mùa Đông bắc vi vút qua những cành bàng trơ lá dọc con lộ Lý Thường Kiệt, đẩy cái se se băng giá ngấm qua những chiếc áo len mỏng mảnh chụp xuống con người khiến dáng dấp co ro tội nghiệp đến xót lòng. Các "tư mã" lục tục, người trước, kẻ sau, gặp thì cười, nhưng là cái cười của những cuộc chia tay ai cũng tránh nói thành lời. Quà cho tôi là những bài thơ các anh chép tặng. Thơ Đặng Đình Hưng thơm mùi ổi, bốn câu. Thơ Lê Đạt, dập dờn bóng chữ, bốn câu. Thơ Hoàng Cầm, thể thiết quan họ, bốn câu. Thơ Dương Tường, gập gềnh lyrique, tám câu. Riêng Trần Dần, bốn trang thơ, viết chữ như kiến bò ngang bò dọc, rồi vẽ vẽ, viết viết, đọc trên, mũi tên chỉ xuống, sang trang mũi tên lại bay lộn về. Ghim vào tim với những nỗi đau "vỡ kỷ", những hạt bụi "xổ" vào bao la, với nhân duyên và những sợi tơ hồng đứt đoạn trong niềm đau "mạt kỷ" thuở lễ Zàng sao.

Ồi tài hoa, bao nhiêu đây quanh tôi là tài hoa. Và tài hoa, khốn khổ thay cũng là hoạn nạn, bao nhiêu là hoạn nạn. Tôi thầm hỏi, này sông này núi, ai trấn ai yểm gì mà cái đất nước này cứ phải chôn sâu vùi chặt những đũa con ưu tú nhất? Có sao những gì là tinh hoa trí tuệ cứ muôn đời phải chống trả với cái vung tay thô bạo của thứ quyền lực nhất thời?

Năm 82, Hoàng Cầm lại bị bắt. Tội danh là bán rượu chui! Oan nghiệt ló mặt nhìn bằng cặp mắt những con chuột nhắt chui ra lúc đêm đổ xuống thế gian. Bán rượu chui đâu phải chỉ một Hoàng Cầm? Lê nào là vì anh giao du với tôi, Việt kiều, tức là người nước ngoài (ngoài nước?). Thời gian đó tôi ở Paris. Tin anh bị bắt tôi đọc trong tờ Le Monde giữa một tiệm ăn Việt Nam khu Quartier Latin. Nước mắt tôi ứa ra, không cầm lại được. Tôi bắt Métro trạm St Michel, nhìn xé qua là bồn nước có những con sư tử há miệng phun có vòi. Có lẽ đáng điệu tôi lúc ấy thắm thương lắm. Đến độ một người da đen nghèo khổ vỗ vai, một kẻ sans abri có lẽ, đưa cho tôi điều thuốc anh đang hút dở. A, con người với nhau. Thật may, cũng có chút tình! Tôi lẳng lẳng rít một hơi, rồi trả lại. Sau Hoàng Cầm, còn ai nữa? Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt. Tôi lại còn giao du cả với Nguyễn Tuấn, Văn Cao, Bùi Xuân Phái . toàn thuộc diện Nhân Văn xưa có vấn đề. Tối hôm đó, tôi ghép thơ các Tư Mã tặng, để báo đền chút tình tri ngộ. Tiện đây tôi xin chép lại :

Một chùm sao nhấp nháy những âu lo Về tụ lại lễ Zàng Sao giữa hạ Nơi đã đặt tên và chỗ định số dăm chàng Tư mã Nhẽ nhạt trắng khuya nhiều xuống ngân hà Thuở Bích Câu vọng câu tao ngộ Chuyển tần số lòng những ánh sao sa Chờ đá đến một vùng chưa tiếng nói Đốt lửa lòng lên đuổi mù sa Ai khép gió giữa hai mùa vội vã Trời quê hương sao xác một canh gà Tiếng chó sủa Tiếng huýt sáo một người đi chơi đêm về đánh thức Mắt lữ ánh buồn kẻ ở xa Bờ ao mẹ nắng trở mình, sáo tẩm Rửa cánh gầy xô bụi giữa bao la Xin đợi nhé mùa chim mây vỡ tổ Đầu ăng ten sẽ lại tin nhà Khâu lý lịch chữ, Lễ Zàng Sao, Tư Mã, nhấp nháy âu lo là clignettitude, chữ Trần Dần bịa. Tiếng huýt sáo, mắt lữ ánh buồn là Dương Tường. Mùa vội vã và bờ ao mẹ, Đặng Đình Hưng, từ "bao giờ về trong khoanh một cái ao - ngồi giặt áo cả ngày". Nắng trở mình, khép gió, chữ Hoàng Cầm. Rửa cánh, xô bụi, lại Trần Dần. Mùa chim mây vỡ tổ, và ăng ten, là chữ Lê Đạt. Những chữ này lý lịch như thế chẳng hiểu chúng có được ba đời bản cổ nông hay không?

■ Về Hà Nội hè năm 88, tôi sửng sờ, không biết là buồn hay vui khi nạn nhân Nhân Văn-Giai Phẩm đều "được", và đều "nhận", phục hồi hộ tịch. Văn Cao trước đây được Huân chương hạng tư, hân hoan cày vát vét-tông đi chụp ảnh, với Hải - Không quân, vì là tác giả của những bài

hát biểu trưng những binh chủng này. Đó là cái rút sau khi Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh "cởi trói" văn nghệ sĩ năm 87 và Trung Ương thông qua nghị quyết do Trần Độ, Trưởng ban Văn hoá Văn Nghệ, soạn thảo. Nhưng chỉ năm sau Đổi Mới đã khựng lại. Trần Độ mất chức. Linh thụt lùi và Đỗ Mười xông lên. Tôi trách Văn Cao. Tôi bảo, tiếng tăm anh chỉ mất đi chứ thêm được gì với cái Huân chương đó. Anh giả say, mắng tôi là quân khiêu khích -agent provocateur - rồi giơ tay dọa đánh. Thái bá Vân, chuyên gia và là nhà phê bình Mỹ Thuật có ở đó, đứng dậy chia mặt cho Văn Cao, kêu, anh muốn đánh thì cứ đánh tôi. Thao, con trưởng anh, cũng nhồm lên, bảo tôi chú đừng chấp bố cháu. Không đóng được kịch đánh (trước một khán giả có thể là kẻ đi theo "bảo vệ"(!) tôi), anh đành đuổi vậy. Thật ngộ nghĩnh, chị Băng vợ anh can thiệp. Xấu gì ở Văn Cao cũng đổ cho "bà" Băng là sai. Hôm ấy, hành xử rất tư cách, chị quát anh. Phần tôi, tôi xin với bạn bè có mặt là quên đi, để giữ "huyền thoại" Văn Cao. Bởi huyền thoại cũng cần : có tí gì để hãnh diện, để vinh vang, cũng là một cách giữ cho mình tồn tại giữa một cơn hỗn mang đạo lý.

Gặp nạn nhân vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, tôi bớt gay gắt, nhưng cũng chẳng giấu gì cách mình suy nghĩ. Không khác với trường hợp Văn Cao, tôi nghĩ nhận hội tịch là phá đi một cái huyền thoại, không phải về những con người, nhưng là huyền thoại về phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, ngọn lửa dầu ai có giang tay dập sao vẫn cứ âm ỉ ba mươi năm nay trong lòng người. Vâng, tôi nói thế, dẫu các anh có thể không vui. Phần Trần Dần, anh buồn, im lặng. Con cọp ngày khật khừ, nhướng lên, ánh mắt không rùng rục như cọp nhớ rừng. Với thời gian, anh thành cọp nhà, cọp phố Vũ Lợi, cọp chống gậy đi dọc Yết Kiêu, đến Trần Hưng Đạo rẽ trái, và lững thững bước về phía Bờ Hồ. Vài ngày sau anh bay ra Huế.

Chúng tôi gặp lại nhau ở Sài Gòn giữa một buổi trưa nắng gắt. Anh đợi, ngồi rìa một cái quán bên đường. Vẫn cái tư thế cọp ngồi chống mắt nhìn đời, chập chùng xe qua xe lại nhả khói khét mùi xăng nhớt. Cọp nheo mắt chóa nắng lừng lững chống gậy đứng lên. Lần ấy là lần đầu anh vào miền Nam. A, cái lưỡi dao cùn. Nó chẳng phải chỉ cứa cổ người. Nó chém ngang lưng Tổ Quốc. Không đứt được thật, miền Nam vẫn đó. Nhưng mà đau, nổi đau còn đó, lưng rướm máu, nay vết sẹo mới tẩy da non, xin chớ ai động mạnh. Chúng tôi lại hẹn hò.

Tối hôm sau, liên hoan trên gác ba nhà Nguyễn Quang Sáng. Nguyễn Duy mới đi Liên Xô và Đông Âu về, đang đánh tiết canh vịt dưới bếp. Đã hẹn, nhưng sao mãi chưa thấy Trịnh Công Sơn. Khoảng bảy giờ, có tiếng chân, tiếng người. Sơn đi trước, Lữ Quỳnh đang xách Bùi Giáng theo sau. A, hay thật là hay. Con đười ươi Tề Thiên tối nay gặp cọp ngày. Năm 24 tuổi và đầu một đời thơ, Giáng hạ bút Vòng theo máu hai vòng tay khép chặt. Ô thừa em ta thấy mộng không thường. Năm xấp xỉ 20, Dần "chôn tiền chiến", và trong Dạ Đài, bản tuyên ngôn Tượng Trưng, anh gầm :

Không thể rung cảm chúng ta nữa cái văn chương cổ tích chỉ có một chiều chỉ nhắc gọi một cõi đất một tâm tình. Sau cái thế giới hiện trên hàng chữ, phải ẩn giấu muôn nghìn thế giới, cả thế giới đương thành và đương hủy. Bọn lãng mạn, sau khi chùi xong nước mắt lại lảm nhảm nói chuyện những nàng tiên.

...Chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đương kể những câu chuyện cổ tích cho người đứng tuổi nghe. Phải gây nên cả hai không khí hoang đường và hiện thực. Chúng ta cũng không thể tách lập được hẳn thực hư, và chia đôi địa trấn bằng một bờ sao rõ rệt. Làm sao mà giải quyết được sự mâu thuẫn phi thường đó?

Chúng ta chỉ có một con đường đi để thoát khỏi mê đồ. Chúng ta chỉ có thể dung hợp được thực và hư bằng hình tượng. Thế nên chúng tôi - thi sĩ tượng trưng - chúng tôi sẽ nói lên và chỉ nói lên bằng hình tượng, thứ ngôn ngữ tân kỳ, ngôn ngữ của những thế giới yêu ma, của những thế giới thần nhân mà cũng là của cái thế giới âu sầu đây nữa.

Thế ra anh cũng mộng không thường! Anh bỏ những nhát cuốc đào mồ "tiền chiến" : cái thi ca cổ rích, cái thi ca tĩnh của tiên nhân ngâm vịnh, của bọn lãng mạn chẳng làm chúng ta quên, vì chẳng có thể đẩy đưa chúng ta theo những nhịp điệu bồng bênh của bản thanh âm hoàn vũ.

Thế nên chúng tôi - thi sĩ tượng trưng - chúng tôi sẽ đón về đây tất cả những thế giới quay cuồng, chúng tôi sẽ bắt một vàng trăng phải lặn, một ánh sao phải mờ đi, một chế độ phải tàn

vong và một bài thơ phải vô cùng linh động. Và với anh, nghĩa là một bài thơ không được dùng lý trí, không được dùng cảm tình, nghĩa là không được chỉ dùng có một quan năng tách bạch của chúng ta - dù quan năng nào đi nữa. Hãy đem tất cả linh hồn, hãy mở tất cả cửa ngách của tâm tư mà lý hội. Trận gió sẽ lên : tức khắc và đột nhiên, vì thơ đã không cần lý luận.

Chẳng biết đời ươi Tề Thiên đã đọc Dạ Đài hay chưa? Chỉ thấy đời ươi huyếch miệng cười khan và sáp lại, mắt hấp háy. Cọp bắt động, nhưng nhìn đời ươi chằm chằm. Anh em xếp cho đời ươi ngồi trước mặt cọp. Sơn tươi tỉnh ".anh Giáng, hứa không được phá ghen!" Móm mém, Giáng cười, tiếng cười trong vắt hồn nhiên. Chưa đụng vào đũa, Giáng bi bô chỉ trở vào Dàn, và nói, tay vung lên, miệng say sưa. Chẳng ai hiểu gì! Vì anh nói một thứ tiếng lai tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp, nghĩa là thứ tiếng riêng của Bùi Giáng, lộn nhộn đủ loại ngữ ngôn. Lạ thật, Dàn gật gù. Thành linh, Giáng đứng lên ghé, tiếp tục nói, như diễn thuyết. Sơn ra bên cạnh, kéo Giáng ngồi xuống, nhắc ".phá quá cha nội! Hứa gì quên rồi ư.". Giáng cười khi khi, giả ngồi yên. Sơn vừa về chỗ, Giáng lại đứng dậy. Con đời ươi Tề Thiên nghiêng ngả, kêu chí choét, lại nói. Lúc ấy Dàn giơ tay. Giáng ngừng ngay, mắt trở lên nhìn. Con cọp giọng triu mến thốt ".người ta bảo Bùi Giáng giả điên!" Giáng lại kêu chí choét, như giục, còn gì nữa? Dàn im lặng. Giáng vung đứng lên ghé, rồi giả xiêu giả vẹo. Lữ Quỳnh phải chạy lại đỡ. Con đời ươi Tề Thiên cứ thế, diễn màn độc thoại, nhưng vô ngôn, có lẽ dành riêng cho cọp. Lữ Quỳnh và tôi, mỗi người một bên, dìu Giáng xuống thang, ra đường gọi xe xích lô. Đẩy Giáng lên, chúng tôi trả tiền xe. Vừa quay lại thì Giáng đã nhảy tót xuống xích lô, tay chia ra, miệng kì kèo "... "tau" không đi xe, mi chia "tau" một nửa tiền xe hi!". Rồi Giáng lẩn trong bóng đêm trên đường xưa là Công Lý, nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa, vạt áo bà ba trắng vạt biển vạt hiện như một linh hồn lạc lõng. Lữ Quỳnh kể, người nghe lo cho Giáng. Sơn cười ".già ấy tỉnh, khôn thấy mờ tỏ, đừng lo!".

Hai bữa sau, tôi lại lên đường. Nhưng sao chưa đi mà đã nhớ! Lại tự nhủ, lần cuối, nhưng miệng cứ hẹn sẽ gặp lại, còn gặp lại, dẫu trời mang mang, đất mang mang, vì đại dương bây giờ, lời Nguyễn Tuân, chỉ còn là cái ao éch một đêm mưa.

Từ trụ sở báo Văn Nghệ số 43 Đồng Khởi, Nguyễn Duy, Hồng Đăng và tôi ghé lên căn gác nơi Trần Dần nghỉ trưa nhà Hồng Văn, một nhà báo hưu non, đang ở tạm. Trần Dần nằm, mắt nhắm nghiền, tay vẫn nắm chiếc gậy hôm nọ tôi xin anh. Khi đó, anh nói ".Bữa Chỉ mới cho" và tôi đành "thế thì anh giữ làm kỷ niệm!". Nhìn anh, tôi thì thào với Đăng, ".thôi để ông ấy ngủ!", dẫu tôi biết anh chỉ nhắm mắt. Anh thừa biết tôi đến chào anh. Nhưng cả anh lẫn tôi, chúng ta nào có ai biết đây là lần cuối.

Tám năm sau, tôi ghé Bolsa gặp Trịnh Cung. Câu đầu Cung nói, là "Anh Dần mới mất, mình vừa nhận được tin!" Về nhà Hoàng Khởi Phong, tôi dim nổi đau xé lòng trên phiến máy điện toán, viết về con cọp ngày vừa chia tay cả phố thị lẫn rừng xanh. Bản viết đó, rõ ràng tôi gõ "save", nhưng nó lại trôi tuột vào hư không vì máy hỏng. Hoàng Khởi Phong loay hoay chữa nhưng vô phương. Dẫu có ai làm thế nào cứu vãn được cái mất mát chính, là anh. Vâng, mất mát đó vô cùng lớn cho tất cả những kẻ lòng còn gắn bó với chữ nghĩa và quê hương.

■ Một chuỗi biến cố kể từ cuộc đàn áp ở Thiên An Môn đến sự sụp đổ bức tường Bá Linh khiến tôi lại chẳng được visa để "qui cố hương" thăm hỏi các anh sau năm 90. Thế là Đặng Đình Hưng đi. Rồi Bùi Xuân Phái, Văn Cao. Và Trần Dần năm 97. Nghe tin Lê Đạt "được" qua Paris, tôi vội bay đến hàn huyên. Chúng tôi có vài ngày với nhau nơi nhà một người bạn nhà văn Đỗ K. đã mượn cho ở. Sáng nào chúng tôi cũng ra uống cà phê trên St-Germain. Nhìn ra phía trước là Métro Odéon, quay về phía sau, sao chúng tôi vẫn lại chỉ thấy Bờ Hồ trong cơn mưa bụi. Lê Đạt bảo ".Dần mất thế là hơn nửa năm rồi! Nhanh thật, cứ như mới hôm qua.". Vâng, mới hôm qua. Những cái mặt đồng hồ trơ trên không kim trong giấc mơ ở Hà Nội ngày nào lại hiển hiện trước mắt tôi. Ở Paris, kim đồng hồ là một hiện thực. Vòng quay của kim một chiều, và chiều đó là chiều quay đánh dấu những tiến bộ trong một số địa hạt nhất định. Như khoa học. Kỹ thuật. Như công, thương nghiệp. Dưới một mức, là quyền con người. Nhưng dẫu sao, nó cũng nhích lên, trong một thế giới thông tin mở, không chập chập, ù lì, chai cứng đến độ mất

hết sức sống. Lê Đạt nhắc kỷ niệm xưa, giọng tiếc nuối ".Dần nó có tư cách "chường môn"! Còn mình thì không, cứ bông lơn ba lẳng nhăng.". Tôi lại hình dung ra con cọp ngày, mắt rừng rực, quyết liệt tuyên ngôn, rằng cái kho chữ là tài sản quý nhất của một dân tộc. Anh nhếch mép, râu rung rinh đùa hỏi tôi, cái môn kinh tế học của cậu nó có dạy thế không? Không hả, anh cười, thế thì "hông". Những phút ấy thật hiếm. Đùa xong, anh lại trầm ngâm.

Tôi hỏi Lê Đạt, đã đến lúc anh viết về Nhân Văn-Giai Phẩm như những chứng nhân và nạn nhân chưa? Đạt bảo, Hoàng Cầm nói và thu cát xét, để có đến cả chục cuộn băng. Còn mình, anh cười, mình chưa ghi chép gì cả. Tôi bàn, viết về Nhân Văn-Giai Phẩm là viết về một giai đoạn và một tinh thần văn học. Anh gật gù, thế cậu thấy cái gì gọi là tinh thần Nhân Văn? Câu anh hỏi, tôi chưa đáp, khát đến hôm nay. Xin thưa gọn : tinh thần bản cộng với tinh thần sáng tạo. Và như phương tiện vận chuyển xã hội đến lý tưởng mà chung quyết là hạnh phúc con người, văn chương hành động dẫn thân, can đảm phê phán hiện thực. Tệ quan liêu, chủ nghĩa tô hồng cơ hội, và bản chất phi nhân giữa thập kỷ 50 là đối tượng. Nghĩ kỹ lại, đến nay là thiên niên kỷ thứ 21, tình hình xã hội cũng chưa khác là bao, thậm chí so với thời đã qua thì nhiều vấn đề cấp bách hơn, trong đó sự mất niềm tin vào tương lai đến độ tuyệt vọng là căn bệnh ung thư bộ não đã vào giai đoạn cuối cùng.

Tương quan giữa quyền lực và văn hóa trong xã hội có một số thuộc tính khó chối cãi được. Năm 87, ông Nguyễn văn Linh "cởi trói" cho văn nghệ sĩ, thừa nhận hiện thực "bị trói", và trói bằng những vòng kim cô xiết lại nói ra tùy theo nhu cầu chính trị. Đùng một cái, từ 87 đến 91, liên tiếp một số tác phẩm sáng giá ra đời. Tướng về hưu, Thiên sứ, Những Thiên Đường mù, Nỗi buồn chiến tranh, Đi về nơi hoang dã, Những mảnh đời đen trắng, Bến không chồng. Và những khuôn mặt mới như Dương thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thị Hoài, Bảo Ninh, Nhật Tuấn. làm nổi lên một không khí sáng tác, mạnh dạn hơn, chất lượng có, và gầy nên được cái hy vọng lấp dần khoảng trống của thứ văn học khẩu hiệu, xoàng xĩnh, có tính dịch vụ tuyên huấn, uỷ lạo, động viên thi công thúc chiến. Rồi cũng đùng một cái, Linh co lại, Đỗ Mười lên. Đùng một cái, sáng tác lại khuôn phép ngậm miệng. Và ở giai đoạn bỏ bao cấp xã hội chủ nghĩa quá độ tiến lên (tiểu) tư bản thủ công đỏ và đen, văn hóa trong nước tràn lan trăm chuyện xe cấn chó, chường rẻ tiền, tình Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan. Đất nước chúng ta có phải chẳng đang phá sản ở mọi mặt? Kinh tế tụt hậu, nợ cứ nợ, thế hệ sau (?) trả. Con người hạ giá, xuất khẩu làm tôi mọi khắp nơi, ô-sin vinh quang với nhiệm vụ quốc tế. Còn văn hóa, ta chỉ còn độc cái món thi hoa hậu, hoa hậu từ làng tới huyện, từ huyện tới tỉnh, từ tỉnh tới vùng, từ vùng tới thành phố, rồi từ thành phố đến toàn quốc. Giáo dục, ôi thôi, cả nước "lãng" học nhưng tiến sĩ, phó tiến sĩ nhan nhản đầy đường. Tiếng báo động chục năm vang như tiếng sấm, sấm động nam bang theo cách nói một sử giả đại quốc đến thăm viếng ta trong huyền thoại Trạng Quỳnh. Nhưng các vị lãnh đạo nay đang hy sinh cho tiền đồ hay hy sinh tiền đồ? Họ kiên quyết ngồi yên, không động đậy, bằng chân như vại, rùng rình ngựa xe. Mặc dầu có 25 triệu (tức là 60% lực lượng lao động) người thất nghiệp, theo thống kê của Ngân Hàng Thế giới năm 2002. Thế thì trăm ngàn ô-sin, triệu gái mãi dâm, là tất yếu, là "qui luật", thứ qui luật mới. Chưa bao giờ, tinh thần nhân văn cần như lúc này! Gió ơi, đừng nghe lời khuyên chớ đừng rung cây! Gió hãy lên! Cho cây đổi mùa thay lá. Vì sông mấy khúc nhưng rồi nước cũng chảy, mây mấy tầng nhưng rồi chim cũng bay.

■ Nhà văn Phạm thị Hoài, người biên tập và hiệu đính GHI, nói rõ "Với chúng ta, đó là những văn liệu và tư liệu vô giá về một giai đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn xếp sổ, nếu quả còn có sổ." Ghi trở nên một hình phạt, Trần Dần viết, nhưng "kết quả của hình phạt với một người lại có thể là quà tặng không ngờ tới bao nhiêu người khác". Điều này rất đúng. Nhưng nó đòi hỏi người khác, tức là chúng ta, một cách đọc để hiểu.

Chị tôi, chị Liên, đã đọc. Chị cũng hiểu, là Trần Dần đã từng đầu hàng, Hoàng Cầm thế này, Lê Đạt thế kia. ai cũng có lúc nhụt chí , yếu xìu, hèn đi, qui thuận và thậm chí đôi khi van lơn chạy "tội". Chị buồn vì đèn tắt, nến tàn và dăm cây nhang cháy đến gốc không còn cái mùi ngát ngày gây mê trên bàn thờ nơi thần tượng vừa sụp đổ. Vâng, nếu là thần tượng, thì có thể thật.

Nhưng nạn nhân vụ Nhân Văn-Giai Phẩm là những con người. Và nhất là những nhà văn. Họ có thành thần tượng, là do chúng ta nặn lên cho chính chúng ta. Nhu cầu tế lễ không phải là lạ, từ ngày con người tìm ra lửa, biết tầm quan trọng của quá khứ, và để ra huyền thoại như một trong những phương cách nhằm xác định bản thể mình.

Họ là những nhà văn. Lập lại lời Trần Dần, nhân cách của họ là văn cách. Điều sau, đòi hỏi họ có tác phẩm. Chính cái sự rất người là yếu, hèn... để từ hoạn nạn mới cho phép họ viết về cái rất người của những con người. Giả như họ chỉ anh hùng (rơm), kiên cường, móc mắt mình như Thụy An (rồi chết), thì bất quá họ để lại cũng chỉ một hai câu, đại loại kiểu "bay là giặc!", "không thành gì thì thành nhân", hoặc "thà làm quỷ xứ tự do (miền Nam xưa, USA bây giờ?) còn hơn làm vương đất độc tài toàn trị (miền Bắc xưa, Nga mafia bây giờ?)". Trời ơi! Đất nước ta đã có quá nhiều anh hùng. Họ là những kẻ đã nằm xuống rồi, và cho sống dậy chắc gì họ chẳng không hối tiếc?

Cách đây bốn năm, tôi lại về Hà Nội. Tôi đến thấp hương cho Trần Dần, cho Văn Cao. Như những năm xưa, tôi đến thấp hương cho Nguyễn Tuân, cho Bùi Xuân Phái. Tôi có cảm giác họ vẫn đâu đây, như những người muốn năm cũ, lần quần trong tâm tư những kẻ nôi tình gắn bó vào chữ, vào nghĩa, và vào cả cái định mệnh khốn khổ của những người làm nghệ thuật nhưng không có tự do. Đâu đó, tôi nghe tiếng Nguyễn Tuân rử rĩ, nước mắt tràn trề trên những sợi râu bạc, kêu khê . Sợ! Tôi tồn tại được là vì tôi biết sợ!

Tôi cũng thế, nghĩa là tôi từng sợ, từng hèn, từng yếu, có lắm lúc buông trôi, nhưng cũng có đôi khi nổi loạn! Và tôi hỏi chị Liên, còn chị? Tôi kể, tôi mơ thấy ông Dần ngồi trên vách phán, một bên là thiên đường, một bên là địa ngục. Cạnh ông, một rổ đá, cục nào cục nấy to bằng nắm tay. Ai đi qua, ông cũng chìa cho một cục, miệng bảo "Không từng sợ, không từng hèn. thì cứ ném đá cho tôi chết thêm một lần!"

Làm gì có kẻ chết được hai lần!

Nói đến cái chết. Và chôn. Trong dịp chuyện trò với anh em biên tập Sông Hương, Trần Dần kêu "...Thế hệ trẻ à? Tôi cứ đợi mãi. Nó bị trong vòng vây của văn chương cung đình, tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến."

Những ai đã chôn Trần Dần? Chưa chôn? Vì anh chưa chết, thế hệ trẻ ơi!

Vài tháng sau khi tôi đọc GHI, một hôm tiếng điện thoại viển liên reng lên. Cầm máy nghe, lại chị Liên. Chắc chị mới từ Hà Nội bay về Cali. Chị kể chuyện, con cà con kê, rồi bảo, có một món quà bất ngờ cho cậu. Tôi hỏi. Giọng dịu dàng, chị nhỏ nhẹ :

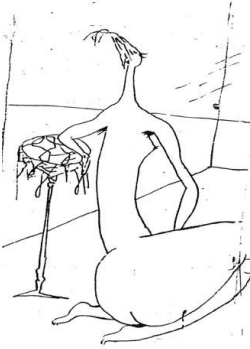
- Chị mang quà anh Hoàng Cầm gửi. Vẫn như mọi bận, một lít rượu làng Vân. Để hôm nào chị qua chỗ cậu chị mang sang!

Cám ơn chị, đến thăm anh Cầm là chị đã hiểu. Chị cứ kêu chị thất học, nhưng chỉ học chữ để khiến lắm người quên mất nghĩa. Và cái học trường đời, chữ cần một, nghĩa cần đến mười, mới thành người được. Chai làng Vân chị mang qua cho em lần trước vẫn còn một nửa. Tối nay, em sẽ uống, một ly cho chị. Một ly cho những huyền thoại chúng ta cùng nhau gìn giữ, không phải để phong thánh ai rồi nhang đèn điệu đóm, mà là từ đó ta lại khởi đi một cuộc lên đường sáng tạo. Còn lại, em uống để nhớ món quà Nhân Văn trao cho những thế hệ sau. Rượu làng Vân, rượu tình rượu nghĩa. Cũng những chén rượu đó tôi nhấp môi vào, hai mươi năm trước, nghe anh Cầm ghen lời, hạ giọng ".Chỉ mình ta.Ta say ta đập lúi tinh tú. Ngủ yên rồi đôi cá đòng đong". Trên nền đất nện, một cái bàn mộc, dăm chiếc ghế chân lay, xộc xệch bao nỗi đời nên may mà có rượu chui, thơ chui. Như thơ các anh, những nhà thơ không được có độc giả, sao dám mãi cứ thi gan nhả chữ vào vực thăm để tiếng vọng xô từ vách đá là tiếng thờ dài lẫn trong tiếng nguyên rủa. Thế đấy, nhưng Trần Dần vẫn cười khẩy, thách thức "tôi có thể mặc thầy ngàn tiếng chửi tục tằn, trừ tiếng chửi sống không sáng tạo ".Như rượu làng Vân, cũng phải chui. Quốc lủi, khác rượu quốc doanh ở chỗ nó thật, không dối trá, không lên gân hô khẩu hiệu. Nó thoang thoang hương nồng chất nếp than, để lại đầu lười buốt bỏng vị cay của hoạn nạn. Uống vào, bỗng dưng sẽ thấy con chữ ở dạng nào cũng đeo trên mình chữ tâm của

người viết, chữ tình trong kiếp nhân sinh. Và nhất là trách nhiệm, với mọi người, kể cả những người muôn năm cũ.

Trần Dần, Ghi (1954-1960), Biên tập và Hiệu đính : Phạm thị Hoài, Xuất bản : td memoire, Paris, 2001.

Sổ bụi 1981



Trần Dần vẽ

.con CHỮ cổ truyền quan trọng á duy nhất NGHĨA. bây giờ. một hồi quan trọng hình âm/âm ngữ >nghĩa ngữ.

.sinh tôi làm gì / tôi không hợp grammaire nào cả / sinh tôi đã có grammaire cho tất cả / ắt là không zuyt cho tôi / tôi không thích mọi grammaire quần đùi may sẵn / ví dụ một ngày tôi lại đọc là / KHÔNG / ai cũng có ngày / ngày của mình / tôi không có ngày nào hết ? / bất công này. tôi kiện ai đây / không ai xử kiện cho ai / tất cả đều muốn đi kiện mà / không quan tòa. không luật. cũng không pháp đình.

.ai cũng có những gì ai ai đều có.

.ai cũng có lúc ngọt lúc bùi / riêng tôi không có. cả ngày cả chén đắng mà thôi.

.tôi vẫn viết cái gì tôi chẳng-biết ?

.ở đây miếng za lừa ngày ngày teo nhỏ mãi
mọi người cũng teo theo. nhỏ bé lại. teo theo.

.tôi ở đây...tôi đang ở cả đằng kia. trên kia. dưới nọ... tôi ở mọi chỗ nào có một ả đầu thơ.
hai mắt đen ngàn lệ nhé...tôi vẫn thông tay trong chợ bụi đồng người...

Cha tôi, nhà thơ Trần Dần Trần Trọng Vũ

Cuốn “Thơ” của Trần Dần mới xuất bản đã gây sự chú ý của dư luận. Chúng tôi xin trích giới thiệu bài viết của họa sĩ Trần Trọng Vũ, con trai của nhà thơ, để góp phần cùng bạn đọc giải mã một giai đoạn sáng tác của ông.

Năm 1993 tôi được đọc lần đầu Paul Auster qua bản dịch tiếng Pháp *L'invention de la solitude*. Cuốn tiểu thuyết mang nhiều tự sự, nhật ký và hồi ký.

Sau khi cha ông mất, nhà văn trở lại căn hộ nơi gia đình ông đã sống nhiều năm trước, để ngồi lại trong phòng riêng của cha, để nhận ra rằng ông đã không biết gì nhiều về cha ông, để lục tìm những đồ vật cũ, gạn hỏi quá khứ, để hiểu hơn về con người này.

Thời ấy, họ sống ngay cạnh nhau, trong cùng một căn hộ, nhưng mỗi người trong phòng của mình, nhưng không có những chia sẻ thân thiết. Vì nỗi cô đơn của mỗi người quá lớn.

Cuộc tìm kiếm quá khứ của nhà văn lại kéo dài khoảng cách của họ. Những sự kiện đến từ quá khứ mỗi lúc một thêm cụ thể thì hình ảnh cha ông ngày càng mờ nhạt, đến lúc dường như cha ông chưa bao giờ tồn tại trong cuộc đời của ông.

* * *

Năm 1997, bố tôi, nhà thơ Trần Dần mất tại Hà Nội. Phải đợi nhiều thời gian sau tôi mới cảm thấy sẵn sàng mở lại di cảo của ông. Nhưng không phải với hy vọng được xích lại gần với ông hơn, không phải để hiểu ông hơn. Cũng không phải vì sợ mất ông. Tôi đã không thể xử sự được như trong văn học.

Quan hệ chặt hẹp của chúng tôi chưa bao giờ sóng gió đã cho phép tôi lựa chọn phần riêng tư nhất trong hàng trăm bản thảo và tình phụ tử nhiều ích kỷ dĩ nhiên đã khiến tôi, một cách tầm thường nhất, chỉ giữ lại những gì liên quan đến con người Trần Dần và nhà thơ Trần Dần.

Tất cả những sổ nhật ký của ông đều còn nguyên vẹn, nối liền những năm những tháng, rỗng rã từ năm 1954 tới 1989. Nếu như những sổ tay đầu mang đề tựa Ghi vật, có thể giúp tôi đọc lại được nhật ký của một người bố, một người chồng, một người yêu, thông qua những sự kiện thường nhật thì từ năm 1973 những sổ nhật ký đã trở thành những sổ thơ và từ năm 1979 là những sổ bụi hoặc vở bụi.

Không còn những chuyện đời thường, để có thể đem kể lại cho một ai đó để cung cấp bí mật về các nhân vật có thật hoặc để làm tổn thương danh dự của một vài người. Không còn cách nào khác là phải đọc cuộc đời của ông bằng văn học.

Nhưng một lần nữa tính ích kỷ của lòng hiếu lại cho phép tôi được xếp trả vào di cảo một phần rất lớn của những sổ thơ và sổ bụi này. Đó là khi nhà thơ viết lại những suy nghĩ chông chéo của ông về một cuốn sách, một đoạn trích, một tác giả, một buổi nói chuyện văn học, một ý kiến Triết học hoặc Phật học, hoặc Kinh dịch, trong những phép chính tả của riêng ông, đôi khi trong những ký hiệu thị giác chưa ai có thể giải mã được.

Tôi chỉ có thể lấy ra những câu thơ hoặc bài thơ nằm rải rác khắp nơi trong ba mươi tư sổ tay nhật ký văn học của ông, như những hạt bụi trong muôn vàn cơn mưa bụi.

TÔI và CHO TÔI

Nếu như các nhân vật xưng TÔI của Nhất định thắng, Cồng tinh, Bài thơ Việt Bắc , Jò joacx, Mùa sạch...có thể gợi ý người đọc liên tưởng tới Trần Dần thì chữ TÔI của các sổ bụi được khẳng định là tác giả khi ông gọi chúng là journal sauvage, là nhật ký anti - tự sự.

Phản tự sự không có nghĩa không có tự sự, mà trái lại tự sự là một trong những vị trí trung tâm của nhật ký. Không có tự sự thì làm sao phản được tự sự?

Nhưng nhật ký theo kiểu Trần Dần lại vượt khỏi mọi giới hạn của tự sự, để trở thành VẤN HỌC. Tự sự bị phản bội bởi chính nhà thơ vì văn học không bao giờ thuộc sở hữu của một người.

Chữ TÔI của ông, từ sổ thơ đến sổ bụi, không dùng để làm đối thoại. Những hội thoại văn học được bình lại trong nhật ký thường không có chữ TÔI.

Rất khó tìm thấy ở đây những đại từ nhân xưng mà người Việt ưa dùng để định vị trí, đẳng cấp của nhau, và để tỏ thái độ với nhau. Khi thuật lại một cuộc nói chuyện ba người dài suốt cả một cuốn sổ thơ (1976) ông bắt đầu thế này:

«Một hôm, vô hại, vô thường vô phạt, như mọi hôm vô vị vô mùi:

BÀNG: Có khi cần một travail symbolique?

ỒI: Không, không, mọi thiết định! Không?

CÁT: Làm quái gì, travail théorique?

BÀNG: Ủ, làm quái gì? ...»

(Bàng = Trần Dần. Ồi = Đặng Đình Hưng. Cát = Đoàn Chúc [chú thích của ttv]).

Không thấy ai xưng danh cả. Và những trang thoại dài như thế đòi được giải mã, chỉ ngay từ những cái tên người. Nhưng tôi không nghĩ tất cả những độc thoại này đều chỉ đơn thuần là những ghi chép? Mà là một hình thức của văn luận?

Nếu có chữ TÔI trong những tranh luận này thì đó là những câu trích thơ của ông, lấy lại từ chính những trang khác của nhật ký. TÔI của sổ thơ của sổ bụi là chữ dành riêng cho tự sự, và cho thơ. TÔI không thể đứng chung với một người nào khác. TÔI để báo trước một cá thể cô độc. Có thể dựng lại chân dung và cuộc đời của người xưng TÔI, một cách hoàn chỉnh, từ lúc sinh tới khi chết, thông qua rất nhiều chữ TÔI như thế này:

Tôi chôn rau ở tận trời sao. (Sổ thơ 1973)

Tôi chẳng phải tù binh quả đất. (Sổ bụi 1979)

Tôi đã leo nhiều ngõ cụt cổ điển. (Sổ bụi 1979)

Tôi không bao giờ hú với chó sói, chỉ một tội này họ chẳng thể tha tôi. (Sổ bụi 1982)

Chết đi, tôi vẫn mắt ngủ. (Sổ bụi 1988)

TÔI bao giờ cũng ngạo nghễ, đầy khí phách, nhưng cũng không ít mâu thuẫn, không ít dằn vặt, không kém phức tạp. Những cuộc gặp gỡ trong văn chương Việt Nam thường xuyên chỉ cho tôi làm quen với những cái tôi đạo đức như ngọn cỏ, hoặc dễ chịu như một vị anh hùng không có thật.

Ít thấy ở đâu có ai dám đặt mình bên cạnh quả đất, vũ trụ, nhân loại, chân trời, cõi chết, vì sao bay, hoặc tối nhất thì cũng dám đứng gần chó sói, sâu bọ, nhà tù... TÔI của sổ bụi không bao giờ còn đi cùng một cái tên cụ thể, dù chỉ là một địa chỉ như Tôi ở phố Sinh Từ của năm 1955.

Cùng với thời gian phố Sinh Từ đã bước ra khỏi cuộc đời nhà thơ, ra khỏi bản đồ hành chính thành phố Hà Nội, để ba mươi hai năm sau ông viết: Tôi sống ở hai chân trời... một trời hoành đạt, một trời sao bay?

Chữ TÔI của sổ bụi thường xuyên được đặt cùng với những yếu tố tích cực, luôn thay đổi, luôn chuyển động, không kích thước: chân trời, chân mây, gió, mưa, các vì sao.

Ông đã đến rất nhiều chân trời để biết rằng mỗi thay đổi chân trời / một thay đổi nhân sinh, để báo trước «đám ma tôi» : hôm ấy - lã chã sáu chân trời, lã chã sáu chân mây .

Và cũng dễ thú nhận rằng ông mỗi ngày thay áo mảy chân mây. Và các chân trời cũng đổi ngược nhau làm sao. Nếu có một lúc nào đó ông nói: ở một chân trời tôi mở những chân mây, nếu có một lúc nào đó ông phàn nàn: những giờ phút vắng chân mây? bao nhiêu lấp hồng không vừa, thì cũng nhiều khi chân trời lại làm ông thất vọng: bốn căng chạy tới chân trời? không bõ? không bõ? vớt về một canh cánh chiêm bao.

...Rồi có một lần, ông nói về hạnh phúc, nhưng không có chữ TÔI, và bản thân hạnh phúc cũng khó khăn thế nào : Thôi đi những hạnh phúc - quần đùi may sẵn! giày dép - đóng sẵn! Sớ? Cờ? Hạnh phúc chẳng mua ở công ti-may mặc-sẵn? những si lip sách chẳng vừa...cốc sê jáo khoa ca mà thịt hờ... (Sổ thơ kể kể 1976) Hoặc những phút hiếm hoi như thế này cũng được kể lại theo cách viết rất riêng của ông:

«Tôi có nghèo đâu, trăng sao lũng liêng. Mây phôi dằng dặc khắp chân trời. Hương hỏa của tôi, kho nào chứa xuê? Ê hề vũ trụ sao bay. Tôi đi lại cho ai giờ? Tầng tầng mây, lục địa lục địa của cái» (Sổ bụi 1979)

Nhưng có khi TÔI trở thành CHO TÔI. Cặp quan hệ «tôi cho ai» và «ai cho tôi» có mặt trong thơ ông từ thời Cổng tỉnh, chẳng bao giờ được trả lời. CHO TÔI thực ra là cái vô lý mà trong đó TÔI không thể hiểu được, là cái không thể mà TÔI khao khát, là những tình thế mà TÔI không thấy lối ra. Nếu như TÔI có mặt thường trực suốt cuộc đời thơ của ông, thì CHO TÔI lại chỉ tập trung ở những thời gian nhất định, có vắng bóng, có hội ngộ:

sao lại cho tôi quên cháo lú. quên cha quên mẹ. quên ngày hội. quên chạm ngõ. cưới xin. chôn cất. tang chồng không để. để tang xô.

cho tôi về dưới Tía. cả ngày chong bóng xế. cho tôi về quá Mẽ. tào lao giấc trắng phèo phèo.

sao lại cho tôi nhiều xương sống thế? trước quyền không biết lom khom? (Sổ bụi 1979)

Ai xuất tiền mặt cho tôi? (Sổ bụi 1982)

cho tôi ngồi fô khói? ga khói của lòng? bướm khói liệng sân ga? (Sổ bụi 1989)

Chữ TÔI kiểm điểm bản thân cùng một thời đại buồn rầu của Cổng tỉnh năm 1960 đến những sổ bụi không còn xếp cùng với thời đại của ông nữa. TÔI những năm tám mươi từ chối bên ngoài:

Nhân loại - tôi không chơi với các anh nữa

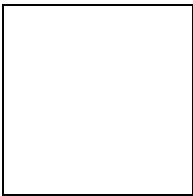
Ván nào anh cũng ăn jan... (Sổ bụi 1982)

Người đọc cũng có thể hiểu được rằng con đường từ TÔI đến TÔI đâu phải chỉ khép lại trong cô đơn, mà là kết quả của rất nhiều năm lao động: Từ tôi tới mình? vạn lí trường chinh..? mấy ai đi hết lữ trình? nửa đường rơi rụng sinh linh? (Sổ bụi 1987). Người đọc cũng có thể được lý giải vì sao chữ TÔI của thơ mini 1988 vừa khỏe mạnh, vừa đau đớn, lại vừa kiêu hãnh, đến ầm lòng:

Tôi khóc những chân trời không có người bay

Lại khóc những người bay không có chân trời

Có thể đây là một trong những lý do vì sao những bài thơ ngắn và cực ngắn, bắt đầu từ các sổ thơ 1973 đôi khi chỉ được đánh số thứ tự, phần nhiều chỉ được gọi là những bài «thơ lẻ», phải đợi đến năm 1988 những bài thơ ngắn mới được gọi là «thơ mini».



Thơ và họa của Trần Dần

THƠ và KHÁCH THƠ

Khi đọc bố tôi viết tác phẩm là bản gốc, đời là bản sao (Sổ bụi 1988) tôi đã cho rằng hai mươi ba năm sống cạnh ông tôi mới chỉ học thuộc bản sao của ông. Bản sao này cũng không trọn vẹn.

Tôi không được ở cùng bố tôi tám năm cuối của ông. Sau khi ông mất, bản sao này dần dần được thay thế bằng một cái gì khác, một cái gì mà cho đến tận bây giờ tôi vẫn không dám khẳng định có phải là THƠ của ông, là di cảo của ông. Tôi vẫn muốn làm sao giữ lại được bản sao ấy, dù chỉ là bản sao, dù nó không hoàn thiện.

Nhưng nếu cuộc đời ông đã được ông đem tặng cho THƠ? Nhưng nếu cuộc đời ông chính là một tác phẩm không được viết?

Tuy nhiên tôi không muốn băn khoăn tìm hiểu vì lý do gì cuộc sống gia đình và những thăng trầm của xã hội không được tham gia trực tiếp vào nhật ký của ông từ 1973. Ông còn có một mối nợ khác vô cùng riêng tư, mối nợ vẫn đi theo ông từ Bài thơ Việt Bắc, từ Nhất định thắng, từ Cổng tỉnh:

Tôi như có lời hứa chưa xong. Có lời nguyện chưa trọn. Có câu thề còn trần trở nơi tim- thơ là trò rồ của những kẻ như tôi. (Sổ thơ 1976)

Thơ là thuốc chữa cho ta, bệnh sống.

Chẳng bệnh gì đâu, chỉ mỗi bệnh sống. Không thơ, lấy gì chữa chạy giúp dùm ta? (Sổ thơ 1975)

Thơ với tôi như tôn giáo không nhà thờ - không giáo chủ. Chẳng tăng sư? tôi vẫn chốt ở đền Bay-on chữ. Thơ là mạng sống, là lý lịch thật đời tôi. (Sổ bụi 1988)

Mối nợ của ông là THƠ. Mặc dù TÔI của sổ thơ sổ bụi đã được ông đem tặng hết cho THƠ vẫn có những lúc ngăn ngại THƠ tách ra khỏi TÔI cũng giống như tạm xếp lại những tình bạn tuy thắm thiết nhưng lại ít dễ chịu của họ. Những lúc ấy ông hiểu rằng: Thơ vì thơ, tuyệt đối. Hễ vì bất cứ gì khác, dù cao quý mấy, thơ sẽ chẳng còn là thơ. Vì vậy, thơ khôn thể vì chim gái chẳng hạn. Những thơ tình, thơ chính trị, bất kì tính từ nào, đều vô nghĩa, với tôi. (Sổ bụi 1988). Và THƠ không có TÔI lập tức vứt bỏ mọi ràng buộc và giới hạn, của ngôn từ và kích cỡ, được nhà thơ chiêm ngưỡng từ xa, vô cùng say sưa:

Thơ là cái thăm thăm. (Sổ bụi 1988)

Có một vùng thơ tên gọi không lời. (Sổ bụi 1988)

Vùng mù...vùng tổ của vùng thơ. (Sổ bụi 1984)

Tuy nhiên, việc phi thường chờ người phi thường, có nhà thơ mới có thơ (Sổ bụi 1984), nhà thơ được ông gọi là người thơ, thi sĩ... và khách thơ. KHÁCH THƠ mang nhiều trùng lặp với con người Trần Dần, cả hai cùng bị lạc tới quá đất, và ông quan sát KHÁCH THƠ với nhiều thương xót.

Bản thân ông là người chôn rau ở tận trời sao, bản thân ông còn xa lạ quá quá đất, để có thể cảm thông với vị khách lạc, để nói nhưng không rõ với ai:

Khách thơ chẳng thích gì quả đất. Anh lạc hành tinh rồi! Tội nghiệp! (Sổ thơ 1975)

Trong cùng một sổ thơ, ông gặp những con đường cũng biết ước mơ, gặp một sân ga im lặng trắng, gặp những vì sao biết là áy náy hộ vì ai, gặp khách thơ nhưng không bao giờ, và bao giờ, khách thơ có chỗ, ở trong huyền não địa dư-người.

Ông trách: Trăng Á mặt trời Âu đều chẳng chiếu. Vào chỗ nào là chỗ khách thơ đau. Trong những sổ thơ và sổ bụi sau này không thấy KHÁCH THƠ quay trở lại quả đất nữa. KHÁCH THƠ giống như một cuộc viếng thăm không lời, đến từ một vùng thơ không lời, và vội vàng khép lại...

Đến thời gian làm thơ mini 1988 nhà thơ của ông có lúc không còn mang bóng dáng của người khách thơ im lặng và thi sĩ đầy khát vọng, mà gai góc khó chịu: Mỗi nhà thơ mang một địa ngục. không ai người chung sống nổi với nhà thơ. Nhưng nhiều khi nhà thơ ấy lại đời thường biết bao, và ngay cái đời thường lại nghịch lý đến tầm thường. Tôi không thể mỉm cười được trước những bông hoa không được rắc nước hoa, bởi bài thơ chính là quan niệm của ông về THƠ và NHÀ THƠ:

người thơ

không rắc nước hoa

lên những bông hoa mình trồng.

Sổ bụi CUỐI

Tôi đã không tự hỏi, khi lục tìm di cảo, đâu là những dòng viết cuối của bố tôi? Tôi đã bắt đầu bằng những tác phẩm năm, là những trường ca, những tập thơ đã hoàn chỉnh, những tiểu thuyết, tranh vẽ và thơ vẽ không có lời mà ông gọi là Thơ cơ bản, rồi những tập thơ có lời mà ông lại gọi là Thơ không lời.

Bốn năm sau khi ông mất, tôi mới đọc những sổ thơ và sổ bụi. Tôi nghĩ đã thu xếp cho mình đủ bình tĩnh để đọc nhật ký của người khác. Tôi đã đọc ba mươi tư sổ tay, không theo trình tự, không hiểu hết, không nhớ hết, và không biết tôi đã đọc những dòng viết cuối của ông từ lúc nào.

...

Năm 1989 bắt đầu, và thật kỳ lạ, đây là trang sổ bụi duy nhất có ghi ngày tháng, nằm lẫn vào trong những trang cuối của sổ bụi 1988:

“Ngày 23 tháng 1 năm 89, tức ngày mùng 10 Chạp Thìn.

Dương đã 89. Âm vẫn chưa sang trang Kỷ Tỵ. Thời gian châu Á vẫn tiêu sâm...

Tôi chẳng muốn mang sang gì cả. Nỗi buồn ga cuối còn nguyên”.

Sổ 1988 hết trang, ông sang sổ mới. Đây mới là cuốn nhật ký cuối cùng của ông, sổ bụi 1989. Ông bắt đầu như thế này:

Canh bạc giao thừa - thua cũng được?

đời

đau - thi

cách rõ ràng...

Rồi có những bài thơ mini:

Tia mắt chiêm bao ngạt ngào quanh thế. Người về bang cũ có buồn không?

Cổ nhân bang mới buồn như khói? Tắm lòng ga cuối lặng như đêm.

ngã ba đen? ngã ba đen?

sự vật không đên?

ai khóc?

ngã ba tim?

Và rất nhiều chữ CUỐI, chưa bao giờ cùng tụ tập lại như thế này:

- hoa soi? hoa sói. hoa sòi. hoa khói? ga cuối của lòng.

tim cuối? hai bàn chân cuối?

“Đây rồi phố cuối – khóc đi thôi”

- tuổi cuối?

hai bàn chân cuối vẫn ra đi

- xá gì khi khói - cuối đã bay đi?

mây cuối của lòng?

con mắt cuối vẫn chong chong?

- tuổi cuối?

ga cuối của lòng

nghe hát thương hoa...

...

Ở một trang khác, là chính ông đứng chống gậy ngoài phố. Ngoài ngã ba phố hay ngã ba tim? Đây chính là hình ảnh ông mà ai đã biết ông đều nhận ra. Đây cũng chính là một ông già tập tễnh trong mắt người đời, trong con mắt trẻ con, bị trẻ con trêu. Không thể đọc một cách bình thản được:

“ngã ba tim. từ ngã ba tuổi. từ đèn ngã ba? - ông già hoè? ông koè? tôi iêu ông già hoè?

không iêu ông già koè? - tôi iêu ông jà koè! tôi iêu ông jà hoè!”

Nhưng rồi những day dứt của ông lại nhanh chóng nhường chỗ cho một mùa thu rất xanh và một cơn mưa mà ông đã gặp từ hồi Nhất định thắng, từ hồi Cổng tỉnh:

“cho tôi ngồi fố khói? ga khói của lòng? bướm khói liệng sân ga? tàu khói. chung nhau màu tuổi khói? đầu dè mắt khói chiêm bao. mây bay? chung đôi ngồi kể khói? mưa rất xưa mà thu rất xanh. mắt khói thế này. mắt khói để cho ai?”

Tôi không cho rằng một mùa thu rất xanh có thể đóng lại toàn bộ những sáng tác của ông. Tôi vẫn biết không bao giờ ông bằng lòng với những gì ông đã làm.

Không hiếm khi ông đã tự trách mình: tuổi 60 rồi? không viết nổi một câu thơ? Anh 60 rồi chẳng có quê? Cho dù đối với ông ghi trở nên một hình phạt (1958) ông vẫn tiếp tục viết những bức thư không gửi cho những sổ tay, những đau lòng sổ bụi. Phải lâu lắm tôi mới tìm lại được trong

sổ bụi 1988, khi ông nói về thơ mini, những dòng chữ sau: tôi thích viết cái chưa biết, mặc các ông viết cái đã biết. 90 có hoàn thành không? có thành công không để mà đốt đi? Tôi đã đốt tôi đi không phải chỉ đôi lần...cái chưa biết- cái khó - thậm chí cái bất khả thu hút và đấm đuổi tôi.

Dấu vết nhỏ bé này đã cho phép tôi đặt câu hỏi có phải ông đã tự chuẩn bị cho mình ngày đóng cửa bốn mươi sáu năm ghi nhật ký từ một năm trước?

Có phải những năm sau 89, ông đã không còn muốn nhảy qua bóng của mình? Có phải ông đã có linh cảm không lành về cái mới, về bệnh tật sẽ cướp đi trí nhớ và sự minh mẫn của ông năm năm cuối đời?

Có phải ông đã huỷ toàn bộ phần sau của sổ bụi để tay không mà đi sang BÊN KIA. Như ông vẫn nói: Tôi chẳng muốn mang sang gì cả. Nổi buồn ga cuối còn nguyên.

Paris, tháng 4 năm 2003
Nguồn: Tiền Phong

Chú bé làm văn...

Gió bắc thổi như điên, gió ào ào lùa vào trong ngõ, gió vụn xoắn lấy bộ quần áo rộng thùng thình của Lư, tạo ra tiếng phần phật khi em đang thoăn thoắt chạy thi với gió. Hai tay chú bé lễ mễ mậm cộm. Cái mâm gỗ xin xin thật là to hơn cả người chú bé Lư.

Lư chạc 13 tuổi, cái đầu húi ngắn mà bé như một quả đấm, thò ra trên cái áo bu-dông màu nâu bạc rộng thùng thình. Cái quần kaki cũ mà chú đang mặc cũng rộng. Ống quần dài lại to như chân voi phải vén lên tới 2 gấu, làm thân người săn sắt của chú lọt thỏm đi trong bộ quần áo rộng quá khổ. Chắc hẳn là quần áo của người lớn nào đó cho chú.

Chú Lư tạt ngang vào cầu thang, bê mâm cộm lên gác, chông bát hơi xô nhau. Chú lấy chân đẩy cửa rồi đặt mâm lên chiếc bàn nhỏ. Một chút gió lùa thốc sau gáy chú vào buồng.

Gian buồng nhòm xuống phố, nhòm lên trời, khung cửa sổ mở rộng thấy mấy nóc nhà trước mặt rét co ro dưới một mảnh trời đông xin xin. Cả gian buồng này có đồ gỗ duy nhất là chiếc bàn nhỏ kia, với hai chiếc ghế mây, một chiếc đã thủng mặt, trên có kê một tấm ván gỗ. Ở một góc nhà nằm thu lu cái hòm gạo, xưa từng là cái hòm đựng sữa hay đựng cái gì đó mãi tận bên nước ngoài. Bây giờ nó nằm ngoan ngoãn xó nhà bên chai nước mắm, với nồi niêu cũng thường nằm thon lỏn ở đó. Ở góc buồng đối diện là một cái chiếu còn mới, hoa đỏ chon chót, cuộn tròn phủ lên trên ba lô, quần áo, chăn màn. Tất cả thành một đống khá to nằm nép cạnh tường. Chủ nhân nhà này ngủ ở đây. Ban ngày chiếu được cuộn lại cho gọn mắt. Cả gian buồng bày biện sơ sài còn có thêm một chiếc giầy thép vắt khăn mặt, với một cái chổi vàng xin khiêm tón nép vào tít một xó nhà ít ánh sáng nhất. Thế là hết.

Ánh sáng mùa đông một ngày rét ngọt không đủ sức nóng sưởi ấm cái không khí lạnh lẽo này. Gian buồng trông cứ trơ ra như một người cời trần đứng trong gió bắc. Nhưng được cái là tất cả đều sạch sẽ, gọn gàng, khiến gian phòng nhỏ có thể kéo lại được khá nhiều cảm tình.

Chú Lư khoan khoái nhìn mâm cộm đạm bạc với một đĩa tép kho nhỏ, một đĩa bắp cải luộc và một tô nước đánh gừng còn bốc khói. Rồi chú nhìn quanh quẩn. Không biết nghĩ sao mà sàn gác sạch thế, chú vẫn vớ cái chổi quét một lượt nữa.

Chú Lư mồ côi cha từ lúc còn ẵm ngửa. Đến năm lên bảy ra ngoài kháng chiến, chú lại mồ côi nốt mẹ. Bây giờ ở gian buồng này, chú sống với người anh ruột lớn gấp đôi tuổi chú, tên là Khiên, cán bộ một cơ quan Trung ương. Chú hiện đang theo học lớp 6 một trường tư. Thật là

cả một sự gắng gượng hết sức của người anh ruột mới có thể lo cho chú Lư được đi học. Bởi vì một xuất sống phải chia xẻ thành hai xuất sống. Riêng một đồng lương của người anh thôi, dù khéo co kéo đến đâu cũng khó mà đủ đầy được cho cả hai anh em.

Nhưng anh Khiên đã từng biết những ngày ăn toàn mặng mà vẫn làm việc trong những lán rừng kháng chiến. Khiên lại thương em lắm. Anh không muốn em mình sớm vào đời, sớm đóng góp với hai bàn tay còn non nớt và bộ óc thất học. Tình yêu em đã làm anh nảy ra phương kế phải thi hành một chính sách tiết kiệm hết mức. Đúng là nghĩa đen của chữ thất lưng buộc bụng. Khiên nhin quà sáng, cai cả thuốc lá, từ chối mọi giải trí của thành phố, lại còn tiết chế cả lòng thương em nữa. Lâu lắm Khiên mới lại dúm cho em trăm bạc ăn quà hay đi xi-nê ngoài bãi. Người anh ấy thu vén chi ly, thực là một sự hy sinh cực nhọc vì tương lai của em. Hòa bình đối với anh, hẳn lại là một cuộc chiến tranh mới, cũng tự nguyện gian khổ và cũng cao đẹp như những ngày kháng chiến trước kia.

Tính Khiên ít nói, hình như là anh tiết kiệm cả ngôn luận. Đối với em cũng thế, thương thì để bụng chứ hàng ngày anh nghiêm nghị lắm. Khiên đi rồi lại về, chẳng mấy khi hỏi han trò chuyện với em cả. Chú Lư vừa yêu vừa sợ anh. Ban tối có chung nhau ngọn đèn 25w nền vàng nhòe bên bàn làm việc thì cũng im lìm mỗi người mỗi việc. Người anh đi vắng gần như cả ngày, có khi đêm cũng còn đi, chẳng biết là học tập hay chạy vạy một món gì đó.

Riêng chú Lư bầu bạn nhiều hơn với bốn bức tường này, bộ bàn ghế nọ, hay cái chiếu kia. Chú đi học một buổi, còn ở nhà làm những việc vặt cùng bếp núc.

Bây giờ bữa cơm sáng đã chuẩn bị xong xuôi, chú Lư khoan khoái đợi người anh về cùng ăn dù bụng đói đã lâu. Chú ra chiếc ban công nhỏ để nhìn xuống phố. Gà vịt ngoài đường có đến chục con đang rỡ. Chợt đầu phố, một chú gà sống đỏ xù lông mổ nhau với một chị vịt trắng. Thế mà chị vịt lại được chú gà hung hăng. Phố vắng tanh, ngoài lũ gà vịt chỉ có lũ trẻ con. Từ đứa mới lùn chùn biết đi đến đứa lớn bằng chú, hơn chú, phải đến chục đứa. Đặc biệt có một đám chơi bi bết, một tốp con gái xoè váy nhảy dây. Phố nhỏ chính là thiên đường của trẻ con. Xe cộ chả vắng, bố mẹ mới thả cho con cái ra nô đùa trong lòng phố. Chú Lư từ trên gác cao cúi cái đầu lờm chờm tóc khô khác, đưa cặp mắt hoành hoành mà thềm thường hết nhìn đám bi bết lại sang nhìn đám nhảy dây, rồi lại quay xem lũ gà vịt có lắm trò gà vịt. Chán mắt, chú lại vu vơ nhìn nhà này nhà khác. Chú ngắm cái ô cửa tròn của cái nhà màu đỏ trông huếch hoác như con mắt chột. Chú quay nhìn sang bên kia. Nơi có cái sân thượng phơi quần áo lấm lấm màu loạn cả mắt. Còn chỗ này nữa, mấy tia khói nhàn nhạt đang bay lửng trên mái tôn gian bếp căn nhà đầu phố, thường khi có con mèo đen nằm sưởi nắng. Chú Lư thuộc cái phố này lắm. Thuộc đến nỗi chú có thể nhắm mắt mà kể vanh vách từ cái nhà xanh lơ thò ra ngoài, đến cái nhà đỏ 3 tầng chói cả mắt, rồi tiếp đến cái nhà vàng thụt vào. Cứ vậy chú điếm hết phố, chỗ nào cổng sắt tường gạch, chỗ nào tường lỗ mấy chỗ làm trơ ra những cái mụn loét đỏ. Tất cả chỉ có mười lăm nóc nhà thôi mà. Vậy mà cái thì thò ra, cái thì thụt vào, màu vôi đều đã nham nhở. Cả phố cứ như một hàm răng khắp khểnh và hà xún. Vậy mà không biết làm sao mà chú yêu cái phố nghèo này đến thế. Cái phố xộc xệch, cũ kĩ, nhỏ xíu đến nỗi ban đêm không có nổi một ngọn đèn đường, nhưng nếu phải chuyển đi nơi khác, hẳn chú Lư nhớ, buồn lắm. Ngày nào chú cũng ngắm cái phố này dăm bảy bận mà không chán mắt, vào cái lúc cấp sách đi về nhà, lúc ngồi học bài hoặc khi nấu cơm xong, được rồi rồi như sáng hôm nay. Tối hôm ấy, anh Khiên đi vắng.

Trời mưa phùn, gió rét buốt thổi long sòng sọc trong ruột phố. Một mình một ngọn đèn, chú Lư nghiêng cái đầu húi ngắn làm loạn quốc văn. Chú chăm chú lắm. Nhà chả đông chủ, gian buồng bên, đâu như có khách nói cười ầm ĩ, nhưng tiếng động tới buồng Lư cửa đóng kín mít nên đã trầm đục đi. Chú đang tập trung suy nghĩ. Tai chú chẳng còn nghe thấy tiếng động bên ngoài mà chỉ nghe thấy tiếng bút sột soạt. Chú nắn nót từng chữ, mấp mấp môi mà viết. Hình như chữ nghĩa nó biết nói hay sao ấy. Chúng cứ reo reo lên trong đầu chú, trong màng nhĩ chú, đến khi chúng đã lũ lượt nằm tím đặc trên trang giấy mà vẫn như tiếp tục rầm rì. Góc nhà, một

con chuột nhất cạy nôi cơm lục cà lục cục mà vẫn không bị chú Lư xuýt xuýt như những lúc khác.

Đầu đề bài luận: “Hãy tả cảnh êm ấm gia đình em một buổi tối”

Từ lúc chép đầu đề bài luận, chú Lư cứ lo mãi. Sao mà nó hắc búa thế! Không phải vì chú bé kém về văn mà ngược lại, văn là môn khá của chú. Thầy giáo nhiều khi bình văn chú làm kiểu mẫu cho cả lớp học. Nào tả ngày tiếp quản, nào tả thủ đô ngày quốc khánh...v.v... những chuyện ấy chú “coi bằng tép”. Giọng văn chú chảy reo như suối, chẳng như một số bạn khác bị quá phải lục báo ra mà “cóp”. Chú thì chú không cần giờ cái trò ấy ra, cứ tự chú viết mà ối bạn phải tấm tắc khen là “Như báo ấy!”. Nhưng đến lần này thì chú ngồi lắc lư lo rối cả ruột gan lên. Chà, khó ơi là khó!

Tả cảnh gia đình một buổi tối, lập tức chú thấy hiện ra trước mắt anh Khiền nghiêm nghị ngồi lặng thình bên bàn làm việc, trong một gian buồng lạnh lạnh và vàng nhờ ánh đèn. Thế thì tả làm sao cho hay được? Mà lại còn êm ấm nữa chứ! Đêm ngủ với anh thì cũng ấm thực, nhưng không đúng đầu bài. Vả lại khi ngủ chung vậy, bụng chú còn lo ngay ngáy là nằm phải giữ ý giữ tứ, kéo nhỡ ngủ quá say kéo bừa chặn cửa anh. Ấy có lần như thế, anh Khiền đập chú dậy, dù không mắng mỏ gì nhưng chú cứ sờ sợ anh thế nào ấy...

Thế thì làm sao mà trôi được bài luận này?

Chú nghĩ tới đôi mắt tròn tròn ồm ồm của thầy giáo cứ đảo sòng sọc sau chiếc kính đen to tướng. Nếu mình tả cho đúng cái gia cảnh của mình thì úi trời, sợ thầy lắm, thầy sẽ quở cho là vô chính trị. Chú Lư bầm bụng, buộc phải nghĩ ra hình ảnh một gia đình êm ấm khác thôi. Có vậy mới được điểm tốt.

Bây giờ thì chú Lư đang vui đầu viết. Thực là may, khi nãy chú mở đầu được một câu khá thú vị:

“Tối nào gia đình em cũng quây quần quanh ngọn đèn sáng ánh điện, trong một căn phòng rộng có bàn ghế đẹp đẽ. Cảnh gia đình em thật đẹp như trong một bài thơ ...”

Câu mở có cảm hứng phá toang cửa cho luồng văn trong đầu chú như thác lũ tuôn ra. Chú viết kín đặc cả trang giấy nháp. Lát sau thì chú như quên cả mọi cảnh bên ngoài. Chú mê man theo ngòi bút chạy. Chú say sưa nghe những cái gì nó cuộn cuộn trong lòng. Khi thì nó rạt rào lên, khi thì nó lắng lịm xuống, nó im lặng mà nó rì rầm, nó rì rầm mà lại im lặng. Khi thì chữ nghĩa nó chen nhau, nó xô đẩy nhau nhiều quá, đông quá, nhưng nhúc nhúc những chữ. Chú luống cuống chọn chữ này bỏ chữ kia. Khi thì chữ nghĩa nó lại đi đâu cả, đầu óc chú bỗng trắng bệch ra, chú lại phải cắn bút khổ công tìm gọi nó đến. Rồi bỗng lại hoa cà hoa cải trong đầu óc. Chú đắm đuối đến lịm đi trong cái công việc thú vị này:

“... Bố tôi ngồi ở góc bàn đọc báo, về mặt đấm chiêu học tập. Mẹ tôi ngồi khâu vá ở giường bên. Bỗng mẹ tôi hỏi bố tôi: - Báo hôm nay có gì vui không? Bố tôi tạm bỏ tờ báo xuống và thân ái giải thích cho mẹ tôi rằng: - Báo không phải là để mua vui giải trí, mà báo là để học tập cho thông suốt đường lối chính sách của Đảng, của chính phủ và của mặt trận tổ quốc. Mẹ tôi nghe vậy xong hí hửng vì mới được đánh thông về lợi ích của báo chí, và rồi mẹ tôi lại cúi xuống khâu...”

Trang giấy nháp của chú Lư gạch xóa vài chỗ. Có đoạn chú viết sạch và nắn nót, có đoạn viết láu đi. Ngoài phố mưa phùn vẫn rả rích chầm buốt các nhà cửa nép đầu vào nhau. Gió vẫn kéo xác lá xềnh xệch trên đường.

“... Còn tôi thì ngồi ở bàn, bên cạnh người cha thân yêu. Tôi đang làm bài toán. Bài hôm nay khó quá. Hai cái vòi nước chảy vào một cái bể nước, một cái lại chảy ra. Tôi vốn kém về môn toán, nhất là về cái món vòi nước thì tôi càng sợ lắm. Tôi cứ cắn bút loay hoay mãi định hỏi bố tôi, xong tôi lại sợ là mắc bệnh ỉ lại, không lấy tự lực cánh sinh làm chính. May quá, bố tôi phán đoán ngay được tư tưởng tôi nên bố tôi đến lãnh đạo tôi, giúp đỡ cho tôi vượt qua sự khó khăn gian khổ này.”

Bố tôi chỉ giảng giải khêu gợi sự nỗ lực chủ quan của tôi thôi, chứ bố tôi không có tác phong làm thay”.

Chú Lư dùng bút nghĩ ngợi. Lại bí rồi. Một con nhện to bằng lọ mực đang đậu im trên vách tường trước mặt, chú Lư nhìn thấy nó. Mọi khi á, chỉ vài bước chân, một cái vung tay thế là chộp! Chú Lư được một món quà đêm thơm lừng! Xong đêm nay chú làm thình. May cho con nhện, văn chương đã cứu mạng cho nó. Chú Lư đang còn đăm đuối ở đoạn này. Con mắt chú thường khi ráo hoảnh, giờ này nó dăm ra diu diu mơ mộng hơn. Và cả nét mặt khô khốc của chú cũng dễ thương đi chút ít.

Chú lại chúi đầu xuống gần sát trang giấy, ngòi bút lại chạy, gạc đi, xoá lại, ngoặc lên. Cứ một chốc một lát là chú đọc lại, khi đọc một đoạn, khi đọc lại từ đầu. Tường là bí, hóa ra lại khoái gớm! Có đoạn thật sướng tai ghê! Đến một đoạn chú nói về các em... thì chú xúc cảm rất mạnh, bụng cứ xóc lên, con mắt hơi ươn ướt. Chú nhớ đứa em gái quá! Con bé gày gò da xanh tái, hiện nó ở tận Nam Định. Một người chú họ làm nghề thợ may nhận nuôi cho. Chú viết: *“... Các em tôi thì chúng nghịch quá! Chúng tranh nhau con búp bê dân chủ mà buổi chiều, bố tôi mới mua ở cửa hàng Mậu Dịch Tràng Tiền. Mẹ tôi thấy chúng mất đoàn kết với nhau nên mới gọi chúng lại rồi ôn tồn giải thích. Sau đó thì các em tôi cũng thông suốt ngay. Chúng thay nhau ẵm con búp bê trong một bầu không khí thân mật...”*

Gió ghé mồm thổi phù vào khe cửa sổ. Hơi lạnh phả lên mặt chú Lư. Chú vẫn mê man tả đứa em gái với con búp bê. Ngọn đèn toả ánh sáng vàng nhờ. Im lặng trùm lên chú bé mồ côi. Chú viết như say, hí hoáy gạc xóa. Chú như mê đi. Rồi chú lặng cả người... Chú thấy hiện lên rõ rệt cái gia đình êm ấm đó như thực tại. Nào cha ở góc bàn, nào mẹ ở phần bên, nào đứa em gái lẳng xăng ôm con búp bê hồng hào tóc vàng mượt... Chú Lư mê lịm đi, cả người chú run lên. Từ đôi mắt long lanh, một hạt nước mắt lăn từ từ trên gò má khô của chú. Bỗng chú Lư gọi to lên: “Em Hòa!”. Chú gọi tên em gái ở xa, âm thanh tiếng gọi làm vỡ tan mất giấc mơ đẹp vừa hiện lên trước mặt chú. Gian buồng lạnh lẽo ánh đèn vàng lại ôm lấy chú bé cô đơn.

Ngày hôm sau ở lớp học, thầy giáo cho chú 9 điểm bài luận quốc văn. Lòi cả con mắt ốc nhồi lên sau cặp kính cận, thầy khen văn chú đúng lập trường trước khi đứng trên bục bình văn của chú làm mẫu cho cả lớp hàng mấy chục thiếu niên nghe. Thầy khuyến khích: nếu cứ đà đó mà đi thì sau này chú có thể trở thành nhà văn lớn.

Lời tác giả: *“Văn chương có khả năng tạo ra mộng thật đẹp. Nó có sức mạnh đánh lừa được ngay chính bản thân tác giả và đánh lừa được cả người đọc nữa!”*

7 - 11 - 1956

(Nguồn: Tạp chí Nhà văn)

Đề hình dung Trần Dần (1926 – 1997) Phạm Xuân Nguyên

Cho đến lúc này đầu năm tây 1998 sắp sang năm ta Mậu Dần khi ông vừa tròn sáu giáp nhưng đã khuất hình đúng một năm Trần Dần vẫn là một *người thơ lạ* giữa chúng ta. Bao phủ lên ông huyền thoại. Một huyền thoại trong bóng tối. Ông đã vỡ ra từ rất sớm. Tự vỡ và bị vỡ. *Tôi vỡ / Trên đời tôi chưa đánh vỡ gì cả / Tất cả đã đồng lòng đánh vỡ tôi đi.* Vỡ ra rồi rấn lại. Và khi đã

rắn lại là thành tảng. Tiếc thay (hay may thay) suốt quãng tồn tại cõi thế của ông cái tảng Trần Dần mới chỉ nhô lên một phần. Phần còn chìm khuất là phần lớn ít người ngờ tới.

*Nếu quả thực anh không lường đảo
Hãy trử đủ đau thương
Cho mãi hạn làm người
(Cổng tỉnh)*

Chúng ta bây giờ đã ít nhiều biết về Trần Dần mãi hạn làm người với đầy đủ đau thương thế nào. Tất cả những đau thương đó ông đã nén vào thơ. Âm thầm lắm lùi tháng ngày. Viết viết và viết. Những con chữ được ông huy động đến tối đa mọi giác quan góc cạnh ngữ nghĩa để ghi lại để chuyển tải những ý tưởng cảm xúc đã được nung chín trong lò cừ tâm và trí ông. Những con chữ quánh lại. Những trang viết dày lên. Một năm hai năm... Năm năm mười năm... Ba mươi năm... Cả một phần chìm đồ sộ của tảng băng Trần Dần chưa lộ sáng.

Tôi đã bất ngờ cảm động khi nhận từ tay người con trai trưởng của ông một tập bản thảo thơ ông. Thơ tự tay ông viết với những mẫu tự ông dùng riêng cho mình với những hình vẽ người thân hình to mà đầu nhỏ. Đây là một trong nhiều tập bản thảo được ông cho là "Trần Dần tự xuất bản". Tập này đề *Thơ 63-64* được bắt đầu từ tháng Chạp 1963. Đọc nó xong tôi sửng sờ trước một Trần Dần chưa được biết.

*Gió thổi quá tay
Lạnh cây bàng bé...
Chiều thu cỏ lổ sỉ
Công viên đông chí
Sương sa cà khịa
Cho tôi một ngày chức năng vô lí
Để tôi ngồi vô nghĩa nhất
Vô tri...*

Con người đã bị lâm tình thế thấy đến cả thời gian cũng là "chức năng vô lí" thấy đời như vô nghĩa mình như vô tri đó chỉ còn niềm an ủi chỗ dựa duy nhất là CHỮ. Và Trần Dần đã luyện chữ như người ta luyện yoga để sống. Ông khởi tự ca dao. Trong tập bản thảo có những bài đánh được ông ghi chú cho biết "đều lấy ở ca dao trực tiếp". Giống như nhạc?đấu sao sĩ biến tấu trên một chủ đề cho trước Trần Dần từ một bài ca dao có sẵn phát triển lên mở rộng ra để bắt buộc mình phải gọi về những con chữ đích đáng mỗi chữ một chỗ đứng không thể thay thế gạt bỏ. Bài "*Giúp em một thúng xôi vò*" được triển khai thành một bài thơ 75 câu bài "*Cái cò chết tối hôm qua*" - 96 câu bài "*Gặp nhau từ quán chín gian*" - 106 câu. Ở những bài luyện chữ này ta thấy Trần Dần là một người rất thấu đáo chữ nghĩa tiếng Việt. Ông công phu thật sự ở những bài luyện này. Từ một chữ số chín của ca dao ông tập hợp gần một trăm chữ chín khác để vừa diễn ý dân gian theo mạch đồng dao vừa nói được tâm tình hiện tại của mình.

*Ai xui khách sạn chín tầng
Thêm lên chín bậc
Nhà cao chín nóc
Cửa quay chín góc
Anh trèo chín gác...*

Trước khi biến tấu nghĩa tạo nghĩa mới cho từ bằng những kết hợp mới của từ ông tập cách dùng từ đúng nghĩa gốc của nó trong những kết hợp mà nó phải thế. Bao giờ em đi lấy chồng ca dao nói thế và nhà thơ đau thương xin nhận làm đầu gối cho em:

*Vật bò mổ lợn
Con dao anh cắt
Nuột lạt anh thắt*

*Chân giò anh chặt
Que xiên anh vót
Nạc mỡ anh pha
Giò thủ anh nén
Nước suýt anh nếm
Cổ lòng anh thuôn
Chả quế anh nướng...*

Người đọc có thể học được ở đây cách dùng từ chính xác và biết được cách nói cách gọi các lối làm thực phẩm và nói chung cách nói cách gọi đúng sự vật sự việc. Giai đoạn này ta thấy thơ ông quen mà lạ. Vì sao ông lại xuất phát từ ca dao? Tôi đề rằng vì ca dao là cái đã vốn quen vốn biết thành ra thường ra nhàm nên Trần Dần muốn thử sức mình làm mới lại nó làm lạ nó đi. Ngẫu nhiên vào khoảng thời gian này ở miền Nam có một thi sĩ kém ông mười tuổi cũng xướng lên sự cách tân thơ Việt và cũng đã đi từ ca dao sang thơ tự do. Kinh nghiệm này có gợi ý gì chẳng cho lớp nhà thơ đang háo hức làm mới thơ hiện nay?

*Mưa rơi phay phay
Ngã tư năm ngoái
Biết tôi khờ dại
Em đi không sao chống cự nổi
Đại lộ tai hại
Em dài man dại
Em dài quên che đậy
Em dài tê tái
Em dài quên cân đối
Em dài bối rối
Em dài vô tội
Em dài - khổ tâm*

Xin nhớ cho rằng bài thơ này làm năm 1964. Từ những kết hợp từ quen ông chuyển sang những kết hợp từ lạ từ nghĩa đúng ông chuyển sang nghĩa mới. Lúc này ông vẫn rất chú trọng vần cổ hết sức huy động đến tối đa khả năng cặp vần để gọi cho hết ra những chữ có thể có. Đọc ông vì thế sướng về mặt thẩm âm trước tiên.

*Mưa rơi đổ xanh
Lạnh tanh đường nhựa;
Đùi len mã vĩ
Triển lãm vườn hoa loã thể
Anatomie lá hẹ;
Noel
Đêm
Sương quen
Đùi đen
Bôi kem
Cà phê phin
Mưa len...*

Cái bài Noel này đã ảnh hưởng tới một bạn thơ của ông và khi bài thơ của người bạn đó xuất hiện dư luận đã bị thách thức thấy như mình bị thơ xúc phạm. Đó là do không hiểu. Phép luyện chữ của "école" Trần Dần đấy. Nói theo cách của A. Musset Trần Dần và những người đồng chí hướng với ông trên con đường cách tân thơ Việt đã thực hiện phương châm "hãy đập vào chữ thơ là ở đấy". Cố nhiên đây tới là cực đoan. Nhưng nếu sợ cực đoan mà không đẩy tới thì sẽ chẳng có sự phát triển tiến bộ nào cả. Và chẳng "làm gì có chừng mực yêu? Làm gì có chừng

mục thơ?" (Phùng Quán). Trong cuộc "cách mạng chữ" này Trần Dần là người tiên phong và quyết liệt nhất. Và từ những di cảo của ông mà rồi đây tin chắc sẽ được công bố chúng ta sẽ thấy có một phần ông để lại được cho thơ.

Ngày đưa tang ông tôi mới gặp ông. Muộn rồi.

Vườn hoa vô ý

Cặp đũa vô lý

Ngôi sao vô vị

Phố dài vô lễ

Chiều xanh vô nghĩa...

Nhưng còn cả đấy: vợ con ông bạn bè ông những người hoạn nạn cùng ông những lớp người thơ tiếp bước ông. Còn đấy phần di cảo im lặng chờ người tri âm. Và như thế tôi đã được *catharsis* một lần để dấu cách một ô vuông kính gặp ông bình tâm nói với ông:

Tôi học nơi ông một cách Sống

Tôi sống nơi ông một dòng Thơ

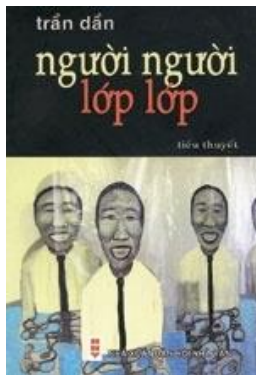
Tôi thờ nơi ông một Con Người

(Lời ghi sổ tang)

Hà Nội ngày giỗ đầu Trần Dần

9 Chạp Đinh Sửu 1997

Phụ đính:



Trần Dần, từ những trang nhật ký...

Nguyễn Mạnh Trinh

Tháng 2 năm 2007, Chủ tịch nước Nguyễn Minh triết vừa công bố "Giải thưởng Nhà nước cho các tác giả có tác phẩm hay, công trình văn học nghệ thuật giá trị cao góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc". Danh sách những tác giả được giải là Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm và hai vợ chồng Hoàng Phủ Ngọc Tường và Lâm Thị Mỹ Dạ.

Khi biết mình được nhận giải, nhà thơ Lê Đạt và Hoàng Cầm đã tỏ ra hân hoan và sốt sắng bày tỏ như Lê Đạt đã nói với phóng viên Việt Nam Net rằng một thành viên trong ban chấm giả là Đỗ Chu đã phát biểu là "Có thể cho đây là lời xin lỗi của anh em đối với các anh" .. Còn nhà thơ Hoàng Cầm thì tỏ ra cảm kích với kết quả của giải thưởng.

Có nhiều người đã tỏ ra không thiện cảm với hành động mau mắn ấy. Cái án Nhân Văn Giai Phẩm tới nay vẫn còn là một vết thương nhức nhối. Những lời buộc tội ngày nào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bây giờ vẫn rành rành ra đó, chưa bôi xóa được. Những đầy ải, tru diệt cho cá nhân và gia đình vẫn chưa phai...Giải thưởng cho bốn người trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm thì có hai người đã ra người thiên cổ là Trần Dần và Phùng Quán. Theo nhà văn Nguyễn trọng Tạo thì có cả nhà thơ Hữu Loan trong danh sách những người được giải thưởng nhưng giờ chót bị thay thế bởi hai vợ chồng Hoàng Phủ Ngọc Tường và Lâm Thị Mỹ Dạ. Có lẽ, vì sự can cường bất khuất của nhà thơ tác giả Mầu Tím Hoa Sim..

Tình cờ, tôi đọc lại “Trần Dần Ghi 1954-1960”. Một cuốn sách lạ lùng. Từ tên tựa sách đến nội dung chất chứa bên trong. Những trang sách của một người viết cho chính mình ở thể dạng nhật ký nay một cách bất đắc dĩ thành một tác phẩm cho độc giả. Những dòng chữ của sự thực, một sự thực đen tối không tưởng tượng nổi. Những bi ký ghi chép lại một thời kỳ mà con người đối xử với nhau không giống con người. Có những sự thực, là những sự thực chua chát, khi mà con người bị dồn đẩy vào trong những hoàn cảnh bất đắc dĩ, và trong nhiều trường hợp phải nghĩ đến mình mà quên đi những tình nghĩa, làm những điều mà kẻ sĩ không thể làm.

Trần Dần, một kiện tướng của Nhân Văn Giai Phẩm, người đã viết “Dạ Đài”, bản tuyên ngôn của thơ tượng trưng từ những năm 1946 và là nhà văn, nhà thơ có năng lực sáng tạo mãnh liệt, cũng là người chịu sự trù dập suốt cả cuộc đời của chế độ độc tài phi nhân “Được cái hoạn nạn” ông đã chua chát tổng kết cuộc đời của mình. Tài ba như thế, tâm huyết như vậy mà vẫn phải chịu hết bão táp này qua phong ba nọ dòng đã mấy chục năm cho đến lúc xuôi tay nhắm mắt. Đọc xong những trang sách cuối, bản thân một lúc, tự nhiên tôi thấy một nỗi buồn và mỗi khi nghĩ đến lại chạnh lòng. Cái cảm xúc ấy kéo dài nhiều ngày trong tôi. Tưởng tượng ra trong một xã hội mà con người phải luôn luôn sống thủ thế với nhau và tuyệt đối không tin tưởng vào một ai ngoài chính mình. Hoàn cảnh ấy đã tạo ra một quán tính chung để tự bảo vệ và sống còn. Trong cuộc sống ấy, mọi người tự rào kín mình trong chu vi phòng thủ, nhiều khi phải ích kỷ nghĩ đến mình trước và làm những công việc mà thật tình với thiên lương con người họ không muốn. Đè nén, trù dập, tù tội, bao vây kinh tế, thắt chặt sinh hoạt, cô lập hóa, tạo sự nghi kỵ lẫn nhau,.. bao nhiêu là tội nạn chực chờ những người bị coi là có “vấn đề”. Những người ấy, có thể là những người đi sai đường lối của Đảng, hay không hưởng ứng sự suy tôn lãnh tụ hay thừa nhận quyền chuyên chính vô sản. Chuyện chu di tam tộc tưởng là chuyện phong kiến ngày xưa, nhưng những chuyện lý lịch, chuyện liên quan còn tàn bạo gấp nhiều lần. Đời sống ấy quá nhiều bi kịch, mà hậu quả dành riêng cho những nhà văn, nhà thơ có chân tài, có tâm huyết lại càng ghê gớm hơn như trường hợp Trần Dần. Lúc còn trẻ, tù tội gian nan, sống nghèo khổ không sinh kế, về già thì bệnh hoạn liệt bại, không có thăm cảnh nào hơn. Đó là một mẫu chân dung nhà văn bị đầy ải và nghiền nát trong guồng máy chính trị toàn trị độc tài.

Trần Dần viết “Thế là tôi mất bảy năm kể từ ngày hòa bình bắt đầu sinh sự cho đến ngày xoá án. Bảy năm trong văn học có ý nghĩa gì? Một cái chớp mắt. Bảy năm trong đời một con người thì có ý nghĩa lắm! Chớp mắt mãi mà không xong..” Ngày 7 tháng 7 năm 1958 là ngày ông bị án treo bút hai năm. Thế mà không ngờ cái án hai năm ấy kéo dài đến suốt cuộc đời. Bảy năm, từ 1954 đến năm 1960, từ xã hội đến con người đều có nhiều thay đổi.. Cộng sản nắm chính quyền tạo nhiều biến động cho đời sống nhân dân. Chủ trương đấu tranh giai cấp. Trí phú địa hào, đào tận gốc bóc tận rễ. Cải cách ruộng đất, đấu tố, sửa sai, bao nhiêu oan khuất, bao nhiêu máu xương, nước mắt.

Thế mà, nhà thơ Trần Dần lại viết phê bình phê phán lãnh tụ văn nghệ Tố Hữu, là đảng viên mà lập gia đình với người thuộc thành phần gia đình liên quan có thân nhân di cư vào Nam bất chấp sự ngăn cấm của Đảng và về chủ trương văn nghệ thì đòi quyền tự do sáng tác cho văn

nghệ sĩ không thừa nhận chế độ chính ủy trong văn học. Thành ra , ông là người đứng đầu sóng ngọn gió, hứng chịu biết bao nhiêu đòn thù của chế độ . Bị phê phán bởi cả Hội Nhà Văn điều động, bị đấu tố bởi cả một tập đoàn cầm bút đang lăm le lấy điểm với chế độ. Trần Dần chịu những áp lực đè nặng lên đời sống mình và gia đình mình.

Bảy năm ấy, với những trang nhật ký ghi chép lại, đã thành một cuốn sách mà để cho những lớp người của thế hệ sau hiểu được những tang thương dâu bể của một thế thời hỗn loạn của lịch sử Việt Nam. Ngôn ngữ, là tiếng than ngậm ngùi, là biểu tỏ của tâm sự không biết có ai làm tri kỷ. Những trang sách, không phải chỉ viết về một người mà còn cho cả một thế hệ, với một sự thực mấp mé cảnh tượng của cơn hồng thủy.

Sự thực ấy, với Trần Dần, không phải được mô tả theo cảm quan của người đứng bên này hay bên kia chiến tuyến. Ở cương vị người quốc gia, những tác giả của Nhân văn Giai Phẩm là những thần tượng văn hóa, là tiếng nói của kẻ sĩ chân thật. Còn ở phía bên kia, họ là những người phản bội lý tưởng Cộng sản, là kẻ nội thù, là những người phải bị phê phán và tiêu diệt.

Ở nhật ký Ghi của Trần Dần, có chân dung của một con người, có buồn vui riêng tư, có buồn bã thất vọng , có chua chát vì tình đời và cũng có những lúc đau xót vì tình người. Đọc những trang sách ghi nhận lại cảm xúc chân thực và rất người ấy, rõ ràng một điều là trong hoàn cảnh ấy , khó ai cưỡng chống lại được một guồng máy tàn bạo lạnh lùng của chế độ Cộng sản. Trừ khi, như một ý nghĩ của nhà văn Solhzenytsin, sự dối trá bị vạch trần và chế độ bị tan rã vì chính sự phản tỉnh ấy.

Con người, dù là văn nghệ sĩ, không phải là thần thánh siêu việt, nên đôi lúc cũng ích kỷ, cũng tự thủ thân bằng những hành động đôi lúc vì mình hơn là vì người. Nhưng, họ vẫn là những người hướng thiện, có những ray rứt những ý muốn đi gần đến điều thiện hơn là điều ác. Nhưng xã hội ấy lại đẩy con người đi gần cái ác hơn mà bỏ xa cái thiện. Không có bản cáo trạng nào hùng hồn hơn những trang sách mô tả đến những nhỏ nhen, những tị hiềm, những vết chàm của chân dung những người một thời vang bóng. Đọc xong, để xót xa để thương cảm. Và, lại càng thấy hiện trạng của một xã hội bị sa đọa và xuống cấp trầm trọng. Làm sao hơn được, mọi người bị đẩy vào thế nghi ngờ nhau , tị hiềm nhau và như thế mọi đối kháng với chế độ không có cách nào liên kết với nhau được.

Lúc tôi còn trẻ , đọc “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc “ của cụ Hoàng Văn Chí, hay đọc những bài thơ Trần Dần, Phùng Quán, tôi đã nghĩ đến những sĩ phu Bắc Hà cương cường, nhưng nay đọc lại nhật ký của Trần Dần, thì sự ngưỡng mộ ấy không giảm bớt mà còn xót xa hơn. Từ sự thực ấy, mới hiểu được nỗi thống khổ của người cầm bút bị treo bút. Lại càng hiểu hơn những gánh nặng đè lên vai người mang cái nghiệp người cầm bút mà đã trở thành nghiệp .. chướng. Cái họa văn tự đeo đuổi một đời, như những gông xiềng tuy không hiện hữu nhưng như mơ hồ ràng buộc. Chẳng thà là một cái tội có án để dễ thở hơn là những tội vạ cứ rình đến tạo những bi thảm cho đời.

“ Trần Dần, ghi 1954-1969” , nhiều khi là nhật ký ghi chép lại những sự kiện hàng ngày mà còn là những ghi nhận có lúc mơ hồ không rõ ràng mà chỉ có người viết mới hiểu được. Nhưng cũng có những đoạn rất rõ ràng minh bạch, ghi lại những sự kiện, những ý nghĩ bằng những hình ảnh, những ngôn từ chuyên chở được tâm cảm. Viết về thơ, với tâm thức của một thi sĩ, và thâm trầm của người hay suy tư triết học, ông đã có những dòng chữ thật xúc tích và chứa nhiều đam mê. Thí dụ, đoạn viết kể lại hành trình đi vào thi ca của ông. Trước kia, ông viết tuyên ngôn của phái Tượng Trưng:

“ Trước kia tôi muốn Thơ tôi thế nào?

Thời đó tôi muốn một thứ Thơ như một cơn mộng ác, trong đó người ta giận dữ, người ta điên cuồng, người ta lòng lộn, người ta sống hỗn độn, đang Bắc sang đông, vừa ở Bắc lại vừa ở Đông. Người ta có thể bất phương chủ nghĩa, tự thả mình theo quy luật một thứ biện chứng duy tâm, những hình ảnh thơ nóng bỏng cháy như lửa, một hình ảnh ánh lên nhiều hình ảnh, hình ảnh nọ chống đối hình ảnh kia, lời kéo nhau trong một điệu nhảy ma quái. Đúng là một cuộc sống chaotique, nhưng một cái chaos có harmonic của nó. Một cái hỗn độn có trật tự riêng của nó. Và cái harmonic, cái thần tiên, cái trật tự đó là tùy theo tiêu chuẩn tôi cho là ý thích của tôi. Mà ý thích của Tôi là theo tiêu chuẩn tối cao! Đó là sơ lược cái mơ ước ngày tôi mười tám, mười chín tuổi.”

Lúc ấy là khi ông viết Dạ Đài. Nhưng khi chiến tranh, Trần Dần tham gia bộ đội, ông suy nghĩ về thơ khác hơn. Một phần nào, cuộc sống đã ảnh hưởng ông, nhưng ngược lại ông đã có những đối nghịch sâu sắc với những người lãnh đạo văn nghệ của Đảng. Trần Dần là một trong những người sáng lập ra tạp chí Văn nghệ thuở đầu tiên nhưng lối thơ bậc thang của ông lại bị chê bai là lập dị khó hiểu.. Cũng như khi soạn tài liệu giảng huấn cho các khóa đào tạo văn công, ông bị chỉ trích là diễn dịch sai chính sách văn nghệ của Đảng. Dù rằng sau đó ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ và do cái chết của họa sĩ Tô Ngọc Vân đã tác động mạnh mẽ để ông hoàn tất tiểu thuyết “ Người người lớp lớp”, một cuốn tiểu thuyết duy nhất của văn học kháng chiến thời kỳ đó về Điện Biên Phủ.. về thơ, ông đã đi gần với chính trị hơn, để viết về thời sự, về cuộc chiến đang diễn ra với tất cả sự khốc liệt của nó:

“Vào chiến tranh, tôi muốn Thơ tôi như thế nào?

Có những ngày và nhiều ngày, tôi không nghĩ tới nữa. Lại cũng có ngày tôi nghĩ rất nhiều. Có lúc tôi tưởng như nắm chặt chân lý trong tay rồi. Có lúc tôi tưởng như mất cả cuộc đời!!

Lúc tôi muốn một thứ Thơ dễ dãi. Lúc một thứ Thơ không có vắn. Lúc một thứ Thơ như một hạt ngọc, lúc một thứ Thơ kể chuyện. Lúc một thứ Thơ gồ ghề. Lúc một thứ Thơ hiền lành, có cái khỏe của những bắp thịt hồng. Lúc một thứ Thơ rõ nghĩa. Lúc một thứ Thơ vừa rõ nghĩa vừa mờ 100, 1000 nghĩa khác. Lúc một thứ Thơ theo satchinh trị từng bước một. Lúc một thứ Thơ na ná như của anh lính, nó mát mà lành, nó hiền mà khỏe, nó thực tế...Tôi vẫn hằng nghĩ, đó là chuẩn bị cho một cơn bão sẽ tới. Tôi góp gió cho nên trong chiến tranh tôi mất và tôi được là những cái đó, chưa thành cái gì cả.Tôi có thể nói chắc chắn rằng Thơ tôi chưa thành tức là chủ nghĩa chưa đúc, lý tưởng chưa chảy vào tâm máu, chưa hóa thành những tế bào của cuộc đời tôi. Thơ tôi chưa thành tức là con người tôi còn đang dang dở, cuộc đời tôi chưa có ra gì. Chiến tranh đã dạy cho tôi những điều lụn vụn, những sự thực chi tiết và bộ phận. Chiến tranh chưa tạo cho tôi thành một người có da có thịt. Tôi chưa nhìn thấy sự thực lớn lao nhất của cuộc sống. Cho nên không có lạ gì những ngày đầu tiên của Hòa Bình tôi rất buồn cho những năm Chiến tranh của tôi, tôi có những hồi hận những tiếc rẻ tiếc đất, những ý nghĩ băng quơ và nhạt mồm..”

Sau chiến tranh, tác giả rơi vào hụt hẫng.Thơ đang ngờ ngác giữa ngã ba đường.Người ta (chỉ lãnh đạo Đảng) muốn một đảng thì tâm ý ông lại ở một nẻo khác:

“.. bây giờ tôi muốn một thứ Thơ như thế nào?

Những sự suy nghĩ của tôi nó kế tiếp nhau tuy nhiều lúc tưởng rằng nó chống chọi nhau và từ bỏ nhau hẳn. Bây giờ tôi muốn một thứ Thơ như thế nào đó giải quyết được một số những mâu thuẫn giữa tôi và người ta và giữa tôi với tôi. Tôi muốn nhiều nghĩa, mờ ảo mà người ta muốn rõ nghĩa rành mạch.Vì vậy tôi muốn có một thứ Thơ nào đó có một nghĩa rõ ràng kèm theo

muôn ngàn nghĩa khác. Tôi muốn (..) không có vần, không có ý luật . Người ta thích thơ dễ đọc có vần vì vậy tôi muốn có một thứ Thơ nào đó rất tự do nhưng rất có nhịp chắc chắn, cái nhịp đó đủ sức mạnh và âm điệu để cho tự nó có thể sinh tồn - chỗ có vần chỗ không có vần.Nó rất nhịp nhàng nhưng đó là một cái nhịp nhàng tạo nên bằng những cái gò ghề khúc khuỷu, chói tai rức óc. Nhưng mà những cái đó lại nhịp nhàng. Nghĩa là tất cả những cái xốc hợp lại thành cái êm. Một cái êm rất xốc...

Tôi thích Thơ phải có buồn có tủi, có suy nghĩ, có thấm thía có chua xót, có đau khổ, có máu, có mồ hôi, Thơ đầm nước mắt. Giọt mực là giọt máu, giọt mồ hôi. Accent thơ là những accent éo le, trái ngược, giận dữ, châm chọc, tự hào, hãnh diện, hần học, soi mói..."

Viết một tập nhật ký là không ngoài chủ đích ghi nhận lại những cái “được “ của tác giả, những hoạn nạn khởi đầu từ chuyện ông không bằng lòng với chính sách kiểm soát văn nghệ của Đảng, viết bài phê bình tập thơ “ Việt Bắc “ của người làm thơ thuộc loại quan chức lãnh đạo Tố Hữu. Thêm vào đó , mối tình của ông với bà Bùi Thị Ngọc Khuê bị ngăn trở và phê phán gay gắt. Bà Ngọc Khuê xuất thân trong một gia đình Công giáo và cả nhà đã di cư vào <?xml:namespace prefix = st1 ns = "urn:schemas-microsoft-com:office:smarts" />Nam năm 1954. Bất chấp sự ngăn cấm và kỷ luật của đơn vị quân đội và đảng bộ địa phương, Trần Dần vẫn không ngại bị gán tội “ liên quan “ và kết hôn với bà Ngọc Khuê gây nên những cơn bão tố cho suốt cả cuộc đời mình. Biết là sẽ khổ sở, biết là sẽ bị trừ dập nhưng với bản tính riêng ông vẫn bất chấp . Trong “ Ghi “ , Trần Dần than thở:

".. Đòi một người con gái, một đứa bé và đòi tôi người ta quyết định tùy tiện như vậy sao? Vậy có nhân đạo gì nữa không? Tư tưởng lập trường gì mà đàn áp tâm hồn người ta như vậy?

Kính gửi những người phụ trách cuộc sống ở Việt Nam tôi buồn như thế, khổ như thế. người ta hà khắc vô lối với đời tôi, đời người con gái tôi yêu, đời đứa con tôi sắp đẻ như thế...

Khi ấy đang có cuộc di cư vào nam và tình hình còn nhiều lộn xộn chưa ổn định nên Đảng chưa ra tay vội mà chờ thời gian sau thuận tiện hơn.Thế mà Trần Dần lại chọc tức bằng một công việc táo bạo là viết bài phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, một người coi như là thi sĩ tiêu biểu cho văn học miền Bắc. Bài phê bình rất nặng nề, coi Tố Hữu như một nhà thơ giả trá, thi ca không có hồn và toàn là sao chép lượm lặt chữ không có nét to lớn vĩ đại của sáng tạo mà bộ máy tuyên huấn đã xưng tụng. Nhỏ nhen, Tố Hữu ra lệnh bắt giam Trần Dần ở Việt Bắc. Vợ Trần Dần ở Hà Nội bơ vơ một mình, bụng mang dạ chửa, không sinh kế. Bạn bè phải thăm hỏi, giúp đỡ , nâng cao tinh thần. Vụ ông bị bắt gây ra dư luận ồn ào tại Hà Nội và Đảng buộc lòng phải dẹp yên và sửa sai bằng cách bắt buộc Trần Dần tham gia phong trào Cải Cách Ruộng Đất.

Năm 1956, nhân cơ hội chính biến ở Liên Xô, Krushchev hạ bệ Stalin và chủ trương xét lại nên một nhóm trí thức ở Hà Nội thực hiện “ Giai Phẩm Mùa Xuân” trong đó có bài “ Nhất Định Thắng “của Trần Dần. Tạp chí này vừa in xong là bị tịch thu ngay, Trần Dần bị đấu tố tội bời, quy tội phản động, mang ra đấu tố công khai trước hội nghị. Trần Dần uất ức dùng lưỡi dao cạo cửa cổ tự sát nhưng không chết . Sau này còn vết sẹo to ở cổ.

Năm tháng sau, lợi dụng phong trào sửa sai sau cải cách ruộng đất, nhóm trí thức này lại thực hiện “ Giai Phẩm mùa thu “ và tạp chí Nhân văn. Cụ Phan Khôi viết” Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ”, nhà thơ Hoàng Cầm viết “ Con Người Trần Dần”. Sau khi bị đàn áp, đến năm 1957, báo Văn phê bình Đảng và Trần Dần đăng bài thơ” Hỡi Đi Mãi”với sự xác quyết sẽ theo đuổi lý tưởng của mình đến cùng. Trần Dần bị kỷ luật, treo bút ba năm nhưng thực tế thì bị ghi tên vào sổ đen đoạn trường và không một chủ nhiệm hay chủ bút nào có gan đăng bài viết của ông

nữa. Cuộc đời của ông lúc này bị cô lập, tuyệt đường sinh kế, cả gia đình nheo nhếch sống nghèo đói khổ cực.

Ghi lại đời mình trong những trang nhật ký, ông trung thực trong từng ý nghĩ cũng như sự nhận định. Nhiều chi tiết mà tới bây giờ khi đọc tới vẫn làm người đọc rùng mình ghê sợ. Cải cách ruộng đất, vô sản chuyên chính, oan khuất chập chồng, cơ hội cho những kẻ mặt người dạ thú cầm quyền sinh sát. Những chuyện xảy ra, vừa bi vừa hài, tưởng là chuyện đùa mà là sự thực. Con người đối xử với nhau tàn bạo, phản trắc, vì quyền lợi mà đôi khi giết nhau một cách gián tiếp, gán cho nhau những tội lỗi tày trời một cách điêu ngoa. Trần Dần ghi chép lại. Không phẩm bình nhưng cô đọng và lô cuốn với sự thuyết phục. Đọc những trang nhật ký, mà ở đó, sự thực được phô bày để rõ nét hơn một thời kỳ vô cùng đen tối của đất nước mà chủ nghĩa Mác Lê-nin đã gây ra.

Những trang nhật ký tiếp theo từ năm 1957 là những năm mà Trần Dần viết nhiều về những người cầm bút cùng thời kỳ với ông. Chân dung con người thực được tỏ lộ, để sự thực làm đau đớn và thất vọng những người đọc thời sau. Xã hội ấy, thì những chuyện như thế là chuyện dĩ nhiên phải có. Họ phải tự tạo ra áo giáp trong cuộc sống để thủ thế và nhiều khi có những lời nói, những việc làm trái với lương tâm ngược lại điều mong muốn.

Trần Dần viết về Lê Đạt, người mà về sau này đã nhận giải một cách thật là “khôn ngoan” và “hồ hởi”:

“.. Viện Văn Học Gorki lấy 8 người đi học. Gạn mãi, ta mới chấm được 5.! Ông Lê Đạt đâu tuyên bố: xin đi, để tị nạn!

Hoàng Cầm cười khinh” Ông Lê Đạt mà! Bao chưa lên ông ấy đã trốn biên ngay”

Trần Dần viết về Văn Cao, Hoàng Cầm:

“ Cuối cùng Vcao (Văn Cao) bảo thẳng mặt Hcầm (Hoàng Cầm) rằng tính mày hay mách lẻo thì nhớ cho kỹ nội dung cuộc gặp hôm nay đây, có mách thì mách cho đầy đủ!

Cuộc hội đàm bản thảo ấy xong rồi, không biết Vcao có về báo cáo lãnh đạo hay không? Nhưng HCầm thì có: Anh ta gặp ngay NĐThì (Ngfuyễn Đình Thì) báo cáo ra sao không rõ, nhưng cũng có thể đoán là anh ta chắc không báo cáo đúng về riêng cái phần của anh ta! Tphác (Tủ Phác) kết luận “ cả hai thằng đều như hai con đĩ rạc đĩ rày cả. Bản hết chỗ nói!!”

Và đoạn khác:” Tphác nói “ rất lạ , là nó cứ nói mình, rất cynique rằng , nó xưa nay vẫn là người tiến bộ, theo Đảng! Kỳ thế cơ chứ, bao nhiêu lần pum, ăn uống, nó nói những gì, bây giờ nó làm như không có cả! mà nó lại rất thành thực cơ chứ, Vcao quên thực hay sao! Đặng Đình Hưng bĩu môi sì một cái. “Quên. Nó thiếu probité.. thì có”.

Đang lúc kiểm thảo ở cơ quan thì tiên chỉ đi pum. Tất nhiên là lãnh đạo phải biết! Một tối anh mò đến Tố Hữu. Tố Hữu hỏi:

- Có còn chống đối không?

- Thôi rồi . Văn Cao nói.

- Nhưng pum thì vẫn còn chứ? Tố Hữu hỏi độp một cái, khác gì cái tát.

Văn Cao choáng người, thú nhận về xuê xoa:

- Có một lần.. Hi!1

- Đã mắc chưa?

- Chưa!! Hi.. Buồn quá thì lại đi.. Hi!! Chứ chưa mắc .. Hi..

Văn Cao về, kể lại chuyện ấy, có vẻ khoe cái sự thân mật của mình với Đảng đến được cái độ ấy!!”

Trong Ghi rất nhiều những đoạn ghi lại những câu chuyện của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Những Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Lê Đạt, Phùng Quán, Phùng Cung, Nguyễn Sáng, Sỹ Ngọc, Quang Dũng, Trần Lê Văn, Đặng Đình Hưng, Tử Phác, Hoàng Cầm... Những người thực, chuyện thực. Và ở trên tất cả là một không khí chung của một xã hội mà mọi người không ai tin tưởng vào ai được, luôn luôn dè chừng, canh chừng nhau, thủ thế nhau, báo cáo lẫn nhau. Ở những khuôn mặt ấy, họ bộc lộ đầy đủ mặt xấu mặt tốt. Đừng ai bắt họ phải tử vì đạo bởi vì trong cuộc sống họ phải vật lộn bươn chải để tự sinh tồn nên cá tính của mỗi người hiện ra không che dấu được. những năm 1959, 1960, Trần Dần sống trong hoàn cảnh tận cùng khổ sở một vợ hai con gia đình nghèo mà đơn bạc lại không được ở gần để săn sóc. Bị cải tạo lao động chân tay ở tập đoàn sản xuất Chí Linh ở gần thị xã Đông Triều. Công việc nặng nhọc, không phù hợp với thể chất thư sinh nên lâm bệnh nặng nhưng vẫn phải gượng làm việc, cố gắng để bày tỏ thiện chí muốn tự mình sửa đổi bằng lao động. Viết văn, làm thơ, lúc này đối với ông sao xa vời quá. Năm 1960 ông bị cải tạo ở khu gang thép Thái Nguyên, bị bệnh nặng nên được trở về Hà Nội. Sau đó, ông sống âm thầm bằng nghề dịch sách, bị cấm viết một cách không chính thức và xóa tên trong những sinh hoạt văn học. Trong “ Ghi “ có kể lại những ngày tháng đó, phác sơ lược nỗi đau đớn và vẫn là những câu hỏi để tự vấn chính mình. Lao động như thế có giúp ích gì cho nhà văn, nhà thơ hay không...

Đọc xong cuốn sách lần đầu, tôi bàng hoàng cả người và những lần sau đều như thế. Đời sống ấy, từ những phóng chiếu trung thực, từ tâm tư tác giả, phản ánh một thế thời đen Thảm. Câu văn, ý chữ, không phải đơn thuần mà như kết tinh bằng máu lệ của một đời người trí thức sống trong một xã hội đầy biến loạn nhiều biến cố. Trần Dần là một người cầm bút bất hạnh, là một nhà thơ luôn gậm nhấm nỗi bất kực của mình với cuộc đời. Cuộc sống dim ông xuống tận đáy vực sâu, tuổi trẻ hoạn nạn, tuổi già bệnh hoạn liệt bại cho đến khi nhắm mắt lìa đời.

Trần Dần, tuy đời sống đầy tân toan cực nhọc, mà thơ ông vẫn khởi hành đi mãi như những câu thơ:

” Tôi vẫn cháy
Ngọn hải đăng con mắt
Ở trong biển sóng
Hằng đêm
Tôi vẫn đóng những câu thơ
Như người thợ đóng tàu
Chờ khách
Đi về phía trước.
Nơi
Loài người
Đã biết sống chung nhau
Nơi

Tất cả
- chẳng còn ai bần tiện
chẳng còn lo
cơm áo
nợ nần “

ngĩ về một thi sĩ, nghĩ về một người tuần nạn bởi văn chương, tôi bắt chước ông Nguyễn Hữu Đang, khẩn vái và cầu chúc:

“Anh đi nhé và sẽ hưởng hạnh phúc lâu dài ở thế giới bên kia!!!

Trần Dần và Tố Hữu Huy Đức

Tất nhiên, không ai tin việc tập thơ Trần Dần bị “niêm phong” chỉ vì vài cái lỗi về thủ tục. Nhưng thôi, đó cũng là một lỗi ra rất đỡ mắt mặt. Dù sao, Thơ Trần Dần cũng đã bán rất chạy, ngay đến cậu con trai tôi, 15 tuổi, cũng tò mò.

Thơ ông đa nghĩa quá. Chỉ riêng một bài Nhất Định Thắng, tôi nghĩ, đã có thể vừa quy kết ông là một tên phản động cực kỳ nguy hiểm, vừa có thể ca ngợi ông như một người yêu nước nồng nàn. Không hiểu sao, cho tới nay, chưa thấy ai làm một bộ phim truyện dựa trên bài thơ ấy. *Ta ở phố Sinh Từ...* Một giai đoạn lịch sử buồn đau của đất nước hiện ra mồn một trong mỗi câu thơ của ông.

Khi Trần Dần viết bài thơ ấy, đất nước đang bị phân đôi, ở miền Bắc chiến tranh kết thúc.

Nhưng, cuộc sống của người dân thì không có hòa bình. Trần Dần viết: *Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc/ Đất hôm nay tầm tã mưa phùn/ Bỗng nhói ngang lưng/ máu rỏ xuống bùn/ Lưng tôi có tên nào chém trộm?* Không hiểu, hình tượng “vết chém ngang lưng” ông viết ở đây là để nói về nỗi đau chia cắt tổ quốc hay chỉ đơn giản nói về cái không khí ngột ngạt ở miền Bắc, cái không khí mà đến 30 năm sau, Hữu Loan vẫn nhớ: *“Thành viên nào (trong cộng đồng) cũng chứa toàn âm mưu đen tối để chủ hại người bên cạnh”*.

Theo Hiệp định Geneve, người dân có một thời gian dài để chọn cho mình miền Nam hay miền Bắc. Nhưng lúc ấy, không có ai tự nguyện từ miền Nam chạy ra *“Miền Bắc thiên đường của các con tôi”*. Trong khi, hàng triệu người dân đã gồng gánh vào Nam để lại mồ mả ông bà trên đất Bắc. Thoạt đầu, có vẻ như Trần Dần trách móc, thậm chí ông đã buộc tội *“những bạn đi Nam”* là *Thiếu quả tim bọ óc!* Nhưng rồi quan sát kỹ hơn, ông buột hỏi: *Họ vẫn ra đi/ – Nhưng sao bước rã rời?/ Sao họ khóc?/ Họ có gì thất vọng?*

Trong những ngày xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội ấy, tình hình Thế giới được “quán triệt” thành hai “phe” Xô- Mỹ. Nhưng cái “phe” mà ông quan tâm cũng “căng thẳng” vô cùng: *Gặp em trong mưa/ Em đi tìm việc/ Mỗi ngày đi lại cúi đầu về/- Anh ạ!/ Họ vẫn bảo chờ...* Ông nghĩ: *Trăm cái bạn hàng ngày nhay nhất./ Chúng ta vẫn làm ăn chịu chết./ Ta biết đâu bên Mỹ miếc tí mù/ Chúng còn đương bày kế hại đời ta?* Nhưng “cơm áo” không phải là những gì ngọt ngào nhất mà những người như ông đã từng ném trái.

Theo tác giả của Màu Tím Hoa Sim, nhà thơ Hữu Loan: Trên thực tế, khi ấy, rất hiếm những bí thư, chủ nhiệm, thủ kho, cửa hàng trưởng tốt, phải nói hầu hết là ăn cắp, thi nhau để ăn cắp, nhưng văn học không được nói thực mà phải dựng lên toàn là những người lý tưởng. Các văn nghệ sỹ lúc ấy phải học tập những tài liệu hiện thực xã hội chủ nghĩa, từ Liên Xô đưa về, rồi tự Diên An (Trung Quốc) đưa sang. Nghĩa là văn nghệ chỉ được nói đến cái xã hội thiên đường vô cùng đẹp chưa có, chưa biết bao giờ mới có, chứ không được nói đến những cảnh trộm cướp áp bức bóc lột đang diễn ra trước mắt. Theo ông Hữu Loan: Khi một nhà báo hỏi: *“Như vậy là*

Cách mạng đã cấm tự do ngôn luận? Ông Trường Chinh sừng sốt: “*Anh nói sao? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.*” Tố Hữu là một trong những nhà lãnh đạo hăng hái đưa “hiện thực XHCN” vào văn nghệ. Trong khi Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm... phản đối đường lối này. Những người phản đối sau đó, lần lượt dính vào một vụ án gọi là “Nhân Văn Gia Phẩm”. Phong trào Giai phẩm và Nhân Văn bắt đầu khi hai nhà thơ Trần Dần, Lê Đạt phê phán tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu là “dòng thơ lục bát không có gì mới, nội dung vẫn về kỷ niệm không lấy gì làm sâu sắc”. Trần Dần là người phê nặng lời nhất. Tuy nhiều người tán thành với nhận xét này nhưng tập thơ vẫn giành được giải nhất đầu năm 1956. Về sau, nhóm Nhân Văn còn viết nhiều bài được coi như là những “Thất Trảm Sớ”, đặc biệt, bài của Nguyễn Hữu Đang nói về thiết lập nhà nước Pháp quyền. Ngày nay, nếu đọc lại những bài viết của nhóm Nhân Văn, phải công nhận là nước ta đã từng có những nhà trí thức khả kính. Đất nước ra nông nổi hiện nay là bởi lịch sử đã không chọn họ. Nguyễn Hữu Đang bị tù 17 năm (sau 7 năm thì được tha); Phùng Cung, tác giả truyện ngắn “Con ngựa già của chúa Trịnh”: 7 năm tù giam; Vũ Duy Liên (Bộ Nông lâm, bị nghi là cho Nguyễn Hữu Đang một áo len khi đang đi tù): bị giam 7 năm mới tha; Giám đốc Nhà xuất bản Minh Đức: 17 năm... Khi Hoàng Cầm cho in Nhất Định Thắng, Trần Dần bị mất chức và sau đó bị bắt giam. Nếu Trần Dần không dùng lưỡi lam rạch cổ, có lẽ thời gian “ở trong lao” của ông không chỉ là 3 tháng. Trong tình cảnh ấy, mấy câu thơ: *Những ngày ấy bao nhiêu thương xót/ Tôi bước đi/ không thấy phố/ không thấy nhà/ Chỉ thấy mưa sa/ trên màu cờ đỏ...* không hẳn là không mang ít nhiều ẩn dụ.

Cho dù phải sau khi Tố Hữu chết, các ông Hữu Loan, Trần Dần, Lê Đạt... mới được “chiêu tuyết”, vụ “Nhân Văn” không đơn giản chỉ là những vấn đề giữa các cá nhân với nhau. Một nhà nghiên cứu viết, ở thời điểm ấy, thay đổi là một quy luật. Người biết và sử dụng được quy luật thì thăng quyền tiến chức, như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi; người biết, nhưng chỉ né tránh thì tồn tại như Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng; hay xa lánh như Nguyên Hồng. Người không biết, thì đành phải sa hầm sẩy hố... Kể ra thì, các bác ấy sống quá tử tế, làm thơ quá thơ, tính đa nghĩa trong thơ của các bác ấy thật dễ để mà suy diễn. Nếu, 50 năm trước, các bác ấy cứ theo Tố Hữu, viết huých toẹt: *Má thét lớn tụi bay đồ chó/ Cướp nước tao, cắt cổ dân tao...*; hay thật xạo: *Yêu biết mấy nghe con tập nói/ Tiếng đầu lòng con gọi Stalin...* rồi trơ trẽn khi nghe tin Stalin chết: *Thương cha, thương mẹ, thương chồng/ Thương mình thương một, thương Ông thương mười*, thì cuộc đời các bác ấy chắc chắn đã không phải thế.

Viết như thế không chỉ giúp Tố Hữu leo dần tới BCT, đã từng có lúc ông nhà thơ khẩu hiệu này lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế cho đất nước. Chúng ta không chỉ là nạn nhân của ông ở góc độ “giá lương tiền”. Suốt gần 30 năm, sách vở ngập tràn thơ Tố Hữu. Bài thi nào cũng Tố Hữu. Giải bình thơ hay nào cũng Tố Hữu. Biết bao thế hệ đã tưởng đấy là thơ. Dân trí đã từng bị đặt trong cái “thên thang 8 thước” đó. Nay thì Tố Hữu đã chết. Mới đây, gia đình ông đã bán nốt căn biệt thự ở phố Hồ Xuân Hương với giá tính bằng đô la cũng hơn 7 triệu.

Trong khi những người như Tố Hữu được ban những bổng lộc như vậy, những người như Trần Dần, Hữu Loan lại bị đọa đày. Bà Phạm Thị Nhu, vợ ông Hữu Loan, kể: “*Chúng tôi nuôi 10 đứa con thật vô cùng vất vả. Ông nhà tôi đi thò đá, tôi làm 2 sào ruộng, lại xay bột làm bánh bán ở chợ. Hôm nào bán ế là gánh về một gánh nặng, cả nhà ăn trừ bữa. Tôi cứ xào một xoong to toàn các thức rau, các con đi học về là nhào vào múc ăn thay cơm. Ba đứa trai lớn thì hàng ngày phải dậy từ 3 giờ sáng, kéo 3 chuyến xe cải tiến chở đá từ trên núi xuống hồ cách 2 cây số, bán cho các thuyền rồi mới ăn vội bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học*”. Các con của Hữu Loan gần như không có ai vào được đại học vì lý lịch của một kẻ “Nhân Văn”. Một người con thi đủ điểm đi học nước ngoài cũng không được đi học. Ông đã bị biết bao người thân trách cứ. Nhưng, khi quyết định rời bỏ Hà Nội về quê, Hữu Loan đã nói với vợ: “*Thôi thì bà với các con chịu khổ để cho tôi được sống lương thiện. Tôi mà chịu khó hót thì nhà lầu xe hơi sung sướng đấy, nhưng tôi không làm được*”. Ông giải thích: “*Làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi, viết vừa lòng dân thì đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cày*”.

Đôi khi nghĩ, những người như Hữu Loan, Trần Dần đại thật. Nhưng, *Những ngày ấy bao nhiêu thương xót*, làm sao có thể bắt những người như các ông có thể quay lưng lại với nhân dân!

Trần Dần, mỹ học khổ đau Thụy Khuê

Trần Dần mất ngày 17 tháng Giêng năm 1997. Trong 40 năm sau Nhân Văn, Trần Dần đã chỉ thấy những hòm bản thảo của mình: 2/3 bị tiêu tán, mục nát, 1/3 bị kết án chung thân trong trạng thái "nằm". Vậy mà vẫn viết. Viết đều. Bởi ông cho rằng viết hay ghi là phương pháp duy nhất để nói chuyện với mình khi không thể nói được với ai. Từ 1958, "ghi trở nên một hình phạt", người thanh niên 32 tuổi ấy đã bị "đòn ngấm quá cuống tim rồi".

Tác phẩm chịu chung số phận với người, phần lớn đều chưa được in ra: gần 30 tập thơ, 3 cuốn tiểu thuyết, và không biết bao nhiêu bản thảo đã bị mối mọt.

Trần Dần sinh ngày 16 tháng Bảy năm Bính Dần, tức ngày 23 tháng Tám năm 1926, trong một gia đình giàu có ở Nam Định. Đậu bằng thành chung rồi lên Hà Nội học đến tú tài. Trần Dần là bạn thân từ nhỏ với Vũ Hoàng Địch, em ruột Vũ Hoàng Chương. Trong không khí văn nghệ gia đình và bè bạn, ngay từ 1944, sau khi xong trung học, Trần Dần, đã cùng Vũ Hoàng Địch, Trần Mai Châu, Đinh Hùng... nghĩ đến việc cách tân Thơ Mới, chủ trương nhóm Dạ Đài, viết "Bản tuyên ngôn tượng trưng" ký tên ba người Trần Dần, Trần Mai Châu và Vũ Hoàng Địch, in trên giai phẩm Dạ Đài số 1, ra ngày 16/11/1946. Ngoài thơ, Dạ Đài còn có tiểu thuyết, truyện ngắn và bình luận. Vừa ra được số đầu, mới lên khuôn số thứ nhì thì chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, Trần Dần tham gia kháng chiến.

Đạo diễn Trần Vũ nhớ lại: ở Sơn La, năm 1946, Trần Dần làm công tác tuyên truyền cùng với Vũ Khiêu và Vũ Hoàng Địch. 1948, khi thành lập khu 14 ở Tây Bắc, Trần Dần cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch lên Tây Bắc. Một thời gian sau, khu 14 bị giải thể. Trần Dần tham gia quân đội, nhận công tác địch vận của trung đoàn Sơn La từ 1948 đến 1950.

Hồ Phương kể lại: "Ở nhóm văn nghệ Tây Bắc có Trần Thứ (nay là Trần Vũ), Trần Dần và Hoài Niệm... Tờ Sông Đà của nhóm này cũng là một tờ báo được trình bày khá đẹp, nghiêng về sáng tác thơ văn. Hồi ấy Trần Dần hay làm thơ leo thang, bài thơ thường được trình bày khá kiểu cách. Dòng thì in chữ nhỏ, dòng lại in chữ to, thiên về hạng theo mốt." (trích Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học, tập II, nxb Tác Phẩm Mới, 1987, trg 140).

Sau kỳ học tập chính trị năm 1951, Trần Dần về Trung Ương, nhận công tác ở Cục Quân Huấn. Cuối năm 1953, chiến đấu ở mặt trận Điện Biên, cùng đội ngũ với Đỗ Nhuận và Tô Ngọc Vân, Trần Dần viết tiểu thuyết Người người lớp lớp.

Năm 1954, được cử đi Trung Quốc để viết bản dẫn giải bằng tiếng Việt cho phim Chiến thắng Điện Biên Phủ. Ông không ghi gì về chuyến đi này trong nhật ký.

Đầu năm 1955, trong quân đội manh nha sự phản đối đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng: Trần Dần, Tử Phác, cùng với sự hỗ trợ của Lê Đạt, Hoàng Cầm, một mặt lên tiếng phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, một mặt yêu cầu hạn chế sự can thiệp của Bộ Chính Trị vào lãnh vực văn hóa văn nghệ. Phong trào tiếp diễn với Giai Phẩm Mùa Xuân, xuất hiện tháng Ba năm 1956, đăng bài Nhất định thắng của Trần Dần. Trần Dần bị bắt, cửa cổ tự tử, nhưng không chết. Phong trào tiếp tục đến tháng Giêng năm 1958 thì bị dập tắt hẳn. Những chôn vùi thường đưa đến những hậu quả bất ngờ: như hỏa sơn Vésuve thịnh linh chôn sống Pompéi trong một trận mưa tro đá. Nhưng 1700 năm sau, người ta đào lại các lớp địa tầng, "phục hồi" những xác người hóa thạch. Chính những xác hóa thạch đó đã cho biết họ bị ngọn lửa Vésuve bức tử như thế nào. Tại sao mà chết? Xác người hóa thạch ở Pompéi, 1700 năm sau, đã thuật lại cho hậu thế lịch sử cái chết của mình. Vésuve đâu có lường trước hậu quả khi nhúng tay vào tội ác? Vésuve đâu có ngờ rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người cũng tìm đủ mọi cách để "phục hồi" sự thật? Vésuve đâu nghĩ đến sự phản bội của thời gian: đáng lẽ những sự thật đã bị chà đạp, bóp méo, chôn vùi đến hàng ngàn năm phải tiêu tan, tro bụi, nào ngờ, chúng lại

được chính thời gian đồng lõa với con người, tìm cách soi tỏ sự thật như một thỏa thuận nhân văn ngấm ngấm giữa quá khứ và hiện tại, giữa bây giờ và hậu thế.

Về Nhân Văn Giai Phẩm, có những sự việc đã bị chôn sống, tưởng rồi sẽ tan trong lòng đất. Có những sự thực đã bị bóp méo đến độ dị dạng. Trong hơn nửa thế kỷ, người ta đã quen sống với những quái thai dị dạng đó: những xuyên tạc, bôi nhọ được đề cao như những chân lý. Ngờ đâu, những con chữ trong hòm lại có ngày đứng dậy, thuật lại chuyện mình. Tập Trần Dần ghi 1954-1960 là một trong những tư liệu hòm, tự khai, tự quật. Do nhà xuất bản Văn Nghệ tại California in năm 2001. Tác phẩm chia ra những dòng chữ viết đầu tiên, để lấp những trang còn trắng về một thời kỳ văn học sử, còn chưa được biết, còn chưa được viết.

Trần Dần ghi, tức là Trần Dần viết nhật ký cho mình, ghi lại những ý nghĩ, sự kiện, đột hiện ra trong óc. Những điều mắt thấy tai nghe. Những câu chuyện bạn bè kể lại. Tất cả bộ mặt hàng ngày của đời sống "thời ấy", vui có, buồn có, bức tức có, phẫn nộ có, lạc quan có.

Sự ghi ấy đến với chúng ta như thế nào, sau nửa thế kỷ? Nó cho biết một phần sự thật về thế giới đã bị chôn vùi, dĩ nhiên là dưới con mắt chủ quan của người ghi. Một sự chủ quan đầy ý nghĩa vì đây là những hàng nhật ký chứ không phải hồi ký. Đây là những ghi chép hàng ngày, tại chỗ, còn nóng hổi, chỉ để giúp trí nhớ của riêng mình, không có hậu ý cho người khác đọc. Mà dù có muốn người khác đọc, thì cũng không chắc có một ngày người ta sẽ đọc. Bị xếp trong hòm, nó còn mang tính cách trần trối, trần trối với mình, trần trối với người, trần trối với nghệ thuật. Vì không cốt yếu viết cho "người khác" đọc, cho nên nó không cần phải "làm đẹp" lên hoặc "làm xấu" đi, không phải giả đờ tự phê phán mình để tỏ niềm trung thực, như một số hồi ký viết về thời kỳ này, cốt viết và in cho người khác đọc. Bởi thế, khi đọc Trần Dần ghi, tức là chúng ta đã xâm phạm vào đời tư cá nhân Trần Dần, vào chỗ thầm kín nhất của con người: vào những ý nghĩ riêng tư, nhiều khi thái quá, vào những sự thật trần trụi, nhiều khi không khoan nhượng, vào những sai lầm có thể có, đối với bất cứ ai. Đó là con dao hai lưỡi, cũng là lợi khí của văn học nằm trong tinh thần sáng tác của Trần Dần.

Tập Trần Dần ghi 1954-1960 gồm ba phần. Phần đầu là những suy nghĩ về sáng tạo. Phần thứ nhì chụp lại thời đầu tổ. Phần thứ ba nghiêng về chân dung và cuộc sống con người trong ba năm kỷ luật.

Phần thứ nhất, ngắn nhưng sắc sảo, bộc lộ quan niệm thơ nói riêng và sáng tác nói chung của Trần Dần. Tuy viết từ thời trẻ, nhưng đã khái quát những suy nghĩ sâu sắc của một đời người, đời thơ, bao trùm những ý nghĩa triết lý và nghiệm sinh. Đó là một lối tuyên ngôn nghệ thuật phát xuất tự đáy lòng, với những trần trối, vừa muốn tìm hiểu, vừa để xác định một trật tự cho riêng mình, nhưng chưa vỡ lẽ cái mình muốn xác định ấy là gì. Trần Dần viết: "...những hình ảnh thơ nóng bỏng, cháy như lửa, một hình ảnh ánh lên nhiều hình ảnh, hình ảnh nọ chống đối hình ảnh kia, hòa hợp với nhau, lôi kéo nhau trong một điệu nhảy ma quỷ... Đúng là: một cuộc sống chaotique, nhưng một cái chaos có harmonie của nó. Một điệu danse macabre có cái thần tiên của nó. Một cái hỗn độn có cái trật tự của nó. Và cái harmonie, cái thần tiên, cái trật tự đó là tùy theo tiêu chuẩn, tôi cho là: ý thích của tôi. Mà ý thích của tôi là theo tiêu chuẩn tối cao! Đó là sơ lược cái mơ ước ngày tôi 18, 19 tuổi." (trang 35)

Đó là lời "tuyên ngôn" thơ, rất "hỗn độn", mơ hồ, nhưng lại rất sát với thơ. Nếu so với những lời văn hoa Trần Dần viết trong bản "Tuyên ngôn tượng trưng" của nhóm Dạ Đài mười năm trước, nào những "Chúng tôi - một đoàn thất thổ- đã đầu thai nhằm lúc sao mờ" (rất Vũ Hoàng Chương), nào những "Chúng tôi đã nhìn lên Tinh đầu và đã nhìn xuống Thế nhân", nào những "Sụp đổ: lâu đài phong nguyệt; và mai một: ý tứ những thi nhân mờ ánh trăng mà thác"... thì đúng là trong hoàn cảnh nào, tuyên ngôn cũng vô dụng. Tuyên ngôn Dạ Đài trịnh trọng, khuôn sáo, không nói được gì, so với mấy trang đầu tập Trần Dần ghi 1954-1960.

Nói với mình, Trần Dần bỏ hẳn lối viết rườm rà, hoa mỹ, để hướng về chữ, chỉ có chữ, trần trụi chữ, sâu và thực.

Phê bình văn, thơ kháng chiến

Câu hỏi đầu tiên đến với người sáng tác là: viết như thế nào? Trần Dần không thoát ra ngoài thông lệ. Lúc ấy đang đánh nhau, có đòi hỏi phải viết về chiến tranh. Người ta bảo phải viết như thế này, thế kia. Còn anh? Là nhà văn, anh nghĩ gì? Anh viết như thế nào?

Trần Dần ghi: "Chúng ta thấy chúng ta vào khói ra lửa, sinh tử không sòn, chúng ta thấy chúng ta hành động ghê gớm lắm. Nhưng có điều buồn là chúng ta không thấy chúng ta! [...] Chiến tranh rèn luyện. Chúng ta được nhiều điều. Nhưng [...] tôi nói nó là bộ xương. Chiến tranh làm chúng ta rắn xương rắn thịt, làm cho tâm hồn chúng ta có hình cốt, có cái khung rất tốt rất bền. Nhưng bạn đừng lầm bảo rằng bộ xương đó là người, hình cốt và và cái khung là tâm hồn rồi đó. Nói vậy là một sự dối trá [...] Cho nên bạn nói Chiến tranh là rèn luyện; - bạn cần nghĩ thêm Hòa Bình cũng rèn luyện, mà còn rèn luyện hơn là chiến tranh nữa [...]"

Hòa Bình rồi, người ta mới có thể biết trong chiến tranh người ta đã mất mát và thu hoạch được những gì. [...] Tôi nói rằng chúng ta mất nhiều hơn. Tại vì tôi nghĩ tới chiến tranh và tội ác của nó. Và tại vì tôi so sánh những cái thu hoạch 9 năm chiến tranh vừa qua với những cái thu hoạch lớn hơn gấp bội nếu 9 năm qua là 9 năm kiến thiết Hòa Bình. [...] Vì thế tôi muốn viết nhiều, muốn viết những cái tôi chưa dám viết. Và tôi muốn viết không có kiểm duyệt. [...]"

Tôi vừa viết xong cuốn "Người người lớp lớp". Viết về chiến tranh ở Điện Biên Phủ đấy. Nhưng mà tôi đã chán rồi. Tại vì rằng tôi ít thấy sự thực của chiến tranh trong đó quá. Và vì rằng tôi thấy ít sự thực của bản thân trong đó quá. Chưa phải là chiến tranh và chưa phải là tôi. Cho nên tôi viết tới hơn 300 trang mà không thích bằng một bài thơ tôi cũng mới làm về chiến tranh: "Anh đã thấy" (mes douleurs) trên dưới có 6 trang! Vài trang thơ này tôi còn thấy chiến tranh nhiều hơn, và thấy tôi nhiều hơn 300 trang "Người người lớp lớp".

[...] Tôi muốn tả những người chiến sĩ. Người rất già người rất trẻ. Người bần cố và người con địa chủ. Người con tư sản và người công nhân. Người học sinh và người không biết chữ. Người đã làm sư và người đi ăn cướp. Người đi buôn và người đã bị buôn. Người đã lừa lọc và người đã bị lừa lọc. [...] Người anh hùng và người dút dút. Người lấy súng bắn địch và người lại lấy súng tự thương. [...] Người thuần, người ngổ ngáo. Người chỉ biết phục tùng, người hay cãi bướng. Và đa số là ngại học tập, ngại nghe đài thông. Ngại nghe cán bộ nói nhiều. Ngại bị "nắm tư tưởng". Nắm, nắm con cặc.

[...] Tôi nghe người ta nói đừng viết cuộc sống telle qu'elle est (chú thích: cuộc sống như nó đang diễn ra) mà phải viết la vie telle qu'elle doit être! (cuộc sống như nó phải được diễn ra) - Tôi lại hiểu rằng: viết cuộc sống telle qu'elle est tức là viết cuộc sống telle qu'elle doit être. - Tôi hiểu rằng không có gì đẹp hơn, không có gì cao cả hơn, không có gì cộng sản hơn là: Sự Thực không tô điểm, Sự Thực trần trụi. Và cũng không có gì xấu hơn, không có gì yếu ớt hơn, phi cộng sản hơn là Sự Thực tô điểm, Sự Thực mặc áo hồng, áo xanh, áo hoa. Tôi nói rằng, dù áo hoa đó thích hợp, dù sự tô điểm đó là tô theo phương hướng thực của cuộc sống thực, thì cái áo đó và sự tô điểm đó vẫn cứ là không đáng tán thành. Cuộc sống cời trụi, nó có ý nghĩa như những sự tô điểm và những bộ áo đẹp và lý tưởng nhất. Màu da của cuộc đời toute nue, đó là tất cả các bộ áo của trần gian rồi [...]"

Chính vì vậy tôi muốn viết chiến tranh telle qu'elle est. 10 cây số máu. Xương phơi đầy đường. Người đáng sống thì chết. Kẻ đáng chết thì sống mãi. Tôi tưởng rằng, nếu mà nói giáo dục, thì không gì giáo dục hơn là sự thực ở trần. Chiến tranh cời trụi là có thể giáo dục Chiến tranh, lại giáo dục cả Hòa Bình [...] Cho nên tôi rất muốn viết về chiến tranh. Viết thật trần trụi. Không gì lớn hơn Sự Thực. Vì vậy cho nên không bao giờ tôi viết được Sự Thực [...] Nhưng mà cũng không bao giờ tôi lại không muốn tả cho đúng Sự Thực. [...]" (trích những dòng ghi từ 16/9 đến 1/10/54, trang 43-48).

Lời ghi trần trụi trên đây là một tuyên ngôn cời trụi về mục đích của văn học, về nhân cách của nhà văn. Suốt cuộc đời, Trần Dần đã tôn trọng nó: ông đã ghi lại cuộc sống của mình, của những người xung quanh, bằng trái tim, một trái tim dù bị dìm dấm, bầm vấp, nhàu nát nhưng vẫn giữ tròn nhiệm vụ lọc máu để nuôi sống con người.

24/12/1954, đêm Noel, Trần Dần ghi:

"Bước quanh bờ Hồ. Trời tôi tối. Còn vắng tiếng hát micro nhà thờ buông trầm trầm. Hai thằng đi. Tôi và Lê Đạt. Buồn quá. Đây là những lúc người tôi hăng lắm. Rõng lắm. Tôi còn đầy dư vị những câu chuyện trao đổi đêm nay về chính sách văn nghệ. Dư vị chua, đắng, nhạt thêch. Xem bài thơ "Đại hội văn công" của Dương Chi trên báo Thời Mới. Tôi nhớ lại nhiều bài thơ kháng chiến của anh em kháng chiến. Ý tứ, điệu nhịp. Tôi có ý nghĩ so sánh. Thấy nó na ná nhau quá. Thử đào sâu hơn, tôi thấy phương pháp thơ của Dương Chi không khác là bao nhiều với phương pháp thơ của nhiều anh em kháng chiến (!) Tôi còn muốn nói là giống nhau nữa. Phương pháp thơ gì? Tôi cho rằng phương pháp thơ đó, căn bản có mấy điểm:

- 1) một nội dung chính trị chưa thấm, chưa nhuần tới mức không còn là chính trị đơn thuần nữa;
- 2) trộn vào nội dung chính trị đó, một vài cái gì ươn ướt một tí! Ví dụ "đại hội văn công" thì trộn vào: tình đất nước, xuôi ngược Mán, Thổ, Mường... Nam Bắc... bốn phương về đây tụ hội. Và một vài cái ánh đèn... con mắt trái tim rung v.v... [...]
- 3) đem cái đó đặt thành vần điệu. Kỹ thuật là xem các thể thơ 4, 5, 6, 7 chữ. Thi thoảng hạ một câu lục bát nghe có vẻ mê ly. Tôi thường nghĩ đó là một ngón "thơ chim gái". Phụ nữ nghe phải sít soa. Và cả quần chúng khi đó, lúc đó, cũng phải rít lên. Nhưng về sau không còn ai nhớ nó nữa.

Vì vậy tôi coi phương pháp thơ Dương Chi trong bài đó giống phương pháp của anh em kháng chiến. Theo ý tôi là một phương pháp thơ rất hỏng. Không có gì đáng gọi là cách mạng cả. Tôi muốn nói: "Các anh đừng có lên mặt kháng chiến. Đừng vênh vào mình tiến bộ. Đừng khinh anh em trong Hà Nội lạc hậu! Về cơ bản, các anh không hơn gì anh em Hà Nội đâu. [...] Ta chưa có cách mạng thì ca".

Tôi nhớ một hôm tôi đọc chơi chơi ví dụ: "hồn lằng lằng mơ máu giặc nồng say". Nhiều anh em cười. Tôi đó: thơ ở đâu nào? Có anh đoán: - Một tờ báo Hà Nội nào hần? Tôi nói thực: Đó là tập "Tiếng hát" của nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân. Thơ kháng chiến đấy!" (trang 65- 66). Trần Dần ghi những điều mà mọi người thấy, nhưng không dám nói ra: Một người chuyên trị thơ kháng chiến như Tố Hữu, nếu ai chịu khó đọc lại thơ ông, sẽ thấy Trần Dần nói đúng, thơ Tố Hữu đầy những câu văn hoa vay mượn, lấy Kiều một tý, lấy ca dao một tý: "Mình về mình có nhớ ta. Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng", "Mười lăm năm ấy ai quên. Quê hương cách mạng dựng nên cộng hòa". Lấy Tản Đà một tý: "Ta với mình, mình với ta. Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh". Ngược xuôi Mán, Thổ, Mường một tý: "Po Tào, Mường Khũa, Mường Tranh. Mường La, Hát Lót, chân anh đã từng". "Ươn ướt" một tý: "Anh về sáo lại ái ân. Đêm trăng hò hẹn trong ngân tiếng ca", rất đúng ngữ điệu "chim gái".

Bài Bầm ơi, vào loại rất hay của Tố Hữu cũng là một bài lấy ca dao:

*Bầm ra ruộng cấy bầm run,
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt thương bầm bấy nhiêu.*

Cho nên khi bình thơ Tố Hữu, Trần Dần đã phê một câu chí lý: "Chỗ nào hay thì lại là lặp lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao... Tố Hữu chưa đem tới một cách nhìn mới mẻ gì."

Nhưng cái họa của thơ kháng chiến là không chỉ có Tố Hữu làm thơ như thế mà hầu hết các nhà thơ nổi tiếng, khi xung phong yêu nước, họ đều nặn ra những câu thơ tầm thường, hời hợt hoặc rất xáo. Điều này rất khác với các nhạc sĩ. Tôi nhớ một hôm, đi chơi xa với nhà thơ Lê

Đạt, trong xe, tôi để cassette nhạc kháng chiến của Phạm Duy. Không nhớ rõ là khi nghe đến bài nào, Quê nghèo, Về miền Trung hay Bà mẹ Gio Linh... Lê Đạt buột miệng: "Phải yêu nước như "nó" mới làm được nhạc như thế". Nguyễn Huy Thiệp khi nghe Thái Thanh hát Bà mẹ Gio Linh cũng bảo: "Nghe nổi cả da gà!". Câu nói của Lê Đạt, Nguyễn Huy Thiệp làm tôi suy nghĩ nhiều về lòng yêu nước, về thơ và nhạc kháng chiến: quả là thơ kháng chiến "yếu" hơn nhạc kháng chiến rất nhiều. Có bài thơ kháng chiến nào làm cho chúng ta "nổi da gà" như Bà mẹ Gio Linh. Tại sao? Vì các nhà thơ không có "gene" yêu nước chăng? Hay vì làm thơ yêu nước không dễ, phải yêu nước thật, may ra thơ mới hay. Phải rút ruột mình ra, lên đồng với chữ như Hoàng Cầm, mới làm được Bên kia sông Đuống. Phải mát mát như Hữu Loan, mới làm được Màu tím hoa sim? Còn tất cả những "giả đồ", đều đều giả tạo, không che được mắt ai, nhất là giả đồ yêu nước. Chúng ta thử đọc một bài thơ yêu nước của Xuân Diệu:

*Sớm nay xa cách làng Còng
Bước đi một bước trong lòng mến yêu
Làng Còng vất vả, gieo neo
Tô đong, thóc rế, bao nhiêu cặm thù.
Nông dân lao động bốn mùa
Trồng bông, bón mía, lại vừa tía ngô.
Mùa thường ngập lụt chẳng no
Chiêm thời thỉnh thoảng mất khô một kỳ.
Tháng ba hái củi nặng nề*

*Tháng mười kéo một đêm khuya thức ròng.
(trích bài "Tặng làng Còng")*

Màu mè hơn Tố Hữu, Xuân Diệu tìm cách trộn trạo hồ lớn các yếu tố ca dao, lao động, nông dân, canh tác... vào cho đủ lệ bộ mũ mã cân đai, có thể rất hợp khẩu vị lãnh đạo, nhưng không làm rung động mấy may "lòng người". Bài này thuộc loại tạm được, nhưng Xuân Diệu còn bao bài thơ khẩu hiệu không thể nào đọc được, ví dụ:

*Người gánh gánh của chúng tôi: là Đảng
Người gánh gánh với chúng ta: là Đảng
Người gánh ta, ta gánh Người: là Đảng
Người gánh đất, Người gánh trời: là Đảng.
(trích bài "Gánh")*

Tóm lại, hầu như không một nhà thơ nào, thời ấy, theo kháng chiến, tự nguyện hay bắt buộc làm thơ ca tụng, mà không nặn ra những bài văn vắn, nửa vè, nửa khẩu hiệu, tạo nên một vũ trụ quái thai thơ. Vũ Hoàng Chương cũng có những câu:

*Chen tiếng hoan hô này khẩu hiệu
Muôn năm chủ tịch Hồ Chí Minh.
Muôn năm người lính già tiêu biểu
Vì giang sơn quyết bỏ gia đình
(trích bài "Nhớ về Hà Nội vàng son")*

Đó là bi kịch chung của thơ văn kháng chiến mà Trần Dần đã cô đọng lại trong vài hàng phê bình thẳng thắn và xác thực. Điều tệ hại là chính cái sườn nửa vè, nửa khẩu hiệu ấy lại trở thành mẫu mực cho thơ văn suốt một thời dài sau khi kháng chiến chấm dứt, khi đã đánh "tuyệt nọc" Nhân Văn.

Mỹ học khổ đau

Phần cốt lõi trong nhật ký Trần Dần là thân phận con người. Con người trong cái cách ruộng đất và đấu tố, con người sau Nhân Văn. Trần Dần có đầy. Trần Dần ghi. Trước đây, chúng ta đã được đọc nhiều cuốn tiểu thuyết hay viết về thời kỳ cải cách ruộng đất. Nhiều cách viết về thân phận con người, mô tả những khổ, đau, sống, chết... trong cái cách ruộng đất. Trần Dần không viết về cái cách ruộng đất, cũng không viết về tố khổ, mà ông ghi, ông chụp hình tố khổ bằng chữ. Nghệ thuật của ông nằm ở chỗ: không làm nghệ thuật, mà chụp nó. Như thể vô tình ông đã tạo ra cái mà ông gọi là Esthétique de la douleur.

Trong lúc nói chuyện về nghệ thuật với Lê Đạt và Đặng Đình Hưng, có lần Trần Dần bảo: "cái esthétique của tôi, nó là esthétique de la douleur" (mỹ học khổ đau) (trang 345). Nhưng ông có ý phê bình cái mỹ học khổ đau ấy là của thế kỷ XIX. Muốn biết cái "mỹ học khổ đau" ấy như thế nào, thì cứ đọc những hàng Trần Dần ghi. Ông ghi như thế nào? Ghi ngắn, gọn, những điều chính yếu. Bỏ hết những chữ thừa, tác giả xóa mình sau ống kính chữ. Chỉ có chữ. Vắn tắt như tốc ký. Chỉ có cách ấy mới lọc được nước cốt của nỗi đau.

Lối viết ấy có thể xem như một cách chất hiện thực, lọc nước cốt các loại hiện thực, để chỉ lấy phần cô đọng nhất. Đó là hiện thực Trần Dần. Đó là mỹ học khổ đau.

"Thụ chém xong, Hoàn, Sang nhảy vào đê ông Tuấn xuống, thọc con dao nhọn vào vết chém đâm sâu vào thái dương, ông Tuấn ọc ọc rồi chết. Hoàn, Sang khiêng xuống bếp, treo cổ. Hoàn chạy đi. Sang chạy ra cản nhân dân, xem giấy không cho vào". (trang 118)

Những khuôn mặt, những tình huống, những cảnh, những lời, trôi lên qua vài nét phác, đôi khi là khuôn mặt địa chủ, đôi khi là khuôn mặt "nhân dân"... đôi khi cả một khung cảnh. Đôi khi chẳng có gì cả, trần trụi hai ba chữ, cụt lùn, trống không, như những hàng ghi đầu năm 56:

1/1 Thẩm tra chỗ dựa.

Tối họp: Tội ác địa chủ. Bảo vệ đường sắt.

3/1 Nhà Thu.

Tối, trấn áp địa chủ. Họp du kích trao đổi vũ khí. Họp thanh niên, thiếu nhi.

8/1 Điềm tố khổ Nông Hội.

9/1 Nhà Thu.

Thông tin kẻ khẩu hiệu: Có khổ tố khổ. Đánh đổ địa chủ cường hào đại gian đại ác. Hoan nghênh đại hội nhân dân. Sáng suốt chọn người vào thẩm phán xã.

Tố khổ Nông Hội.

1/1 Nhà Thu.

Tối: Công thẩm Hoàn (Nguyễn Văn Nga).

12/1 Sáng: đấu Hoàn. (trang 167).

Lối tốc ký: sợ không viết ngay sẽ quên mất, hình ảnh sẽ biến đi, bởi vậy phải ghi hỏa tốc. Cảnh đấu Nguyễn Văn Nga được chụp khá đầy đủ, gồm 17 màn, có 17 nhân vật thay phiên nhau lên đàn đấu và đây là hai màn đầu, vẫn lối tốc ký, vắn tắt, tắt nhất:

Đấu Nguyễn Văn Nga

1. Anh Tụng lên.

- Mày mắt thóc, em mày lầy, mày vu cho tao mày đánh tao.

- Nga, mày có đánh anh Tụng không?

- Không.

Đả đảo...

- Mày có đánh không?

- Có.

Đả đảo thái độ ngoan cố...

- Mày ngoảnh mặt lên đây. Khoanh tay lại. Bây giờ mày đã nhận mày kể lại đi.

- Thừa quy tòa con mắt thóc về hỏi, chả nhẽ ở nhà mắt còn có ai, anh Tụng...

- Anh với mày à?
- Ông Tụng, con hỏi ông Tụng, xong có đánh.
- Nga! Đánh thế nào? Hỏi! Cho phép mày quay về ông bà nhân dân mà nói về việc đánh anh Tụng. Phải thưa ông bà.
- Thưa ông bà nhân dân, con mắt thóc, con đánh anh Tụng à ông Tụng. Con trói vào cột.
- Mày có treo anh Tụng lên không?
- Con có treo ông Tụng lên ạ...

Đả đảo...

- Nga! Hỏi! Về sau thóc ai lấy?
- Con không biết ạ...

Kết luận:- Chúng ta nhân dân thấy bộ mặt ngoan cố tên địa chủ. Nó đã nhận là thóc con cháu nó lấy mà nó đổ cho anh Tụng, nó đánh.

2. Ông Sử

- Mày đánh tao nát cả người cả ngợm ra.
- Con chỉ đánh nát người thôi ạ. Không đánh vào ngợm ạ.
- Tao đói quá tao đi bê mấy bắp ngô. Tao lấy của nhân dân chứ có lấy của nhà mày đâu? Sao mày lột quần tao ra, chắp 10 roi đánh!
- Mày có đánh ông Sử không?
- Có.
- Mày đánh bằng gì?
- Con đánh bằng roi tre ạ. Ông ấy ăn cắp ngô, con đi tuần thì con đánh ông ấy chảy máu đít. (trang 135-136).

Màn đấu Nguyễn Văn Nga tiếp tục với các nhân vật khác: Em anh Niệm, Chị Vinh, Bà Chính, Ông Thìn, ông Dăm lần lượt lên đàn tố.

...

Ở trang 172, Trần Dần ghi:

Viết 5 câu chuyện tình, không được in, đốt đi 2, còn 3. [...]

Em ạ, chính sách quản lý hộ khẩu là để đánh địch, nhưng em coi chừng, nó lại đánh vào tình yêu của chúng ta [...]

- Đạo lý không có tương lai.
- Viết quyển "Đời làm lính", xong lại đốt đi. Vì nó đụng đến nhiều thứ quá.
- Nhật ký cho D. "Tác phẩm xuất bản cho một người."

Hiện thực Trần Dần là hiện thực tốc ký của mỹ học khổ đau. Không bình. Không luận. Để sự thực trần trường nói. Là "tác phẩm viết cho một người", "xuất bản cho một người", tác giả lọc ra những nét độc đáo nhất của một chân dung, một sự kiện, một hiện tượng để ghi lên giấy, tạc vào óc người, người duy nhất viết và đọc: Trần Dần.

Mỗi hiện tượng, mỗi tình huống hay chân dung phác ra, bằng vài câu, vài dòng. Kẻ đọc "lén" - như chúng ta ngày nay - nếu giàu tưởng tượng, có thể xây dựng nên một tác phẩm văn học. Trần Dần tạo ra nguyên liệu, trong trạng thái thô nhám, rỗng, như vàng rỗng, chưa pha tạp, chế biến, và mặc "ta" xoay sở:

Chị Chuột chữa hoang.

6 tháng bụng to rồi. Làng mới đem ra điểm cho tuần gác, cùm, trói. Nuôi cho ăn cho đẻ xong xuôi. Trói hai ngón tay, hai ngón chân, lấy xe điều lăn chân, rút lông cho đau. Tra hỏi: chữa với ai. Chị Chuột khai chữa với phó Riếm.

Vào bắt bò nhà phó Riếm. Phó Riếm không chịu, xin thử máu. Bớt nước lã: Giọt máu phó Riếm với giọt máu đứa bé không quyện vào nhau. Vậy là không phải.

Lại tra, lăn xe điều. Chuột khai ngủ với Bạch.

Bạch đẹp trai, đàn sáo. Vợ cũng đẹp. Bạch nhận. Làng ăn vạ. Bắt bò, hai lợn, đong thóc, cả làng ăn. Sạt nghiệp. (trang 139).

Với "vụ việc" chị Chuột như vậy, "ta" có thể đọc như thế nào? Điều tra những gì nằm ngoài các con chữ, là việc của "ta". Và "ta" cũng có thể dựng một truyện ngắn, như thể tác giả hào phóng muốn cung cấp những chất liệu đầu tiên cho ai muốn dựng nên một tác phẩm văn học. Cách viết gọi óc tưởng tượng của con người, nhưng rất có thể cũng là cách kêu cứu SOS, ngắn gọn, của một mớ chữ đang bị chôn sống trong hòm: Chuyện Nhân Văn, chuyện cải tạo sau Nhân Văn, cũng nằm trong lối tốc ký ấy:

"9/9

[...] Chiều. Nắng càng tán công gay gắt. Hàng tấn bom Napalm ánh sáng thiêu đốt đất cát nóng bỏng. 2, 3 giờ, gió máy xem chừng yếu thế, đến chiều thì tắt gió hoàn toàn! Suốt cả cái tháng bầy này, mùa hạ mùa thu giằng co nhau. Sống trong cái thế cầm cự ấy, vạn vật mệt nhoài... Sao mà tôi ghét cái ách thống trị gắt gao của mùa hè như vậy?

- Nắng này, anh ra đào gốc, không chịu nổi đâu! Nó hắt vào mặt, rát rạt! Anh Thuận bảo tôi... Thôi anh ở nhà (!)... Anh xuống chuồng bò cào phân! Mát mà! Có được không?

[...] Đêm, tôi thiếp đi trong mộng ác. Tay mừng, đau nhất là ở những chỗ đã thành chai mà lại mừng tái lại. Mọi bắp thịt suốt đêm lọc acide, và chôn cất những tế bào chết vì lao lực quá sức... Lọc đục suốt đêm vậy trong toàn bộ xác thịt tôi. [...]

10/9

[...] Gió khiếp quá. Hàng sự đoàn gió bắc trèo qua núi lúc nào đổ xuống đồng cỏ. Suốt buổi sáng, mùa hè bị đánh tan nát. Nắng bị gió may thổi mát đi, nguội lửa.

Gió tốc mái, rút mấy lá gồi chuồng bò. Cây cành bị túm tót, vật vã kêu gào, gió vẫn không tha. Các tàu chuối bị tước xơ ra. Có tàu rách mướp, trông hết một con rết xanh khổng lồ, hàng nghìn chân xanh ngo ngoạy điên cuồng, cào trong không khí, cái đuôi nó bị giữ rịt ở thân, nó lồng lộn ngang ngựa, không thoát [...]

Các nón lá bị gió nó hắt chụp mặt. Nó kéo ra sau, quai nón xiết cổ như thừng thắt cổ! Bụi phả vào mắt chúng tôi, chưa dụi xong, gió đã ném thêm. Bọn tôi đào gốc, đã nhọc, còn bị lũ gió may kia trêu chọc. Nó đùa dai chứ... Có lúc tôi cuốc đất, mắt nhắm tịt, một anh mù làm việc." (đầu tháng 9, 1958, trang 334-335)

Tháng 12 năm 1959, Trần Dần thốt lên: "Chao ôi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao." Con người nhất định tháng ấy, đã thua, đã hàng, chấp nhận ly khai những lý tưởng ngày trước của mình.

10-12-59 Trần Dần ghi:

"Sớm mai tòa án xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hại, cả hai: hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự, có lẽ vì không có vị trí gì ở đó. Không phải là nhân chứng, cũng không phải là đại biểu của nhân dân...

Người có một cái gì vắng vắng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với "lý tưởng" đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ôi! Con đường để đi đến chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không?

Đang đã nhìn thấy cái sai lớn của Đang chưa? [...].

Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra tòa cuối năm. Tôi cũng không thể nào nhờ nhờ với sự kiện này. Chao ôi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao!" (trang 376)

1958, "Ghi trở nên một hình phạt". Nhưng vẫn ghi. Cuốn sổ 1958 ghi lại con đường nhiều người muốn ngoi lên để đi đến chỗ "Đúng". Ai cũng muốn tìm một đường "máu" để thoát thân: biết đâu Đảng chả đoái thương mà nghĩ lại? Phương tiện nào cũng tốt kể cả "khai". Cả "tố". Bao nhiêu khuôn mặt đã bước trên con đường "nhiều máu" ấy. Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã đạt được sự "Đúng" ấy. Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã vo ve sự "Đúng" ấy. Trần

Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã "Sai". Trần Dần vẫn ghi. Cả đúng lẫn sai đều làm than, đều dần đi tới chỗ tha hóa. Họ tan tác cả. Chính quyền đã thành công trong sự "giẻ rách hóa" con người, như lời Lê Đạt.

Ngày 16/4/1958, Trần Dần ghi:

"Hiện nay Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức đã bị bắt, chẳng bao lâu sẽ ra tòa. Báo chí vẫn tiếp tục diệt đánh Nhân Văn Bộ 6 Giai Phẩm Mùa Xuân (tức là 6 người: Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sỹ Ngọc, Tử Phác). Bộ 6 đã buông nhau ra. Bọn Nhân Văn Giai Phẩm cũng ô rơ voa nhau hết [...] Sỹ Ngọc đóng cửa, miễn tiếp khách.

Bản thân tôi, do chỗ đã tự giác đình bản tư tưởng thù địch (thứ tự giác kết quả của áp lực...) nên mọi mặt khác, tôi cũng đình bản cả giao du, đình bản cả việc viết lách. Có nên đi gặp những đồng chí lãnh đạo để hỏi những việc cần phải làm không? Đi thì lại sợ bị hiểu lầm.

Nhưng nếu ngồi nhà, tiêu cực đơì, có khi còn bị hiểu lầm gấp bội. [...]

Bọn Đang - Minh Đức - Thụy An thân thì bị cầm tù, tội ác thì đem bêu đầu trên báo chí. Vai trò của bọn chúng trong các vụ phá hoại 3 năm đang được vạch trần.

Phan Khôi thì đóng cửa, nắm khăn, không đọc báo.

Trương Tửu, Trần Đức Thảo làm gì?

Còn cả loại B chúng tôi hiện ra sao? Làm gì?

Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đang tiếp tục kiểm thảo ở cơ quan, cùng với những Quang Dũng, Trần Lê Văn, v.v...

Chúng tôi đi sâu vào kiểm điểm sáng tác hơn nữa. Kiểm điểm sáng tác cho sâu mới thật là khó sao! Cứ như phải rút bỏ một mảng thịt của mình." (trích trang 244, 245)

"Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẩn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ [...] Tôi vừa là một tội nhân, vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn." (trang 260)

Phải nhận tội, phải cắt bỏ những mảng thịt của mình, phải tự chửi rửa mình, phải tìm gặp lãnh đạo, phải tố cáo bạn bè để xin một chút ơn huệ thừa, nhưng rồi cũng không ai thoát được guồng máy, không ai tránh khỏi bị ninh dừ. Thành công lớn nhất của guồng máy là đã đánh vào những yếu tố thiêng liêng nhất của con người, đánh vào tình bạn, tình người, đánh tan tác hết. Những người "Nhân Văn" không chết, nhưng họ bị rút máu, rút gân, rút dần sinh lực. Họ đều rời rã, đều muốn đầu hàng, nhiều người đã đầu hàng. Họ muốn được lãnh đạo thương xót, họ muốn được lãnh đạo đối đãi thương. Họ đã xuống đến đáy vực thẳm, họ chịu hết nổi. Họ sẵn sàng "chút lòng trình bạch từ nay xin chừa" nhưng người ta vẫn lạnh lùng quay đi. Người ta vẫn không cho ngoi lên. Cái phận người nhỏ nhoi. Cái phận người Nhân Văn phải đi vào sa lầy, phải lún xuống, phải chịu nhận cái thời không nhân văn của dân tộc mình. Câm và điếc. Như là đã chết. Và điều đó chỉ có mỹ học khổ đau của Trần Dần mới viết nên được.

Đi! Đây Việt Bắc: thơ kháng chiến Trần Dần

Bài thơ Việt Bắc do nhà xuất bản Hội Nhà Văn in năm 1990 là tập thơ đầu tiên được in của Trần Dần sau thời Nhân Văn Giai Phẩm. Tên gốc của tập thơ là Đi! Đây Việt Bắc! một trường ca sáng tác năm 1957, gồm 13 chương mà chương thứ 13 là bài Hãy đi mãi đã được đăng trên báo Văn số 28 ra ngày 15/11/1957. Ở lần xuất bản năm 1990, bài Hãy đi mãi vẫn bị loại bỏ và tập thơ được đổi tên là Bài thơ Việt Bắc.

Bài thơ toát ra hùng khí của một Trần Dần chiến sĩ. Kháng chiến "trần truồng": Đứng và Đi. Mạch thơ chảy như nước, từ những chữ đầu tiên:

*Đây!
Việt Bắc
Sông Lô
nước xanh*

*tròng trành mảnh nguyệt!
Bình ca
sương xuống
lạc
con đò!
Đáy dạ thời gian
còn đọng
những tên
Như
Nà Phạc
Phủ Thông
Đèo thùng
Khâu vác.
(trang 5)*

Dưới hình thức leo thang, là một con người: Trần Dần. Trần Dần tượng trưng. Trước hết là âm điệu: một nhịp hùng ca, một nhịp quân hành. Nhưng không phải quốc thiều mà là nhạc rừng, nhạc núi, nhạc nội tâm của người lính "mỗi đêm từ biệt một quê hương". Người lính ấy mang tâm sự của người dân mất nước, nhưng còn gánh cả những khổ đau của con người đói khát tự do:

*Tôi mất quê hương
từ khi
mới đẻ.
Mất
nước đỏ phù sa sông Hồng
Mất vịnh Hạ Long
Mất Huế
con sông Hương tình tự.
Mất
cửa biển Hải Phòng.
Mất mũi Cà Mau!
Tôi mất
những mùa thu
không én liệng.
Mất
mùa xuân
nhạt nhẽo cành đào.
Ngày đã mất
những mặt trời
không ấm nữa
Đêm
lại còn
mất nốt
chiêm bao,
Tôi đói tự do
như
những bến tàu,
đói hàng hóa
đói thuyền khơi
đói biển.*

(trang 29, 30)

Người lính Dần có ý thức về mình, người lính Dần đã vượt ra ngoài ý thức rập khuôn của đám đông tập thể, người lính Dần không hô khẩu hiệu, không bị lóa mắt vì hào quang hào huyền, người lính Dần nhìn thấy những khổ đau của đồng đội, người lính Dần nhìn thấy những chết chóc của chiến tranh:

*Hố mắt bạn tôi
sâu như nắm huyết
Có thể chôn
một chiếc quan tài
(trang 44)*

và người lính ấy đã nhìn thấy mình:

*Bên suối
bao phen
tôi ôm ấp
nắng đào
chưa sẩy
được nắm xương
âm mục
Nằm co quắp
trên sàn
lên cơn sốt
(trang 46)*

và người lính ấy đã nhìn thấy người khác:

*Mắt vàng sâu
thành
những cục nghệ vàng
Như ở một "suối vàng" nào
những tia mắt nghệ
lặng
nhìn nhau;
Nạn đói
kéo dài
ba tháng
Đêm hè
ngủ vẫn đắp chăn bông.
Bên đầu bản
họ ngồi
kêu
ngán ngẩm.
Chúng tôi ra vào
như
một rừng cây
trụi hết lá
trơ cành
khô khảnh
Sương từng đóng
chất ùn*

*bên ngưỡng cửa
5 giờ chiều! Tôi ngã vật giữa cao nguyên.
(trang 48)*

Việt Bắc của Trần Dần, không bịa đặt, không rùng hoa, biển cờ tiễn người ra trận, mà có rừng bệnh, biển đói chần bước hành quân, trong một vùng núi rừng, từ ấy, đã thôi Tố Hữu mà rất Trần Dần:

*Gió càng lên
thổi tắt
ít tinh cầu
Roi rét
quất tím bầm
mình mấy những đêm thâu.
Ngang ngọn núi
đoàn quân
pháo thủ
ôm hàng tấn sắt
trên lưng.
Không còn là người
toàn bắp thịt không
Gân cốt
cuộn
tùng búi thừng
búi chảo!*

*....
Cả nước
thức ngàn
ngàn
đêm trắng
Mắt mở to
như cửa ngõ
đen ngòm
Người dân nước
đã hóa thân
cò
vạc
chui bờ
rúc bụi
sống về đêm.
(trang 58 - 59 - 60)*

Tác phẩm *Đì! Đây Việt Bắc!* của Trần Dần đã rửa tội cho những bài thơ kháng chiến cùng thời: cho những lấm lem, gian dối, đối với những người đã chết. Khâm liệm những lấm than đau khổ của những người còn sống. Đào thải những hào quang bịa đặt, những giá trị khả nghi. Trần Dần vạch sự thực trên thơ, về "10 cây số máu". Những chữ của Trần Dần vừa vẽ chiến tranh, vừa đá đảo chiến tranh. Trong trận Điện Biên, chữ chui xuống hầm, lẫn vào hậu trường của người lính:

*Tôi ngòì viết
trong hầm*

căng bặt kín
Con đom đóm đèn
thiếu thở
mắt lim dim
Chỉ sáng đủ
đôi ba
dòng chữ.
Nếu như lọt
ra ngoài đêm
một tia sáng nhỏ
trái phá
sẽ
sầm sầm
xô đến
chôn ta!
Nơi đây
hút thuốc
phải trùm chăn...
Kèo
bom nghiền
rừng ta
thành
cám bụi
Cái chết
rình con người
rình ta
cả
bữa ăn
cùng giấc ngủ.
....
Nơi đây
đã chết
ngọn đời xanh.
Góc nọ
một rừng cây
ngã gục
(trang 86, 87)
Cuộc sống quanh tôi
mưa nắng
ngập hào,
Giàn hầm nhỏ
nước vào
hôi hám
Nắm cơm xôi
nhão nhoét
trộn đen ruồi
Sống như đây
đã chết
một mùa đông
Mùa xuân đến
cũng còn

*đang ngắc ngoải
(trang 90)*

Sau những lời hùng của người chiến sĩ, lời bi hường về người hấp hối, lời bàn về ngô cụt của chiến tranh, của những chiến thắng đắp trên xác chết, tác giả muốn kết thúc tác phẩm bằng chương cuối, chương 13, với bài Hãy đi mãi. Nhưng con 13 xấu số, bài thơ chỉ được đăng một lần trên báo Văn năm 57, rồi bị loại hẳn, ngay cả trong thời kỳ "đổi mới". Điều đó dễ hiểu: đối với một dân tộc, trong hơn nửa thế kỷ, đã được "thấm nhuần", được "đào tạo" dưới một chính sách, không thiết hòa bình, không dung sáng tạo, ngược lại, tất cả các loại hình chiến thắng xưa và nay đều được vinh thăng, tôn thờ, thì một nhà thơ đi tìm hòa bình, tìm tự do sáng tạo, phỏng có ích gì? Nhưng ai đã tiếp xúc với bài thơ ấy, thấy lời nó cứ sống mãi, tiếng nó cứ dai dẳng vang lên, như một điệp khúc, như lối thoát duy nhất của con người: Hãy đi mãi!

*Khi trái đất còn đeo bom trước ngực
thắt lưng*

còn lựu đạn bao xe; -

*Khi bạo lực còn khua
môi mồm mốc xỉ*

khẩu đại bác mỗi dùi

vẫn sủa;-

Khi bóng tối

còn đau như máy chém

những lời ca đứt cổ

bị bêu đầu

lũ đao phủ tập trung

hình cụ

mặt trời lên

phải mọc giữa rừng gươm.

(trích Hãy đi mãi in lại trong Trần Dần ghi, trang 177)

Hãy đi mãi đối với Trần Dần, là phải đi qua Việt Bắc, đi trên Việt Bắc, đi khỏi chiến tranh, đi khỏi đói nghèo, dốt nát, vượt qua nhục tiều, bước trên đàn áp, đi khỏi nhục nhằn, nói lên nỗi làm than của con người sống không tự do, không sáng tạo:

"Tôi có thể mặc thây

ngàn tiếng chữi tục tằn

trừ tiếng chữi:

- "Sống không sáng tạo "

Khí thơ bất khuất, rất Trần Dần. Bài ca đoạn tuyệt chiến tranh, hồi sinh chân lý cuối cùng: sáng tạo: "Tôi vẫn nâng chiếc đầu lâu nặng nề sáng tạo như nâng một viễn vọng đài."

Thơ đọc âm: Mùa sạch

Trong sự khao khát cái mới, khách thơ thường muốn tìm đến một cái gì triệt để. Tập Mùa sạch của Trần Dần được nhà xuất bản Văn Học in năm 1997 có tính triệt để này. Trần Dần tìm đến thơ đọc âm, như một thử nghiệm triệt để.

Độc âm. Vì mỗi bài xoay quanh một âm chính, ví dụ Hành trình trong, với âm trong:

Phổ trong

Bộ hành trong

Giờ trong

Tắc xi trong... (trang 7)

Bài Lịch xuân, với âm xuân:

....Nơi ngâm hạt xuân

Nơi tưới màu xuân

Nơi đóng tàn xuân

Nơi bắc cầu xuân

Nơi đúc thép xuân

Nơi rở mảnh xuân... (trang 60)

Bài Lịch con cái, với âm đông:

Đưa cày ruộng đông

Đưa leo núi đông

Đưa mò biển đông

Đưa làm đường đông... (trang 75)

Hoặc bài Lịch họ hàng, với âm đông:

Là trai đồng chiêm

Là gái đồng mùa

Là thúc bá đồng lầy

Là anh em đồng mỏ... (trang 76)

Lối cách tân này của Trần Dần dựa trên nhịp điệu của ca dao, đồng dao:

Khăn thương nhớ ai,

Khăn rơi xuống đất.

Khăn thương nhớ ai,

Khăn vắt lên vai.

Ca dao, đồng dao thường hay lập lại âm đầu, lấy âm đầu làm âm chính, âm chủ. Trần Dần lập lại âm cuối, hoặc âm giữa, lấy âm phụ, âm khách làm chính. Ông tìm cách lạ hóa và tạo ra một loại đồng dao mới, chức năng không chỉ "tả tình", "tả cảnh" như ca dao đồng dao ngày trước, mà có thể có những chức năng hoàn toàn khác, biến đổi tùy theo bài hát. Ví dụ, nếu ta đọc một mạch, liền hơi: Phổ trong, bộ hành trong, giờ trong, tắc xi trong... sẽ thấy bài thơ diễn ra như một bức tranh siêu thực, nhiều hình ảnh lướt qua, cắt đứt nhau theo nhịp điệu đồng dao. Nếu đọc một mạch liền hơi: Là trai đồng chiêm, là gái đồng mùa, là thúc bá đồng lầy, là anh em đồng mỏ... chúng ta có một quan hệ trai gái, họ hàng, làng xã. Nếu đọc một mạch: Nơi ngâm hạt xuân, nơi tưới màu xuân, nơi đóng tàn xuân, nơi bắc cầu xuân, nơi đúc thép xuân, nơi rở mảnh xuân... chúng ta thấy hiện ra trước mắt hoạt cảnh sống động của mùa xuân, như xem một cuốn phim mà người cầm camera đang quét rất nhanh ống kính dõ theo tầm mắt. Trần Dần muốn tìm ra một thứ đồng dao mới, tạo những ấn tượng mới, những hiệu quả mới... Một thứ đồng dao không đứng một chỗ, mà đi.

Tập Mùa sạch là tác phẩm cách tân duy nhất được in ra của Trần Dần, những tìm tòi khác, trong những tập thơ khác, vẫn ở trạng thái nằm, chưa in. Cho nên chúng ta chưa thể biết hết những thử nghiệm thơ của Trần Dần.

Trong thử nghiệm đọc âm này, nhịp điệu thường bị gò bó, có những câu trở thành khiên cưỡng, eo hẹp. Nhưng thật ra, không biết Trần Dần có cố ý cách tân thơ, hay là ông chỉ muốn chứng minh một điều: ở tận cùng của gò bó, nhà thơ vẫn làm việc được, vẫn sáng tác được. Và trong "không khí độc âm toàn diện", "ta về ta tắm ao ta", người thơ vẫn có thể tạo ra một bối cảnh khác thường mà âm thanh, ý tưởng và hình ảnh, cùng gặp gỡ trong một ánh sáng mới:

Ao ta...

*Liềm chiêm hái sáng
Thuyền chiêm chở sáng
Ngõ chiêm ơi ơi sáng
Cầu tre chiêm rửa sáng.
Chị em chiêm gánh sáng
Ao chiêm lau lạo sáng
Con trâu chiêm cày sáng
Cá chiêm đẻ sáng.
Bếp chiêm khua sáng
Lửa chiêm làn lạn sáng
Mưa chiêm hàn hạt sáng
Sương chiêm màng mạc sáng
Vú chiêm sần sạt sáng
Gàu chiêm tát sáng
Hạt chiêm chín sáng
Làng chiêm gặt sáng*

...

*Người cấy sáng
Người hái sáng
Người ải sáng
Người ngâm sáng
Người rửa sáng
Người trải sáng
Người quảy sáng
Người lấy sáng
Người bày sáng
Người lội sáng
Người xới sáng
Người bới sáng
Người tưới sáng
Người lười sáng
Người vin sáng.
Người vun sáng.
Người trồng sáng.
Người hong sáng.
Người đong sáng.
Người tải sáng.
Người rắc sáng.
Người gặt sáng.
Người giặt sáng....*

(trích Ao ta, trang 29, 30, 31)

Sáng dồn đến, sáng ập vào, sáng tấn công mọi mặt, khiến người đọc chưa kịp tảo thanh sáng trước đã bị sáng sau áp đảo: sự đuổi bắt sáng tạo ra một sức hút kỳ lạ, sức lôi cuốn của độc âm, tựa như: một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng, bốn ông sáng sao... khiến người hát, người nghe không thể ngừng mà cứ phải đi, đi mãi... Trong không khí đen tối của hòm chữ bị giam trong mờ, sáng là một độc âm thiên thần, sáng đưa con người đến thế kỷ mới, đến sáng thế kỷ.

Và khi Trần Dần dùng độc âm như một hình ảnh độc vận của đất nước đã được tảo thanh, rửa sạch, trong tất cả các lãnh vực xã hội, chính trị và tư tưởng, chỉ còn lại một mùa duy nhất: mùa sạch, thì tác dụng độc âm trở nên vô cùng mạnh mẽ:

*Tôi thích nhất công tác ở Việt Nam mùa
Bò mùa lúc nhúc công trường mùa.
Ga mùa lục xục tàu mùa
Chiều mùa lục bụi sấm mùa.
Tĩnh mùa lục tục gặt mùa.
Mạ mùa gieo mùa.
Sao mùa vắng vắng ngoại thành mùa.
Xóm mùa lạc xạ cây mùa.
Mùa Việt Nam trên quả đất mùa.
(trích Trên quả đất mùa, trang 14)*

Mùa sạch trở nên đỉnh cao của nước Việt sạch, khi cả cõi bờ đã được quét sạch để đạt tới:
Miền sạch
Thuyền sạch
Bút sạch
Tất cả đều sạch, từ tư tưởng đến bốn mùa, đều sạch. Ở đỉnh sạch. Không còn lại gì.

Phổ Dàn trong Cổng tỉnh

Dạ khúc trường thiên Cổng tỉnh là một tập tiểu thuyết thơ, viết trong khoảng 59-60, cùng thời với ba tập thơ khác: Sắc lệnh, Con tàu xã hội và 17 tình ca. Cả ba đều chưa xuất bản. 59-60 cũng là năm Hoàng Cầm sáng tác Về Kinh Bắc.

Cổng tỉnh được nhà xuất bản Hội Nhà Văn in năm 1994, 15 năm sau khi viết xong. Thời điểm 58-60 là những năm kinh hoàng, sau Nhân Văn. Không khí đen tối dội lại trong Về Kinh Bắc và Cổng tỉnh. Cả Trần Dần lẫn Hoàng Cầm đều lấy đêm làm phong cho hai khúc ca bi tráng của mình. Về Kinh Bắc bắt đầu bằng 5 đêm: đêm Thổ, đêm Kim, đêm Mộc, đêm Thủy và đêm Hỏa. Hoàng Cầm về Kinh Bắc, về quê cha đất tổ, lấy mẹ, mách mẹ những kinh hoàng đàn áp:

*Về Kinh Bắc phải đâu con nghẹn khóc
Con không cười, con thoảng nhớ thoảng quên.*

Không chỗ dung thân, Trần Dần về Nam Định, về "phố mẹ", nhờ ký ức mở cửa cổng tỉnh, mở gan ruột mình, trở về "tảo mộ xó quê" trong nhà tù tỉnh, bằng những lời thơ mà ông gọi là dạ khúc. Dạ khúc về những đêm giữa ban ngày trong ông và trong lòng tỉnh.

Cổng tỉnh, như lời ghi dưới tựa, là tập thơ tiểu thuyết và là dạ khúc trường thiên.

Hai chữ dạ khúc vừa nói lên tính chất tâm huyết gan ruột của bài ca, dạ như lòng dạ. Dạ cũng là đêm, bài ca về cõi đêm của tác giả và những phận người nằm trong cổng tỉnh.

Cổng tỉnh là một bản trường ca, một cuốn tiểu thuyết hiện thực xã hội, viết về một thời trong lịch sử cận đại: thời Pháp thuộc và Cách mạng kháng chiến. Với những phận người, phận vện, phận tỉnh, phận phố... khi vươn lên dũng tráng, bất khuất, như những anh hùng, khi léch thếch kéo nhau đi như lũ ăn mày, sinh ra trong đói khát, dốt nát, bị trị, hết thực dân Pháp đến phát-xít Nhật. Cảnh quá khứ Pháp thuộc, phản ánh hồi quang hiện tại 59-60: Bị trị hay độc lập: thành phố vẫn bị cầm tù. Một chữ cổng đã nói lên kiếp tù trong tỉnh: Chỉ đề lao mới cần cổng, chứ tỉnh nào lại có cổng, như tỉnh Nam của Trần Dần thời 59-60.

Trang đầu mở ra với lời khai từ, nhà thơ gọi là Khai từ, như lời khai của những chữ trong tù, như lời đối thoại của một người đi đêm thì thăm cùng kỷ niệm:

*Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ
Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu
Đừng ngại mở trong lòng vai khung cửa nhớ thương.*

Và cứ thế, nhà thơ và kỷ niệm âm thầm dẫn nhau đi, trong đêm, qua cổng tỉnh, trở về đất cũ, chỗ nào không nhớ rõ, nhà thơ lại hỏi kỷ niệm:

*Đây có phải bụi Cửa Trường?
Một cuống nhau chôn tranh lòng phố mẹ!...
Đây có phải đường Hàng Song xanh lấm tẩm sao chiều?*

Và cứ thế, người và kỷ niệm lủi thủi rủ nhau đi, về sâu, về xa, xuyên thời gian, về lại tuổi trẻ:

*16 tuổi!!!
Đây là đêm
Ngoài cổng đề lao tìm... sao mọc hững hờ.
Đây là ngày
thời gian lập đi lập lại những chiều vàng vọt như nhau.
Và cứ thế, vừa đi, nhà thơ vừa tâm sự với kỷ niệm:
Tôi kiếm thảo bản thân cùng một thời đại buồn rầu
Đêm xuống ướt mui rồi
Sông khuya ti tĩm vỗ
Đi thôi! Kỷ niệm!
Có lẽ xa kia là phố tôi sinh
Có sương sớm đọng trên đèn muôn
Tù và thơ ơi!
Dạ khúc khởi đầu.*

Cuốn tiểu thuyết gồm hai phần, phần thứ nhất tên là Đêm và phần hai Càng đêm.

Chuyến đi về không gian cũ: thành Nam, ngược thời gian xưa: tuổi trẻ. Chủ đích ngược thời gian và không gian, nhập vào chuyến đi hôm nay của Trần Dần sau Nhân Văn. Cùng đi, là những kinh hoàng hôm qua, gặp những đen tối hăm hại hôm nay, như những bóng ma không tuổi, vượt ngày tháng, đeo đuổi mãi con người. Nếu Về Kinh Bắc của Hoàng Cầm bắt đầu bằng đêm Thổ, đêm Kim, đêm Mộc, đêm Thủy và đêm Hỏa. Năm bề bốn hướng đều đêm. Thì Trần Dần về thành Nam hôm ấy, cũng trong đêm, càng đi, càng đêm:

*Gió thổi kèm ma mưa thui lòng ngõ hẹp.
ò... ò đêm đi như một cỗ quan tài. (trang 11)
Tượng chúa Giê-xu búa gỗ tằm tằm
Gió đánh hàng bàng, lá chết chạy vòng quanh (trang 12)*

Quá khứ và hiện tại hoà nhau trong không khí tha ma: Thành Nam dưới thời Pháp thuộc chôn trong hiện tại 59-60 của Trần Dần:

*Cổng tỉnh! Người đi nhòa nhòa Cổng tỉnh!
Lá rắc vàng hồ
Phố héo người đi
Là mùa đi!
Người đi manh chiếu rách
Người đi tay áo quét đôi mày
Năm tàn rồi... Ai?
Ai bắt người đi nhòa nhòa Cổng tỉnh
Ai?*

Ai treo cổ rặng đèn trên dãy phố bờ cõi (trang 50)

Thành Nam lâm nạn: "Phố cụt bị thương... phố mù khắc khoải" (trg 36),

Thành Nam tự tử: "Phố thất cổ có ngọn đèn hoang. Phố hoang có ngọn đèn thất cổ". (trang18)

Thành Nam tàn tạ: "Phố úa. Đừng về phố úa" (trang 49)

Thành phố âm ty, đi đâu cũng lạc, cũng thấy xõa tóc:

"Đi đâu? Chớ lạc thành quách bàn cờ.

Xòa xõa tóc hàng cây." (trang 18)

Thành phố phòng nhì, thành phố công an, mật vụ, khắp nẻo bị chặn đường:

"Đứng lại! Ai qua phố ngang" (trang 18)

"Bóng tối đầy hàm răng cảnh sát

Đầu phố ngoạm một người" (trang 21)

Thành phố không lối thoát, ngõ cụt, người đâm:

Phố cụt đâm vào phố cụt

Tôi đâm ngang phố Hàng Đồng đâm bổ xuống bờ sông (trg 30)

Thành phố không chỗ dung thân:

"Tôi còn một mình kháng cự với mộng mênh

Tôi đứng thẳng trụ người đêm ngã bầy" (trang 17)

Thành phố ăn mày:

"Phố chèo chên chên. Ăn mày gặp ăn mày

Lườm nhau - mắt vãi điều cay cay chớp nắng" (trang 12)

Thành phố bán mình:

"Phố nịt vú-phố rơi voan

Phố nào thơm dạ hợp" (trang 23)

Thành phố đói, Ất Dậu: con vện vàng hấp hối, kéo chiếc xe chở nắm xương khô của chủ, đi lần hồi, hành khát từng nhà:

Chiếc xe lăn thùng nâu... con vàng rũ cổ

Một nắm xương khô lọc lọc lòng đường.

Vàng con ơi! Hãy kéo thoai thoai hoàng hôn

Xe đi run run từng bụi cửa

Hãy chờ! Nếu quả có lòng nhân.

Heo may dù úa phố (trang 45)

Rồi một chiều đông con vàng kiệt sức, bỏ chủ ra đi. Người hành khát già quờ quạng:

Ai?

Ai kẻ chôn con?

Cát mình chẳng nổi.

*Ngã vật bên lề đường
Nấc rồi lại nấc
Vàng con ơi! Cho bố khát!
Tay run quờ lá rĩ
Đắp chiếu đầy xe
Con bằng lòng vậy
Kiếp sau báo đáp đồng lân
Cha lại kéo xe con. (trang 46)*

Cổng tỉnh là một liên khúc bi đát: đói, đau, cùm, xích... vượt thời gian theo đuổi mãi con người. Cổng tỉnh là những chân dung hôm qua và hôm nay, chập vào nhau như hai giọt nước: chân dung người, chân dung chó, chân dung phở, chân dung gió, chân dung mưa, chân dung bom, chân dung thành phố, chân dung lãnh tụ:

*Đã có ta suy nghĩ hộ các người!
Thủy bộ không quân!
Mệnh lệnh!
Các người sẽ đi xéo nát các thành quách
Tắt Bách! Tắt Be to (Beetho)! Tắt mọi thứ nhạc.
Chỉ để gầm gừ họng sắt nhạc ca nông
Ta muốn nghe các dân tộc rống lên như con bò bị búa nện
Các người phải luôn tay chọc tiết các kinh thành
Các người sẽ đi dạy dỗ các dân tộc
Người Áo! Đừng nhận mình có thành Viên
Người Lỗ! Hãy quên Bucarest.
Hỡi năm đại châu! Hỡi tiếng nói đầu lòng!
Phải bập bẹ Furher!
[...]
Ở đâu cũng chỉ cần một thứ ảnh; ảnh ta thôi!
Một thứ tượng: tượng ta là đủ! (trang 96-97)*

Chân dung Hitler. Đứng. Vỗ rất kín: Chân dung Hitler trùng hợp với chân dung những lãnh tụ độc tài, tiêu diệt nghệ thuật, hò hét chiến tranh: "ta suy nghĩ hộ, tắt mọi thứ nhạc, chỉ gầm gừ họng sắt nhạc ca nông", kêu gọi thế giới đại đồng, nhại thơ Tố Hữu: "Hỡi năm đại châu! Hỡi tiếng nói đầu lòng! Phải bập bẹ Furher".

Thành Nam trong Cổng tỉnh, được dựng nên bằng những chân dung hôm qua và hôm nay như thế: những chân dung gào thét của bom đạn chiến tranh; những chân dung rên la, đói rét, chết lịm của con người; những chân dung anh hùng, đồng chí; những chân dung nhà lao, cùm xích; những chân dung im lìm rũ xuống, những chân dung gậy gộc đứng lên; những chân dung hoan hô, đả đảo... trên một bản đồ chằng chịt phở: những con phố Dàn trong Cổng tỉnh.

Nguyễn Tuân có chữ phố Phái -nhưng chưa ai đã động đến phố Dàn trong Cổng tỉnh- những con phố sinh ra, lớn lên, đứng dậy mà đi như người, những con phố vàng úa, chết già, những con phố thanh xuân chết yểu, những con phố trúng đạn, bị thương, những con phố què quặt, những "con phố hoang có ngọn đèn thất cổ".

Để lập chuyển động phố, Cổng tỉnh chôn vùi chữ cũ, ăn mừng chữ mới, tạo những chữ sơ sinh, trần truồng, chưa mặc áo lọt lòng, chưa ô nhiễm bụi bặm. Cổng tỉnh mở ra, về phía tỉnh, đánh thức kho ngôn từ bất tận đang ngủ yên trong mỗi con đường, mỗi hàng cây, mỗi phố, mỗi nhà, của một cõi nhân sinh chưa ai tìm đến.

Nhà thơ đi trong Cổng tỉnh, vừa đi vừa kể chuyện đời người, đời phố, kể những cô đơn, bất hạnh, trong chiến tranh, đói khát, trong cách mạng vùng lên, trong con người đổ xuống, dầm trong mưa máu. Phố Dàn chuyển động theo người. Phố Dàn sinh ra, lớn lên, trưởng thành, yêu

đương, tàn tạ, đổ nát. Phố Dàn cưu mang cả một thời công tĩnh. Phố Dàn muôn mặt, đầy hình sắc, đầy tâm sự, đổ ngược đi xuôi, phổ phận vào những sinh linh như phổ nhạc. Ngay từ "Nhất định thắng" Trần Dàn đã đem phố vào thơ, ông phổ thơ con phố Sinh Từ, bằng khổ đau của những kiếp đọa đầy sau chiến thắng. Phố của Dàn không chỉ đơn thuần một ký hiệu ngôn ngữ, phố đã trở thành những sinh linh, có tim, óc, đột biến, có dung nhan, tâm sự khác nhau: Phố u ơ, phố vị thành niên, phố trắng non, phố dậy thì, phố cánh sen, phố đào, phố mặn, phố ngọc, phố hai cô, phố chụm đầu, phố bơ vơ, phố thề, phố chờ, phố lỗi hẹn, phố phụ tình, phố chạ người, phố xanh, phố đỏ, phố lam, phố bão, phố chiều chim, phố đục phố trong, phố đâm ngang, phố dọc, phố ngách xiên, phố trắng chênh, phố mạng nhện, phố gió, phố vắng, phố Bà Đanh, phố lấm, phố lạnh, phố úa, phố bò côi, phố goá, phố đói, phố rét, phố xào xạc, phố đèn vàng, phố đèn nâu, phố đèn sương, phố đèn rung, phố đèn Sành, phố Máy cưa, phố vàng lờ, phố Khách, phố cụt bị thương, phố mù khác khối, phố đỡ chàm, phố khổ, phố bụi, phố giày đĩnh, phố điều hiu, phố mắt, phố xích, phố hò reo, phố thề, phố bãi chợ, phố hoác phố hơ, phố rỗng, phố nứt, phố khô dầu, phố long sơn, phố cháy, phố đỏ, phố đề, phố què, phố máu, phố chết, phố xác, phố vôi bột, phố tha ma...

Những phố Dàn, cứ phố phố ôm nhau nằm ngủ (trang 13), phố nhà mở thông sang phố nhà mở (114). Những phố Dàn cứ: "Mặc! Mặc phố xúc xắc tổng tình. Mặc phố me Tây cỡi yếm" (trang 2). Còn người Dàn, bên cạnh phố, người Dàn, làm gì? Người Dàn đi kháng chiến, người Dàn viết lịch sử. Một lịch sử chiến tranh mưa máu, một lịch sử "ăn khách", một lịch sử làm nên những best-sellers, một lịch sử bán chạy như tôm tươi, trên khắp địa cầu: "Báo đề!" ... số đặc biệt buổi chiều

...

*Mưa máu! Mưa máu công nhà thơ
Đàn chiến xạc xào buổi lễ*

...

*Mưa máu phố trắng non trẻ thơ chơi rồng rắn
Mưa máu thư tình
Mủ chữ nhòa trang (trang 89)*

Người Dàn vẫn đi trong phố, trong đêm, càng đi càng đêm... Sau chiến thắng, người Dàn được gì?: "Tôi được- đầu lâu ao máu. Ánh đèn bày nhày phố gái mãi đêm" (trang 106). Và sau nữa, thời 59-60, người Dàn còn được, được nhiều hơn nữa: "Sớm trước trở cung vua. Chiều sau tạc chó đá" (trang 111).

Phố Dàn chẳng chịt tinh Nam, chẳng chịt trên địa đồ đất nước. Một đất nước bán chạy khói lửa, xuất cảng tin tức chiến tranh, làm giàu các cột báo năm châu bốn biển, nuôi sống hàng vạn nhà báo, bằng những cái chết của dân mình: toàn anh hùng liệt sĩ. "Báo đề! Báo đề!", từ 1959, Trần Dàn đã nhìn thấy, trong Công tĩnh, một nước Việt đem bán cái lằm than, chém giết của mình, bán sốt dẻo cho những lò thông tin thế giới, luôn luôn cần rục rủa.

1945, "Các đồng chí về. Nghị quyết nằm trong hốc ngực" (trang 71).

Theo chân anh hùng Phạm Bầy, "người đồng chí Đảng đầu tiên", "cách mạng tuyến anh đi từ đó". 1959, người Dàn trở về, đi lại những phố Dàn, vào lại ngõ ngách cuộc cách mạng kháng chiến... bằng những con chữ mới. 1959, sau cuộc tổng tấn công, càn quét, bắt sống, xử tử chữ thời Nhân Văn, người Dàn trở về quê cũ dẫn ta vào cô đơn, vào cõi chết, vào nhà sấm, vào phủ toàn quyền, vào hỏa lò, vào lớp học... bằng những âm vang khác, không giống bất cứ một âm vang sôi sục nào của những bài thơ kháng chiến, giục máu, thúc cờ. Mà bằng những con chữ chưa bao giờ xuất hiện trên thị trường chữ nghĩa cách mạng: Thơ ở đây làm với những con chữ ma, một thời đã chết trong cô đơn, âm thầm; chúng rủ ta đi tảo mộ. Thơ ở đây làm với những chữ bị giam trong hòm lâu ngày, chúng trốn ra, run run, tấp vào ta, lẫn với mưa, với gió. Chữ đây là những sinh linh, những âm bản của cuộc đời. Chữ đây cứ tuôn ra như những giọt nước mắt, những linh hồn đầy thương tích lang thang không nhà, không cửa. Chữ đây là

những sinh linh sống nhờ, thác gửi. Mỗi lần nhà thơ gõ dũa gọi hồn là chúng đi theo. Người đọc mê lạc trong nghĩa địa chữ, bạt ngàn mồ mả, chằng chịt công tình. Trong những núi thơ ca tụng kháng chiến, ca tụng cách mạng mùa thu, công tình trỗi lên như một cung đàn lối nhịp, một ngọn cỏ dại, mọc xé bên mồ.

Paris, tháng 2/ 2003 - tháng 4/ 2005

Trần Dần, đôi nét... Nhà thơ Văn Long



Trần Dần ngồi trong một góc nhà thiếu ánh sáng, chỉ vài mét là đường phố, mà ngỡ như ông đã tạo một thế giới riêng cho ông, thế giới của trầm tư, trầm cảm... Ấn tượng đầu tiên với tôi là có cái gì rất đồng nhất, hài hòa giữa tâm trạng, tính khí ông và thơ ông với góc nhà này! Đầu giai đoạn Đổi Mới văn học, tôi được chuyển từ báo Độc Lập sang làm biên tập thơ cho NXB Hội Nhà văn. Công việc mới buộc tôi phải đối mặt với những sự việc đang được công luận quan tâm.

Thí dụ: Xuất bản những ấn phẩm của các tác giả lâu năm bị “treo bút”. Ngoài việc chính của NXB, tôi còn làm cộng tác viên biên tập cho tạp chí Tác Phẩm Mới...

Tôi được cử đi lấy bài. Hà Nội lúc ấy thật nhỏ! Gặp Trần Dần, Văn Cao, tôi chỉ cần đi bộ vài trăm mét khỏi cơ quan xuất bản. Trần Dần ở một con phố nhỏ ngay sau NXB.

Trần Dần ngồi trong một góc nhà thiếu ánh sáng, chỉ vài mét là đường phố, mà ngỡ như ông đã tạo một thế giới riêng cho ông, thế giới của trầm tư, trầm cảm... Ấn tượng đầu tiên với tôi là có cái gì rất đồng nhất, hài hòa giữa tâm trạng, tính khí ông và thơ ông với góc nhà này!

Ông ngồi đó hầu như bất động từ bao năm với gương mặt râu ria, không cởi mở, thậm chí không nhếch một nét cười khi biết mục đích tôi đến tìm ông...

Sau tôi mới biết, ở bên trong sự trơ lì đó là những dòng nham thạch sục sôi của sáng tạo. Kể cả khi có điều kiện đi dã ngoại như chuyến đi Huế với Phùng Quán mà Ngô Minh đã ghi lại:

“Sáng ngày 11/5/1988, tôi đến khách sạn hầu chuyện ông, ông vẫn ngồi một mình trên giường, tôi hỏi sao ông không đi chơi đâu đó với anh Quán.

Ông nói: Phùng Quán ngồi không yên, chỉ thích đi. Mình ngồi ba chục năm quen rồi. Ngồi mà vẫn đi, vẫn ngao du. Mình có cuốn sổ “bụi”, sổ “ngao du”. Mình đi chơi lang thang trong cuốn sổ này. Đây là sổ để ghi tất cả những gì mới nghĩ ra. Có khi ngoài cả ý thức. Đó là cách đi của mình”. (*Ba buổi sáng với Trần Dần*).

Có lẽ từ dáng ngồi này, mà xuất hiện huyền thoại: Khi ông mất đi, trên bức tường góc nhà như vẫn còn bóng ông ngồi đó! Để Trịnh Thanh Sơn có được câu thơ xuất thần: *Bao năm tháng thân chìm vào bóng – Thân về trời bóng vẫn ngồi im.*

Trước khi đưa thơ cho tôi đọc bằng mắt, ông có đọc vài câu thơ xen trong câu chuyện, có hai câu làm tôi giật mình: *Tôi tiếc những chân trời không có người bay- Lại tiếc những người bay không có chân trời!*

Trời ơi! Mấy chục năm ở trong bóng tối mà ông viết toàn những câu như vậy thì thật “ghê gớm”! Nhưng khi đọc bằng mắt cả loạt bài thì không phải vậy. Nhiều bài diễn đạt hơi rối, khúc mắc. Đó là theo cách nhìn hồi ấy của tôi: (thơ cần có ý tưởng và cách diễn đạt có thể đa nghĩa mà vẫn trong sáng), còn với ông: “Làm thơ là làm con chữ. Con chữ nó để ra nghĩa, sẽ được nhiều nghĩa. Cái biết rồi là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Nếu làm thơ mà làm nghĩa, rồi mới mượn chữ để diễn đạt nghĩa thì nghĩa sẽ hẹp. Cái chưa biết mới là cái thăm thẳm, cái chưa biết mới là cái mới. Nguyễn Du vừa làm chữ vừa làm nghĩa.

Ví dụ câu *Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau* là làm nghĩa. Còn câu *Mai sau dù có bao giờ* là làm chữ, câu thơ toàn những hư tự mà lại đa nghĩa, đa cảm!...(Ngô Minh ghi lại trong bài trên).

Sau khi dẫn đo, không phải với quan niệm riêng của tôi, mà bằng cả tình hình in ấn lúc đó, thấy bài đưa in dễ nhất lại là một chương trong trường ca Việt Bắc viết năm 1957. Thơ thì “đầu đi đuôi lọt”, hãy cứ để ông tái xuất giang hồ thuận lợi đã!

Ở trường ca này, giọng thơ ông rất sáng khoải, sung sức, có những liên tưởng, so sánh thật mới mẻ:

Một đồng tét xa nhà đã rỉ han lên

.....

Hãy sống như những con tàu phải lòng muôn hải lý

Mỗi ngày bỏ sau lưng nghìn hải cảng mưa buồn

Cùng với *Cổng tỉnh* (thơ-tiểu thuyết) in sau đó, cũng viết năm 1959 (được tặng thưởng Hội Nhà văn 1995), tôi cảm thấy ông và nhà thơ Hữu Loan có nhiều nét giống nhau: rất cực đoan trong đời sống và cá tính sáng tạo.

Lúc đó, tôi chưa được tiếp xúc với kho “bản thảo nằm” như cách ông gọi, mà sau này, khi tìm hiểu để đóng góp mục từ Trần Dần trong Từ điển văn học (bộ mới, NXB Thế Giới 10/2004) tôi mới được biết, chỉ kể sơ sơ không đầy đủ: *Đêm núp sen* (tiểu thuyết, 1961), *Mùa sạch thơ*, 1964 (NXB Hội Nhà văn 1988), *Những ngã tư và những cột đèn* (tiểu thuyết, 1964), *Một ngày Cấm Phả* (tiểu thuyết, 1965), *Con trắng* (thơ hồi ký, 1967), *177 cánh* (hùng ca lựa, 1968), *Động đất tâm thần* (nhật ký - thơ 1974), *Thơ không lời, mây không lời* (thơ-họa, 1978), *36-Thở dài- Tư mã dăng sao* (thơ bộ tam)...

Còn đây là những dòng về nhân thân nhà thơ, bạn có thể đọc được trong cuốn Từ điển văn học nói trên:

"Trần Dần (23/8/1926 – 7/1/1997) Nhà văn Việt Nam, tên thật là Trần Văn Dần, nguyên quán TP Nam Định. Ông thân sinh là một viên chức kho bạc Nam Định. Học qua bậc Thành chung ở Nam Định rồi lên Hà Nội học. Đậu tú tài Triết ở Hà Nội. 1946, cùng Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch, Vũ Hoàng Chương thành lập nhóm thơ tượng trưng Dạ đài. Viết: *Về nẻo thanh tuyển* (NXB Hội Nhà văn in lại trong tập Thơ Mới 1932-1945, 1999).

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ trở về Nam Định tham gia công tác thông tin tuyên truyền ở huyện Vụ Bản rồi ở Sở Tuyên truyền Khu IV. 1948, vào bộ đội, ở Ban chính trị Trung đoàn 148, làm công tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch, sau làm báo ở mặt trận Tây Bắc và phụ trách văn công Trung đoàn Sơn La.

Tham gia sáng lập nhóm văn nghệ quân đội đầu tiên - nhóm Sông Đà, bắt đầu làm thơ leo thang và vẽ tranh lập thể, bị chê là khó hiểu. 1954 tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, hào hứng viết truyện dài *Người người lớp lớp*, được NXB Quân đội nhân dân in trong cùng năm. Chiến dịch kết thúc, được cử sang Trung Quốc viết thuyết minh phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ. Viết Anh đã thấy, Tiếng trống tương lai* in ở tạp chí Văn Nghệ quân đội 1954. 1955, phê bình tập thơ *Việt Bắc*, viết bài thơ *Nhất định thắng*, bị phê phán gay gắt... 1959-60, viết *Sắc lệnh 59, Con tàu xã hội* (thơ) và *Cổng tỉnh* (thơ-tiểu thuyết, NXB Hội Nhà văn 1994). Từ 1961, kiếm sống bằng nghề tô màu ảnh và cũng dùng chất liệu này để tiếp tục vẽ tranh. Sau khi ông qua đời, Mai Gallery (Hà Nội) đã tưởng niệm nhà thơ bằng một triển lãm thân hữu, giới thiệu một khía cạnh còn ít được biết đến: 40 tranh khổ nhỏ chọn lọc của ông - một hình thức biểu đạt khác của thơ, tiếp cận lập thể, siêu thực và trừu tượng làm giới xem tranh thật sự ngạc nhiên, khi biết những tranh ông vẽ vào những năm 60 là thời điểm mà những thông tin nghệ thuật thế giới đến Việt Nam còn rất hạn chế..."

Vào cuối năm 1989, bước vào giai đoạn tác giả có thể bỏ tiền tự in, tự phát hành với sự cấp giấy phép của Nhà xuất bản, thì nhà thơ Trần Dần mang bản thảo đến NXB Hội Nhà văn: tập trường ca *Bài ca Việt Bắc*.

Là người biên tập thơ, tôi được NXB giao đọc để có ý kiến thẩm định. *Bài ca Việt Bắc* lúc đó gồm 13 chương. Tôi đọc kỹ: Hơi thơ và các câu thơ đều nhất khí một mạch viết khỏe khoắn, mới mẻ. Về hình thức, lối thơ leo thang, người ta có thể liên hệ đến thơ Maiacopxky, nhưng về ý tưởng sáng tạo trong câu chữ thì chỉ Trần Dần mới viết như vậy!

Việt Bắc

Cho ta vay địa thế

Vay từ bó củi nắm tên

... Quả đất lớn

Mà

Tâm địa nhỏ

Nó chi li từng hạnh phúc đơn sơ.....

Tâm đắc với những câu thơ như thế, tôi nóng muốn tạo điều kiện cho ra mắt bạn đọc được sớm (mà còn sớm gì nữa sau ba thập kỷ!).

Nhưng đọc đến chương 12, tôi bỗng giật mình: Đó là toàn bộ bài thơ.

Nhất định thắng!

Tác phẩm đầu tiên được in, lại in đúng tác phẩm bị phê phán kịch liệt một thời, ai dám duyệt! Khác nào sau thời gian giận dữ, người con trở về nhà đã thay câu chào bằng câu trách "Mẹ mắng con là mẹ sai!".

Nếu tôi cứ tặc trách đưa duyệt, tập trường ca này không ra mắt được thì chỉ thiệt thòi cho tác giả, cho độc giả và nền văn học kháng chiến. Tiếc một cây có thể bỏ phí một cánh rừng!

Anh Trần Dần vốn là người ít giao tiếp, không hiểu căn kẽ sắc thái tinh tế của những mối quan hệ xã hội chính trị trong từng giai đoạn, mình phải để anh thấy rõ... Nghĩ vậy, tôi bèn gặp nhà thơ, phân tích rõ, và đề xuất anh nên để lại chương đó, sẽ in vào một thời điểm thuận lợi hơn và đánh số lại các chương như không có gì xảy ra.

Tôi thêm: "Nếu anh không đồng ý, ngày mai tôi sẽ đưa duyệt nguyên vẹn, rồi chờ ý kiến Tổng biên tập!". Khuôn mặt rầu rìa của Trần Dần càng thêm tối lại, ông hẹn ngày mai sẽ trả lời.

Hôm sau, nhà thơ chống ba toong lên gác nhà xuất bản, ông nói: "Thôi được! Anh sát tình hình hơn tôi, anh cứ bỏ chương đó ra!". Tôi biết ông không vui, nhưng không biết ông có hiểu sự chân thành của tôi? Sau đó tôi trình bày diễn biến với Tổng biên tập Vũ Tú Nam, anh Nam rất tán thành cách giải quyết của tôi.

Khi tác phẩm in xong, tôi nhận được cuốn đầu tiên từ tác giả gửi tặng với dòng chữ đề:

Gửi Vân Long

Người biên tập lại “Đi! Đây Việt Bắc!”

thông minh và công phu!

song tôi vẫn phản đối mọi kiểm duyệt

Tôi đòi sự công bằng trong sáng của texte intégral

Trần Dần

(texte intégral: nguyên bản toàn vẹn. Ở đây tác giả vẫn gọi trường ca theo tên cũ: *Đi! Đây Việt Bắc!*).

Đọc dòng đề tặng, tôi đăm suy nghĩ: Vậy là cụ vẫn còn hận mình? Mình là quân tốt đen xưa nay, vô hình chung bị mang tiếng là người kiểm duyệt? Dù được khen là thông minh và công phu nhưng sao dấu chấm than lại đậm như dấu hỏi bị chữa lại? Cụ khen mĩa chảnh?

Tôi ghé sang nhà tác giả hỏi lại ông. Nhà thơ chậm rãi: "Lúc đầu, tôi có bực mình. Nhưng sau thì thấy anh đúng, chân tình với tôi! Mấy câu đề tặng là tôi khen thật! Còn người viết bao giờ chả muốn texte intégral!".

Nghe câu nói đó, tôi mới thật yên lòng!

Về phía ông, sau khi *Cổng tinh* được tặng thưởng, hẳn đã thấy thêm về sự công bằng đang được lập lại.

Và bây giờ là Giải thưởng Nhà nước...

Con người Trần Dần Hoàng Cầm

Lần đầu tiên tôi biết Trần Dần là trong một trại hè của các đoàn văn công quân đội năm (19...) Dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con.

Tôi biết tiếng anh từ lâu - Ở bộ đội Sơn La, từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình.

Tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: sáng tác đạo diễn và diễn viên. Trong bóng rợp của một rừng nứa, giọng anh rử rử như lời tâm sự, giảng về văn nghệ nhân dân. Văn nghệ do dân, vì dân, có Đảng lãnh đạo. Giọng anh thấm thía từng ngày lên lớp. Mấy trăm anh chị em lần đầu tiên được học một tài liệu dài đến gần hai tháng, đều vui trong lòng như một người đi trong đêm rét, chợt nhìn thấy lửa ấm của một túp nhà. Học xong tài liệu Văn nghệ nhân dân, anh chị em say sưa công tác hơn vì người giảng viên Trần Dần đã thổi vào tâm sự mọi người một cái tạt hào. Đến bây giờ tôi (...) ^[1] Lỗ Tấn mà Trần Dần đọc ra để dẫn chứng cho tài liệu:

Hoành mi lệnh đối thiên phu chi

Phủ thủ cam nhi nhụ tử ngư

Học xong phần lý luận có thể nói hầu hết anh chị em văn công đều yêu mến Trần Dần như một người bạn từ lâu lắm. Những người có chuyện riêng gỡ mãi không ra, đều tìm đến hỏi Trần

Dần. Một anh sắp lấy vợ, một chị bị ép chồng, một diễn viên già có vợ ở vùng tạm chiến, đều đến tìm Trần Dần – không phải là một câu trả lời thoả đáng – nhưng chính là một sự an ủi, một câu nói chí tình, và để nghe ở anh cái giọng cười quen thuộc, giọng cười vô tư, rất yêu đời.

Dần dần anh chị em gọi Trần Dần là “thầy tướng” và lắm khi tin anh như một người đau khổ ngày trước tin số mệnh, đã đặt cho anh một cái tên “Trần Dần cốc tử”.

Hồi ấy Trần Dần yêu một nữ diễn viên văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng yêu của người đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, chỉ non thè bẻ, xem lá rụng, hoa tàn để vừa ý một cô gái rất đỏng đảnh. Gặp cô, anh “tấn công” luôn, rất thô kệch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp.

Rồi anh thất vọng to, và cũng biết khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!” Mãi về sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, đẹp và anh đứng trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện *Người người lớp lớp* ^[2].

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó. Đạo ấy tôi thấy anh gầy rộc đi, mắt trũng trong một quầng thâm rộng. Nhưng mắt anh có những tia sáng mới. Anh biết anh đang luyện ngòi bút cho thật sắc sảo, “có sắc sảo mới diễn tả hết con người và cuộc đời”. Anh rất ghét lối viết dễ dãi, tạm bợ, tả bộ đội chỉ thấy súng nổ, lửa bốc, chỉ thấy uyển oàng mà chẳng thấy người. Anh gọi những loại văn đó là: văn chương khói lửa mịt mù. Nhìn vào những trang sách, độc giả tìm kiếm mãi mà chưa thấy một người, chưa thấy việc đời, chỉ thấy lổn nhổn những bộ máy lấp đi lấp lại và một lũ danh từ, hình ảnh trống rỗng, thùng rỗng kêu to.

“Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt – không phải lập dị- nhưng độc đáo.”

Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong *Người người lớp lớp*. Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: *Tiếng trống tương lai* ^[3].

Đọc lần đầu tiên, tôi không thích. Tôi cho Trần Dần là lập dị. Đọc lần thứ hai, thứ ba, tôi vẫn không thấy thích, nhưng dần dần tìm ra được nhiều cái mới lạ, khác với nếp cũ thông thường. Tuy nhiên, tôi vẫn không thấy thích cái lối thơ ấy. Dần dà đọc nhiều bài thơ anh làm về sau, tôi càng thấy “cái anh chàng này khác thường”. Khác thường theo ý tôi chưa chắc là đã hay. Dù sao do thơ Trần Dần, tôi suy nghĩ nhiều về trách nhiệm người làm thơ trước cuộc đời: đi sâu vào đời sống có suy nghĩ của con người, tìm cách diễn tả riêng, tạo ra một thế giới riêng cho mình. Tôi thấy thơ Trần Dần có phần đau xót, u ám, nhiều khi rất buồn, vừa cộc cằn lại vừa có cái tự hào sôi nổi, nhiệt tình thẳng thắn, táo bạo.

Nhưng giọng thơ của anh, vẫn không lọt được vào tâm hồn tôi - một người làm thơ theo một dòng khác. Dù sao tôi vẫn trân trọng và quý mến những cái tìm tòi của Trần Dần trong thơ. Tôi cũng nghĩ như anh thường nói: Mỗi người làm một kiểu. Có thơ như tiếng sáo, có thơ như tiếng kèn, có thơ như tiếng trống. Đừng bắt thơ ai phải giống ai. Có thể mới thành một cuộc “hoà âm” lớn của thi ca. Độc giả thơ cũng ví như người xem xiếc. Có người thích kiểu tung cầu, kiểu đứng trên lưng ngựa. Lại có người thích xem dạy hổ, leo dây. Nhiều khi sợ đến rùng mình, nhắm mắt. Mỗi dòng thơ thích hợp cho một loại độc giả. Có thể mới trăm hoa đua nở được. Gò bó theo ý thích chủ quan của một vài người, thơ sẽ thành hoa giấy đóng hộp bày trong tủ kính.

Hồi đó, tôi chưa biết Mai-a-cốp-sky. Khi hoà bình lập lại, về Hà Nội, đọc Mai-a, tôi thấy hơi thơ

và cách diễn tả của Trần Dần có nhiều chỗ giống Mai-a. Tôi trách anh:

"Sao cậu lại bắt chước Mai-a? Bắt chước thì không thể nào độc đáo được."

Trần Dần nói:

"Tâm hồn có giống nhau thì mới ảnh hưởng sâu sắc được chứ! Mình bị ảnh hưởng Mai-a thực, nhưng cái chính là mình chịu ảnh hưởng thực tế cách mạng Việt Nam. Do đó mình sẽ dần trở thành mình."

Viết xong *Người người lớp lớp*, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ* và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định^[4]. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rỗng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh.

Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán bộ ấy "lên gân" và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi "anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ" thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần "văn chương" cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thần thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực – cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ - lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. Anh thường bàn với anh em, khi thấy nhiều thắc mắc quanh việc này: "Ôi già! Cái con số cán bộ chính trị bóp chết nghệ thuật thì không ít đâu. Làm thế nào để Trung ương Đảng biết rõ tình hình và đề ra những chính sách cụ thể cho văn nghệ sĩ, đó là nhiệm vụ của mỗi đứa chúng mình. Tin Đảng, yêu Đảng, đi theo Đảng đến cùng thì phải có phần góp ý kiến cho Đảng. Đảng cần nhiều khối óc, cần nhiều bàn tay, cần nhiều trái tim, chứ Đảng không cần đến những con người máy, giạt thế nào làm thế ấy".

Đó là động lực thúc đẩy Trần Dần, rồi đến Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ trong bộ đội dự thảo ra bản "Đề nghị Chính sách Văn nghệ" trình bày với cấp trên hồi đầu năm 1955, tại Hà Nội.

Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị.

Trong thời gian bản dự thảo còn bàn đi bàn lại, thì bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của Trần Dần. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Trần Dần gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc mới yêu người ta dễ say. Trần Dần lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Anh mê man với mối tình đó buổi đầu và đã đôi ba lần làm trái với nội quy sinh hoạt của bộ đội. Cái tật xấu nhất của Trần Dần là bừa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bừa bãi. Mới quen lần đầu đã nghiêm nhiên vác ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi cười đùa ầm ĩ. Anh đã sẵn sàng đòi tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ

vì sợ đôi mắt xé rách đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, và đến lúc nhượng bộ cuối cùng: chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang ốm yếu, được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền. Và anh đề nghị cấp trên cho anh được cưói.

Một người con gái mới lớn, đã sống trong không khí tôn giáo, sống trong vùng tạm chiếm lâu năm, lại có được uỷ quyền cho thuê mấy cái nhà, bây giờ bỗng dưng yêu một anh cán bộ quân đội. Vấn đề gì đặt ra đây?

Trần Dần vẫn yêu đắm đuối và ngang ngạnh. Anh đề nghị đơn vị đi sát giúp đỡ anh. Lý lịch người thiếu nữ, theo anh, không có gì là mờ ám. Một công dân còn trẻ, chưa hiểu việc đời nhiều lắm, trình độ chính trị rất thấp, nhưng biết yêu lá cờ vinh quang của Tổ quốc, ngày giải phóng thủ đô, cũng chạy ra đường vẫy quân đội, miệng hoan hô không biết mỏi.

Trần Dần ngày càng không thể dứt ra được tình yêu dù anh biết mối tình đó sẽ gặp nhiều trắc trở. Quả nhiên, không ai “tán thành” tình yêu của anh, trừ một vài người bạn thân. Có người lên giọng đạo đức: Thành Dần sa ngã rồi. Mới về Hà Nội đã hư hỏng, hoà bình chủ nghĩa thật.

Có người nghiêm nét mặt, đề cao cảnh giác: Cẩn thận! Kèo sa lưới địch! Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta.

Tình yêu của Dần với cô gái Hà Nội đã làm cho anh em chung quanh bàn tán sôi nổi. Nhưng không ai chịu khó đi tìm chân lý. Những câu chuyện nói cho vui mồm, những lời dèm pha, chế giễu, những “nhận định” cao siêu, những “lập trường” “quan điểm” giai cấp tính, tư tưởng tính, “tư sản” và “vô sản” v.v... Người ta rút những câu to lớn nhất trong hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình.

Trần Dần đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất giấu, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Có vài căn nhà được uỷ quyền cho thuê, chị đã nghe lời anh đem giao lại cho Ủy ban nhà cửa. Đầu tiên, khi nghe người yêu bàn việc đó, chị K. ngạc nhiên mắt đen tròn mở to:

“Thế rồi sống bằng gì hả anh? Sao lại giả nhà cho Chính phủ hở anh? Chính phủ có kết tội những người có nhà cho thuê không hở anh?”

Rất nhiều câu hỏi. Anh đã bàn:

“Không! Chính phủ vẫn bảo đảm cho người có nhà cho thuê. Nhưng chúng mình phải làm lấy mà sống. Không nhờ vào đâu cả, ngoài bốn cánh tay mình, đủ sống thì thôi.”

Trần Dần hết sức giải thích cho người yêu và hướng người yêu vào con đường “làm lấy mà sống” “đừng nhờ vả ai”. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, về sau tôi lại gặp rất đau xót, trong bài thơ “Nhất định thắng” in trong tập [Giai phẩm mùa Xuân 1956](#).

Mối tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần Dần không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Cùng một thời gian đó, bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” thảo luận chưa xong. Giời sang hè, mùa mưa tầm tã. Trần Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phở Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần Dần lại về đơn vị để rồi lại được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về:

Em đi trong mưa... cúi đầu... nghiêng vai

Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày. Nguyên vọng của bao nhiêu văn nghệ sĩ trong quân đội. Làm thế nào để sáng tác hay, phục vụ được sâu sắc. Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:

“Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v...”

Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:

“Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang.

Thêm vào đó, câu chuyện tình chưa được công nhận. Bóng người con gái hiền lành, hay khóc, người yêu của Trần Dần bỗng trở thành một thứ gì ám ảnh: Một bóng ma đáng sợ. Người nào muốn tỏ ra “lập trường tư tưởng vững chắc” không bị “tư tưởng tư sản tấn công” đều phải ghét người con gái ấy đi. Tình cảm day dứt đến cực độ, như một cành cây non bị quật lên quật xuống trong trận bão khổng lồ, Trần Dần không còn biết bộc bạch cùng ai. Nói gì bây giờ cũng khó lọt qua tai những người “vững lập trường lòng lim dạ sắt”. Trần Dần gần như phát điên. Hết đứng lại ngồi, lại chạy ra phố, lại về đơn vị, ở đâu anh cũng thấy như có những dây trời vô hình mỗi ngày một thít chặt vào trái tim anh.

Cùng một thời gian ấy, những sự kiện lớn trong phong trào văn nghệ dồn dập tới: [Phê bình tập thơ Việt Bắc](#), Trần Dần nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hoá lãnh tụ.

Và truyện *Người người lớp lớp* phát hành hàng vạn cuốn, được hoan nghênh. Và cuộc phê bình *Vượt Côn Đảo* ^[5] cũng sôi nổi không kém cuộc phê bình *Việt Bắc*. Trần Dần viết một bài phê bình *Vượt Côn Đảo* giọng châm biếm cực cặn, khiến nhiều người phản đối. Trong một không khí hết sức căng thẳng của văn nghệ bấy giờ, lại bị quy kết là thoát ly chính trị, tư sản tấn công, hoà bình chủ nghĩa v.v... rất nhiều anh em bị cuốn vào một chỗ mịt mù, chân lý gần như bị ngập bởi các thứ thành kiến, chụp mũ hung hăng.

Con giun bị xéo mãi cũng quằn lên. Trần Dần có lúc oang oang ăn to nói lớn, có lúc tranh luận sôi nổi, có lúc nóng nảy văng tục, có lúc lảm lì ngồi một xó, khi thì ngâm thơ giọng buồn thảm thía, khi thì cao đàm hùng biện, khi thì lại vò đầu bứt tóc, nhiều lúc ứa nước mắt, ôm mặt nằm cò queo một mình, có lúc nấc lên, đầu bù tóc rối.

Tấn thăm kịch đã đi đến một chỗ thắt nút quần quai. Người yêu của anh bắt đầu có mang. Và đột nhiên anh bị giữ ở đơn vị để kiểm thảo cùng với Tử Phác, quanh quẩn trong một gian phòng. Một tháng, rồi hai tháng, ba tháng. Những ngày đầu tiên, như cơn sốt rét đột ngột, anh kêu lên:

“Tôi có tội gì? Tôi có tội gì mà giữ tôi ở lại?” Người yêu anh bỗng thấy anh không về nhà nữa. Nhưng trận ốm nghén đầu tiên đã quật chị xuống như một con bệnh nặng. Mặt choắt lại, người chỉ còn da với xương. Một mình ở một căn nhà bừa bộn với một con chó gầy còm, không cha mẹ, không anh em ^[6], không bạn bè, chỉ có bà hàng xóm bán guốc thỉnh thoảng chạy đi chạy lại nấu cho bát cháo. Tôi đến gặp chị máu me, trông già đi hàng chục tuổi. Chị hỏi:

“Sao anh Dần không về với tôi nữa hở anh?”

Tôi giải thích: “Anh ấy bận công tác ít lâu thôi. Chị đang ốm, có cần gì, chúng tôi sẽ giúp chị.”

Chị oà lên khóc:

“Bộ đội có cho tôi lấy anh ấy không?”

Tôi lại khuyên nhủ:

“Có chứ! Ai cấm đâu!”

Chị bỗng khóc to hơn:

“Phải rồi, không ai cấm tôi và anh ấy lấy nhau. Bộ đội người ta không cấm nhưng anh Dần bỏ tôi rồi! Tôi bụng mang dạ chửa thế này, anh ấy bỏ tôi trốn rồi!”

Rồi chị gào lên:

“Bạc như voi ấy giờ ơi! Anh ấy không muốn ăn ở với tôi nữa thì cứ bảo tôi biết, việc gì phải lấy có công tác này công tác nọ.”

Tôi thấy chua chát lạ lùng, nhưng chỉ nói tránh đi:

“Anh ấy bận công tác thật đấy mà!”

Chị vẫn một mực:

“Anh ấy nói dối! Cả anh nữa cũng nói dối. Thôi tôi chết đi! Tôi chết đi cho anh ấy đỡ bận! Mà đỡ phiền cả các anh...”

Một số bạn thân của Trần Dần phải cắt nhau đến canh ở đấy, giải thích an ủi, giúp đỡ một người con gái mới yêu lần đầu mà đã bị dao cắt ruột gan.

Trong những ngày u uất đó, anh không được biết tin người yêu, ngồi vò võ trong phòng kiểm thảo. Qua lúc đầu tiên đột ngột, tâm trí anh dần dần bình tĩnh lại. ^[7]

Ba tháng hết nằm lại ngò, anh đã trải qua một đoạn đời đau khổ. Nhưng ở Trần Dần luôn luôn có tình yêu sự sống rất mãnh liệt nó đã ngăn không cho anh đến chỗ huỷ hoại cuộc đời còn rất trẻ của mình. Anh viết bài thơ “[Nhất định thắng](#)” (vào khoảng tháng Tư 1955).

Lần đầu tiên tôi vào thăm anh, với một món quà nhỏ: Một túm nhãn tôi mua ngoài phố. Anh vồ lấy ăn ngấu nghiến rồi cười oang oang: “Thì đua với các cậu làm thơ nhé!”

Thấy tôi rơm rớm nước mắt, anh bỗng hạ thấp giọng:

“Đừng buồn cho mình. Mình cũng nhiều khuyết điểm lắm: có tự kiêu, có nóng nảy, có tự do vô kỷ luật thật. Nhưng không bao giờ không trung thành với Đảng, dù bị mắc tiếng oan, dù bị kỷ luật. Và mình tin những cái độc đoán của một vài cá nhân rồi đây sẽ không còn nữa. Đảng là một khối sáng suốt. Tương lai chúng mình, Đảng sẽ đảm bảo, dù bây giờ Đảng có thể chưa hiểu mình.”

Anh lại đọc Mai-a, đọc Sê-cốp, Goóc-ki. Anh lại nằm nghiền ngẫm *Đất vỡ hoang* và *Trên sông Đông êm đêm* của Sô-lô-cốp.

Cánh cửa có chấn song sắt khép lại, tôi lúi ra và cảm thấy gian phòng kia không còn chật hẹp, tù hãm nữa đối với một con người đầy lòng tin như Trần Dần.

Hết 3 tháng kiểm thảo, anh lại được về với người yêu. Chị ấy lúc đầu còn giận dỗi:

“Thôi anh đi đâu thì đi, mặc xác tôi.” Nhưng chẳng bao lâu, mắt lại sáng, tiếng cười lại trở về trong căn nhà bẽ bộn những bàn ghế quần áo và ống chỉ, dao kéo. Chị đã bắt đầu may sẵn áo cho đứa con đang cựa trong bụng. Chị đã xin được việc làm:

*Trời đã thôi mưa... thôi gió
Đã thấy nắng lên trên màu cờ đỏ*

Rồi Trần Dần đi tham quan Cải cách Ruộng đất ^[8]. Bài thơ “Nhất định thắng” gửi Lê Đạt giữ từ lâu, anh cũng gần như quên đi, óc còn mãi nghĩ về những mặt khác của cuộc sống để chuẩn bị cho những bài thơ khác sẽ ra đời.

Đã gần đến Tết ta. Một số anh em đã thấy say sưa sáng tác. Tôi chạy đi chạy lại gom góp sáng tác của đám ba người bạn và nghĩ rằng phải xuất bản một tập văn thơ mùa Xuân để đóng góp với mùa xuân mới của văn nghệ đang sắp nở.

Và nhận thấy cái kỷ luật “cấm sáng tác” do một vài người công bố đối với Trần Dần là một điều vô lý, sai chính sách của Đảng, và đang lúc Trần Dần đi công tác xa xôi không biết anh có sáng tác gì mới không, tôi bèn tìm lại bài thơ “Nhất định thắng” và cho đăng vào cái *Giai phẩm mùa Xuân* mà tôi là người soạn bài.

Cứ để bông hoa đó nở thì đã hại gì ai mà có thể có lợi. Nhưng hoa chưa kịp nở, thì đã bị dập vùi. *Giai phẩm mùa Xuân* bị kết tội, bài thơ “Nhất định thắng” bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ *Việt Bắc*) đã tìm cách trả thù:

Trần Dần, Tử Phác đều bị tống giam ^[9].

Cái nút thứ hai khốc liệt hơn, của tấn thảm kịch Trần Dần.

Những ngày mùa xuân 1956, tôi đau đớn như có búa nện vào óc, có đinh đóng vào tim, và có dây trói chặt vào chân tay.

Mùng hai Tết, tôi ăn bữa cơm cuối cùng với Trần Dần. Giữa hai tợp rượu, đã thấy những cơn bão đe dọa, mà lần này chắc ghê hơn lần trước. Chị K. không biết gì vẫn vui vẻ ngồi bóc bánh, rồi xếp dọn ba lô cho chồng để anh ăn xong thì lại đi công tác.

Không khí văn nghệ như sắp sửa có trận bão. Không biết từ đâu cái tin “Trần Dần phản động” “Trong *Giai phẩm* có mấy tên phản động” bỗng truyền ra rất nhanh. Những tin không hay dồn đến, bổ vây tôi và anh Trần Dần còn đang ăn dở miếng bánh chưng Tết. Chị K. tái mặt, để rơi đôi đũa, nước mắt đã vòng quanh:

"Thế là thế nào hả các anh? Phên này lại bị bắt nữa thì tôi sống thế nào được? Các anh rủ nhau làm những chuyện gì mà khổ sở thế không biết!"

Trần Dần cũng tái mặt, anh cắn chặt môi, xốc ba lô lên vai, an ủi vợ:

"Em đừng lo. Tin đồn bậy bạ đấy thôi. Anh đi công tác đây, gần đến tháng đẻ, em đừng lo nghĩ gì cả."

Nhưng chị K. không thể bình tĩnh được. Chị tiến chông ra cửa khóc oà lên:

"Anh ơi... Anh có về nữa không, anh ơi!"

Cổ tôi bỗng nghẹn nước mắt. Tôi cố cười:

"Ồ cái chị này lần thân. Thôi để anh ấy đi nào..."

Trần Dần ngừng mặt bước đi, ruột tôi bỗng thắt lại: Chuyến này mà nó có làm sao thì chỉ tại mình. Đang tự dưng bày ra cái *Giai phẩm*. Tuy chưa phải là những sáng tác xuất sắc, nhưng ít ra nó cũng nêu được vấn đề gì. Có vấn đề xã hội trong thơ Văn Cao, có vấn đề chống công thức trong thơ Lê Đạt. Và tuy tôi không hoàn toàn thích bài thơ “Nhất định thắng” của Trần Dần, tôi cũng đưa in, vì tôi thấy ít ra nó cũng khác với lối làm thơ một chiều. Dù sao thì cũng có ít ra vài ba con cá quẫy mạnh trên mặt ao tù bấy lâu phẳng lặng.

Từ những ngày Tết mưa lã chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái *Giai phẩm*. Một không khí ngạt thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ “Nhất định thắng” bị đem ra luận tội.

Y như một xóm đang đêm tối bỗng có tiếng kêu “Cướp! Cướp! Cướp đã đến”. Lập tức mọi người mắt nhắm mắt mở, vớ lấy giáo mác, gậy gộc, chạy xô ra ngõ, gặp một cái bóng đen. Cả làng hầm hè đánh. Roi gậy, giáo mác, gạch củ đậu thi nhau nện xuống cái bóng người. Một trận đòn như tử. Cái tâm lý đánh cướp này là tâm lý chung của những người muốn bảo vệ nhà cửa, xóm làng của mình. Cái bóng đen gục xuống. Mọi người lại về nhà đi ngủ. Sáng hôm sau, mặt trời mọc, đi ra ngõ, thì ra cái “bọn cướp” đó chỉ là một anh đang đêm nức nội mò đi hóng mây gió.

Những người đã cầm gậy đánh, đều rất có lý:

"Hô lên là cướp thì ông đừng giã bỏ mẹ đi à?"

Họ là những người yêu làng yêu nước, họ không có lỗi gì. Nhưng lỗi ở những ai hô cướp?

Kẻ nào hô ra hai tiếng “phản động” đầu tiên để gọi cả làng ra đánh chết Trần Dần?

Tôi cố suy mãi, lòng như dao chém. Thôi thế là đêm luận tội đã đóng án tử hình xuống một bài thơ; xuống một con người, đồng thời là một sự đe dọa nặng nề chung cho anh em văn nghệ sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với bè phái bên kia.

Sau cuộc lên án đó, tôi không được biết tin gì về anh. Tôi đoán biết được lần này thì anh sẽ thực sự ngồi tù. Vợ anh gần đến tháng ở cũ, vất vả khó suốt ngày suốt đêm vì quả nhiên, sau cái ngày mừng 2 Tết ấy, anh đi không về nữa.

Tôi cũng ân hận hết ngày ấy qua ngày khác, luôn thấy mình là thằng làm hại bạn: “Dần ơi, bây giờ mày nằm trong nhà tù nào, mày có trách tao không?”

Lần này tôi lo sợ hơn lần trước anh bị giam lỏng hơn 3 tháng. Lần này cái bè phái độc quyền văn nghệ kia nó quyết liệt hơn trước, trong không khí văn nghệ đã nghe thấy máu lửa. Tôi lo ngày lo đêm đến con người anh. Lần trước, anh còn chịu được và còn có thể bình tĩnh. Đến lần này, liệu anh còn có đủ can đảm chịu đựng hay không? Tôi đã nghĩ đến cái phút đau đớn cực độ, anh không thiết sống nữa thì một lưỡi dao, một cái đập đầu vào tường... tôi sẽ mất một người bạn, và chúng ta mất tác giả *Người người lớp lớp*, tương lai mất một nhà thơ.

Khi chị K. ốm nghén, bơ vơ trong một căn nhà, chống gậy sang hàng xóm xin từng ngụm nước, là lúc người yêu của chị đi ba tháng không về.

Khi chị K. đau quần quại, cho ra đời đứa đầu tiên của một mối tình cay đắng, là lúc người yêu của chị lại đi... không biết bao giờ về.

Đứa bé ra đời, còm rom như một con mèo ốm. Nó quặt quẹo, sài đẹn mấy lần tường chết. Chị K. nuôi con bằng nước mắt nhiều hơn bằng sữa. Tin anh vẫn mịt mù. Lần này chị không còn hiểu làm anh là “phụ bạc” mà chị đã biết thực sự. Chị không oán thán nữa, chỉ ôm con mà khóc. Có lần tôi đến thăm, chị kể lể:

"Giá đừng biết nhau, đừng yêu nhau thì anh ấy đỡ khổ, tôi cũng đỡ khổ và không đến nỗi phải cho ra đời một đứa bé khổ sở thế này. Liệu nó có mất bố không hở anh? Liệu tôi có goá chồng sớm không hở anh?"

Tôi như bị chích vào vào gan. Bé đứa bé thấy nhẹ bỗng, mặt mũi nó nhăn nhúm, méo mó, tôi đã khóc và suy nghĩ rất lâu về giá trị con người. Đặt tên cháu bé là gì để kỷ niệm những ngày bố cháu và nhân phẩm văn nghệ sĩ bị trà đạp xuống bùn đen? ^[10]

*Hôm nay
Trời đã thôi mưa thôi gió
Nắng lên đỏ phố đỏ nhà
Đỏ mọi buồng tim lá phổi
Em ơi! Đếm thử bao nhiêu ngày mưa...*

Sau khi học tập nghị quyết của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, cái tin vui từ lòng tôi tự dưng toả ra: Trần Dần chắc sẽ được về!

Quả nhiên, một buổi chiều sang hè anh đã về. Tin đó đến với tôi không đột ngột lắm, vì tôi tin chắc ở ánh sáng Đảng Cộng sản Liên Xô, tin ở chân lý mà Đảng ta nắm rất vững.

Anh đã về. Gặp anh, tôi không nói gì được. Về mặt anh vẫn vui, nhưng có hẳn thêm những nét khác khổ. Da mặt xanh, người gầy gộc. Nói chưa được một câu, anh đã cười, vẫn giọng cười hồn nhiên, khoe với tôi bốn bài thơ anh làm trong lúc bị giam, và khoe rằng sở dĩ anh được về là nhờ có sự sáng suốt của Trung ương Đảng.

Tôi đọc kỹ bốn bài thơ đó, và nhìn anh, kinh ngạc. Tôi không thể nghĩ được rằng trong hoàn

cảnh bị giam đày đọa thế, anh lại có đủ bình tĩnh làm những bài thơ sáng sủa chan chứa lòng yêu đời, yêu Đảng như thế này. Tôi thấy quý và kính phục người bạn mà tôi cho là rất anh dũng. Tôi khoan khoái đọc to mấy đoạn thơ của anh, anh ngửa mặt lên, tôi chợt nhìn thấy ở cổ anh có một vết sẹo dài nằm ngang cuống họng, thịt mới liền, còn đỏ tươi. Tôi hiểu cả, không hỏi thêm anh điều gì... Trước mắt tôi, là một người có sức mạnh chống chọi với tủ nhục, với thành kiến, cả đến những lời vu cáo đanh thép nhất cũng rụng dưới chân anh như cỏ héo.

Trước mắt tôi là một người chí tình, tha thiết, đã có những giây phút bốc lên quá nóng nảy cục cằn, đã tự do bừa bãi nhưng không lúc nào ngừng hoạt động vì tiền đồ rục rờ của văn nghệ.

Trước mắt tôi là một con người dũng cảm của Đảng, có thủy có chung, biết tin yêu Đảng vô bờ bến, biết căm ghét những cái thói nát đang làm hại đến uy tín của Đảng, của quân đội...

Trước mắt tôi là Trần Dần.

Trước mắt tôi lúc viết bài này là một chuyện kéo bè để vu cáo trắng trợn, một vụ án văn chương vô cùng oan ức, một tài năng và một tâm hồn trong sạch bị giày xéo.

Trước mắt tôi là lòng tin vào ánh sáng của Đảng. Ánh sáng đó sẽ soi rọi vào bất cứ chỗ nào đang cần bảo vệ giá trị con người.

Chú thích:

[1] Thiếu vài chữ, do bản gốc bị thủng không khôi phục được (các chú thích trong bài của Phạm Thị Hoài)

[2] Trần Dần viết xong tiểu thuyết *Người người lớp lớp* cuối tháng 9.1954, trước khi lên đường đi Trung Quốc.

[3] Bài thơ dài "Tiếng trống tương lai" hoàn thành tại Bắc Kinh tháng 10.1954

[4] Chuyến đi Trung Quốc kéo dài 2 tháng, từ 10.10 đến khoảng 10.12.1954. Trong đoàn công tác của Trần Dần còn có nhạc sĩ Đỗ Nhuận.

[5] Tác phẩm của Phùng Quán

[6] Gia đình bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ Trần Dần, đã di cư vào Nam năm 1954.

[7] Trần Dần bị giam kiểm thảo theo kỉ luật quân đội từ 13.6 đến 14.9.1955

[8] Đó là chuyến đi tham quan Cải cách Ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh, từ 02.11.1955 đến tháng 2.1956.

[9] Trần Dần bị giam 3 tháng tại nhà tù Hoà Lò, Hà Nội năm 1956. Trong tù, ông đã dùng dao cứa cổ toan tự tử.

[10] Con gái đầu của Trần Dần là Trần Thị Băng Kha.

Thủ lĩnh trong bóng tối Phạm Thị Hoài

Đúng mười năm trước tôi được đưa đến ra mắt Trần Dần, sau khi ông đọc bản thảo một số truyện ngắn đầu tay chưa công bố của tôi. Làng văn Hà Nội khi ấy, trong đêm trước của cuộc cởi trói ngắn ngủi, có một không khí nhộn nhịp nhất định. Dân văn chạy ngược xuôi trong văn, không tắt tả việc khác như bây giờ. Cả người viết lẫn người đọc đều chờ một cái gì không rõ, nhưng sẽ đến, và có lẽ vì thế mà háo hức, không lãnh-đạm-biết-rời như hiện tại. Khi đó chưa nhà nào có điện thoại riêng, muốn trò chuyện phải tìm nhau tận mặt, rượu tây chưa phổ biến, thức nhắm còn nghèo nàn, thuốc lá Liên Xô Ấn Độ đã là sang, đi xe máy là ngoại hạng, và mọi người đều viết tay trên giấy xấu... Cảnh hàn vi đó nuôi lớn một thứ chủ nghĩa lãng mạn giản dị, đầy tính lý tưởng và cũng đầy ảo tưởng mà giờ đây đã biến mất. Hà Nội, khi Trần Dần qua đời,

khác xa mười năm trước, khi tôi hồi hộp đến gặp ông như gặp một thủ lĩnh văn chương trong bóng tối.

Không người viết nào muốn thuộc về phía tối của đời sống văn học, song khi phía được chiếu sáng quá tầm thường thì được khuất mặt có thể là một hãnh diện chính đáng. Trước khi ông tưởng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp đại náo làng văn thì Nhân Văn Giai Phẩm với mọi huyền thoại của mình đã luôn là một trong những cái chợ đuổi có sức mê hoặc lớn hơn cửa hàng văn học mậu dịch nhiều. Văn học của NVGP tập trung ở những tác giả và tác phẩm cụ thể của nhóm ấy thời ấy, nhưng tôi quan niệm tinh thần NVGP rộng hơn, bao trùm một số quan niệm, phong cách, nguyên tắc, thái độ ứng xử, đề tài... nhất định, có thể tìm thấy ở những chỗ khác thời khác, ở độc giả, ở các nhà phê bình, thậm chí ở những người từng quyết liệt chống NVGP hoặc rất sợ dính vào đó. Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn luôn ký tên hàng đầu trong các bản án chống NVGP, song chính cái tinh thần NVGP trong ông được kết hợp ở thể chân kiềng với tài năng và lòng biết sợ đã tạo cho ông một đặc cách trong văn học chính thống. Ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng tương tự như vậy. Song sau nhiều chục năm, số tác phẩm ra đời trong những hoàn cảnh như thế không còn đọng lại bao nhiêu. Như thể không ai chết được nhiều lần, mà trong tinh thần NVGP ấy, các chiến sĩ ưu tú nhất đã ngã xuống cho những lý tưởng khác trước khi kịp hi sinh cho nghệ thuật. Khi tiếp xúc với thế giới của họ, tôi đã hy vọng là sẽ trèo qua nhanh cái nấc thang thứ nhất đương nhiên là rất quan trọng, vì nếu không thì chẳng vào với nhau được: đó là bi kịch mà ai cũng biết ít nhiều về NVGP. Trèo qua nhanh, vì đã bận tâm vào đó thì không thể chỉ rửa nước mắt vào rửa những vết thương bên ngoài. Tôi hình dung rằng những vị tử vì đạo rất ghét kẻ nào chạy lảng xảng quanh nỗi đau của họ, ăn theo những thăng trầm của họ. Mà tôi lại chú tâm vào những bi kịch văn học hơn, cho nên nấc thang sau và sau nữa là cái đích của tôi.

Văn học không chỉ sinh ra từ cuộc đời bên ngoài, mà còn sinh ra từ chính văn học. Khi bước vào nghề văn, tôi muốn biết cái nồi văn mà tôi đang nấu, hoặc định nấu, được kê bằng cái gì, được đun bằng cái gì. Trừ ngoại lệ lớn nhất và bền bỉ nhất là Trần Dần cùng một vài người chịu ảnh hưởng trực tiếp của ông, tôi luôn có cảm giác rằng giữa những người theo tinh thần NVGP và tôi có trò chuyện, nhưng hầu như không có một đối thoại thật sự, và những cuộc trò chuyện giữa đôi bên bao giờ cũng chỉ dừng ở một chiều sâu lịch sự, dễ chịu, không thể đi quá một chút nào, và luôn luôn quanh quẩn ở cái nấc thang thứ nhất kia. Dường như thời gian ở chỗ họ từ lâu lắm rồi đã không nhích thêm gang tấc nào, tôi thì đầy sự nôn nóng của tuổi trẻ, mà lại phải rất cẩn thận để không làm tổn thương ai. Luật của chúng ta dường như là vậy. Đày đọa, thanh trừng, xoá sổ kẻ khác thì được, nhưng làm mất lòng thì không. Tôi không thể nói thẳng với họ, rằng tôi không nhất thiết phải đọc họ chỉ để biết rằng, nhà văn cần yêu ai cứ nói là yêu, ghét ai cứ nói là ghét, điều đó tôi được học ở nhiều chỗ khác rồi, mà không phải là học qua văn chương. Nói như thế là bạc, là phản bội, là rũ trắng mọi khổ đau đen ngòm của người khác. Nhưng có lẽ tôi đã kỳ vọng ở họ nhiều quá. Khi tuổi trẻ bị bịt đường lên phía trước thì nó ngoảnh lại phía sau mãi như vậy và thành những ông cụ bà cụ non. Tôi đã tìm một lối để thoát khỏi văn học Việt Nam đương đại. Cái văn học đó buồn tẻ, nhưng cuối cùng thì lối thoát của nó không phải là giạt lùi về đỉnh cao của những năm 50. Cũng như vậy, văn học đổi mới hiện tại chẳng còn gì đáng nói nhiều nữa, song nó không nên ngoảnh lại tiếc nuối cao trào 1988-1989.

Trong những điểm cốt yếu, văn học của nhóm NVGP cùng một bản chất với văn học chính thống sau này. Có thể coi đó là sơ kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Còn phần lớn các tác phẩm cuối những năm 80 mà trong nước tuy gọi đùa, nhưng có lý của nó, là Nhân Văn 2, ngoài nước gọi là văn học phản kháng, là mạt kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thực ra những người làm nhiệm vụ duy trì và bảo vệ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa có thể yên tâm lâu dài: một mạt kỳ có thể kéo thêm cả thế kỷ, mà theo tôi thì văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa hoặc một cái gì na ná như vậy còn có tương lai vô tận ở Việt Nam. 500 hội viên này

của Hội nhà văn Việt Nam có thể được thay bằng 500 hội viên khác, song 50 triệu người đọc thì không bãi đi để bầu mới nhanh như vậy được. Nền văn học này cũng đề ra một số tài năng và những tác phẩm có thể xúc động lòng người. Nhưng các tác giả và tác phẩm của nó giống nhau, hoàn toàn không có cá tính, đúng như Trần Dần đã nhận xét, năm 1955, về tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, rằng thậm chí những câu hay của Tố Hữu cũng không có chữ ký riêng, có thể ký ở dưới là Nguyễn Du, Tản Đà, hay Ca Dao đều được. Những người có tên tuổi ở thời NVGP cũng không tránh được điều đó. Một số bài thơ của Lê Đạt và Phùng Quán thường ấy có thể ký lộn cho nhau, sau này thì Lê Đạt tách hẳn ra để có một chữ ký độc đáo cho riêng mình, và lịch sử quả thật thích đùa khi ông bị Trần Mạnh Hảo, một nhà thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa mặt kỳ phủ đầu, chính vì đoạn sau này. Bên Kia Sông Đuống của Hoàng Cầm, hay Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan đi vào lòng người vì những lý do khác, chứ không phải vì đạt tới cái mà Trần Dần đòi hỏi, ngay từ thuở ấy, rằng nhà thơ trước hết phải có được cái chữ ký riêng của mình. Ông cũng chưa ngay rằng đương nhiên còn phải xem kỹ cái chữ ký ấy nó như thế nào, nhưng mức tối thiểu là phải đạt được như vậy. Lịch sử văn học Việt Nam nửa thế kỷ qua cho thấy, cái tối thiểu mà Trần Dần yêu cầu ấy đã hầu như không đạt được. Cho nên phần lớn tác phẩm của ông, mỗi dòng là mỗi riêng một cõi, càng lúc càng riêng, riêng tới mức cực đoan, riêng tới mức bí hiểm phải giải mã, phải cần đến một từ điển Trần Dần, không có cách nào khác là làm phận bản-thảo-nằm. Ở ông là một bi kịch văn học lớn mà cái bi kịch chính trị của NVGP chỉ là một trong những bề đệm, còn ở một số người khác thì NVGP là sân khấu, thậm chí có sự trình diễn của các vai nạn nhân, văn chương chỉ đóng một vai rất phụ. Cho nên, nói về ông bây giờ mà không qua cái nấc thang thứ nhất kia cùng là tí ti minh oan, tí ti phục hồi, tí ti thương cảm, thì khác nào nhỏ sơ sơ vài ngọn cỏ cho sạch vài phân vách đá, nhưng đằng sau đó là Áng-co, để dùng lại một biểu tượng mà ông ưa dùng. Bất hạnh lớn của Trần Dần là NVGP, nhưng bất hạnh còn lớn hơn của ông là ông đã quẳng gánh NVGP từ lâu lại sau lưng, còn người đời thì vẫn ề lưng ra gánh mãi. Sự nghiệp của ông không chấm dứt với năm 1958, mà mới đầu từ đó, và đạt tới cao trào trong khoảng 15 năm, từ giữa những năm 70, nghĩa là liên quan không nhỏ tới việc Sài Gòn thất thủ, đến cuối những năm 80, khi ông ngã bệnh.

Bi kịch của Trần Dần là bi kịch của một nhà cách tân, có lẽ là nhà cách tân lớn nhất và sâu sắc nhất trong văn học miền Bắc Việt Nam nửa thế kỷ qua. Việc ông đi theo cuộc cách mạng của Đảng cộng sản cho đến NVGP là việc dễ hiểu, bởi đôi bên khi ấy cùng chung nhau một chữ cách: cách mạng, cách tân, cùng chung nhau một ý tưởng đổi mới. Việc diễn ra sau đó đối với ông, theo tôi, cũng là một tất yếu. Tôi không cho rằng ông bị hiểu nhầm, mà ông bị không hiểu. Không hiểu chứ không phải hiểu nhầm. Hiểu nhầm còn chữa lại được, không hiểu thì khó thay đổi hơn nhiều. Một người như thế sống ở bất kỳ đâu cũng khó. Còn ở một nơi mà tính đại chúng là tiêu chuẩn tối thượng của văn chương nghệ thuật, một nơi mà sự phục tùng tổ chức, quyền uy, thế lực là kim chỉ nam cho mọi hành vi văn chương thì một người như thế phải bị đày đọa, bị tẩy chay, hoặc nhẹ nhất là bị bỏ qua. Trong văn học Việt Nam, tôi chưa biết một trường hợp nào mà ham muốn sáng tạo và cách tân quyết liệt như ở Trần Dần. Nghĩa là ham muốn vượt qua, hoặc ít nhất là khác đi với cái cũ, hoặc cái đã trở thành cũ, ở bên ngoài mình đã đành, lại còn liên tục tự mới với chính mình, tự vượt qua mình, mà lại làm điều ấy trong từng chi tiết, cho đến tận nét chữ chẳng hạn. Ông có 4 kiểu chữ hoàn toàn khác nhau: cho giai đoạn đến NVGP những năm 50 là một, giai đoạn ngắn sau đó, đầu những năm 60 là hai, giai đoạn đến đầu những năm 80 là ba, từ đó đến nay tuy chung một kiểu chữ là bốn, nhưng ngay trong một kiểu này cũng có nhiều phát triển khác nhau, kèm theo một khoa chính tả khác thường và một thư pháp, hay thư họa rất đặc trưng Trần Dần. Chỉ riêng điều có thể coi là nhỏ nhặt trong cái khối khổng lồ là ông- để dùng lại chữ của Dương Tường- đã làm việc đọc ông rất phức tạp, mà lại càng không thể công bố nhiều tác phẩm của ông ở dạng in ấn bằng những con chữ thông thường.

Trần Dần đương nhiên là khó hiểu. Nhưng ông nói về sự khó hiểu một cách hết sức giản dị:

“Tất cả mọi giá trị Chân Thiện Mỹ đều là khó hiểu.” Khi ông tuyên bố: “Cái đèm đẹp giết chết cái đẹp”, thì một câu sáng rõ như vậy quả là tối tăm mù mờ với những ai chưa bao giờ nghĩ ngợi về cái “đèm đẹp”. Cái xinh xinh không thể đẹp, ý này có thể của ai khác, có thể từ tư duy trong tiếng nước ngoài, song vào tay Trần Dần thì thành cách nói đặc biệt Trần Dần, nhanh, mạnh, lột trần, độc đáo, không lặp lại ai và không tự lặp, rất Việt và rất hiện đại. Đồng nghiệp của ông yêu cách nói này thì ít, mà sợ thì nhiều. Nguyễn Khải đã tả về hai con mắt “hiếp đáp thiên hạ” của Trần Dần. Không ít người suốt đời hậm hực về một lời phê thường cộc lốc nghiệt ngã của ông. Song một nhận định phát ra từ bóng tối và cõi im lặng của Trần Dần có cái uy dũng mà người ta tuy hãi nhưng thèm. Ai chịu trận được thì mang ơn ông mãi. Tôi được ông ưu ái khi vừa mon men vào nghề, phấn khởi lắm, nhưng những lời đe của ông sau này mới thực cho tôi những bài học càng lâu càng ngấm.

Người ta coi Trần Dần là lập dị. Nhưng trong một môi trường mà chỉ riêng chiếc ba toong của cụ Nguyễn chống trên vỉa hè Hà Nội đã được coi là biểu tượng của khác thường, thì sự lập dị của Trần Dần là vượt ra mọi cách. Chúng ta có thể tôn sùng kẻ đứng đầu một cách, nhưng kẻ vượt ra mọi cách thì không có chỗ đứng. Cho nên Trần Dần nằm. Thơ ông là thơ nằm. Mọi bản thảo của ông là bản thảo nằm. Hàng chục sổ thơ của ông là sổ nằm, ông đặt tên là sổ bụi, và khi hết sổ phải dùng đến vở tự khâu, thì đấy là vở bụi. Vả lại, khí chất của Trần Dần là cái khí chất không thuận với mọi cách, may ra ông gần hơn cả, gần chứ không thuận, với cách thi trung hữu quỷ, và tự gọi mình là một thi tặc. Tôi chưa thấy ai trong lịch sử thi ca Việt Nam dám như vậy, đường hoàng như vậy: Thi tặc! Thơ ca của chúng ta có hay thì cốt hay-mãi-ngàn-năm theo hướng thánh thi, tiên thi, đạo thi, có đẹp thì đẹp theo cách tròn đầy nhã nhặn mà Trần Dần tuy ghi nhận nhưng không rung động. Nếu ai hoảng sợ trước cái khái niệm thi tặc ấy thì tốt nhất đừng đọc Trần Dần. Còn đã quyết định đến với ông thì xin đừng coi trọng quá những hành trang tinh thần mà mình đương nhiên khuôn theo, vì Trần Dần thật lắm bất ngờ. Và nhất là, ông sẽ giới thiệu một thứ ngôn ngữ khác, một thứ tiếng Việt không chỉ cho lỗ tai mà còn cho con mắt, không trối nghĩa vào chữ, không bôi chữ vào chỗ trống của vô nghĩa. Từ 1958 đến nay Trần Dần làm cái việc mà ông gọi là “làm quốc ngữ”, trong bóng tối, cách bức với những phong trào “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” cứ thỉnh thoảng lại ồn ào dấy lên bên ngoài. Công trình quốc ngữ của một cá nhân lẻ loi lặng lẽ như Trần Dần hoàn toàn khác. Con chữ nào qua tay ông là mang một cuộc đời mới. Những người xung quanh ông, người nào cũng xin được, có khi trộm được, ít nhất là một vài con chữ từ cái lò luyện chữ của Trần Dần như vậy. Những chữ rất hiện đại và đầy truyền thống. Cách ông đối xử với ca dao chẳng hạn là cách của một người biết yêu sao cho cả phía được yêu lẫn phía mình đều lớn bổng lên, không phải cách “yêu ai thì người đó nhỏ lại” như ông đã từng phê rất đích đáng một nhà thơ nổi tiếng. Là những chữ rất hàn lâm uyên bác mà cực nôm. Cái sướng nôm của ông, nôm hiện đại của “1 bát sọ 1 leo vú 1 bú đít 1 lít nách”, lây mạnh sang những người xung quanh, thành những ca vô cùng đặc sắc, thành một thứ tiếng Việt hiện đại và đầy phiêu lưu kỳ thú. Ông thậm duy mỹ mà sâu xa và có một giác quan không thể đánh lừa cho mọi giá trị thực. Điều đó kéo theo sự trân trọng và ngưỡng mộ, rất bất chấp, rất hồn nhiên của ông trước những tài năng và nhân cách thật. Ông đã nâng niu thơ Đặng Đình Hưng như thơ ruột, dù quan hệ đôi bên không phải lúc nào cũng êm. Đồng thời, sự thẳng thắn đến phũ phàng của ông trước những thứ của rơm cũng không chừa bạn bè thân thích. Trước những con chữ, lòng ông khăng khăng trong sạch. Chỉ có điều, tất cả những thứ ấy đóng kín trước một số đông, một số rất đông, không phải của riêng thời NVGP, mà cả bây giờ và sẽ rất lâu sau này vẫn thế. Bây giờ, nếu một phần di cảo của ông có được đưa ra nghiên cứu và sử dụng, cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay số người có thể đọc xuyên qua được những trang bản thảo ấy. Sau ba mươi lăm năm, một trong hơn ba chục tác phẩm của Trần Dần mới ra mắt người đọc, tập thơ-tiểu thuyết *Cổng Tỉnh*, và được nhận giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam. Sự công nhận muộn màng này dừng lại ở mức một cử chỉ thiện chí, với một quá khứ oan khiên, với một nhà thơ lớn khi ấy đã gần đất xa trời. Song nó không mang lại cho Trần Dần nhiều người đọc hơn. Khi cái lưới của đám đông đã hoàn toàn

thoái hoá thì cao lương mỹ vị bày ra cho ai? Một phần ba thế kỷ văn vắn quốc doanh, văn xuôi mậu dịch trên môi và trong lòng người đọc Việt Nam đã khiến ít ai vượt qua chỉ cái tựa đề Công Tĩnh. Tôi mở trang đầu, đọc những dòng đầu mạnh mẽ mộc mạc:

Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ!

Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu!

Đừng ngại mở trong lòng vài khung cửa nhớ thương...

qua những dòng bông bột lạ lẫm:

Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khô

Hơn là mỗi răng nhai rầu rạ vừa hè...

những dòng ngọt lịm:

Có lẽ xa kia là phố tôi sinh

Có sương sớm đọng trên đèn muện...

những dòng Trần Dần huyền thoại:

Gió thổi kèn ma mưa thui lòng ngõ hẹp

ò..ò đêm đi như một cỗ quan tài...

những dòng tha thiết:

Ở đâu? ở đâu có ngậm đèn xanh

Rèm che nhoè cửa sổ?...

Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ nhiều cây

Đừng sa sút lá

Để ta còn khuyen gió...gió đừng rung cây...

những dòng khinh bạc quay quắt:

Tôi ơi! Tôi ơi!... Tôi vẫn rong chơi bên mấy cột đèn mù...

Tôi càng đứng bơ vơ đầu công tĩnh..

Tôi không có đủ đau thương cho mãn hạn sống

Tôi không có đủ tình yêu

Yêu trái đất lục đục thế này...

rồi lại ngọt đắng:

Gió ơi đừng vội tủi

Khuya rồi! Hãy tới khóc ở hom sông...

Có lẽ thu rồi em nhỉ

Em chớ khóc nhiều vàng óng tư xưa...

Chỗ nào ông cũng thổi một sự sống khác thường vào những con chữ, chỗ nào cũng dành cho ta một bất ngờ. Biết bao giờ số đông người đọc Việt Nam mới dọn lòng, dành cho tài năng ghè ghề jờ joạcx này một chỗ? Số phận của Trần Dần là số phận hoàn toàn cô đơn và trong bóng tối theo mọi nghĩa của một người dốc hết mình vào thừa ruộng thử nghiệm của văn học, đặc biệt là của thi ca, một người, để dùng lại chữ của NVGP mà chắc sau này ông cho là mauvais gout lắm, moi tim moi óc làm thơ, một Tư Mã-như tên ông đặt cho mình và bạn bè- suốt nửa thế kỷ không chịu lùi một ly chữ, để làm cái việc mà ông gọi là thò thơ tự xứ này lên. Một người đi suốt ván chiêm bao của những cái bị nợ và tự nợ, đánh suốt một ván đời với cái biết và cái chưa biết. Ông nói rằng, cái biết là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Làm câu châm ngôn hay như Khổng Tử là chưa phải thơ, nghịch lý như Lão Tử chưa phải thơ. Nhảy qua bóng mình mới là thơ. Mình chưa hiểu thơ vì khó mà nhảy qua bóng mình. Tôi không dám nói ông đã thành công trong bao nhiêu mùa thử nghiệm của mình. Chỉ biết rằng, những ai may mắn đến lấy một hạt giống ở ông, rồi đem về đất của chính mình, đổ sức của chính mình vào đó thì ắt là thành công, trong những trường hợp hiếm hoi như Đặng Đình Hưng thì là một thành công lớn. Còn nếu không cũng được một mùa, theo chữ của ông, là mùa sạch.

Trần Dần từng nói, "tôi sót ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn chúng tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến." Nhưng trong một sổ bụi ông lại tự hỏi: lớp trẻ liệu có còn được một cơ hội mấy chục

năm quốc nạn như mình không để làm cái việc ấy? Ông đã ngã bệnh nhiều năm trước khi qua đời, có lẽ cũng linh cảm nhưng không còn đủ thời gian để nhìn thấy những hình dạng mới của quốc nạn. Văn chương bây giờ có vẻ như chưa cần cần đày đọa đã ngã ngoài tự hủy, chưa sinh ra đã kè huyệt. Thì chôn ai?

Tôi thuộc lớp trẻ, nợ ở ông một lòng ưu ái, mang theo lời đúc kết rất Trần Dần: nhân cách của nhà văn chính là văn cách của anh ta. Tối thiểu tôi phải có được một văn cách.

(1997)

(Đăng lần đầu trên tạp chí Văn Học, California, 1997)

Trần Dần - Nhà cách tân thơ Việt Nguyễn Trọng Tạo



[“Tôi khóc những chân trời không có người bay
Lại khóc những người bay không có chân trời”
Trần Dần](#)

- Không phải đến hôm nay người ta mới gọi Trần Dần là “nhà cách tân”. Từ năm 1946 khi tham gia nhóm Dạ Đài, Trần Dần đã cùng với Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hoàng Địch... soạn ra bản “Tuyên ngôn tượng trưng” nhằm cách tân thơ Việt sau rất nhiều thành công của Thơ Mới (trước năm 1945).

Ông cũng là nhà tiểu thuyết đầu tiên viết về chiến dịch Điện Biên Phủ với nhan đề Người người lớp lớp được phổ biến rộng rãi sau năm 1954. Dù được khen ngợi nhiều, nhưng Trần Dần vẫn chưa ưng ý. Ông thú nhận trong nhật ký rằng: “Tôi vừa viết xong cuốn Người người lớp lớp. Viết về chiến tranh ở Điện Biên Phủ đấy. Nhưng mà tôi đã chán rồi. Tại vì rằng tôi ít thấy sự thực của chiến tranh trong đó quá. Và vì rằng tôi ít thấy sự thực của bản thân tôi trong đó quá. Chưa phải là chiến tranh và chưa phải là tôi. Cho nên tôi viết tới hơn 300 trang mà không thích bằng một bài thơ tôi cũng mới làm về chiến tranh: Anh đã thấy (mes douleurs) trên dưới có 6 trang! Vài trang thơ này tôi còn thấy chiến tranh nhiều hơn, và thấy tôi nhiều hơn 300 trang Người người lớp lớp”. Nghĩa là ông luôn trăn trở cho thơ văn phải hướng về phía trước, phía cách tân. Sau này, suy nghĩ về thơ, ông tuyên bố “phải chôn Thơ Mới”, tức là phải sáng tạo ra một thứ thơ khác, thời đại hơn, mới mẻ hơn những thành tựu đã có, dù Thơ Mới đã làm xong cuộc cách mạng thơ đặc sắc.

Cuộc cách tân thơ của Trần Dần sau hòa bình năm 1954 vừa mới khởi ra chưa được bao lâu thì đã bị tai nạn “Nhân văn - Giai phẩm”. Ông bị kỷ luật và bị “treo bút” 3 năm, nhưng thực ra thì mãi 30 năm sau mới xuất hiện trở lại văn đàn. Thuở ấy ông làm một cuộc du ngoạn vào Huế chơi với anh em văn nghệ chúng tôi. Những bài thơ dài của ông thời “Nhân văn - Giai phẩm” như Nhất định thắng, Hãy đi mãi... được nhiều người đọc lại. Còn ông thì khoe với tôi (ông ở nhà tôi mấy ngày) những tập bản thảo mà ông đã viết trong 30 năm im lặng ấy, gần 30 tác phẩm, đó là thơ-tiểu-thuyết Công tình, tiểu thuyết Những ngã tư và những cột đèn, Đêm núp sen... các tập thơ Mùa sạch, Thơ mini, Việt Bắc, v.v... Còn thơ trong các cuốn “sổ bụi” của ông thì nhiều vô kể. Đọc một số bản thảo của ông, tôi không ngờ rằng, một người nhỏ thó, gầy đét như ông lại có cả một trái tim lớn lao như vậy. Đây là trái tim khát vọng “làm quốc ngữ”, làm

“người nhân loại”. Có thể nói rằng bi kịch và cô đơn hoàn toàn đã buộc ông phải chiến thắng bằng vũ khí ngôn ngữ. “Thơ nay hầu như vẫn đặt nghĩa. Tôi đặt thơ là chữ. Con chữ nó làm nghĩa. “Mai sau dù có bao giờ” là con chữ. “Chữ tài liền với chữ tai một vần” là đặt nghĩa” - ông quan niệm. Chính vì làm thơ kiên trì với quan niệm đó mà thơ ông đã mang đến cho nền thơ chung một lối thơ độc sáng. Có nhiều người ảnh hưởng lối thơ Trần Dần, nhưng không ai có thể vượt qua ông về lối thơ đó, vì đây là thơ tự thân, đó là máu, mồ hôi và óc não của ông đọng thành những con chữ.

Thuở đầu, Trần Dần thích thơ Maiacovski. Những bài thơ bậc thang của ông đã tạo nên những nhịp điệu quyết liệt mạnh mẽ khi diễn tả những rung cảm đa chiều của ông về cuộc sống, về dân tộc:

“Biển sừng rùng lê bạt ngàn con mắt
Quân ta đi tập trận về qua
Bóng cờ bay đỏ phố đỏ nhà...”

Nhưng về sau thơ ông đã đổi khác. Ông tạo ra những con chữ độc đáo, sinh động và đa nghĩa:

“Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu!
Đừng ngại mở trong lòng vài khung cửa nhớ...
Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khổ
Hơn là mỗi răng nhai ràu rạu vĩa hè...”.

Người ta nói rằng Trần Dần đã thổi hồn vào từng sự vật, thổi sự sống vào từng con chữ.

Nhưng cái làm cho người đọc luôn bất ngờ là cái cách tư duy ngôn ngữ táo bạo, độc đáo và mới lạ của ông đã tạo nên những ấn tượng mạnh, thậm chí thoát đầu gây sốc. Gây sốc bởi vì nó mới quá, nó lạ quá, nó không giống “thơ cũ”. Gây sốc bởi ông chủ trương “làm chữ”, làm những chữ mới và làm mới những chữ cũ. Đây chính là Trần Dần một cá thể thơ.

Ngôn ngữ của Trần Dần luôn biến động và ta thấy cả sự lao tâm của ông cho từng con chữ. Lê Đạt nói “nhà thơ là phu chữ”, tôi nghĩ cụm từ này dùng để gọi Trần Dần thì vô cùng đặc địa. Ngay trong cả loại thơ kiểu văn xuôi của ông vẫn ngồn ngộn hình ảnh và cảm xúc thiên hà. Thơ trẻ hiện nay cố gắng nhiều trong thơ không vần hay thơ văn xuôi, nhưng đọc lại Trần Dần 30 năm trước, vẫn thấy ông còn mới mẻ đến bất ngờ:

“Tôi có nghèo đâu, trăng sao lũng liêng. Mây phơi dằng dặc khắp chân trời. Hương hỏa của tôi, kho nào chứa xuể? Ê hề vũ trụ sao bay. Tôi đi lại cho ai giờ? Tầng tầng mây, lục địa lục địa của cải”. (Sổ bụi 1979)

Thơ Trần Dần (cũng như tiểu thuyết sau “Nhân văn - Giai phẩm” của ông) ngồn ngộn chữ, ngồn ngộn da thịt, sự sống. Ông không phải một nhà thơ dễ đọc. Ông cũng không phải nhà thơ quần chúng hóa, mặc dù ông thơ hóa nhiều ngôn ngữ quần chúng. Những vấn đề cuộc sống và nghệ thuật luôn được ông soi rọi, chăm chút, xuất thần theo kiểu riêng của mình. Chính vì thế mà ông là người mở đường, người đi trước suốt nửa thế kỷ qua. Tôi khâm phục sự học của ông. Ông học bằng cách đọc thế giới (sách), đọc và quan sát cuộc sống, học làm người nghĩa là làm một nhân cách cá biệt, đôi khi như kẻ lập dị giữa đời, giữa đám đông. Học bằng cách làm việc cật lực cho văn thơ. Học bằng cách ngồi dịch sách, dịch tài liệu để kiếm sống. Năm 1983, nhạc sĩ Văn Cao nhờ tôi sang nhà Trần Dần mời ông đến nhà uống rượu nhân 60 tuổi, tôi chú ý vết đen trên tường sau chiếc ghế ông ngồi. Cái vết đen như một hình nhân, như cái bóng của ông. Ông đã ngồi dựa tường như vậy suốt mấy chục năm, để đau khổ, để cô đơn toàn phần, để suy nghĩ, để đọc và để viết. Ông viết rất chậm. Có lần Phùng Quán bảo anh Dần viết chậm thế thì bao giờ mới xong tiểu thuyết. Ông thủng thẳng trả lời: “Viết văn chữ có phải đi ăn cướp đâu mà cần nhanh”. Vâng, ông cứ đĩnh đạc như thế, cứ nặng chùy như thế. Và thế mới là Trần Dần. Bây giờ ông đã xa cõi trần hơn 10 năm, đã được in tuyển thơ dày dặn và những tập sách khác, đã được giải thưởng Hội Nhà văn, Giải thưởng Nhà nước... Tôi nghĩ không có phần thưởng

nào lớn hơn khát vọng của ông về chân trời và đường bay của nhân dân, của dân tộc. Hai câu thơ ông khóc hay là ông mơ ước:

“Tôi khóc những chân trời không có người bay
Lại khóc những người bay không có chân trời”.

Hy vọng

Dù bị vứt bên lề đường
Dù bị tàn tật
Ta vẫn khăng khăng yêu Tổ quốc thật lòng
Dù manh tải đùm thân
Bị gậy bỡ vờ trời không che đất không chõ
Dù đêm nghe gió quét gậm cầu
Chỉ vài ánh sao lu làm củi lửa
Ta vẫn khăng khăng yêu Tổ quốc thật lòng
Dù chỉ còn một bên tai
Tai sẽ đón tiếng chim ru
Còn một bên tay - tay sẽ quờ quào
Vục một chút màu xanh quê cũ
Cho đôi môi khô uống một hớp trời

...

Dù xa lác biển gầm Côn Đảo
Dù nơi đây sóng mặn chát lòng tằm
Ta vẫn sưng mái đầu xòm con mắt xéch
Ngùn ngụt bể Đông xa
Tia mỏng cụt đâm trời
Dù ném thây ta cho cá rĩa
Ta sẽ cựa luân hồi đập cửa thác sinh
Ta sẽ đầu thai làm gió lốc
Cùng các đám đông đi phố đồ rùng cờ
Hãy đợi ở cầu Xanh hãy chờ nơi phố Hẹn
Vạt áo tứ thân con mắt ổ đùng chùi
Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ nhiều cây
Đừng sa sút lá.
Để ta còn khuyen gió... gió đừng rung cây.

Hai lá thư quanh vụ “Trần Dần – Thơ” Nguyễn Huệ Chi

Cho đến nay, phần lớn công luận quan tâm đến cuốn *Trần Dần – Thơ* không được biết gì chi tiết hơn về cái gọi là “vi phạm hành chính về xuất bản” dẫn đến việc đình chỉ phát hành cuốn sách này. Trong hai ngày 5 và 6 tháng Ba năm 2008, GS Nguyễn Huệ Chi, một trong những người chủ trương bức “Thư ngỏ” phản đối việc đình chỉ phát hành cuốn *Trần Dần – Thơ*, trong hai bức thư gửi đến bạn bè và đồng nghiệp, đã kể lại những diễn biến trong và sau khi Nhóm đại diện 134 nhà văn hóa và văn nghệ sĩ đến các cơ quan công quyền đưa “Thư ngỏ”. Được tác giả cho phép, chúng tôi xin trích công bố hai bức thư này (có lược bớt một vài tên người) để bạn đọc hiểu thêm nội tình vụ việc cũng như thực chất tình hình đời sống văn hóa, tinh thần hiện nay ở Việt Nam.

Talawas

1. Thư ngày 5/3/2008

Các anh chị thân mến,

Chiều hôm nay, Nguyễn Huệ Chi, Dương Tường, Hoàng Hưng đại diện cho 134 người có tên trong danh sách "Thư ngỏ" đã đến Quốc hội nước CHXHCNVN, đến Bộ Thông tin và Truyền thông CHXHCNVN và đến Hội Nhà văn Việt Nam để đưa "Thư ngỏ". Chúng tôi đều được tiếp một cách lịch sự. Vì không báo trước, ông Bộ trưởng Bộ TT và TT đi vắng nên ông Thư ký Bộ trưởng Mai Ánh Hồng ra tiếp và nhận thư; đến Quốc hội thì ông Nguyễn Minh Thuyết là Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa-Giáo dục-Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng tiếp đón ân cần. Còn đến Hội Nhà văn thì ông Hữu Thịnh đi vắng nên bà Phó văn phòng thay mặt tiếp đoàn. Tất nhiên không có một lời hứa hẹn nào về việc người ta sẽ làm cho đến nơi đến chốn, nhưng người ta nói sẽ bàn bạc vụ việc trong hai Ủy ban Pháp luật và Văn hóa-Giáo dục... Riêng ông Hữu Thịnh, ngay buổi tối hôm ấy, qua điện thoại xác nhận đã nhận được thư, đã đọc, và hứa ngay ngày mai sẽ báo cáo với "cấp trên".

Theo những nguồn đáng tin cậy thì việc ngưng lưu hành cuốn *Trần Dần - Thơ* trước sau chỉ dựa vào một căn cứ duy nhất là Quyết định của ông Giám đốc NXB Đà Nẵng hủy giấy phép xuất bản do ông Nguyễn Đức Hùng, Phó giám đốc kiêm Tổng biên tập ký ngày 10-8-2007. Điều rất khó hiểu là Quyết định hủy đề ngày 11-8-2007, tức là chỉ 1 ngày sau Quyết định cấp, vậy mà Cục Xuất bản chỉ mới tiếp nhận Quyết định hủy giấy phép xuất bản *Trần Dần - Thơ* đầu như ngày 25 tháng 2 năm 2008, sau khi *Trần Dần - Thơ* đã in xong và phát hành.

Chúng tôi nghĩ cũng có thể có chuyện "trống đánh xuôi kèn thổi ngược" trong nội bộ NXB, nhưng chuyện "dàn dựng ra một vụ việc" là khả năng lớn hơn, bởi trong vòng gần nửa năm cái Quyết định thu hồi giấy phép không hề đến tay Công ty Nhã Nam là bên đối tác với NXB Đà Nẵng về cuốn *Trần Dần - Thơ*, và cả quá trình in ấn, chuẩn bị phát hành *Trần Dần - Thơ* được thông tin liên tục trên báo chí, mà không hề thấy NXB Đà Nẵng phản ứng gì hết. Các quy trình như nộp lưu chiểu, chờ thẩm định đều đã làm xong đầu vào đầy, rồi khi đem phát hành trong Ngày thơ Việt Nam thì mới sinh chuyện.

Có thể đây cũng vẫn là hậu quả của một cú điện thoại như thông lệ vốn có trong mấy chục năm nay; chẳng hạn ông X hay một ông trong cái "nhóm người bất hủ" - mà cả nước đều biết rõ - nổi hứng gọi cho A 25 và Cục Xuất bản rằng *Trần Dần - Thơ* có vấn đề, thế là dù đã có giấy phép hẳn hoi và mọi công đoạn đều đã trót lọt, sách cứ nhất thiết... phải ngưng phát hành. Chuyện ấy là chuyện của thời Trung cổ (trước Đổi mới) thế mà vẫn nghiêm nhiên tồn tại đến nay và hứa hẹn sẽ còn tồn tại lâu, thế có kỳ quặc không?

Tinh thần của chúng tôi là muốn mọi kiểu ứng xử tùy tiện và "rất có Đảng tính" như thế của cái đám gọi là "đội quân thánh nhạ" cầm đèn chạy trước ô tô phải được dẹp bỏ, và các vị thượng cấp phải biết rằng cứ tiếp tục chấp nhận cách làm này là đáng xấu hổ, không xứng đáng là người cầm quyền, nói cách khác: phải để cho đời sống văn hóa tinh thần của một xã hội được vận hành đúng pháp luật và đàng hoàng, văn minh, không có những chuyện động trời tình thoảng lại nổ ra, giáng lên đầu mọi người, gây tâm lý ngày càng chán nản nếu không nói là càng thêm phẫn nộ, và cả sự nhục nhã cho bộ mặt của đất nước.

Cám ơn các anh chị.

2. Thư ngày 6/3/2008

Thưa các anh chị,

Tôi được một người bạn thân cho biết: trong cuộc họp của cái gọi là Hội đồng Lý luận Phê bình Trung ương do Ban Văn hóa Tư tưởng đề ra cách đây một thời gian, vừa diễn ra hôm qua, để nhìn lại tình hình sáng tác văn học nghệ thuật của nước nhà ít lâu nay, ông X đã lên tiếng phê phán gay gắt cuốn *Trần Dần - Thơ* và ông Y cũng có đề theo tuy giọng không nặng nề bằng.

Như vậy là dự đoán mà trong thư hôm qua tôi gợi ý với các anh chị rằng có một cú điện thoại nào đó gọi cho "cấp trên" nên mới sinh chuyện là có cơ sở và nay đã có lời giải chính xác. Còn nhớ bộ *Từ điển văn học - Bộ mới* của chúng tôi phát hành vào trước cái Tết năm 2005 cũng đã bị một cú điện thoại của đúng kẻ ấy khiến phải ách lại đúng 10 ngày và sau khi không tìm ra điều gì để gán cho tội "phản động" về nội dung như cú điện đã báo, NXB cũng phải nhận phạt 5 triệu đồng vì "sai phạm hành chính" (nhân đề sách không khớp hẳn với giấy phép) rồi mới được đưa ra thị trường.

Tôi đã xem phim *La vie des Autres* và không khỏi rùng rợn vì mạng lưới "an ninh văn hóa" ở những nước xã hội chủ nghĩa sao mà giống nhau đến thế, nhưng hình như loại người tha hóa về phẩm cách, tự nguyện làm "khuyến mã" ở Việt Nam thì còn khủng khiếp hơn ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu nhiều lần vì đó là thứ khuyến châu Á vừa bản thủ, nham hiểm, vừa lì lợm, trơ tráo và man rợ mà ta không tài nào dùng ngôn từ để miêu tả được.

Tôi không còn chút băn khoăn nào về cái lý do "mâu thuẫn nội bộ trong NXB" mà vài hôm trước nghe dư luận đồn đại còn hơi phân vân nghi ngờ.

Vì thế, mặc dầu hôm nay, trong một cuộc gặp mặt, nhiều anh em cho rằng đây là một hiện tượng rất mới, trước nay chưa có, trong việc đối thoại công khai với nhà cầm quyền, về quyền được tôn trọng của người trí thức, tôi lại nghĩ, điều quan trọng giờ đây không chỉ còn là yêu cầu nhà nước hành xử một cách văn minh, theo đúng luật pháp, đối với các sáng tác văn học nghệ thuật, mà là làm thế nào chấm dứt vĩnh viễn cái cơ chế sinh ra lũ *người-khuyến* "đánh hơi văn hóa" như một nhu cầu tất yếu. Chỉ có như thế đời sống văn hóa, tinh thần của đất nước mới mong có cơ khảm khá lên được. Nghĩa là vấn đề đặt ra cho chúng ta lớn hơn "Thư ngỏ" rất nhiều.

© 2008 talawas

Bùi Minh Quốc

Thư ngỏ về việc tập sách Trần Dần – Thơ bị đình chỉ phát hành

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2008

Kính gửi:

- Ông Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, Quốc hội CHXHCN Việt Nam
- Ông Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông CHXHCN Việt Nam
- Ông Tổng Thanh tra Chính phủ CHXHCN Việt Nam
- Đồng kính gửi Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam cùng toàn thể các đồng nghiệp trong Hội

Tôi là Bùi Minh Quốc, một người làm thơ, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, ký tên dưới đây, xin trân trọng gửi các vị thư ngỏ này nhân vụ việc liên quan đến tập sách *Trần Dần – Thơ* (Công ty Văn hóa Truyền thông Nhà Nam và Nhà xuất bản Đà Nẵng xuất bản, 2008) vừa bị ngừng phát

hành.

Thưa các vị,

Toàn bộ thông tin về vụ tập sách *Trần Dần-Thơ* tôi nhận được là từ lời Tổng biên tập Nhà xuất bản Đà Nẵng trả lời phỏng vấn của đài BBC và từ bức **Thư ngỏ** viết ngày 01.03.2008 của các đồng nghiệp

Nguyễn Huệ Chi

Giáo sư, nguyên Chủ tịch Hội đồng khoa học, Viện Văn học Việt Nam

Dương Tường

Nhà thơ, dịch giả

Phạm Xuân Nguyên

Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội

Hoàng Hưng

Nhà thơ, dịch giả

Giáng Vân

Nhà thơ, nhà báo

Phạm Toàn (Châu Diên)

Nhà văn, dịch giả

Tôi tin rằng những thông tin ấy là chính xác.

Tôi đề nghị các đồng nghiệp tác giả bức thư ngỏ nói trên cho tôi được cùng ký tên vào đó.

Ngoài ra, xin được phát biểu thêm (và nhắc lại) một số ý kiến như sau:

1. Việc bắt phải ngừng phát hành tập sách *Trần Dần-Thơ* với lý do “*vi phạm hành chính về xuất bản*” cần phải được công bố công khai trên các báo đài trong nước để “*dân biết, dân bàn*”.
2. Theo nhận xét của riêng tôi, việc bắt phải ngừng phát hành tập sách *Trần Dần-Thơ* với lý do “*vi phạm hành chính về xuất bản*” thực chất chỉ là hành vi tiếp tục vùi dập một công trình văn hóa bị buộc phải cất kỹ trong ngăn kéo đặng đặng bao năm qua, trong khi đáng ra công trình ấy cần được đưa tới bạn đọc càng sớm càng tốt.
3. Nhà thơ Trần Dần đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (cùng với các bạn ông trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* là Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt), đây là biểu hiện một bước nhích tới rất đáng khích lệ của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đổi mới. Hành vi của một số người chủ chốt trong đoàn thanh tra liên ngành do Bộ Thông tin-Truyền thông cầm đầu thực chất là hành vi chống đổi mới, làm tổn thương danh dự của Đảng và Nhà nước ta trước giới trí thức văn nghệ sĩ cả nước và toàn thế giới.
4. Hành vi nêu trên thực chất là nối tiếp một cách khác nhiều hành vi tương tự trước đây, mà điển hình là vụ đưa vào máy nghiền một tác phẩm rất giá trị và không hề vi phạm pháp luật là cuốn tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000* của nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Điều đó chứng tỏ có một thế lực chống đổi mới trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ đang lộng hành hoạt động phá hoại dai dẳng và có hệ thống; thế lực này tiếp tục vùi dập các tác phẩm giá trị và các tác giả tài năng đồng thời mở lối rất dễ dãi cho xuất hiện tràn lan những

- sản phẩm tầm thường. Tôi xin nhắc lại, tai họa lớn, bao trùm, (và dai dẳng) đối với nền văn hóa Việt Nam hiện nay chính là sự lấn át tràn lan của **cái tầm thường**.
5. Vì vậy, tôi khẩn thiết yêu cầu Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam cần có thái độ về vụ việc này đồng thời tổ chức ngay một hội thảo chuyên đề về hai tác phẩm bị cấm, bị nghiến là *Trần Dần–Thơ* và tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000*.
 6. Tôi hy vọng tất cả các đồng nghiệp trong và ngoài Hội Nhà văn Việt Nam có tiếng nói kịp thời của mình. Tôi đặc biệt chờ đợi ý kiến của các nhà văn Vũ Tú Nam, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, nguyên tổng thư ký, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Quang Sáng, nguyên phó tổng thư ký, Xuân Cang, nguyên trưởng ban kiểm tra Hội Nhà văn Việt Nam.
 7. Quyền tự do sáng tác phải gắn liền với quyền tự do báo chí và tự do xuất bản chứ không thể là tự do sáng tác để cật vào ngăn kéo. Luật báo chí và luật xuất bản hiện hành là vi phạm hiến pháp vì không đảm bảo quyền tự do báo chí và tự do xuất bản của công dân. Đây là trở lực lớn nhất cần phải sớm tháo gỡ để mở đường cho sự nghiệp phát triển văn hóa Việt nói riêng và sự nghiệp dân chủ hóa đất nước Việt Nam nói chung. Vụ việc đối với tập sách *Trần Dần–Thơ* càng thôi thúc các nhà văn Việt Nam phải kiên quyết hơn nữa trong cuộc chiến đấu (ôn hòa và hợp pháp) để giành lại quyền tự do cơ bản ấy mà chúng ta đã từng có (một thời gian ngắn) sau Cách mạng tháng Tám 1945 và sau tháng 10 năm 1954 (trên miền Bắc).

Bùi Minh Quốc
03 Nguyễn Thượng Hiền-Đà Lạt
ĐT: 063-815459 * 0918007842

Phụ lục
Thư ngỏ

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2008

Kính gửi:

- Ông Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa–Khoa học–Giáo dục, Quốc hội CHXHCN Việt Nam
- Ông Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, Quốc hội CHXHCN Việt Nam
- Ông Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông CHXHCN Việt Nam
- Ông Tổng Thanh tra Chính phủ CHXHCN Việt Nam
- Ông Chủ tịch Hội Nhà Văn Việt Nam

Chúng tôi, những nhà hoạt động văn hóa, văn nghệ, khoa học, và những người yêu quý văn học nghệ thuật, ký tên dưới đây, xin trân trọng gửi các vị thư ngỏ này nhân vụ việc liên quan đến tập sách *Trần Dần – Thơ* (Công ty Văn hóa Truyền thông Nhã Nam và Nhà xuất bản Đà Nẵng xuất bản, 2008) vừa bị ngưng phát hành.

Thưa các vị,

Trần Dần (1926–1997) là một nhà thơ nổi tiếng và quan trọng của Việt Nam. Ông là một chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam đã tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, là một nhà văn nhà thơ đã có nhiều tác phẩm đóng góp cho sự nghiệp văn học nghệ thuật của đất nước. Mặc dù bị oan khiên hoạn nạn trong vụ *Nhân văn–Giai phẩm*, nhiều chục năm phải sống trong im lặng và bóng tối, Trần Dần với bản lĩnh của một nghệ sĩ chân chính vẫn không ngừng sáng tạo và đã để lại một di sản đồ sộ có giá trị cách tân to lớn đối với văn học Việt Nam. Mười năm sau khi ông qua đời, mới chỉ có một phần nhỏ của di sản đó được xuất bản: *Bài thơ Việt Bắc*, *Cổng tỉnh*, *Mùa sạch*, và tập *Cổng tỉnh* đã được nhận Tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1994. Năm 2006, Trần Dần đã được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, cùng với các bạn ông trong nhóm *Nhân văn–Giai phẩm* là Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán.

Nhưng trong khối di sản đồ sộ của Trần Dần vẫn còn nhiều sáng tạo giá trị. Độc giả, đặc biệt là

những người yêu thơ, vẫn khao khát chờ đợi được biết thêm, khám phá thêm những thể nghiệm thơ phong phú, đa dạng của ông suốt trong ba mươi năm làm lùi làm việc trong bóng tối theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tập *Trần Dần-Thơ*, được chất lọc từ di cảo với nhiều tâm huyết và công sức, là một cố gắng của gia đình nhà thơ, của những người biên soạn và của nhà xuất bản nhằm đưa ra ánh sáng những sáng tác của một nhà thơ lớn, đáp ứng yêu cầu thường thức của công chúng độc giả. Đây có thể coi là một tuyển tập thơ Trần Dần tương đối đầy đủ và toàn diện, khả dĩ có thể làm vinh dự cho nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Cuốn sách đã in xong, đã được phép phát hành, và đã được đưa ra thị trường. Giới văn học cả nước và đông đảo công chúng yêu thơ đang háo hức tìm mua, tìm đọc. Nhưng trong Ngày thơ Việt Nam lần thứ VI (21/2/2008) tổ chức tại Văn Miếu, Hà Nội, tập *Trần Dần-Thơ* đã không được phép đưa vào bán bình thường như các cuốn sách khác, theo một lệnh miêng từ Cục Xuất bản. Tiếp đó, ngày 26/2/2008, sau cuộc làm việc của đoàn thanh tra liên ngành do Bộ Thông tin-Truyền thông cầm đầu với Công ty Nhã Nam, tập *Trần Dần-Thơ* đã bị ngưng phát hành vì lý do “vi phạm hành chính về xuất bản”.

Thưa các vị,

Những động thái nói trên đối với tập sách *Trần Dần-Thơ* từ phía cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông đã thực sự gây băn khoăn và lo ngại cho giới văn học và công chúng. Một tập thơ đã được chuẩn bị và biên soạn kỹ lưỡng, công phu trong suốt hai năm trời, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình xuất bản, vừa được ra đời và phát hành thì đột nhiên bị ngưng với một lý do hoàn toàn không phải về tư tưởng, nội dung. Chúng tôi lấy làm khó hiểu về điều này. Và từ thực tế hành xử của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các tác phẩm sáng tạo trong đời sống văn học nghệ thuật nước nhà lâu nay, chúng tôi lấy làm lo ngại cho số phận của tập sách *Trần Dần-Thơ*. Xin phép được nhắc lại với các vị hai việc gần đây là việc thu hồi và thủ tiêu tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000* của nhà văn Bùi Ngọc Tấn (2000) và việc gỡ tác phẩm đang triển lãm của hai họa sĩ Trương Tân và Nguyễn Quang Huy (2007).

Ở nước ta lâu nay việc cấm đoán tương tự đối với tác phẩm văn hóa nghệ thuật thường xảy ra. Ai cũng biết hành động này không những thiếu văn minh và không mang tính pháp lý, mà còn bóp nghẹt tự do sáng tạo, kìm hãm sự phát triển văn hóa, biểu hiện sự thô bạo và ấu trĩ của một cung cách quản lý xã hội bất chấp pháp luật và đứng trên những quan hệ dân sự tối thiểu của một quốc gia thực tâm định hiện đại hóa. Tuy nhiên nó cứ tiếp tục diễn ra chỉ vì lâu nay không mấy ai lên tiếng phản đối, và có phản đối thì cũng bị vùi lấp trong sự im lặng đáng sợ.

Thưa các vị,

Nhân danh những người Việt Nam yêu nước,
Nhân danh những người Việt Nam có tri thức và có văn hóa,
Nhân danh những người Việt Nam có tinh thần và năng lực công dân,
Vì sự tồn vong và phát triển của đất nước,

Chúng tôi, ký tên dưới đây, yêu cầu các vị:

Trước mắt, hãy xem xét và đình chỉ ngay mọi hành xử nhằm ngăn chặn việc phát hành sách *Trần Dần-Thơ* của một nhà thơ quá cố mà nội dung chỉ đem lại vinh dự cho dân tộc Việt Nam văn hiến này.

Tiếp đó, hãy xem xét lại cung cách ứng xử của những cơ quan nhà nước về mặt pháp lý và về quan hệ dân sự đối với những trường hợp tương tự trường hợp của nhà thơ Trần Dần, nhà văn Bùi Ngọc Tấn, các họa sĩ Nguyễn Quang Huy và Trương Tân.

Sau nữa, trên tinh thần tôn trọng pháp luật và tôn trọng các giá trị nhân quyền và văn hóa, từ nay cần chấm dứt cách thức hành xử thiếu văn minh và thiếu cơ sở pháp lý đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật nói riêng, các sáng tạo tinh thần nói chung.

Xin kính gửi các vị lời chào trân trọng và xin cảm ơn trước về những biểu hiện văn minh dân sự mà chúng tôi chắc chắn sẽ nhận được từ các vị.

Nguyễn Huệ Chi

Giáo sư, nguyên Chủ tịch Hội đồng khoa học, Viện Văn học Việt Nam

Dương Tường

Nhà thơ, dịch giả

Phạm Xuân Nguyên

Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội

Hoàng Hưng

Nhà thơ, dịch giả

Giáng Vân

Nhà thơ, nhà báo

Phạm Toàn (Châu Diên)

Nhà văn, dịch giả

© 2008 talawas

Trần Dần & Tố Hữu
(Nguồn: 360)



NTT: Trong một cuộc giao lưu với văn nghệ sĩ Huế nhà thơ Trần Dần nói: "Tôi và anh Tố Hữu là không thể dàn hòa". Câu nói ấy có thể hiểu là ông nói về quan điểm nghệ thuật quan điểm sống hay quan điểm với văn nghệ sĩ trong thời Nhân Văn - Giai Phẩm? Điều đó cho đến nay tôi vẫn chưa lý giải được rõ ràng. Sau khi tập sách Trần Dần - Thơ được phát hành trở lại tôi có dạo qua các trang web và bắt gặp bài viết này không chỉ về Trần Dần Hữu Loan mà hình như còn với nhiều người khác đối với ông Tố Hữu. Xin giới thiệu cùng các bạn.

Tất nhiên không ai tin việc tập thơ Trần Dần bị "niêm phong" chỉ vì vài cái lỗi về thủ tục. Nhưng thôi đó cũng là một lối ra rất đỡ mắt mặt. Dù sao Thơ Trần Dần cũng đã bán rất chạy ngay đến cậu con trai tôi 15 tuổi cũng tò mò.

Thơ ông đa nghĩa quá. Chỉ riêng một bài *Nhất Định Thắng* tôi nghĩ đã có thể vừa quy kết ông là một tên phản động cực kỳ nguy hiểm vừa có thể ca ngợi ông như một người yêu nước nồng

nàn. Không hiểu sao cho tới nay chưa thấy ai làm một bộ phim truyện dựa trên bài thơ ấy. *Ta ở phố Sinh Từ...* Một giai đoạn lịch sử buồn đau của đất nước hiện ra mồn một trong mỗi câu thơ của ông.

Khi Trần Dần viết bài thơ ấy đất nước đang bị phân đôi ở miền Bắc chiến tranh kết thúc. Nhưng cuộc sống của người dân thì không có hòa bình. Trần Dần viết: *Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc/Đất hôm nay tầm tã mưa phùn/Bống nhói ngang lưng/máu rỏ xuống bùn/Lưng tôi có tên nào chém trộm?* Không hiểu hình tượng “vết chém ngang lưng” ông viết ở đây là để nói về nỗi đau chia cắt tổ quốc hay chỉ đơn giản nói về cái không khí ngột ngạt ở miền Bắc cái không khí mà đến 30 năm sau Hữu Loan vẫn nhớ: “*Thành viên nào (trong cộng đồng) cũng chứa toàn âm mưu đen tối để chủ hại người bên cạnh*”.

Theo Hiệp định Geneve người dân có một thời gian dài để chọn cho mình miền Nam hay miền Bắc. Nhưng lúc ấy không có ai tự nguyện từ miền Nam chạy ra “*Miền Bắc thiên đường của các con tôi*”. Trong khi hàng triệu người dân đã gồng gánh vào Nam để lại mồ mả ông bà trên đất Bắc. Thoạt đầu có vẻ như Trần Dần trách móc thậm chí ông đã buộc tội “những bạn đi Nam” là *Thiếu quả tim bọ óc!* Nhưng rồi quan sát kỹ hơn ông buột hỏi: *Họ vẫn ra đi/ - Nhưng sao bước rã rời?/Sao họ khóc?/ Họ có gì thất vọng?*

Trong những ngày xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội ấy tình hình Thế giới được “quán triệt” thành hai “phe” Xô- Mỹ. Nhưng cái “phe” mà ông quan tâm cũng “căng thẳng” vô cùng: *Gặp em trong mưa/Em đi tìm việc/Mỗi ngày đi lại cúi đầu về/- Anh ạ!/ Họ vẫn bảo chờ...* Ông nghĩ: *Trăm cái bạn hàng ngày nhay nhất./Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt./Ta biết đâu bên Mỹ miếc tíit mù/Chúng còn đương bày kế hại đời ta?* Nhưng “cơm áo” không phải là những gì ngột ngạt nhất mà những người như ông đã từng nếm trải.

Theo tác giả của *Màu Tím Hoa Sim* nhà thơ Hữu Loan: *Trên thực tế khi ấy rất hiếm những bí thư chủ nhiệm thủ kho cửa hàng trường tốt phải nói hầu hết là ăn cắp thi nhau để ăn cắp nhưng vẫn học không được nói thực mà phải dựng lên toàn là những người lý tưởng. Các văn nghệ sỹ lúc ấy phải học tập những tài liệu hiện thực xã hội chủ nghĩa từ Liên Xô đưa về rồi tự Diên An (Trung Quốc) đưa sang. Nghĩa là văn nghệ chỉ được nói đến cái xã hội thiên đường vô cùng đẹp chưa có chưa biết bao giờ mới có chứ không được nói đến những cảnh trộm cướp áp bức bóc lột đang diễn ra trước mắt.* Theo ông Hữu Loan: *Khi một nhà báo hỏi: “Như vậy là Cách mạng đã cấm tự do ngôn luận?” Ông Trường Chinh sửng sốt: “Anh nói sao? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.”* Tố Hữu là một trong những nhà lãnh đạo hăng hái đưa “hiện thực XHCN” vào văn nghệ. Trong khi Trần Dần Lê Đạt Hoàng Cầm... phản đối đường lối này. Những người phản đối sau đó lần lượt dính vào một vụ án gọi là “Nhân Văn Giai Phẩm”.

Phong trào *Giai phẩm* và *Nhân Văn* bắt đầu khi hai nhà thơ Trần Dần Lê Đạt phê phán tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu là “dòng thơ lục bát không có gì mới nội dung vắn vè kỷ niệm không lấy gì làm sâu sắc”. Trần Dần là người phê nặng lời nhất. Tuy nhiều người tán thành với nhận xét này nhưng tập thơ vẫn giành được giải nhất đầu năm 1956. Về sau nhóm Nhân Văn còn viết nhiều bài được coi như là những “Thất Trảm Sớ” đặc biệt bài của Nguyễn Hữu Đang nói về thiết lập nhà nước Pháp quyền. Ngày nay nếu đọc lại những bài viết của nhóm Nhân Văn phải công nhận là nước ta đã từng có những nhà trí thức khả kính. Đất nước ra nông nổi hiện nay là bởi lịch sử đã không chọn họ. Trần Hữu Đang bị tù 17 năm; Phùng Cung tác giả truyện ngắn “Con ngựa già của chúa Trịnh”: 7 năm tù giam; Vũ Duy Lâm (Bộ Nông lâm bị nghi là cho Nguyễn Hữu

Đang một áo len khi đang đi tù): bị giam 7 năm mới tha; Giám đốc Nhà xuất bản Minh Đức: 17 năm... Khi Hoàng Cầm cho in *Nhất Định Thắng* Trần Dần bị mất chức và sau đó bị bắt giam. Nếu Trần Dần không dùng lưới lam rạch cổ có lẽ thời gian “ở trong lao” của ông không chỉ là 3 tháng. Trong tình cảnh ấy mấy câu thơ: *Những ngày ấy bao nhiêu thương xót/Tôi bước đi/không thấy phố/không thấy nhà/Chỉ thấy mưa sa/ trên màu cờ đỏ...* không hẳn là không mang ít nhiều ẩn dụ chính trị.

Cho dù phải sau khi Tố Hữu chết các ông Hữu Loan Trần Dần Lê Đạt... mới được “chiêu tuyết” vụ “Nhân Văn” không đơn giản chỉ là những vấn đề giữa các cá nhân với nhau. Một nhà nghiên cứu viết ở thời điểm ấy thay đổi là một quy luật. Người biết và sử dụng được quy luật thì thăng quyền tiến chức như Tố Hữu Nguyễn Đình Thi; người biết nhưng chỉ né tránh thì tồn tại như Nguyễn Tuân Tô Hoài Nguyễn Huy Tưởng; hay xa lánh như Nguyễn Hồng. Người không biết thì đành phải sa hầm sẩy hố... Kể ra thì các bác ấy sống quá tử tế làm thơ quá thơ tính đa nghĩa trong thơ của các bác ấy thật dễ để mà suy diễn. Nếu 50 năm trước các bác ấy cứ theo Tố Hữu viết huých toẹt: *Má thét lớn tụi bay đồ chó/Cướp nước tao cắt cổ dân tao...*; hay thật xạo: *Yêu biết mấy nghe con tập nói/ Tiếng đầu lòng con gọi Stalin...* rồi trơ trẽn khi nghe tin Stalin chết: *Thương cha thương mẹ thương chồng/Thương mình thương một thương Ông thương mười* thì cuộc đời các bác ấy chắc chắn đã không phải thế.

Viết như thế không chỉ giúp Tố Hữu leo dần tới BCT đã từng có lúc ông nhà thơ khẩu hiệu này lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế cho đất nước. Chúng ta không chỉ là nạn nhân của ông ở góc độ “giá lương tiền”. Suốt gần 30 năm sách vở ngập tràn thơ Tố Hữu. Bài thi nào cũng Tố Hữu. Giải bình thơ hay nào cũng Tố Hữu. Biết bao thế hệ đã tưởng đấy là thơ. Dân trí đã từng bị đặt trong cái “thên thang 8 thước” đó. Nay thì Tố Hữu đã chết. Mới đây gia đình ông đã bán nốt căn biệt thự ở phố Hồ Xuân Hương với giá tính bằng đô la cũng hơn 7 triệu.

Trong khi những người như Tố Hữu được ban những bổng lộc như vậy những người như Trần Dần Hữu Loan lại bị đọa đày. Bà Phạm Thị Nhu vợ ông Hữu Loan kể: “Chúng tôi nuôi 10 đứa con thật vô cùng vất vả. Ông nhà tôi đi thò đá tôi làm 2 sào ruộng lại xay bột làm bánh bán ở chợ. Hôm nào bán ế là gánh về một gánh nặng cả nhà ăn trừ bữa. Tôi cứ xào một xoong to toàn các thức rau các con đi học về là nhào vào múc ăn thay cơm. Ba đứa trai lớn thì hàng ngày phải dậy từ 3 giờ sáng kéo 3 chuyến xe cải tiến chở đá từ trên núi xuống hồ cách 2 cây số bán cho các thuyền rồi mới ăn vội bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học.” Các con của Hữu Loan gần như không có ai vào được đại học vì lý lịch của một kẻ “Nhân Văn”. Một người con thi đủ điểm đi học nước ngoài cũng không được đi học. Ông đã bị biết bao người thân trách cứ. Nhưng khi quyết định rời bỏ Hà Nội về quê Hữu Loan đã nói với vợ: “Thôi thì bà với các con chịu khổ để cho tôi được sống lương thiện. Tôi mà chịu khó hót thì nhà lầu xe hơi sung sướng đấy nhưng tôi không làm được”. Ông giải thích: “Làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi viết vừa lòng dân thì đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cày”.

Đôi khi nghĩ những người như Hữu Loan Trần Dần đại thật. Nhưng *Những ngày ấy bao nhiêu thương xót* làm sao có thể bắt những người như các ông có thể quay lưng lại.

Phụ đính II :

Nhà ta ở phố Sinh Từ...

Xưa...nghe thật xa vắng với tác giả *Tang thương ngẫu lục* Phạm Đình Hồ (1826) qua *Vũ trung tùy bút*, trong đêm mưa giữa kinh kỳ gió táp mưa sa, tác giả phóng bút: “*Nhà ta ở phường Hà Khẩu...*”. Hà Khẩu đây là phố Hàng Buồm, nhích thêm dăm bước nữa là tới chùa cầu Đông có tích Tú Uyên gặp Giáng Kiều qua bức họa đầy kỳ tích. Đã bao nhiêu mùa gió thổi, cho đến một đêm mưa, mặc kệ cho gió mưa choàng lên phố thị, Phạm Đình Hồ để chữ nghĩa trào ra ngọn bút lông tùy hứng dẫn đi, nét ngang, nét sổ, nét móc thấp thoáng hồn người bên phố đông người qua. Hồn người đã đem những viên gạch lá nem lát lên nền phố cổ. Lá vàng rơi trên giấy: Phố đã đi vào văn học...

Thế nhưng không xa mấy, đúng một trăm năm sau...Như với túc duyên để hai người gặp nhau ở ngã tư xưa. Chuyện là có một người thơ (1926) đã bước lên những viên đá xanh trên một con phố Hà Nội. Bằng vào câu thơ mở đầu “*Nhà ta ở phố Sinh Từ...*” và tiếp đến là *Những cột đèn và Những ngã tư có phố mờ chờ tha thiết tự ngày xưa* cùng những dấu chân đầy tang thương ngẫu lục...Người đời coi thơ ông là lập dị. Nhưng trên phố phường mà chỉ riêng cái ba toong của cụ Nguyễn Tuân chống trên vỉa hè Hà Nội đã được coi như một biểu tượng. Thì thơ ông vượt qua mọi khoảng cách. Thơ ông tinh mịch, nhưng ngập gió lộng như tranh Phố Phái:

*Gió ơi đừng vội tủi
Khuya rồi! Hãy tới khóc ở hom sông
Có lẽ thu rồi em nhỉ
Em chớ khóc nhiều vàng óng ngã tư xưa*

Cùng những cột đèn chờ vợ:
*Có lẽ xa kia là phố tôi sinh
Có sương sớm đọng trên đèn muện*

“Người góp nhặt bên phố đông người qua” trong tạp bút này lượm lặt được một vài con chữ trong cái lò luyện chữ của ông. Những chữ ngập ngựa, cách ông ứng xử với ca dao chẳng hạn là cách là của một người biết yêu sao cho cả phía được yêu lẫn phía mình đều lớn bổng lên, không phải cách *yêu ai thì người đó nhỏ lại* như ông đã từng. Con chữ nào qua tay ông là mang cuộc đời mới với những bông bột tha thiết:

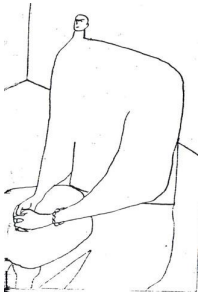
*Ở đâu? Ở đâu có ngọn đèn xanh
Rèm che nhòe cửa sổ...?
Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ nhiều cây
Đừng sa sút lá
Để ta khuyên gió...gió đừng rung cây...*

Những dòng khinh bạc quay quắt:
*Tôi ơi! Tôi ơi!...
Tôi vẫn rong chơi bên mấy cột đèn mù...
Tôi càng đứng bơ vơ đầu cổng tỉnh...*

Cũng căn nhà ấy, con phố ấy ông đã ngã bệnh nhiều năm trước khi qua đời, có lẽ cùng những linh cảm đó nhưng không còn đủ thời gian để nhìn thấy những hình dạng mới của chữ nghĩa. Chữ nghĩa bấy giờ có vẻ như chưa cần đầy đọa đã tự ngắc ngoải tự hủy, chưa sinh ra

đã kể huyết. Thì chôn ai? Nhưng ấy là chuyện sau. Bây giờ, ông lại trở về với gió và những ngõ ngách:

*Gió thổi kèn ma mưa thui lòng ngõ hẹp
Ồ...ồ ...Đêm đi như một cỗ quan tài*

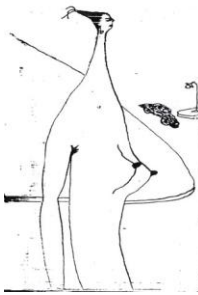


Từ phố Sinh Từ nhích thêm mười bước là chùa cầu Đông để có bức tranh Giáng Kiều gặp Tú Uyên. Và người sau biết thêm rằng trước khi là người thơ, ông là họa sĩ. Vẽ trước tiên là cảm hứng, là cách giải tỏa bản thân và thể hiện cái tôi qua nét vẽ. Vẽ như một cứu cánh, một hình thức giao lưu mới khi người viết cảm thấy cô đơn, bất lực trước những trang giấy. Như ông đã thổ lộ: “Tôi có cố gắng gì đâu. Tôi làm chưa bằng người làm vườn, người trồng rau”. Như ông dí dỏm “Tôi còn sáng tác thêm vài chữ nữa để miêu tả chân tướng mình, như tự vẽ chân dung, để cho nó hết lòng một thể...”. Con đường giấy, bút cũng như cọ, màu của ông đã có mặt, ẩn khuất qua những mốc thời gian. Và được những người đi sau dần trải trong một cõi đi về như thế này đây:

1946, Nguyễn Tuân với *Chùa Đàn*, cùng lúc ông lập nhóm tượng trưng *Dạ đài* với Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương và thơ của ông bị chê là khó hiểu.

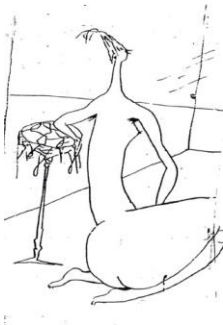
1948, Picasso có mặt trong Đại hội văn hóa tại Breslau.

1950, ông bắt đầu vẽ tranh theo trường phái lập thể và phác họa. Ông giải bày: “Trong phác họa cần cả hình dung lẫn hình thức Không tạo được hình thức sẽ làm hỏng nội dung. Hình thức càng tốt, càng giảm số chữ phải ghi trong tranh. Phác họa cần nhất là dễ nhìn, dễ phân biệt, tập trung làm bật ý chính, tạo cho người thưởng ngoạn chú ý ngay về sự khập khểnh của hình thức rồi mới dẫn giải đến cái “*phi lý*”, cái lố bịch của nội dung”.



Ông vẽ tranh, làm thơ, viết truyện đều có những dấu ấn riêng. Rồi người tình phố thị của riêng ông được phác họa lên giấy croquis với những...cái lố bịch của nội dung. Vẽ cũng như thơ, ông không trói nghĩa vào chữ, không bôi chữ vào chỗ trống của vô nghĩa. Những chữ rất hàn lâm uyên bác mà rất cực nôm. Cái sượng nôm hiện đại của “*một bát sẹo, một lẹo vú, một bú đít, một lít nách*” qua những nét vẽ hoàn toàn không truyền thống, khác hẳn với những họa sĩ bạn ông như Văn Cao, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái.

1954, ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ với Đỗ Nhuận, Tô Ngọc Vân. Cái chết của họa sĩ Tô Ngọc Vân tác động mạnh mẽ đến ông. Ông viết một hơi tiểu thuyết *Người người lớp lớp*.



Chuyện là một bữa tìm đến một nhà báo Văn Long, người cùng trạc tuổi với người góp nhặt bên phố đông người qua. Gần ông lắm, chỉ cần đi bộ vài trăm mét tới một con phố...:

“...Khi tôi mới lớn, tôi nghe đâu đó từ 1961, ông kiếm sống bằng nghề tô màu ảnh và cũng dùng chất liệu này để tiếp tục vẽ tranh. Sau khi ông qua đời, Mai Gallery (Hà Nội) đã tưởng niệm nhà thơ bằng một triển lãm thân hữu, giới thiệu một khía cạnh còn ít được biết đến: 40 tranh khổ nhỏ chọn lọc của ông, một hình thức biểu đạt khác của thơ, tiếp cận lập thể, siêu thực và trừu tượng làm giới xem tranh thật sự ngạc nhiên, khi biết những tranh ông vẽ vào những năm 60 là thời điểm mà những thông tin nghệ thuật thế giới đến Việt Nam còn rất hạn chế...Thế nên tôi có ý nghĩ người

viết, làm thơ bỗng một hôm chuyển sang vẽ, còn người đang vẽ bỗng một lúc nào đấy lại làm thơ, viết văn. Dường như không lẫn ranh giữa chữ nghĩa và hội họa. Xem những sáng tác của ông thấy vẫn con người ấy, chỉ có cách thể hiện là khác đi. Đó là những nỗi buồn, những khát

vọng, một giấc mơ hay một ký ức nào đó. Ký ức như một cái bóng. Cái bóng chỉ thoáng hiện thôi nhưng đa dạng và sắc nét...

Đầu giai đoạn đổi mới văn học, tôi được chuyển sang làm biên tập thơ cho “Hội nhà văn”. Công việc cử tôi đi lấy bài của các tác giả lâu năm bị “treo bút” trong nhóm “Giai phẩm” như Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Sỹ Ngọc, Tử Phác, Phùng Quán, Nguyễn Sáng, Tô Vũ. Một công đổi việc tôi có những khúc mắc với chuyện những người bị tù tội với những con số định mệnh định sẵn như Nguyễn Hữu Đang 17 năm tù, sau 7 năm thì được tha. Trần Thiếu Bảo giám đốc nhà xuất bản Minh Đức 17 năm. Phùng Cung 7 năm. Lại nữa là Vũ Duy Liên, một người chẳng dính dáng đến nhóm “Giai phẩm”, chỉ vì bị nghi là đưa Nguyễn Hữu Đang cái áo len khi đang đi tù. Thì cũng bị...7 năm tù. Rồi đến nhóm “Nhân văn Giai phẩm” bị đánh, trừ 5 người không “đánh” vì nghĩ cũng là anh em mình cả gồm có: Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Hồng, Kim Lân.

Hà Nội lúc ấy thật nhỏ! Gặp ông tôi chỉ cần đi bộ vài trăm mét tới một con phố hẹp Nguyễn Khuyến còn được gọi là ngõ Sinh Từ có chùa Bà Ngõ. Ông ngồi trong một góc nhà thiếu ánh sáng, chỉ vài mét là đường phố, mà ngõ như ông đã tạo một thế giới riêng cho ông, thế giới của trầm tư, trầm cảm...Ấn tượng đầu tiên với tôi là có cái gì hài hòa giữa tâm trạng, tính khí ông, thơ ông với góc nhà cuối phố ấy! Ông ngồi đó hầu như bất động từ bao năm với gương mặt râu ria, không cời mở, thậm chí không nhếch một nét cười khi biết mục đích tôi đến tìm ông. Sau tôi mới biết, ở bên trong sự trơ lì đó là những dòng nham thạch sục sôi của sáng tạo. Như chuyến đi Huế với Phùng Quán mà tôi đã ghi lại: “Đến khách sạn để gặp ông, ông vẫn ngồi một mình trên giường, tôi hỏi sao ông không đi chơi đâu đó với anh Quán. Ông nói: “Phùng Quán ngồi không yên, chỉ thích đi. Mình ngồi 30 năm quen rồi. Ngồi mà vẫn đi, vẫn ngao du. Mình có cuốn sổ “bụi”, sổ “ngao du”. Mình đi chơi lang thang trong cuốn sổ này. Đây là sổ để ghi tất cả những gì mới nghĩ ra. Có khi ngoài cả ý thức. Đó là cách đi của mình”.

Có lẽ từ dáng ngồi này, mà xuất hiện huyền thoại: Khi ông mất đi, trên bức tường góc nhà như vẫn còn bóng ông ngồi đó! Để Trịnh Thanh Sơn có được câu thơ xuất thần *“Bao năm tháng thân chìm vào bóng – Thân về trời bóng vẫn ngồi im”*.

Thơ ông cực đoan là cá tính sáng tạo. Nhiều bài diễn đạt hơi rối, khúc mắc và khó hiểu. Đó là theo cách nhìn hồi ấy của tôi: Thơ cần có ý tưởng và cách diễn đạt có thể đa nghĩa mà vẫn trong sáng. Ông đương nhiên là khó hiểu. Nhưng ông nói về sự khó hiểu một cách giản dị: “Tất cả mọi cái đẹp đều khó hiểu. Vì cái đẹp đẹp giết chết cái đẹp”. Một câu sáng rõ như vậy quả là tối tăm mù mờ với những ai chưa bào giờ nghĩ ngợi về cái...đẹp. Còn “hơi rối” thì với ông: “Làm thơ là làm con chữ. Con chữ nó đẻ ra nghĩa, sẽ được nhiều nghĩa. Cái biết rồi là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Làm câu châm ngôn hay như Khổng Tử là chưa phải là thơ, nghịch lý như Lão Tử chưa phải là thơ. Nhảy qua bóng mình mới là thơ. Mình chưa hiểu thơ vì khó mà nhảy qua bóng mình. Nếu làm thơ mà làm nghĩa, rồi mới mượn chữ để diễn đạt nghĩa thì nghĩa sẽ hẹp. Cái chưa biết mới là cái thăm thẳm, cái chưa biết mới là cái mới. Nguyễn Du vừa làm chữ vừa làm nghĩa. Như câu *“Trăm năm trong cõi người ta - Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét”* nhau là làm nghĩa. Còn câu *“Mai sau dù có bao giờ...”* là làm chữ hư tự mà đa nghĩa, đa cảm!...

Là người hoài cổ, mỗi lần đi qua phố Hàng Bạc mà cả mấy trăm năm trước có căn nhà tường đỏ hát ả đào ở một ngõ tư nào đó nên được gọi là nhà đỏ. Từ căn nhà đỏ này đã đi vào truyện Kiều qua lâu xanh của Nguyễn Du khi đến Thăng Long. Là tôi lại lay lắt đến câu thơ của ông *“Có lẽ thu rồi em nhỉ - Em chớ khóc nhiều vàng ở ngã tư xưa”*.



Trong tù ông dùng dao cạo tự tử để họa sĩ Nguyễn Sáng có bức *Chân dung* của ông có vết sẹo trên cổ in trên *Nhân văn số 1*. Nào có khác gì Van Gogh

cãi nhau với Paul Gauguin. Trong cơn điên Van Gogh dùng con dao sắc...không cửa cổ. Mà cắt đứt một vành tai. Chỉ hai tuần sau Van Gogh có họa phẩm *Chân dung tự họa với ống điếu và tai bị băng bó* (Self-Portrait with Pipe and Bandaged Ear).

Chẳng phải đợi hai tuần, lấy cái mốc thời gian năm 1956. Mãi đến một phần tư thế kỷ sau, một người cùng tuổi với người góp nhặt bên phố đông người qua có bút hiệu Nam Dao từ ngoài nước về Hà Nội năm 1981. Bằng vào đường nét trường phái đa đa hay siêu thực hậu hiện đại diễn tả hai con mắt mê dại trên khuôn mặt tượng đá của ông. Bức tranh "chữ" này cũng khó hiểu như bức *La Joconde* mà Léonard de Vinci vẽ bà Giocondo mỉm cười đầy...khó hiểu khi mang thai như dưới đây:

"...Tôi gặp anh khoảng 81. Buổi trưa hôm ấy, nắng hanh và trời lên cao đến không còn đó. Khò khè ho khan, anh mở mắt ra rồi lại nhắm lại. Lúc ấy anh mới mở mắt nhìn tôi tròn trọc. Cặp mắt anh sáng, sáng lạ lùng. Và long lanh rùng rục đăm mê, ánh đỏ lè, như mắt cọp. Từ đấy, nghĩ đến anh, tôi cứ liên tưởng đến một con cọp. Anh mỉm cười, cái cười méo mó vui buồn, lại nhắm mắt lại. Con cọp nhắm mắt nhưng không ngủ, chòm râu bạc thỉnh thoảng lại nhếch lên như từ phần xạ. Khuôn mặt anh tạc đá, thứ nham thạch lạnh mặt trên, bốc lửa phía dưới. Gò má u lên nhô thành một khối hoạn nạn, liệu dưới sâu còn một hỏa sơn nào âm ỉ chực phun ra chất bỏng cuộc đời? Một con cọp ngủ ngày, thỉnh linh thức dậy, quắc mắt. Câu thơ của anh bỗng ủa về. "Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc - Đất hôm nay tầm tã mưa phùn - Bỗng nhói ngang lưng máu nhỏ xuống bùn - Lưng tôi có tên nào chém trộm?" . A, cái lưỡi dao cùn. Không đứt được mà đau!

Lưỡi dao cùn để vết thương những máu nhiều giọt rơi tí tách đánh nhịp theo thời gian. Anh thở ra: "Tí tách như cái đồng hồ". Tôi nghe, im lặng. Những buổi đến với anh, thật khác khi có "rượu", anh chỉ nhấp. Không ham vui, ăn ít nói ít, mắt trũng trũng, anh thỉnh thoảng câu đợc câu cái, đôi khi đúng một chữ. Tôi kể, đêm qua tôi chiêm bao. Nhìn đồng hồ, chiếc kim dạ quang quay ngược chiều đầy mọi sự về phía đằng sau. Hoảng hốt, tôi chồm dậy, nhìn lên tường. Chiếc đồng hồ treo cũng vậy. Nó cam, không cứ tích ta tích tấc, nhưng kim quay ngược, mỗi lúc mỗi nhanh. Tôi tung cửa lao ra đường. Hà Nội giữa trưa không một bóng người. Ven theo hồ, tôi cầm cổ chạy về phía Bưu Điện. Nhìn lên cái đồng hồ ngất ngưỡng, hai cái kim đồng hồ... Cứ thế này, tôi thảm nhủ, chắc trở lại thời nhà Tiền Lê trong một khắc. Đúng thế thật, mặt đất chao nghiêng, tiếng người ời ời thứ thổ ngữ tôi không thật hiểu. Thêm dăm phút, tôi chắc mẫm, chắc là đến thời Hồng Bàng mất. Nhưng hai chiếc kim bỗng tuột ra, bay lên, mỗi lúc một cao, tí tấp cuối trời. Mặt đồng hồ trơ ra. Máy giờ rồi? Tích tấc, tích tấc. Nó vẫn sống. Nhưng chiều quay đầy thời gian về đằng sau hay kéo ta lên phía trước? Tôi réo lên hỏi. Tiếng tôi kêu lạc lõng. Mặt hồ Hoàn Kiếm lặn tẩn bọt. Tôi chắc là Rùa thần sắp lên. Tôi đợi. Thình lình một bọn người áo vàng ập đến túm lấy lưng, hò nhau, nó đây, bắt được nó rồi. Tôi vùng vẫy. Tại sao? Tôi làm gì mà bắt. Tôi sợ. Tôi hét cho đến khi tỉnh dậy.

Anh nghe, nhếch mép, đợc, viết nó ra. Tôi không đáp. Kim quay ngược, lúc này là đến kỷ Hồng Bàng rồi. Anh thì thào, thời "vỡ kỷ", mảnh vắng tứ phía. Anh nhắm mắt. Cọp ngủ ngày, chiêm bao cái chiêm bao của cọp. Tôi khế khàng đứng lên. Anh mở mắt. Thì ra cọp giả ngủ, đang rình. Rình một tứ thơ chẳng?

Về Sài Gòn hè năm 88, chúng tôi gặp lại nhau giữa một buổi trưa nắng gắt. Anh đợi, ngồi rià một cái quán bên đường. Vẫn cái tư thế cọp ngồi chống mắt nhìn đời, chấp chùng xe qua xe lại nhả khói khét mùi xăng nhớt. Gặp anh buồn, im lặng. Con cọp ngày khật khừ, nhướng lên, ánh mắt không rùng rục như cọp nhớ rừng. Với thời gian, anh thành cọp nhà. Cọp nheo mắt chóa nắng lưng lững chống gậy đứng lên đi dọc theo hè đường phố. Lần ấy là lần đầu anh vào miền Nam. A, cái lưỡi dao cùn. Nó chẳng phải chỉ cửa cổ người . Nó chém ngang lưng đất nước. Không đứt được thật, miền Nam vẫn đó. Nhưng mà đau, nỗi đau còn đó, nay vết sẹo mới tấy da non.

Hai bữa sau, tôi lại lên đường. Nhưng sao chưa đi mà đã nhớ! Lại tự nhủ, lần cuối, nhưng miệng cứ hẹn sẽ gặp lại, còn gặp lại, dẫu trời mang mang, đất mang mang, vì đại dương bây giờ, lời Nguyễn Tuân, chỉ còn là cái ao ếch một đêm mưa. Tôi ghé lên căn gác nơi anh nghỉ trưa nhà một nhà báo hưu non. Anh nằm, mắt nhắm nghiền. Nhìn anh, tôi thì thào với ông nhà báo: "Thôi để anh ấy ngủ!". Dẫu tôi biết anh chỉ nhắm mắt. Anh thừa biết tôi đến chào anh. Nhưng cả anh lẫn tôi, chúng ta nào có ai biết đây là lần cuối. Tám năm sau, tôi gặp Trịnh Cung. Câu đầu Cung nói là "Anh mới mất, mình vừa nhận được tin!". Dẫu có ai làm thế nào cứu vãn được cái mất mát chính, là anh. Vâng, mất mát đó vô cùng lớn cho tất cả những kẻ lòng còn gắn bó với chữ nghĩa...

Cách đây bốn năm, tôi lại về Hà Nội. Tôi đến thấp hương cho anh, Văn Cao. Như những năm xưa, tôi đến thấp hương cho Nguyễn Tuân, Bùi Xuân Phái. Tôi có cảm giác họ vẫn đâu đây, lẫn quẩn trong tâm tư những kẻ nòi tình gắn bó vào chữ, vào nghĩa, và vào cả cái định mệnh khôn khổ. Đâu đó, tôi nghe tiếng Nguyễn Tuân rủ rỉ, nước mắt tràn trề trên những sợi râu bạc, kêu khẽ: "Sợ! Tôi tồn tại được là vì tôi biết sợ!". Và tôi mơ thấy anh ngồi bên hè phố. Cạnh anh, một rổ đá, cục nào cục nấy to bằng nắm tay. Ai đi qua, anh cũng chìa cho một cục, miệng bảo "Không từng sợ, không từng hèn thì cứ ném đá cho tôi chết thêm một lần!". Mà làm gì có kẻ chết được hai lần!

Người góp nhặt bên phố đông người qua một ngày trở về Hà Nội, đi qua phố Hàng Buồm, Hàng Bạc theng thang một cõi *Hà Nội mùa thu cây cơm nguội vàng...cây bàng lá đỏ...nằm kề bên nhau...phố xưa nhà cổ...mái ngói thâm nâu...* Thằng như có tạt qua con phố Sinh Từ có chùa Bà Ngô cũng không biết có một chuyện tình thời *Nhân văn Giai phẩm* đã trở thành huyền thoại. Ngay cả nếu như rảo bước ghé phố Vũ Lợi, góc ngõ Phan Huy Chú cũng chẳng hay có một căn nhà, nơi đây có một người vừa đi vào cõi tĩnh mịch. Với người góp nhặt bên phố đông người qua thì đến họ tên người nằm xuống cũng mờ nhạt ảo.

Phải đợi mười năm sau khi đọc Nam Dao ở trên, thêm nhà thơ trẻ Nguyễn Quang Lập viết về thơ ông trong một ngày sô bụi mới biết ông là nhà thơ của những con chữ. Hồi bé chẳng biết gì về người thơ, chỉ nghe anh Thắng con của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, nhắc đi nhắc lại câu thơ phản động: *Chúng tôi đi không thấy phố thấy nhà/ chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*. Nghĩ mãi không hiểu vì sao lại phản động. Hỏi anh Thắng, anh nói ngu, mà không thấy câu mưa sa trên màu cờ đỏ là phản động à? Vẫn không hiểu, không thấy. Ai bảo treo cờ giữa trời, có nắng chiếu thì có mưa sa chứ, không lẽ khi nào nắng chiếu thì cách mạng, còn mưa sa thì phản động à? Giả sử mưa sa xuống cờ là phản động thì mưa phản động chứ bác ấy phản động à? Anh Thắng nói mà ngu lắm em ơi, nói trong nhà thì được, ra ngoài đường nói người ta bắt đấy.

Không ngờ ba chục năm sau lại gặp bác, gặp nhiều lần, lần nào cũng anh Phùng Quán đưa đến. Thấy bác ngồi dựa tường, mắt nhìn như thôi miên tường bên kia. Mình chào: Bác...Bác ừ rồi cúi xuống gắp bàn, lấy cái chén cẩu bản, chai rượu trắng đã vơi quá nửa đặt lên bàn, rót ra đầy chén: Uống đi. Gọi anh là được rồi. Lần sau đến lại thấy..."anh" ngồi dựa tường, mắt nhìn như thôi miên tường bên kia. Mình chào: Anh...Anh ừ rồi cúi xuống gắp bàn, lấy cái chén cẩu bản, chai rượu trắng đã vơi quá nửa đặt lên bàn, rót ra đầy chén: Uống đi. Lần thứ 6, thứ 7 vẫn thấy anh ngồi dựa tường, mắt nhìn như thôi miên tường bên kia. Mình chào: Anh. Anh ừ rồi cúi xuống gắp bàn, lấy cái chén cẩu bản, chai rượu trắng đã vơi quá nửa, rót ra đầy chén: Uống đi. Nếu đến lần thứ 100 chắc vẫn y xì như vậy. Anh Phùng Quán nói 3 chục năm thế rồi, giật mình nhìn lên bức tường in bóng anh, quanh tường ủa vàng, riêng có hình anh ngồi dựa tường trắng nhơn.

Anh Quán chỉ mình nói: Thằng này viết văn đấy anh. Anh hơi gật, nói: Văn chương bây giờ thêm được một cái dấu phẩy cho thiên hạ là tốt rồi. Chẳng biết mình có thêm được dấu phẩy không, nhưng nghe anh nói mà sợ. Anh viết văn nắn nót, nét sổ thì đậm, nét đá thì mảnh, trăm chữ như một. Một ngày rỗng rã, cật lực mới viết được một trang. May không hỏng chữ nào, chỉ cần hỏng 1 chữ, anh chép lại cả trang, lại một ngày trời rỗng rã, cật lực. Mình nói anh viết thế này thì đến bao giờ mới xong một cái truyện? Anh thủng thủng nói: Viết văn chứ có phải đi ăn cướp đâu.

Một lần đến chơi, anh khoe: Tối qua thức trắng đêm mới sửa xong bài thơ. Viết lâu rồi, bây giờ mới sửa xong. Mình cầm bài thơ đọc, há hốc mồm: *Cái đầu đề bài thơ còn dài gấp đôi bài thơ:*

Vợ chồng

Xong.

(Tức đầu đề là : *Vợ chồng*. Toàn bài thơ là: *Xong*).

Ấy vậy mà vẫn chưa...xong. Thôi thì hãy quay quả với bạn ông là Hoàng Cầm vẽ chân dung con người ông qua chữ nghĩa với những lặn độn, những lao đao, những trắc ẩn trong số phận, như những lời thơ ông viết qua một con phố nhỏ:

Tôi ở phố Sinh Từ

Hai người

Một gian nhà chật

Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui?

Với cái cột mốc thời gian năm 1956, vô hình chung Hoàng Cầm...vẽ ông ra chữ. Và người góp nhặt bên phố đông người qua nhìn bức tranh truyền thần ông ra trường phái “Đã thú” của Matisse lúc nào cũng chẳng hay. Mà...đã thú thật cũng nên:

“...Anh có dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con. Tôi biết anh năm 1947, nổi tiếng là có một anh nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ thì rất thích nhưng một số cán bộ chính trị ở đơn vị lấy làm bực mình.

Hồi ấy anh yêu một nữ văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng của đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, gặp cô, anh “tấn công” luôn, rất thô kệch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp. Rồi anh thất vọng và cũng khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!”. Sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện “Người người lớp lớp”.

Đọc lần đầu tiên, tôi không thích. Tôi cho anh là lập dị. Đọc lần thứ hai, thứ ba, tôi vẫn không thấy thích, nhưng dần dần tìm ra được nhiều cái mới lạ, khác với nếp cũ thông thường. Tuy nhiên, tôi vẫn không thấy thích cái lối thơ ấy. Dần dà đọc nhiều bài thơ anh làm về sau, tôi càng thấy “cái anh chàng này khác thường”. Khác thường theo ý tôi chưa chắc là đã hay. Tôi thấy thơ anh có phần đau xót, u ám, nhiều khi rất buồn, vừa cộc cằn lại vừa có cái tự hào sôi nổi, nhiệt tình thẳng thắn, táo bạo.

Nhưng thơ anh vẫn không lọt vào tâm hồn tôi, một người làm thơ theo một dòng khác. Dù sao tôi vẫn trân trọng những cái tìm tòi của anh trong thơ. Tôi cũng nghĩ như anh thường nói: Mỗi người làm một kiểu. Đừng bắt thơ ai phải giống ai. Đó là động lực thúc đẩy anh, và anh em văn nghệ dự thảo ra bản đề nghị chính sách

văn nghệ tại Hà Nội. Trong thời gian bản dự thảo còn bàn đi bàn lại, thì bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của anh. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Anh gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc mới yêu người ta dễ say. Anh lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Cái tật xấu nhất của anh là bừa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bừa bãi. Mới quen lần đầu đã nghiêm nhiên xách ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi sấn sổ đòi tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ vì sợ đôi mắt xécher đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác: Chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền và đề nghị cấp trên cho anh được cưới nhưng bị từ chối.

Anh đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất ngăn, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, mỗi tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Anh không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Anh và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phố Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, anh lại về đơn vị để rồi lại được nghe những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về: **“Em đi trong mưa... cúi đầu... nghiêng vai”**.

Cùng thời gian ấy, anh nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo và mắc một sai lầm là thần thánh hoá lãnh tụ. Và cuộc phê bình “Vượt Côn Đảo” cũng sôi nổi không kém “Việt Bắc”. Anh chỉ trích “Vượt Côn Đảo” của Phùng Quán giọng châm biếm cực cần, lý do là nhà văn trẻ này không sáng tạo mà chỉ nghe những người từ Côn Đảo về kể lại và viết thành truyện khiến nhiều người phản đối. Những người chung quanh thích cách biểu lộ này của anh thì ít, mà sợ thì nhiều. Không ít người suốt đời hậm hực về lời bình thường cộc lốc nghiệt ngã của anh. Riêng Nguyễn Khải đã tả về hai con mắt của anh là “hiếp đáp thiên hạ”. Nhưng ít ai biết anh có lúc oang oang ăn to nói lớn, có lúc nóng nảy văng tục, có lúc làm lì ngòi một xó, khi ngâm thơ giọng buồn thảm thía, khi vò đầu bứt tóc, lúc ứa nước mắt, ôm mặt nằm cò queo một mình, có lúc nấc lên, đầu bù tóc rối.

Bài thơ “Nhất định thắng” anh gửi Lê Đạt giữ từ lâu, anh cũng gần như quên đi. Đã gần đến Tết, một số anh em đang say sưa sáng tác. Tôi chạy đi chạy lại gom góp sáng tác của dăm ba người bạn và nghĩ rằng phải xuất bản một tập văn thơ mùa Xuân để đóng góp với mùa xuân mới. Đang lúc anh đi công tác xa, tôi bèn tìm lại bài thơ cho đăng vào “Giai phẩm mùa Xuân” mà tôi là người soạn bài. Cứ để bông hoa đó nở thì đã hại gì ai mà có thể có lợi. Nhưng hoa chưa kịp nở đã bị dập vùi. “Giai phẩm mùa Xuân” và bài thơ “Nhất định thắng” bị kết tội. Người ta cho rằng bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ Việt Bắc) đã tìm cách trả thù.

Anh và Tử Phác đều bị giam ba tháng tại nhà tù Hỏa Lò, trong tù anh đã dùng dao cứa cổ tự tử. Khi chị K. ốm nghén, bơ vơ trong một căn nhà, chồng gậy sang hàng xóm xin từng ngụm nước, là lúc người yêu của chị đi ba tháng không về...”

Gần đây thêm dăm bài báo viết về cuốn nhật ký của ông với tựa đề *Ghi 1954-1960* do bà Phạm Thị Hoài biên tập, Hoàng Khởi Phong đã cay cú với bà chẳng nên làm cái chuyện rui

bu ấy, trong cái lúc đất trời còn đang nhá nhem. Nhưng bà đã nói rõ trong sách: "Với chúng ta, đó là những văn liệu và tư liệu vô giá về một giai đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn xếp sổ, nếu quả còn có sổ". Qua một bài viết của ai đó, bà trả lời "Nói như thế là bạc, là rữ trắng mọi khổ đau đen ngòm của kẻ khác".

Sau hơn 30 năm, một trong hơn 30 tác phẩm của ông được ra mắt người đọc, tập thơ-tiểu thuyết *Công tinh* nhận giải thưởng hội nhà văn. Sự công nhận muộn màng này dừng lại ở một quá khứ oan khiên với một nhà thơ lớn khi ấy gần đất xa trời. Hoàng Dung biện giải cho ông với những cảm quan mền mội, mặc dù đây đó đang có những hiểu nhầm đầy cảm tính với ông. Đại thể như bà Phạm Thị Hoài: "Tôi không cho rằng ông bị hiểu nhầm, mà ông bị không hiểu. Không hiểu chứ không phải hiểu nhầm. Hiểu nhầm, còn chữa lại được, không hiểu thì còn khó hơn nhiều".

Khi không lay lắt với gió nồm gió hanh cùng hai người bạn đồng môn đồng tuế trên. Người góp nhặt bên phố đông người qua với *Công tinh* chỉ dựa quan hoài cùng những câu thơ gió thổi muông chiều qua Phố Phái " *Cô đơn lòng ngỡ rộng trắng chênh*" hoặc giả như "Sao đã cho tôi những phố xào xạc?" hay "Sao đã ghi tôi vào mếp sổ buồn rầu?". Với mếp sổ buồn rầu *Ghi 1954-1960* sự nghiệp của ông không chấm dứt năm 1958, mà là mở đầu từ đó trong khoảng 15 năm, cùng thời gian sủ bụi với nàng Kiều của Nguyễn Du. Năm 70, ông viết *Năm của Tết Mậu Thân 1968*, nghĩa là liên quan không nhỏ tới việc Sài Gòn thất thủ.

Tiếp, ông đồng cảm cùng những người bên trời lận đận nơi xứ người "Họ vẫn ra đi – Nhưng sao bước rã rời? – Họ có gì thất vọng?". Nhưng bất hạnh lớn của ông là Nhân văn Giai phẩm, nhưng bất hạnh còn lớn hơn của ông đã quẳng gánh Nhân văn Giai phẩm đằng sau lưng ký ức từ lâu, còn người đời thì vẫn ề lưng ra gánh mãi. Trong đó có người góp nhặt bên phố đông người qua. Nói cho ngay, người góp nhặt bên phố đông người qua chỉ làm công việc thu vén chữ nghĩa với ông qua sổ bụi "Em vút đi ngọn lửa – Ta từ bỏ kiếp rơm – Để đời sau không còn là sổ bụi". Không ngoài cái hạn hẹp muốn hoài niệm ông đồ xưa năm ấy, hồn ở đâu bây giờ.

Bước theo lối mòn những người viết trước và hai người bạn vừa rồi, người góp nhặt bên phố đông người qua lại lợ mọ theo ông những bước chân trên hè phố sau ba tháng tù, ngày về căn nhà cũ ông lặng lẽ: "Vào độ cuối đông, Hà Nội thu mình khép gió. Những tàn cây trơ trụi lá co ro trơ xương chống đỡ cơn may hiu hắt lạnh, mệnh mang nhớ, rưng rức đau nỗi niềm không tên gọi, có đây rồi lại vụt mất, chập chờn kéo hiện tại nhập vào một tiền kiếp không thể ngày một tiêu ma dấu vết. Tôi chống gậy, lao chao bước, đi không quay đầu lại. Tấm áo cánh trắng xóa con ngõ cũ, chiếc mũ len sùm sụp, một mình lê về đến phố xưa, chẳng gần, chẳng xa, để vào lòng tôi một nỗi man mác...".

Trong căn nhà góc phố ấy, ông có nhắc đến cái cửa sổ có chấn song, trước kia ông vẫn thường gác cái xe đạp ở cạnh bên. Ông dựa lưng vào tường, nâng cái điều cày rít sòng sọc, miệng chiêu ngậm nước chè, mắt nhắm, đầu khế ngật ra đằng sau. Và những vật bất ly thân trong căn phòng cũng không ngoài bộ ấm tích, cái điều cày và một ngọn đèn Hoa Kỳ le lói chập chờn ngày cũng như đêm cùng những trống vắng.

Chẳng phải đợi đến Phạm Thị Hoài, năm 1958, Hội nhà văn đã mảy mò vẽ vóc dáng ông: "...là giặc bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đòi trụ, chủ nghĩa...đầu hàng, làm phản". Trước đó có người hỏi ông qua thời Nhân văn, ông tự thấy được cái gì nhiều nhất? Ông đáp: "Được cái hơan nạn". Và tiếp: "Kết quả hình phạt với một người lại có thể là một quà tặng không ngờ tới bao nhiêu người khác...". Hoặc cay đắng: "Tôi có thể mặc thây ngàn tiếng chửi tục tằn, trừ tiếng chửi sống không sáng tạo". Sau khi mất, ông lại bị trì chiết với cuốn *Ghi 1954-1960*, như một hình phạt. Thế nhưng có mấy ai đọc đằng sau những con chữ của bà Phạm Thị Hoài để hiểu...ông.

Ghi trang 439, ông không chối bỏ: “Ai chẳng có những lúc nhụt chí, yếu xiù, hèn đi, quy thuận, và thậm chí đôi khi van lơn chạy tội”. Vậy mà sau năm 1961, cứ thế ông viết. Một mình. Không độc giả. Chính cái sự rất người là yếu, hèn, để từ hơan nạn đầv đưa ông viết về cái rất người của những con người. Ông viết, cứ viết. Biết bao giờ in? Há chi! Không cần, viết là cái nghiệp. Nén tắt, đèn tàn, chỉ còn lại dăm cây nhang cháy đến gốc, không còn cái mùi ngát ngậy gây mê trên bàn thờ nơi thần tượng vừa sụp đổ. Vì thế khi tới Huế, Hoàng Phủ Ngọc Tường báo Sông Hương, ốm ở hỏi ông về thời kỳ quy thuận, chạy tội: “Theo anh, nhân cách nhà văn quan trọng ở chỗ nào”. Ông nhếch mép trả lời: “Nhân cách nhà văn chính là văn cách của anh ta”.

Ngay như bà Phạm Thị Hoài một lần đã thổ lộ: “Tôi được ông ưu ái khi vừa mới mon men vào nghề, phần khởi lắv, nhưng những lời đe của ông sau này mới thực cho tôi những bài học càng lâu càng ngấm. Tôi thuộc lớp trẻ nợ ở ông một lòng ưu ái, mang theo lời đúc kết của ông: *Nhân cách nhà văn chính là văn cách của anh ta*. Tôi hiểu tôi phải có được một văn cách”.

Trở lại với nhóm biên tập báo Sông Hương, ông tiếp: “Thế hệ trẻ à, tôi cứ đợi mãi. Tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn thời tiền chiến”. Qua Ghi, ông dẫn giải: “Chết: có những cái chết xương tan thịt nát. Có những cái chết sâu trong lòng. Tôi sợ cái chết ngay còn đang sống”. Để người góp nhặt bên phố đông người qua có một ý nghĩ nhập nhòa với năm mươi năm trước, ba trăm năm sau, không một ai có đủ tâm vóc và kích thước để chôn...sống một người như ông. Thêm ý nghĩ rời rạc: Giả dụ như lưỡi dao không cùn, nó cắt, xọv một cái, đứt cổ để chúng ta mất đi một...anh hùng. Thế nhưng nghĩ cho ngay không ai có quyền bắt người khác làm anh hùng...thay mình với cái chết. Vì cái chết cao đẹp đến đâu chẳng nữa, không thể đổi lấy sự sống. Nhất là lại sống để nhả tở nuôi đời...như ông.

Ừ thì cứ tạm bám víu vào phương thức ghi chép sử của sử học, với những sự kiện cùng thăng trầm của một thời đại, phải đợi 60 năm sau mới nên mang vào sử sách. Với một kiếp nhân sinh qua văn học sử cũng vậy, đâu đó có một câu chữ Hán, nôm na là hãy đợi đóng nắp quan tài lại, đợi hương tàn khói lạnh hãy râm ran. Thế nhưng người góp nhặt bên phố đông người qua lại lú lẫn, phải nhờ vả đến bạn bè tứ phương tám hướng, gọi như gọi dò sang sông. Qua vắng gió điều hiu, ông bạn già thì thảo cho hay câu ấy là: *Cái quan định luận...*

Qua đường, không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Nghĩ quẩn với một ngàn năm trước và thêm một trăm năm sau nữa...Mây vẫn bay qua, ngày vẫn trôi đi, học theo bà nhà văn đang luân lạc trên, nghĩ cho cùng ai là người đầy chữ để làm cái chuyện cái quan định luận đây. Đã bao nhiêu mùa gió thổi, cho đến một đêm mưa, mặc kệ cho gió mưa choàng lên kinh kỳ ...Kẻ hậu sinh chẳng dám học đòi người muôn năm cũ Tùng niên Phạm Đình Hồ với *Vũ trung tùy bút* qua những tang thương ngẫu lục. Trong đêm mưa giữa lòng phố thị gió tạt mưa sa, người góp nhặt bên phố đông người qua xin thành kính thấp nén hương lòng đến *Sổ bụi*, người muôn năm cũ qua những năm tháng: 1926-1997.

Thạch trúc gia trang
Lập xuân, Tân Mão 2011
Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

Nguồn: Lê Thiếu Nhơn, *Tường Hương*,
Nguyễn Hải Chí tậv Chóv.

Tất cả tranh tự phác họa được góp nhặt từ tuyển tập “Thor” ông vẽ vào thập niên 60.

